

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRỊNH THỊ KIM THOA

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI
PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Chủ tịch Hội đồng xác nhận

PGS.TS. Đặng Quang Định

Hà Nội – 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRỊNH THỊ KIM THOA

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI
PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

**NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ**

Mã số: 92 29 002

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Hoàng Thị Kim Oanh



2. TS. Hoàng Thu Trang



Hà Nội – 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nêu trong luận án là trung thực; có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Trịnh Thị Kim Thoa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1_TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	7
1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LÝ LUẬN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ.....	7
1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM NÓI CHUNG, Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM NÓI RIÊNG.....	19
1.3. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM NÓI CHUNG, Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM NÓI RIÊNG.....	29
1.4. KHÁI QUÁT GIÁ TRỊ NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TỔNG QUAN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	39
Chương 2_BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY –_MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	47
2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ	47
2.2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM – QUAN NIỆM, CHỦ THỂ, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC	63
2.3. NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY	80

Chương 3 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN.....	89
3.1. THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY	89
3.2. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY	132
Chương 4 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY	153
4.1. ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ	153
4.2. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC	163
4.3. TĂNG CƯỜNG SỰ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CHỦ THỂ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC	173
4.4. TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC	178
KẾT LUẬN	192
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	196
TÀI LIỆU THAM KHẢO	198
PHỤ LỤC	212

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Bảo vệ môi trường trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế đang là mối quan tâm lớn hiện nay của nhiều quốc gia. Bởi lẽ, môi trường chính là nền tảng cơ bản của sự sống và sự phát triển kinh tế của mọi quốc gia. Giữa môi trường và phát triển kinh tế có mối quan hệ biện chứng với nhau. Môi trường cung cấp các nguồn lực thiết yếu, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế cũng sẽ tạo ra những tiền đề, điều kiện vật chất để thực hiện và nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, quá trình thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế, rất dễ rơi vào tình trạng khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên và gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, một trong những bài toán khó đang đặt ra hiện nay đối với các quốc gia, vùng miền, nhất là các quốc gia, vùng miền có mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững là làm sao để có thể thúc đẩy phát triển kinh tế mà vẫn gìn giữ, bảo vệ được môi trường.

Tại Việt Nam, sau gần 40 năm đổi mới, công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam đã có những bước chuyển mạnh mẽ khi đất nước đã vượt qua ngưỡng thu nhập trung bình thấp và đang vươn lên mạnh mẽ mức thu nhập trung bình cao với mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước công nghiệp hiện đại. Cùng với quá trình phát triển kinh tế mạnh mẽ, rất nhiều vấn đề xã hội đã nảy sinh cần giải quyết, trong đó vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là một vấn đề nổi bật. Những sự cố môi trường như FOMORSA, các cơn bão nhiệt đới và lũ lụt hay vụ chặt phá rừng Tân Lĩnh, nguy cơ nước biển dâng do biến đổi khí hậu,... cho thấy mức độ phức tạp và tác động mạnh mẽ, lâu dài của vấn đề bảo vệ môi trường, có nguy cơ uy hiếp cả sự sinh tồn của con người và cả dân tộc. Đây không phải là lời cảnh báo mà đã trở thành nguy cơ thực sự hiện hữu mà chúng ta đang nỗ lực giải quyết, khắc phục nhằm tạo ra mối quan hệ hài hòa biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Lấy bảo vệ môi trường sống và sức

khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” [43, tr.116-117], tuyệt đối không thể đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế.

Khu vực trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam có rất nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế, tuy nhiên đây cũng là khu vực còn tập trung những khó khăn trong phát triển kinh tế khi một số địa phương còn có tỷ lệ nghèo cao trên cả nước. Điều này mâu thuẫn với những tiềm năng phát triển của chính khu vực này. Do đó, vấn đề đẩy mạnh phát triển kinh tế là một trong những nội dung trọng tâm trong đường lối, chính sách phát triển đối với khu vực quan trọng này. Cũng chính vì vậy, việc quá tập trung cho phát triển kinh tế khiến đôi lúc, đôi chỗ ở một số địa phương đã để xảy ra những sự cố môi trường, xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của địa phương nói riêng và đất nước ta nói chung. Mặt khác, việc kết hợp bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững chưa thực sự rõ nét. Thực trạng đó khiến cho các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay đang phải đối diện với bài toán nan giải giữa giải quyết mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, đòi hỏi cần có những giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

Với những lý do đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay*** làm đề tài luận án tiến sĩ triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích trên, luận án cần thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.
- Phân tích một số vấn đề lý luận bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.
- Phân tích thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay và nguyên nhân của thực trạng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian nghiên cứu: Luận án nghiên cứu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở 14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam theo Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 20/04/2022 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch Vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình.
- Về nội dung nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các chủ thể có vai trò quan trọng, liên quan trực tiếp đến vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như: các chủ thể lãnh đạo, quản lý; doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.
- Về thời gian nghiên cứu: Luận án nghiên cứu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam từ năm 2004 đến

nay khi có Nghị quyết số 37-NQ/TW về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2010. Luận án tập trung nghiên cứu những số liệu trong những năm gần đây để đảm bảo tính cập nhật về số liệu.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử với các phương pháp chủ yếu như:

+ *Phương pháp lịch sử và lôgic*: Phương pháp này được sử dụng trong luận án để nhằm phân tích, luận giải làm rõ khái niệm, nội dung, phương thức bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

+ *Phương pháp khái quát hóa và trừu tượng hóa*: Phương pháp này được sử dụng nhằm xác định đối tượng, phạm vi nghiên cứu và áp dụng trong tất cả các phần của luận án. Mục tiêu là loại bỏ những vấn đề riêng lẻ, những biểu hiện ngẫu nhiên không cần thiết để tìm hiểu về bản chất của vấn đề nghiên cứu.

+ *Phương pháp phân tích và tổng hợp*: Phương pháp phân tích giúp cho nghiên cứu sinh làm rõ được các vấn đề nghiên cứu cụ thể. Sau khi phân tích, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp để khái quát, hệ thống hóa các vấn đề đã được nghiên cứu, từ đó rút ra kết luận và đề xuất các giải pháp thích hợp

- Luận án kết hợp một số phương pháp nghiên cứu của các khoa học khác như *phương pháp thống kê, phân tích số liệu thứ cấp*: được sử dụng trong chương 1 và 3 của luận án nhằm tổng hợp, đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề

tài và thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đặc biệt là các nội dung của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh này.

Luận án đi sâu phân tích những kết quả đạt được cũng như hạn chế của thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đồng thời làm rõ nguyên nhân của thực trạng tổ chức thực hiện, triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.

Luận án đã đề xuất được một số giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận án

- Về mặt lý luận: Luận án góp phần bổ sung, làm sáng tỏ hơn các vấn đề lý luận về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

- Về mặt thực tiễn:

Luận án đánh giá thực trạng hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay; chỉ ra những nguyên nhân của thực trạng ấy, đồng thời đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp luận cứ khoa học giúp các nhà quản lý có thêm cơ sở để hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của luận án cũng có giá trị tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu ở các học viện, các trường đại học, những người quan tâm tới vấn đề triết học môi trường.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm có 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LÝ LUẬN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Đề cập đến khái niệm môi trường có nhiều các định nghĩa xuất phát từ các góc độ tiếp cận khác nhau, trong đó đáng lưu ý là một số định nghĩa được nêu ra trong các công trình: *Môi trường tự nhiên trong hoạt động sống của con người* [85]; *Tai biến môi trường* [24]; *Cơ sở khoa học môi trường* [56], ... Các tác giả của các công trình này về cơ bản đều cho rằng môi trường tự nhiên chính là tổng hòa các yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội xung quanh con người, tác động trực tiếp tới các hoạt động đời sống của con người.

Khái niệm “bảo vệ môi trường” bắt đầu được hình thành vào thế kỷ XX, đặc biệt trong các quốc gia có nền công nghiệp phát triển. Trong các nghiên cứu của các tác giả như Lê Huy Bá [4], Nguyễn Văn Phúc [93], bảo vệ môi trường là các chính sách, chủ trương, biện pháp nhằm khai thác tự nhiên một cách hợp lý đồng thời ngăn chặn hậu quả xấu của con người đối với môi trường, các sự cố môi trường do con người gây ra. Luật bảo vệ môi trường năm 2020 xác định: “Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu” [98].

Nghiên cứu về kinh tế có các quan điểm của các nhà triết học phương Đông và các nhà triết học phương Tây. Các nhà tư tưởng đều thống nhất cho rằng kinh tế là công việc quản lý đời sống của con người nhằm đạt tới hiệu quả cao nhất trong sản xuất. Quan điểm của các nhà triết học Mác – Lênin [66, tr.173] khẳng định kinh tế là những cách thức và phương thức tiến hành sản xuất cũng như trao đổi sản phẩm giữa con người với con người.

Các nghiên cứu của các tác giả và nhóm tác giả như Gillis [146], Vòng Thành Nam [87] đều khẳng định phát triển kinh tế là sự phát triển và thay đổi mọi mặt

của nền kinh tế theo chiều hướng phát triển đi lên trong một khoảng thời gian nhất định.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn chú trọng và tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ sức khỏe của nhân dân và đảm bảo quyền con người được sống trong môi trường sạch sẽ, đồng thời thúc đẩy phát triển bền vững của đất nước trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đã có nhiều văn bản pháp luật được ban hành như Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15-11-2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [6]; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường [7]; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [26]; Luật Bảo vệ môi trường [98]..., trong đó Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh các vấn đề về môi trường, bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế đã trở thành một trong những chủ đề được thảo luận nhiều ở cả trong và ngoài nước. Có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Những công trình này tập trung làm rõ mối quan hệ giữa việc bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế, cảnh báo những hậu quả khôn lường của việc phát triển kinh tế mà không chú ý tới vai trò của bảo vệ môi trường của con người. Dưới dạng các cuốn sách kinh điển, chuyên khảo hay tham khảo về lý luận bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế có thể kể đến một số tài liệu tiêu biểu như:

Trong Báo cáo *Limits to Growth* (Dịch là: Giới hạn tăng trưởng) (1972) của các thành viên câu lạc bộ Roma đã đưa ra những cảnh báo nghiêm trọng về tình trạng ô nhiễm môi trường, nguy cơ nóng lên toàn cầu, thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp cũng như sinh hoạt hàng ngày của con người, cũng như nguy cơ nạn đói đe dọa ở nhiều nơi trên thế giới [143]. Mặc dù có một số ý kiến cần thảo luận, nhưng báo cáo này đã chỉ ra các hiểm họa môi trường chủ

yếu đều do sự can thiệp của con người, do việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên không hợp lý, thiếu tính khoa học, chạy theo lợi nhuận trong phát triển kinh tế khiến cho môi trường tự nhiên bị tàn phá nặng nề và hủy hoại hệ sinh thái ở nhiều vùng trên thế giới. Vấn đề này chỉ có thể được giải quyết triệt để thông qua việc thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi ứng xử của con người với môi trường tự nhiên theo hướng gắn mọi hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.

Cuốn sách *Natural Resource Conservation: Management for a Sustainable Future* (Dịch là: Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên: Sự quản lý cho một tương lai bền vững) (1994) trình bày nhiều chủ đề đa dạng: sinh thái, kinh tế, đạo đức, địa hình, đất, thủy văn, ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, đa dạng sinh học..., tác giả Daniel.D.Chiras chỉ rõ vai trò của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Theo đó, tác giả cũng khẳng định, để phát triển kinh tế - xã hội bền vững cần đưa ra các chính sách và thực hành sinh thái cần thiết nhằm bảo tồn các nguồn tài nguyên nước, môi trường đất, bảo tồn thủy sản, quản lý rừng, quản lý động vật và động vật hoang dã, quản lý chất thải bền vững, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu toàn cầu, sự lắng đọng axit và sự suy giảm tầng ôzôn, khoáng sản... [142].

Trong cuốn *Môi trường sinh thái – Vấn đề và giải pháp* (1997), tác giả Phạm Thị Ngọc Trâm phân tích dưới góc độ triết học – xã hội vấn đề môi trường sinh thái. Việc con người khai thác thiên nhiên một cách bừa bãi, lực lượng sản xuất phát triển không gắn liền với những giá trị đạo đức đã đặt con người ngày càng đối lập với giới tự nhiên. Xuất phát từ góc độ triết học Mác - Lênin, tác giả trình bày một số vấn đề lý luận về vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay như: 1. Thực chất của vấn đề môi trường sinh thái hiện nay và những vấn đề cấp bách được đặt ra trước thời đại trong lĩnh vực này; 2. Tính thống nhất vật vật chất của thế giới là cơ sở thống nhất biện chứng giữa con người, xã hội và tự nhiên; 3. Về sự phụ thuộc của mối quan hệ giữa con người và tự nhiên vào trình độ phát triển của xã hội; 4. Sự điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa

con người, xã hội và tự nhiên. Những luận giải của tác giả xuất phát từ việc xem xét giải quyết vấn đề môi trường sinh thái, từ mối quan hệ giữa con người (xã hội) và tự nhiên, đặc biệt là vai trò ngày càng to lớn của con người trong việc biến đổi tự nhiên và trong giai đoạn hiện nay là khắc phục những mặt tiêu cực của các hoạt động kinh tế, làm thế nào để con người sống hài hòa với tự nhiên không gây tổn hại đến tự nhiên trong quá trình phát triển kinh tế [108].

Trong cuốn *Nóng, Phẳng, Chật*, (2009) [51] tác giả Thomas L. Friedman đã đưa ra những phân tích về tình trạng phát triển kinh tế dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng về môi trường. Tác giả Thomas L. Friedman, chỉ ra rằng một trong những thách thức lớn nhất của nước Mỹ cũng là thách thức lớn nhất của toàn thế giới: “Sự nóng lên của trái đất,... khiến cho hành tinh này có thể rơi vào trạng thái bất ổn đầy nguy hiểm. Đặc biệt, trái đất nóng bức, bằng phẳng và chật chội đang thúc đẩy quá trình tuyệt chủng của động thực vật, nhấn sâu thêm tình trạng thiếu nhiên liệu, củng cố vai trò thống trị của dầu mỏ và làm gia tăng biến đổi khí hậu” [51, tr.12]. Từ khi loài người bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp cho đến nay, con người đã phá bỏ rừng nguyên sinh xây dựng nhà máy, các loại tài nguyên không tái tạo như than đá, dầu mỏ, khí đốt từng được cho là vô tận, nhưng ngày nay ngày càng cạn kiệt. Các ngành công nghiệp như nhiệt điện, luyện kim, chế biến nhựa,... ở nhiều nước nhất là các nước đang phát triển vận hành với công nghệ lạc hậu, thải ra môi trường các loại rác thải chưa được xử lý càng làm trầm trọng vấn đề ô nhiễm môi trường. Chiến tranh cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Việc sử dụng các loại vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng, vũ khí nguyên tử gây ra tình trạng phá hủy hệ sinh thái, nhân loại và sự sống. Tác giả nhấn mạnh nỗ lực bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái đang suy thoái nhanh chóng trên thế giới như rừng, sông ngòi, thảo nguyên và đại dương cùng với các loài động thực vật đa dạng trong hệ sinh thái đó. Mặc dù cuốn sách được xuất bản từ năm 2009, nhưng những vấn đề mà ông nhắc tới như cung cầu năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, vai trò thống trị của dầu mỏ, biến đổi khí hậu, nghèo năng

lượng và mất đa dạng sinh học vẫn còn "nóng hổi" và rất thời sự trong giai đoạn hiện nay.

Trong cuốn sách *Vấn đề môi trường trong phát triển và quản lý xã hội theo hướng bền vững ở Việt Nam* (2011) [102], nhóm tác giả Hà Huy Thành, Lê Cao Đoàn đã phân tích một cách tổng quát rằng tài nguyên môi trường là cơ sở nền tảng của sự phát triển kinh tế, nó cung cấp cơ sở và điều kiện vật chất tất yếu cho sự sống, sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Mặt khác, tài nguyên môi trường luôn được đặt trong hệ kinh tế - xã hội nhất định, do đó chúng luôn chịu tác động của con người và xã hội loài người, chịu sự chi phối của các quy luật phát triển kinh tế xã hội. Vì thế, phát triển, tăng trưởng kinh tế trong mối quan hệ với vấn đề bảo vệ môi trường chính là phương thức để phát triển bền vững với mẫu chốt là kinh tế tăng trưởng nhanh và lâu bền, xã hội tiến bộ, công bằng; môi trường được duy trì, bảo vệ và tái sản xuất những giá trị thích ứng. Các tác giả cũng tiến hành tổng kết kinh nghiệm quản lý sự phát triển kinh tế - xã hội trong mối quan hệ với bảo vệ môi trường ở một số quốc gia đã gặt hái được những thành công nhất định như New Zealand và Trung Quốc.

Cuốn *Quan hệ giữa chất lượng tăng trưởng kinh tế và quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Hàm ý chính sách cho Việt Nam* của nhóm tác giả Đinh Đức Trường cho rằng giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với bảo vệ tài nguyên. Tài nguyên thiên nhiên là một trong những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Vì vậy, cần phải hạch toán tài nguyên vào hệ thống tài khoản quốc gia, sự suy giảm trữ lượng của tài nguyên phải được tính vào tài khoản khấu hao như các tài sản cố định khác. Ngoài ra, những phí tổn bỏ ra để khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường cũng phải được tính là một dạng đầu vào của nền kinh tế. Do đó, trong hạch toán của doanh nghiệp cần được tính thêm phần đóng góp của môi trường cũng như phần kinh phí bỏ ra để bù đắp cho những tổn hại của môi trường [112, tr.273]. Nếu các doanh nghiệp khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách lãng phí, dẫn tới cạn kiệt nguồn tài nguyên môi trường thì cũng có nghĩa họ đang làm tăng thêm chi phí đầu vào cho hệ thống hạch toán kinh

tế của doanh nghiệp đồng thời làm mất dần đi nguồn lực vô cùng quan trọng quyết định tới sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

Tác giả Lưu Quân Hội, Vương Giai trong cuốn sách *Môi trường Trung Quốc* [65] cho rằng Trung Quốc là quốc gia đang phát triển có dân số đông nhất thế giới, với đất đai rộng lớn, điều kiện khí hậu, địa hình phức tạp. Từ cuối thập niên 70 của thế kỷ XX trở lại đây, nền kinh tế Trung Quốc phát triển vượt bậc nhưng bên cạnh đó, Trung Quốc phải đối mặt với những vấn đề quan trọng như môi trường, tài nguyên. Dân số đông cùng với điều kiện tự nhiên phức tạp đã khiến cho việc bảo vệ môi trường của Trung Quốc gặp phải những thách thức to lớn. Hiện nay, Trung Quốc đang trong giai đoạn phát triển nhanh chóng của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa; đây cũng là thời kỳ mâu thuẫn xung đột xảy ra giữa vấn đề tăng kinh tế và bảo vệ môi trường. Đã có sự chuyển biến tích cực trong tư duy các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế: một là, trước đây xem trọng kinh tế, coi nhẹ bảo vệ môi trường, giờ chuyển đổi thành bảo vệ môi trường song song với tăng trưởng kinh tế; hai là, trước đây việc bảo vệ môi trường tụt hậu so với kinh tế, giờ đã chuyển đổi thành bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển kinh tế. Trung Quốc kiên trì đi theo con đường phát triển tiết kiệm, phát triển an toàn, phát triển sạch sẽ và phát triển liên tục. Chính phủ Trung Quốc hướng tới xây dựng văn minh sinh thái để bảo vệ môi trường. Việc tập trung vào bảo vệ môi trường, xây dựng văn minh sinh thái ở Trung Quốc cũng chính là một trong những trụ cột quan trọng thúc đẩy hiện đại hóa của Trung Quốc trong việc thực hiện chung sống hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Hơn nữa, xây dựng văn minh sinh thái cũng chính là cơ sở cho sự phát triển chất lượng cao ở Trung Quốc gắn với phát triển xanh hoá nền kinh tế, bảo đảm sự phát triển bền vững.

Cuốn *Nhà nước Việt nam với vấn đề bảo vệ môi trường (trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn)* của tác giả Lê Thị Thanh Hà (2013) [52], đã phân tích những đặc điểm cơ bản của nước ta hiện nay là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn với cơ chế thị trường, mở

cửa và hội nhập. Tác giả khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa môi trường và phát triển kinh tế. Trong quá trình phát triển phải chú trọng tới cả môi trường và kinh tế. Nếu quá nhấn mạnh đến tăng trưởng kinh tế thì môi trường bị phá vỡ, bị tổn thương, ngược lại, vì mục đích bảo vệ môi trường mà không khai thác tài nguyên và môi trường thì dẫn đến nguồn tài nguyên bị lãng phí, lãng quên mà xã hội cũng không phát triển được. Vì vậy, ngày nay để đảm bảo sự cân bằng giữa chinh phục, khai thác với duy trì, gìn giữ môi trường chúng ta cần tập trung giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và ở Việt Nam, cũng chính là giải quyết mối quan hệ giữa quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với bảo vệ môi trường. Để giải quyết mối tốt quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế, tác giả nhấn mạnh vai trò của Nhà nước với việc bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tác giả Phạm Thị Oanh trong cuốn sách *Mối quan hệ con người - tự nhiên và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay* (2013) [91], đã luận giải mối quan hệ con người - tự nhiên trong lịch sử nói chung và quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin nói riêng. Từ đó, tác giả đi đến phân tích quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phát triển bền vững với ba trụ cột: tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, làm rõ hiện trạng mối quan hệ con người - tự nhiên vì phát triển bền vững ở Việt Nam trong tương lai trên tất cả các mặt, các phương diện của sự phát triển.

Cuốn sách *Silent Spring* (Dịch là: Mùa xuân vắng lặng) (2021) của nhà sinh học người Mỹ Rachel Carson - tác phẩm được coi là một cột mốc đánh dấu sự quan tâm đến vấn đề phát triển môi trường sống của con người, đặc biệt là từ nửa sau thế kỷ XX, khi sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật làm cho năng suất lao động tăng lên nhưng đồng thời cũng khiến môi trường ngày càng trở lên ô nhiễm hơn. Cuốn sách với 17 chương đã đưa ra những hiểu biết sâu sắc của tác giả về các loại thuốc trừ sâu và những tác hại khủng khiếp của chúng đối với môi trường và sức khỏe con người, đồng thời trình bày một lối đi mới cho nền nông

ngành toàn cầu trên cơ sở sử dụng các chất diệt côn trùng một cách cân nhắc và có kiểm soát đồng thời áp dụng các biện pháp trừ sâu thân thiện với môi trường tự nhiên. Tác giả cũng buộc tội ngành công nghiệp hóa chất phát tán những thông tin sai lệch, còn các quan chức nhà nước thì đồng thuận các tuyên bố tiếp thị của ngành công nghiệp này mà không mảy may ngờ vực [23].

Cuốn sách chuyên khảo *Bảo vệ môi trường kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam* (2023) [89] của nhóm tác giả Trần Thị Thu Nga, Đoàn Thị Thúy Loan. Các tác giả cho rằng “Hiện nay, môi trường toàn cầu đang phải đối mặt với những thách thức phức tạp như: biến đổi khí hậu, ô nhiễm, đa dạng sinh học bị suy giảm, tài nguyên khoáng sản đang bị khai thác cạn kiệt... dẫn đến mất cân bằng hệ sinh thái trên trái đất, gây ra những tác động xấu đến con người và các loài sinh vật”. Cuốn sách đã cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường, công tác bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo vệ môi trường của một số quốc gia trên thế giới như Singapore, Thái Lan, Nhật Bản, Canada, Thụy Điển, Ba Lan và Việt Nam. Từ việc nghiên cứu thực tiễn công tác bảo vệ môi trường của một số quốc gia trên thế giới, các tác giả rút ra bài học cho công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh những cuốn sách nêu trên, bàn đến lý luận bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế còn phải đề cập đến một số bài viết tiêu biểu được đăng tải trên các báo, tạp chí, chẳng hạn như:

Tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn với loạt bài nghiên cứu chuyên sâu và có hệ thống liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế như: *Chủ động đề phòng nạn ô nhiễm môi trường trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* (1977) [28]; *Tăng trưởng kinh tế và những bảo đảm cần có nhằm duy trì môi trường cho sự phát triển lâu bền* (1992) [29]; *Suy ngẫm lại những lời của tiền nhân nhìn từ vấn nạn ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay* (2018) [30]; *Vấn nạn ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái và sự cần thiết phải xây dựng tư duy văn minh sinh thái* (2021) [31]... Qua những bài viết này, tác giả chỉ rõ: không phải đến giai đoạn hiện nay, vấn đề môi trường mới được quan tâm. Ngay

từ thế kỷ XIX, Ph.Ăngghen đã cảnh báo con người về những tác hại của việc phát triển kinh tế mà không chú ý đến môi trường. Trong lịch sử xã hội từng có những nền văn minh một thời phát triển rực rỡ, huy hoàng, nhưng đã phải tiêu vong do sự tác động quá mức của con người đối với môi trường tự nhiên. Điển hình trong số đó là nền văn minh Mayas mà “lý do làm cho nền văn minh này sụp đổ sau hơn 15 thế kỷ hưng thịnh là nền độc canh và đốt rừng tràn lan để lấy đất làm rẫy. Cả hai phương thức đó làm cho đất đai bạc màu, gây hạn hán, lụt lội và phá hủy mùa màng. Vì vậy, đền đài đồ sộ của người Mayas còn đó nhưng có gì để nuôi sống họ nữa đâu. Thế là một trang sử đã bị lật qua và người Mayas phải chịu cảnh phiêu bạt, bị đế quốc khác thống trị” [28, tr.127]. Từ đây, tác giả khẳng định rằng, muốn tồn tại và phát triển một cách bền vững, lâu dài, con người buộc phải có nhận thức đúng về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường tự nhiên và phải có những hành động thiết thực để chủ động ngăn ngừa, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trên cơ sở gắn chặt quá trình phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường tự nhiên.

Tác giả Nguyễn Đình Hòa trong bài viết *Quan niệm của Chủ nghĩa Mác về quan hệ giữa con người với tự nhiên và vấn đề tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường toàn cầu hiện nay* (2018) [61, tr.21-23] đã phân tích và khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa con người và tự nhiên, bày tỏ sự gắn bó hữu cơ và tiến hoá đồng bộ giữa hai yếu tố này. Tuy nhiên, trong một khoảng thời gian dài, nhiều quốc gia trên thế giới đã bỏ qua vấn đề này và thực tế đã phải chịu hậu quả của việc áp dụng mô hình tăng trưởng kinh tế truyền thống. Mô hình này chủ yếu dựa vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên và sử dụng năng lượng từ các nguồn hoá thạch, điều này dẫn đến sự ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, suy giảm chất lượng sống và các vấn đề môi trường khác, gây nguy hiểm trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, việc thúc đẩy tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trở thành một ưu tiên cấp bách, dựa trên nhận thức sâu sắc về mối quan hệ không thể tách rời giữa con người và tự nhiên. Điều này đồng nghĩa với việc nhận ra tầm quan trọng của môi trường tự nhiên đối với cuộc sống và phát

triển của con người và xã hội. Đây không chỉ là một lựa chọn thông minh mà còn là một chiến lược phù hợp của xã hội đương đại trên phạm vi toàn cầu, nhằm đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững và bảo vệ môi trường. Điều này đã được những triết gia như C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ ra từ trước và ngày nay, nó được xem là một hướng đi không thể phủ nhận.

Tác giả Lê Thị Thanh Hà trong bài viết *Bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng* (2022) [53] đã khẳng định bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững là một trong những vấn đề được nhiều quốc gia quan tâm, trong đó có Việt Nam. Tác giả cũng chỉ rõ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đất nước trong đó có phát triển kinh tế có mối quan hệ mật thiết với nhau “Để thực hiện sự phát triển lâu bền, bảo vệ môi trường nhất thiết sẽ là một bộ phận cấu thành của quá trình phát triển và không thể xem xét tách rời quá trình đó” [53]. Điều này đã nói lên vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đất nước một cách bền vững.

Bài viết *Bảo đảm an ninh môi trường để phát triển bền vững kinh tế Việt Nam* của nhóm tác giả Nguyễn Thị Miên (2023) [83] đã làm rõ mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế. Tác giả cho rằng giữa môi trường và phát triển kinh tế là một mối quan hệ biện chứng. Môi trường là địa bàn và đối tượng của phát triển kinh tế, còn phát triển kinh tế là nguyên nhân gây ra các thay đổi của môi trường. Sự suy thoái của môi trường sẽ gây ra tác động tiêu cực trực tiếp đến sản xuất và cuộc sống của con người, gây ra tổn thất kinh tế và có thể dẫn đến nhiều thiên tai, dịch bệnh, gây ra sự bất ổn trong xã hội. Để đạt được phát triển kinh tế bền vững, tăng trưởng kinh tế cần phải đi đôi với việc bảo vệ, sử dụng tài nguyên môi trường một cách hợp lý và hiệu quả.

Lý luận về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cũng được quan tâm, phân tích, làm rõ trong một số luận án, cụ thể như:

Luận án *Kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường ở các tỉnh Bắc Trung bộ Việt Nam hiện nay* của tác giả Đỗ Trọng Hưng (2015) [68] đã phân tích, làm rõ được những yêu cầu của việc phải kết hợp tăng trưởng kinh tế với vấn đề

bảo vệ môi trường, cụ thể như: bảo vệ môi trường hợp lý là cơ sở để tăng trưởng kinh tế bền vững, tăng trưởng kinh tế hợp lý là cơ sở cho bảo vệ môi trường bền vững; cũng như nêu lên những nội dung của việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường như: trong quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường; khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý cho tăng trưởng kinh tế; phát triển công nghiệp, nông - lâm - ngư nghiệp trong mối quan hệ với bảo tồn, phát triển môi trường tự nhiên. Tác giả luận án cũng tập trung phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, cụ thể như: các nhân tố kinh tế; chính trị, văn hóa; khoa học và công nghệ; nhận thức của cán bộ, nhân dân, doanh nhân.

Luận án *Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường ở tỉnh Đồng Nai trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của tác giả Lê Ngọc Dũng (2022) [33] đã làm rõ những vấn đề lý luận chung về bảo vệ môi trường, tăng trưởng, phát triển kinh tế; đặc điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mối quan hệ giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Nhấn mạnh tầm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với sự phát triển kinh tế của đất nước, tác giả khẳng định công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một mặt giúp cho nhân loại đạt được những thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trước hết là chiến thắng nạn đói của mấy nghìn năm trước đây, bình quân hằng năm có tới hàng triệu người chết đói, sau đó là chiến thắng của những căn bệnh truyền nhiễm. Tuy nhiên, vì mục đích chạy theo lợi nhuận trước mắt của con người mà môi trường tự nhiên bị tàn phá nặng nề, đã phá hủy sự cân bằng sinh thái của trái đất. Do đó, phát triển kinh tế đòi hỏi phải giải quyết hài hòa mục tiêu kinh tế với mục tiêu sinh thái trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ không chỉ cho lợi ích trước mắt của thế hệ hôm nay mà còn lợi ích lâu dài của thế hệ tương lai. Tác giả đánh giá thực trạng quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường ở tỉnh Đồng Nai trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chỉ ra những nhân tố tác

động tới việc thực hiện quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường ở tỉnh Đồng Nai bao gồm: Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập quốc tế; Sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Luận án *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* của tác giả Nguyễn Thanh Hải (2023) [58] đã làm rõ một số vấn đề lý luận liên quan tới mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường. Tác giả cho rằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Mối quan hệ biện chứng này thể hiện ở chỗ: cơ sở nhận thức của việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế là mối liên hệ giữa con người và tự nhiên (tự nhiên không chỉ là nơi cung cấp năng lượng cho sự tồn tại và phát triển của con người mà còn là không gian diễn ra các hoạt động sống quan trọng khác của con người và xã hội, sự tác động của con người đến giới tự nhiên càng mạnh thì sự phụ thuộc của con người vào tự nhiên chẳng những không giảm đi mà ngày càng lớn). Con người không được phép chỉ khai thác mà không giữ gìn, bảo vệ môi trường, ứng xử với môi trường một cách thân thiện, phù hợp với quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và con người. Trên bình diện quốc tế và quốc gia, nếu chỉ tập trung vào một mặt mà xem nhẹ mặt còn lại, thì sẽ gây ra hậu quả tiêu cực đối với sự phát triển của quốc gia và xã hội. Nếu một quốc gia chỉ quan tâm đến tăng trưởng kinh tế mà bỏ qua môi trường, thì sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng ngược lại đến sự phát triển kinh tế và cuộc sống của nhân dân. Ngược lại, nếu quá tập trung vào bảo vệ môi trường mà không tận dụng tài nguyên cũng như cơ hội để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thì quốc gia và dân tộc đó cũng sẽ không thể phát triển toàn diện.

Như vậy, có thể thấy rằng, những công trình trên đã nêu lên cái nhìn khá toàn diện các vấn đề lý luận liên quan đến khái niệm bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế; mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên, hậu quả mà con người phải gánh chịu nếu hủy hoại tự nhiên để thỏa mãn các nhu cầu của mình, từ đó chỉ

ra vai trò của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế vì mục tiêu phát triển bền vững. Đây là những tài liệu tham khảo để nghiên cứu sinh kế thừa và triển khai những nội dung của chương 2 trong luận án.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM NÓI CHUNG, Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM NÓI RIÊNG

Trong cuốn *Economic growth and environmen* (Dịch là: Tăng trưởng kinh tế và môi trường) (1995) [145], nhóm tác giả Gene M.Grossman và Alan B.Krueger khẳng định, hiện nay tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển kinh tế. Bằng việc nghiên cứu 4 chỉ số của môi trường là chỉ số ô nhiễm không khí đô thị, chỉ số nồng độ ôxy ở các lưu vực sông, chỉ số ô nhiễm đáy của các lưu vực sông, chỉ số ô nhiễm lưu vực sông do kim loại nặng gây ra, các tác giả khẳng định nền kinh tế càng phát triển thì càng gây nguy cơ tiềm ẩn làm cho môi trường bị ô nhiễm nhiều hơn. Đặc biệt trong giai đoạn đầu của quá trình tăng trưởng kinh tế, môi trường bị tàn phá nghiêm trọng. Chỉ khi nền kinh tế phát triển hơn thì nhân loại mới quan tâm tới việc bảo vệ môi trường. Các tác giả cũng nhận định khi thu nhập GDP của một quốc gia vượt ngưỡng 8.000 USD/người/năm thì nền kinh tế sẽ tạo ra bước ngoặt trong bảo vệ môi trường, mức độ ô nhiễm và suy thoái môi trường được cải thiện dần dần.

Trong cuốn sách *Inviromental Sustainability and Services in Developing Global City- Regions in Scott* (Dịch là: Sự thiếu bền vững về dịch vụ môi trường tại các thành phố đang phát triển trên thế giới) của tác giả Panayotou. T (2001) [148] đã chỉ ra tình trạng phát triển kinh tế nhất là phát triển công nghiệp và phương tiện vận tải ở những nước đang phát triển song lại thiếu hụt các phương pháp bảo vệ môi trường. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ thì sự ô nhiễm môi trường ngày càng đáng báo động. Toàn cầu hóa không chỉ mang lại những cơ hội cho các quốc gia này mà còn gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường sống như ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí, suy giảm tài

nguyên khoáng sản,... và tình trạng biến đổi khí hậu trên toàn thế giới hiện nay. Tác giả tính toán thiệt hại hàng năm và tổn thất sản xuất do ô nhiễm môi trường gây ra đối với một quốc gia châu Á điển hình có thể rơi vào khoảng 5% GDP. Vì vậy, cần gắn trách nhiệm của cá nhân, doanh nghiệp, quốc gia với việc bảo vệ phát triển môi trường sống của nhân loại.

Bài viết *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững ở nước ta hiện nay* của Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Trang (2006) [101, tr.27-30] đã phân tích những tác động của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đối với môi trường. Trong thời gian qua, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt được nhiều thành tựu song quá trình tăng trưởng kinh tế để lại hậu quả là tình trạng ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt. Ô nhiễm môi trường chính là thách thức chính đối với tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa ở Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là 2 trong 10 tỉnh thành phố được điều tra có tỉ lệ ô nhiễm môi trường cao nhất, đặc biệt là ở các khu công nghiệp trọng điểm. Vì vậy, nếu Việt Nam không chú trọng đúng từ ban đầu đến việc bảo vệ môi trường tất yếu sẽ hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế và dẫn đến khả năng duy trì tăng trưởng chỉ trong thời gian ngắn, khó thực hiện phát triển bền vững.

Bài viết *Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục* của tác giả Trần Đức Hiến (2009) [60] đã trình bày tình trạng phát triển thiếu bền vững về môi trường ở Việt Nam. Theo tác giả, một trong những vấn đề gây bức xúc dư luận trong thời gian vừa qua là vấn đề ô nhiễm môi trường, chủ yếu là: ô nhiễm đất, ô nhiễm nước và ô nhiễm không khí. Trong ba loại ô nhiễm đó ở nước ta thì tình trạng ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, khu công nghiệp và làng nghề là nghiêm trọng nhất, mức độ ô nhiễm vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép. Tác giả chỉ ra 6 nguyên nhân chủ yếu của tình trạng ô nhiễm môi trường: Một là, những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng; Hai là, quyền hạn pháp lý của các tổ chức bảo vệ môi trường, nhất là của lực lượng cảnh sát môi

trường, còn những hạn chế, bất cập; Ba là, các cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt đối với các loại hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường còn thiếu và chưa đủ mạnh; Bốn là, các cấp chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác bảo vệ môi trường; Năm là, công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo về môi trường trong xã hội còn hạn chế; Sáu là, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế; phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn.

Bài viết *Bảo vệ môi trường ở nông thôn Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của tác giả Nguyễn Ngọc Sinh (2009) [99] nghiên cứu thực trạng môi trường nông thôn Việt Nam. Tác giả cho rằng môi trường nông thôn Việt Nam đang xuống cấp trầm trọng. Tình trạng sử dụng phân bón không đúng cách, đúng liều gây ô nhiễm môi trường, việc tồn đọng thuốc bảo vệ thực vật trong rau, củ và thuốc bảo vệ thực vật nhập lậu, ô nhiễm làng nghề,... diễn ra một cách phổ biến. Nguyên nhân của tình trạng này là do nhận thức của cộng đồng nông thôn về môi trường, bảo vệ môi trường còn thấp; tổ chức và đội ngũ quản lý môi trường nông thôn, các quy định pháp luật bảo vệ môi trường nông thôn còn thiếu.

Đề tài khoa học mang mã số KC.08.13/11-15 về *Nghiên cứu thực trạng tác động của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước* (2010) [104], các tác giả nhấn mạnh tình trạng ngập lụt, xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô trên diện tích hàng trăm nghìn ha tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và dọc vùng ven biển miền Trung tác động tới 1,5-2 triệu người. Các tỉnh Nam Trung bộ đứng trước thực trạng bị sa mạc hóa, gây ảnh hưởng không nhỏ tới ngành nông nghiệp vào mùa khô. Vấn đề phát triển bền vững về môi trường trở nên cấp bách.

Các tác giả Nguyễn Văn Thắng và cộng sự thuộc Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường với cuốn sách *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam* (2010) [140]. Cuốn sách đã phân tích thực trạng biến đổi khí hậu, tình hình biến

đổi khí hậu ở Việt Nam và những giải pháp ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Trong chương 6, các tác giả đã tập trung phân tích những tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu đến sự phát triển của các ngành kinh tế Việt Nam như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, y tế, du lịch cộng đồng trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam trong 50 năm (giai đoạn từ năm 1960-2009). Biến đổi khí hậu gây ra một loạt các hiện tượng như lũ lụt và dịch bệnh đối với cây trồng và vật nuôi; Hạn hán; Sạt lở đất; Xâm nhập mặn; Nhiệt độ tăng; Thời tiết cực đoan (không theo quy luật);.... Các hiện tượng này hiện nay đang diễn biến một cách phức tạp và tác động đến tất cả các lĩnh vực của kinh tế - xã hội (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, giao thông vận tải,...) diễn ra ở tất cả các tỉnh, thành của Việt Nam cũng như tác động đến cuộc sống và sức khỏe của cộng đồng. Con người dù sử dụng công nghệ cao đến đâu song cũng khó có thể khắc chế hoàn toàn tác động xấu từ biến đổi khí hậu đối với các ngành kinh tế, nhất là ở vùng ven biển và vùng miền núi nơi rừng đã bị suy giảm nghiêm trọng.

Trong cuốn sách *Environmental Science: a Global Concern* (Dịch là: Khoa học môi trường: Mối lo ngại toàn cầu), nhóm tác giả William P. Cunningham, Mary Ann Cunningham (2012) [147] đã nêu lên hiện trạng ô nhiễm môi trường do phát triển kinh tế ở tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay như tình trạng biến đổi khí hậu, tình trạng thiếu nước sạch, sự suy giảm đa dạng sinh học, những tác động của ô nhiễm môi trường tới sức khỏe của con người, vấn đề an ninh lương thực, bảo tồn đa dạng sinh học, sự hồi phục của hệ sinh thái, xử lý rác thải độc hại, thực trạng đô thị hóa tại các thành phố lớn, thực trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên như: không khí, nguồn nước.

Cuốn *Môi trường và phát triển bền vững* của tác giả Lê Văn Khoa và các cộng sự (2016) [74] đã phân tích hiện trạng những vấn đề tài nguyên và môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế - xã hội, các nội dung phát triển bền vững và nhiệm vụ phát triển bền vững ở các địa phương nhằm thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững ở nước ta. Ở chương

3, tác giả đã phân tích những thách thức về biến đổi khí hậu mà con người gặp phải như El Nino, La Nina, Enso và những tác động tới các ngành kinh tế như lâm nghiệp, thủy sản và nghề cá, năng lượng và giao thông, nông nghiệp. Đặc biệt, tác giả dành một thời lượng trang viết khá lớn để phân tích những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu tới ngành kinh tế nông nghiệp và nông thôn – một ngành kinh tế bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các hiện tượng biến đổi khí hậu như sự mất đất, sự mất đa dạng các hệ sinh thái nông nghiệp, hiện tượng xói mòn, rửa trôi đất, tình trạng hạn hán, sa mạc hóa ở Việt Nam,...

Cuốn *Ô nhiễm môi trường* của tác giả Đinh Văn Châu (2017) [25] đã cung cấp nhìn tổng quan về hiện trạng môi trường quốc gia trong giai đoạn 2010-2015, nhận định, đánh giá về công tác quản lý môi trường, những việc đã làm được, những thách thức tồn tại đã và đang đặt ra để đưa ra những khuyến nghị, giải pháp trong thời gian tới. Tác giả cho rằng giai đoạn 2010 - 2015, mặc dù nền kinh tế nước ta đã chịu những ảnh hưởng không nhỏ của suy thoái kinh tế thế giới, tuy nhiên các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội vẫn tiếp tục và gây nhiều sức ép lên môi trường. Chất lượng môi trường nhiều nơi vẫn đang tiếp tục bị suy giảm. Ô nhiễm bụi vẫn tiếp tục duy trì ở ngưỡng cao tại nhiều đô thị. Ô nhiễm nước không chỉ còn tập trung ở các khu vực hạ lưu, các đô thị, khu vực sản xuất mà đã xuất hiện ở một số khu vực thượng nguồn, vùng nông thôn. Các sự cố môi trường, đặc biệt là các sự cố do xả thải chất thải công nghiệp đang có xu hướng gia tăng cả về số lượng và mức độ ảnh hưởng. Nguy cơ ô nhiễm, suy thoái đất cùng với vấn đề chuyển đổi mục đích sử dụng đất không hợp lý đã gây tác động tiêu cực đến môi trường đất. Bên cạnh đó, diễn biến biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường xuyên biên giới ngày càng phức tạp và khó lường.

Cuốn sách *Vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay* của tác giả Nguyễn Thị Nga (2018) [88] đã làm rõ thực trạng môi trường tự nhiên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay. Tác giả cho rằng, do yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, con người ngày càng khai thác và tận dụng nguồn đất đai, nguồn nước,

khoáng sản, rừng... Những hoạt động trên đã làm ô nhiễm và suy thoái nghiêm trọng môi trường tự nhiên, đang phá hủy cân bằng tự nhiên, làm mất cảnh quan khu vực, phát xả chất thải, chất độc hại vào môi trường, gây xói mòn đất, ô nhiễm nguồn nước (do chứa kim loại nặng, độc hại, phóng xạ) ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế và đời sống, sức khỏe của nhân dân.

Trong cuốn sách *A review of the global climate change impacts, adaptation, and sustainable mitigation measures* (Dịch là: Đánh giá về tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, các biện pháp thích ứng và giảm nhẹ bền vững) (2022) [144], tác giả Kashif Abbass và cộng sự đã tiến hành đánh giá về tác động của biến đổi khí hậu tác động đến các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế ở mọi quốc gia. Tác giả nghiên cứu thực trạng tác động của biến đổi khí hậu đến sự phát triển của các ngành kinh tế. Trong tất cả các ngành kinh tế, ngành kinh tế nông nghiệp là một trong những ngành dễ bị tổn thương nhất khi biến đổi khí hậu xảy ra, đặc biệt là ở các quốc gia mà nông nghiệp còn chậm phát triển chẳng hạn như Việt Nam. Ngoài ra, ngành du lịch toàn cầu cũng là một trong những ngành bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi biến đổi khí hậu diễn ra.

Tác giả Trần Nguyễn Tuyên trong bài viết *Một số vấn đề về môi trường ở Việt Nam hiện nay- thực trạng và giải pháp* (2021) [123] cho rằng quá trình lao động, con người khai thác, bảo vệ bồi đắp cho thiên nhiên, nhưng qua quá trình đó, con người xã hội dần dần có sự đối lập, hủy hoại môi trường sống tự nhiên của mình. Hậu quả là con người đang phải oằn mình gánh chịu những hậu quả do tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường. Tác giả khái quát một số biểu hiện cụ thể của vấn đề môi trường mà Việt Nam đang phải đối đầu hiện nay như tình trạng tùy tiện vô trách nhiệm, thiếu kế hoạch trong việc khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái gia tăng, tình trạng nồng độ bụi ở đô thị vượt quá nhiều lần chỉ tiêu cho phép, tình trạng khai thác mỏ, vật liệu xây dựng, vàng đá quý... ngày càng gia tăng. Thực trạng môi trường này đi cùng với vấn đề biến đổi khí hậu, nước biển dâng đang đặt ra những vấn đề

nóng bỏng thách thức đối với sự phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam trong thời gian tới.

Tác giả Nguyễn Mạnh trong bài viết *Những vấn đề môi trường cấp bách hiện nay: Thực trạng và giải pháp* (2022) [82] đã phân tích tình trạng ô nhiễm môi trường hết sức đáng báo động ở nước ta hiện nay: Tình trạng ô nhiễm nguồn nước mặt ở lưu vực các sông, ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm bụi (PM10, PM2.5), ô nhiễm tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề,...diễn biến phức tạp, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm mạnh, không còn khả năng tiếp nhận chất thải, đặc biệt ở các khu vực tập trung nhiều hoạt động công nghiệp; đa dạng sinh học và chất lượng rừng suy thoái đến mức báo động, nguồn gen bị thất thoát; hạn hán và xâm nhập mặn gia tăng;..., gây hậu quả nghiêm trọng, an ninh sinh thái bị đe dọa. Những vấn đề này cản trở mục tiêu phát triển bền vững của đất nước trong thời gian tới.

Tác giả Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Văn Điềm trong bài viết *Quản lý, bảo vệ môi trường tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp* (2023) [3] đã phân tích thực trạng quản lý, bảo vệ môi trường của Việt Nam thời gian qua. Tác giả cho rằng sau 37 năm đổi mới, Việt Nam đã vươn lên thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực và trên thế giới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Nền kinh tế không chỉ tăng trưởng về quy mô mà chất lượng tăng trưởng cũng được cải thiện. Nhận thức được vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành các chủ trương, đường lối, chiến lược, quy hoạch về bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái, môi trường. Nhờ đó ngành Tài nguyên và môi trường đã đạt được nhiều kết quả khả quan: Năm 2022, ngành đã hoàn thành xử lý triệt để 372/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 91% số khu công nghiệp đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung đi vào hoạt động đạt tiêu chuẩn môi trường, số vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường gây ô nhiễm môi trường giảm 65,38% so với năm 2021, tỷ lệ che phủ rừng ngày càng tăng cao; dân số ở thành thị sử dụng nước sạch đạt 90%,...Tác giả cũng chỉ ra những mặt còn hạn chế của công tác quản lý, bảo vệ môi trường ở Việt

Nam trong thời gian qua như tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn... ngày càng nhanh, với cường độ mạnh, khó lường; việc khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn nước, tài nguyên, đất đai và xử lý ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường biển từ chất thải nhựa... chưa tốt, tác động nặng nề đến phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

Thực trạng vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội đều được các cấp, Bộ, ngành quan tâm. Đặc biệt hàng năm các Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia được Bộ Tài nguyên và môi trường tổng hợp một cách toàn diện về tình hình bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước như Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015 [18], Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020 [19], Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019 [20], Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2021 [21],... Môi trường đã trở thành một trong những tiêu chí quan trọng để các nhà hoạch định chính sách quy hoạch phát triển kinh tế ở các địa phương.

Tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam, việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cũng đang là một trong những vấn đề nóng được quan tâm hiện nay. Có nhiều bài viết, hội thảo được tổ chức nhằm tìm ra các thức giải quyết vấn đề này.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Sinh thái nhân văn và phát triển bền vững một số vấn đề từ lý luận đến thực tiễn* diễn ra năm 2017. Nội dung kỷ yếu chia thành 2 phần: Phần 1 bao gồm các bài tham luận của các nhà khoa học, chuyên gia, trong đó có một số bài viết liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như *Một số vấn đề sinh thái học nhân văn vùng Đông Bắc* của tác giả Nguyễn Công Tảo; *Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của một số dân tộc thiểu số ở miền núi Đông Bắc* của nhóm tác giả Nguyễn Song Tùng và Nguyễn Thị Huyền Thu. Phần 2 bao gồm các bài tham luận về thực tiễn bảo vệ môi trường một cách bền vững trong phát triển kinh tế tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như *Phát*

triển sinh kế bền vững cho hộ dân phụ thuộc vào rừng tại khu vực vùng cao tỉnh Bắc Kạn của tác giả Nguyễn Hải Núi, Nguyễn Quốc Chính, Đỗ Quang Giám và Nguyễn Thanh Lâm; *Nhu cầu của người dân địa phương về dịch vụ sinh thái rừng: trường hợp nghiên cứu tại vùng núi phía Bắc Việt Nam* của Nguyễn Thị Phương Mai; *Vai trò của chi trả dịch vụ môi trường rừng trong quản lý rừng dựa trên cơ sở cộng đồng: trường hợp nghiên cứu tại bản Duống, xã Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn* của nhóm tác giả Cao Trường Sơn, Nguyễn Thanh Lâm và Trần Đức Viên,... Các bài viết của các tác giả đã chỉ rõ vai trò của hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng tới hoạt động bảo vệ rừng dựa trên cơ sở cộng đồng, từ đó đưa ra các khuyến nghị kịp thời để duy trì và nâng cao hiệu quả cho việc quản lý rừng thông qua chính sách chi trả dịch vụ môi trường ở nước ta [42].

Trong bài viết *Suy thoái môi trường và vấn đề phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi* của tác giả Trương Minh Dục (2019) [35] nghiên cứu thực trạng suy thoái môi trường đang diễn ra ngày càng tăng ở những vùng dân tộc và miền núi. Sự suy thoái môi trường biểu hiện cụ thể như: diện tích rừng ngày càng giảm, suy thoái chất lượng rừng, suy thoái nguồn đất, suy thoái về tài nguyên sinh vật trên cạn. Tác giả cho rằng tình trạng này hiện đang xảy ra khá phổ biến ở các tỉnh miền núi, trong đó có các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Hậu quả của suy thoái môi trường là tình trạng khô hạn, lũ lụt xảy ra ngày càng nhiều, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp.

Kỉ yếu hội nghị *Phát triển kinh tế dưới tán rừng tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc* (2021) do Bộ Nông nghiệp và nông thôn chủ trì. Hội nghị đã thảo luận các vấn đề liên quan tới phát triển kinh tế dưới tán rừng do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trình bày. Nội dung các tham luận đã đánh giá tình hình phát triển và sử dụng các giá trị của hệ sinh thái rừng tại địa phương mình; thực trạng, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp, chính sách cụ thể, khả thi nhằm khai thác các tiềm năng đa giá trị của hệ sinh thái rừng, để sử dụng hệ sinh thái rừng bền vững, đóng góp nhiều hơn cho nền kinh tế. Trong đó có những bài viết liên quan đến nội

dung của luận án như *Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu* (Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu); *Tiềm năng, thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên* (Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên); *Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai* (Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai); *Thực trạng, tiềm năng và giải pháp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La* (Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La); *Chia sẻ kinh nghiệm về phát triển kinh tế dưới tán rừng hướng tới phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn* (Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn); *Phát triển nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ trong môi trường rừng ở các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc Việt Nam* (Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam),... Đây là nguồn tài liệu quý giá giúp nghiên cứu sinh thực hiện những nhiệm vụ đặt ra ở chương 2 của luận án [15].

Ngoài ra tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, hàng năm các tỉnh cũng tiến hành thực hiện công tác báo cáo hiện trạng môi trường tại địa phương mình. Chẳng hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Cạn thực hiện báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh giai đoạn 2016-2020 [124]; Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2020 [136]; Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thực hiện Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ môi trường năm 2022 [131]; Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thực hiện Báo cáo chuyên đề hiện trạng chất lượng môi trường không khí năm 2021 [129]; ... Các báo cáo này phản ánh rõ nét tình hình bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế xã hội tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đồng thời là cơ sở để xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại các địa phương.

Những công trình nghiên cứu thuộc nhóm này đã cung cấp một cái nhìn tổng quát về thực trạng bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng. Đây là những tài liệu quan trọng mà nghiên cứu sinh kế thừa để tiến hành triển khai những nội dung trong chương 3 của luận án khi phân tích, làm rõ: thực trạng hoạt động bảo vệ môi

trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay và chỉ ra nguyên nhân của thực trạng đó.

1.3. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VIỆT NAM NÓI CHUNG, Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM NÓI RIÊNG

Nghiên cứu các công trình liên quan đến giải pháp bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, chúng tôi nhận thấy các nhà khoa học chủ yếu đưa ra các giải pháp dưới các góc độ như sau:

Một là, nhóm giải pháp liên quan đến việc sử dụng công nghệ, kỹ thuật để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Nhóm tác giả Carlo Carraro và Domenico Siniscalco trong bài viết *Xem xét lại chính sách môi trường: Vai trò của đổi mới công nghệ* (1994) [142], nhìn nhận vai trò của công nghệ đối với việc xây dựng chính sách và bảo vệ môi trường bền vững như là một nhân tố quan trọng. Từ đó, các tác giả đưa ra giải pháp đổi mới công nghệ đối với việc bảo vệ môi trường. Hơn nữa, việc hợp tác công nghệ giữa các quốc gia trong đó có Việt Nam có thể là công cụ quan trọng để tạo ra sự ổn định trong các thỏa thuận môi trường quốc tế.

Tổ chức OECD khẳng định vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu – tình trạng phát triển thiếu bền vững của môi trường - là xu thế không thể tránh được dù nhân loại tìm kiếm các cách thức hạn chế và giảm thiểu [149]. Vì thế, OECD đưa ra khuyến khích các quốc gia thực hiện phương thức phát triển xanh trong tất cả các lĩnh vực để bảo vệ môi trường sống. Họ nhấn mạnh giải pháp tăng trưởng xanh và coi đó là cách thức phát triển thông minh (2013) để bảo vệ môi trường của con người. Tác giả P.Thangavel và G.Sridevi trong nghiên cứu *Environmental Sustainability: Role of Green Technologies* (Dịch là: Sự bền vững môi trường: vai trò của công nghệ xanh) (2015) [150] đã phân tích vai trò đặc biệt quan trọng của công nghệ xanh trong việc phát triển bền vững về môi trường ở tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Trọng tâm của giải pháp công nghệ xanh là hướng tới

phát triển nông nghiệp bền vững, nhiên liệu tái tạo được, các công nghệ khử độc, nền kinh tế xanh và công nghệ nano xanh. Tác giả khẳng định công nghệ xanh trong việc bảo vệ môi trường là xu hướng trong tương lai của nhân loại với các công nghệ thân thiện với môi trường trong xử lý kim loại nặng, quản lý một cách phối hợp đối với rác thải từ mỏ bằng việc sử dụng công nghệ sinh học, sử dụng vi tảo như là nguồn nguyên liệu sản xuất nhiên liệu sinh học hay đề cập đến rong biển như là nguồn nguyên liệu hứa hẹn cho phát triển bền vững.

Hai là, nhóm giải pháp liên quan đến giáo dục, tuyên truyền đạo đức, lối sống, văn hóa, truyền thống để bảo vệ môi trường trong các hoạt động của con người trong đó có hoạt động phát triển kinh tế. Tác giả Hồ Sĩ Quý trong bài viết *Về đạo đức môi trường* (2005) [97] đã phân tích những hạn chế trong cách ứng xử của con người Việt Nam với giới tự nhiên như tình trạng bẻ cây, ngắt cành, dẫm lên cỏ, tình trạng xả rác không đúng nơi quy định, tình trạng ô nhiễm làng nghề, lễ hội Đâm trâu ở Tây Nguyên, lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn,... Tác giả đề xuất giải pháp đạo đức môi trường và khẳng định cần phải bảo vệ môi trường trở thành một tiêu chí của đạo đức. Những giải pháp tác động đến đạo đức có ý nghĩa vừa cơ bản vừa cấp bách để giải quyết các vấn đề môi sinh theo hướng phát triển bền vững. Con người có thể đưa ra các giải pháp kinh tế - kỹ thuật để bảo vệ môi trường, nhưng hiệu quả sẽ không cao nếu những nguyên nhân thuộc về đạo đức môi trường chưa được giải quyết.

Tác giả Vũ Trọng Dung trong cuốn *Đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái* (2009) [36] cho rằng, trong những năm qua, khi bàn về giải pháp để bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế, các nhà khoa học chủ yếu đưa ra các giải pháp dưới góc độ kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, y học, luật pháp... còn những yếu tố nhân văn, đặc biệt là các yếu tố văn hóa truyền thống dân tộc, đạo đức, lối sống chưa được nghiên cứu nhiều. Vì vậy, tác giả đề xuất các giải pháp dưới góc độ trách nhiệm đạo đức của mỗi quốc gia và của cả nhân loại về vấn đề này. Giáo dục đạo đức sinh thái góp phần điều chỉnh hành vi của con người trong quá trình khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường,

chính vì thế cần thiết phải đưa giáo dục ý thức bảo vệ môi trường vào nhà trường; lồng ghép kiến thức bảo vệ môi trường trong các bài giảng, tổ chức các diễn đàn về môi trường để học sinh tham gia một cách dân chủ; giáo dục học sinh có ý thức tiết kiệm năng lượng như điện và nước, khuyến khích học sinh có các ý tưởng sáng tạo tái chế rác...

Tác giả Nguyễn Đức Kha trong bài viết *Giải pháp tăng cường tuyên truyền trên báo chí về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu* (2019) [72] đã cho rằng một trong những giải pháp quan trọng để bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong phát triển kinh tế chính là tăng cường giáo dục, tuyên truyền trên báo chí. Theo tác giả, trong thời gian vừa qua, công tác tuyên truyền trên các tạp chí, sách báo về bảo vệ môi trường đã có nhiều nỗ lực trong việc mang lại những thông tin tích cực tới độc giả về nhiều vấn đề môi trường như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; các sự cố, hiện tượng môi trường, biến đổi khí hậu; tuyên truyền việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân; thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học, các dự báo, cảnh báo liên quan đến bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;... Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác tuyên truyền trên báo chí về bảo vệ môi trường vẫn còn những hạn chế như: Số lượng tin, bài, ảnh về chủ đề bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu không nhiều; Các tin, bài còn nặng về tính thông tin các sự kiện, hoạt động, rất ít tin, bài mang tính chất thực tiễn, kinh nghiệm, các mô hình, phong trào, hoạt động hiệu quả, gương điển hình ở các địa phương, cơ sở... do đó, cần tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả tuyên truyền trên báo chí về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu ở nước ta.

Cuốn sách *Quản lý tài nguyên môi trường để phát triển bền vững* do tác giả Lê Huy Bá chủ biên (2018) [5] cho rằng, tài nguyên thiên nhiên không chỉ có giá trị về mặt kinh tế mà còn chứa đựng nhiều giá trị khác như giá trị xã hội, giá trị sinh thái. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, con người khai thác các nguồn tài nguyên như khai thác trắng rừng nhiệt đới, sử dụng lãng phí các dạng tài nguyên

thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường trong quá trình phát triển nền kinh tế. Hậu quả tất yếu của quá trình khai thác đó là sự suy thoái về tài nguyên môi trường, suy giảm về đa dạng sinh học, sự hoang hóa về đất đai, hiện tượng hiệu ứng nhà kính,... Vì vậy, cần giáo dục môi trường nhân văn và hành vi ứng xử môi trường - khía cạnh của bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, đồng thời có chính sách bảo vệ môi trường phù hợp để phát triển kinh tế.

Tác giả Phạm Thị Ngọc Trâm trong bài viết *Xây dựng đạo đức sinh thái – một trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên cũng hướng tới việc xây dựng đạo đức sinh thái để bảo vệ môi trường trong nền kinh tế thị trường* (2009) [109] khẳng định, trước vấn đề lợi ích trong nền kinh tế thị trường và thực trạng suy thoái nghiêm trọng của môi trường tự nhiên, vấn đề xây dựng đạo đức sinh thái càng trở nên bức xúc hơn lúc nào hết và phải được tiến hành ở mỗi thành phần cấu trúc của nó: ý thức đạo đức sinh thái, quan hệ đạo đức hành vi, kết hợp đạo đức với trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên. Từ đó tác giả đề xuất các giải pháp xây dựng ý thức đạo đức môi trường sinh thái cho các chủ thể trong xã hội. Tác giả khẳng định nghĩa vụ bảo vệ môi trường không hình thành một cách tự nhiên, nhất thời, mà nó được hình thành và hoàn thiện trong cả quá trình giáo dục, tự giáo dục, rèn luyện trong hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân, thậm chí cả trong quá trình đấu tranh, thử thách của cuộc sống.

Ba là, nhóm giải pháp liên quan đến chủ trương, chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Tác giả Nguyễn Đình Bồng trong cuốn *Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu* (2013) [22] đã phân tích những vấn đề lý luận chung về tài nguyên đất đai ở Việt Nam, thực trạng sử dụng đất ở Việt Nam, biến đổi khí hậu và nguy cơ thoái hóa đất để từ đó đưa ra các giải pháp quản lý bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu. Một trong những giải pháp quản lý bền vững tài nguyên đất đai để ứng phó với biến đổi khí hậu mà tác giả quan tâm đến là thúc đẩy việc sử dụng đất đai trong nông nghiệp một cách bền vững. Tác giả cho rằng việc sử dụng đất trong nông nghiệp ở Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập. Nếu như đất nông nghiệp đặc biệt là đất lúa nước khi

đã được chuyển đổi sang các mục đích khác như xây dựng, giao thông, hoặc công nghiệp, thì không thể đảo ngược quá trình này để trở lại việc sử dụng đất cho nông nghiệp. Do đó, cần thiết phải hạn chế mức độ chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp để đảm bảo sự bền vững của sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực. Điều này có thể đạt được thông qua việc tập trung vào bảo quản và sử dụng hiệu quả ruộng đất, cũng như thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững thông qua quy hoạch và xây dựng nông thôn mới. Quá trình này cần kết hợp việc quy hoạch kết cấu hạ tầng khu vực sản xuất và dân cư, với việc quy hoạch cho các hoạt động nông nghiệp, thủ công nghiệp, và dịch vụ dựa trên kế hoạch sử dụng đất, nhằm đảm bảo phát triển bền vững dựa trên ba mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Tác giả Đinh Nguyễn An trong bài viết *Bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế* (2013) [1] cho rằng quá trình toàn cầu hóa kinh tế là xu thế tất yếu của thời đại. Quá trình này không chỉ mở ra cơ hội mà còn đặt ra thách thức, khó khăn đối với các quốc gia, trong đó là vấn đề ô nhiễm môi trường. Kinh tế Việt Nam hiện nay đang ngày càng gia tăng ngày càng nhanh và mạnh vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế, vấn đề ô nhiễm môi trường là không thể tránh khỏi. Vậy làm thế nào để phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường? Tác giả đề xuất nhóm giải pháp bao gồm: Một là, các chủ thể thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, khắc phục tình trạng vì lợi ích cục bộ địa phương, lợi ích trước mắt mà hủy hoại môi trường; Hai là, xây dựng hệ thống luật pháp đồng bộ, thống nhất làm cơ sở để quản lý nhà nước về môi trường; Ba là, phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa cơ quan chuyên trách bảo vệ môi trường với các ngành, lĩnh vực khác liên quan; Bốn là, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ nhân viên làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường.

Tác giả Vũ Thị Mạc Dung trong bài viết *Chủ trương của Đảng về bảo vệ tài nguyên – môi trường thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 – 2016)* (2019) [37] khẳng định: sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần thay đổi diện mạo đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế - xã hội, cùng với toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu đã tạo nên sức ép to lớn đối với lĩnh vực tài nguyên – môi trường. Trước yêu cầu của thực tiễn, tác giả khẳng định phải nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc bảo vệ tài nguyên môi trường trong phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cụ thể: Tăng cường sự lãnh đạo của hệ thống chính trị trong thực hiện công tác bảo vệ môi trường; thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về bảo vệ môi trường; bổ sung báo cáo tổng kết thời kỳ đổi mới về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. Đồng thời với đó cũng cần phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường, quản lý và bảo vệ tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường tự nhiên để phát triển đất nước bền vững.

Nhóm tác giả Tạ Đình Thi trong bài viết *Đảm bảo an ninh môi trường ở Việt Nam - Vấn đề cấp thiết cần phải giải quyết* (2017) [105] trên cơ sở phân tích thực trạng các vấn đề môi trường như tác động của biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh môi trường biển, ô nhiễm môi trường ở một số khu vực trọng điểm, ô nhiễm xuyên biên giới, suy giảm tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, vấn đề môi trường trong khai thác khoáng sản ở Việt Nam hiện nay đã đề xuất một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Trong số các giải pháp đề xuất, tác giả nhấn mạnh biện pháp về xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, giải pháp, cơ chế ngăn ngừa, ứng phó, đảm bảo an ninh môi trường. Tác giả coi đây là yêu cầu cấp thiết nhằm quản lý an ninh môi trường hiệu quả, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển bền vững. Việc quản lý môi trường muốn được thực hiện một cách hiệu quả thì trước hết cần loại bỏ những quy định không phù hợp, chưa đầy đủ hoặc gây cản trở hoạt động của cơ quan bảo vệ môi trường.

Tác giả Hồ Anh Tuấn trong bài viết *Một số vấn đề về chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam* (2022) nghiên cứu các chính sách để giảm thiểu, kiểm soát tình hình ô nhiễm môi trường nước Trung Quốc [122]. Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia

có nhiều điểm tương đồng về thể chế chính trị cũng như quan điểm phát triển kinh tế, lại chung hệ thống sông Hồng và sông Mekong, vì vậy việc tham khảo các chính sách của Trung Quốc là cần thiết. Tác giả kiến nghị các giải pháp mà Việt Nam cần chú trọng như hoàn thiện, xây dựng khung pháp lý cho kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt chú trọng các công cụ kinh tế như giá nước thải tái sử dụng, thuế bảo vệ môi trường, phí, lệ phí để giảm thiểu các hành vi gây ô nhiễm môi trường; khuyến khích sử dụng công nghệ xanh, thân thiện với môi trường.

Bốn là, nhóm giải pháp liên quan đến nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với bảo vệ môi trường trong hoạt động phát triển kinh tế. Các tác giả Nguyễn Thị Lan Hương hay nhóm tác giả Phan Thị Cẩm Anh và Tăng Văn Nghĩa coi bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp.

Tác giả Nguyễn Thị Lan Hương trong bài viết *Trách nhiệm môi trường – một phương diện của trách nhiệm xã hội* (2009) [69], khẳng định việc bảo vệ môi trường với tư cách là một phương diện của trách nhiệm xã hội không phải là nhiệm vụ của riêng cá nhân nào. Trách nhiệm bảo vệ môi trường chính là hành động khôn ngoan của con người để không làm tổn hại đến môi trường, vì lợi ích của chính con người và các sinh thể khác. Tác giả cho rằng bảo vệ môi trường cũng chính là tự bảo vệ lợi ích của các thế hệ tương lai. Tiếp tục bàn luận về *Trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp – nhìn từ góc độ lý luận* (2012) [70], tác giả Nguyễn Thị Lan Hương cho rằng bảo vệ môi trường là một trong những nội dung quan trọng của chiến lược phát triển bền vững mà các quốc gia hướng tới. Tác giả khẳng định trách nhiệm bảo vệ môi trường không chỉ giới hạn ở mỗi cá nhân mà trách nhiệm ấy còn nằm ở phía các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần hạn chế những hành vi làm tổn hại đến môi trường sống của con người. Tác giả chủ trương xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa doanh nghiệp với môi trường, đảm bảo một môi

trường lành mạnh cho toàn xã hội, không xâm phạm đến cân bằng sinh thái, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn nguồn tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Nhóm tác giả Phan Thị Cẩm Anh và Tăng Văn Nghĩa trong bài viết *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường và ảnh hưởng của nó tới hành vi của người tiêu dùng* (2020) [2] cho rằng mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến môi trường. Trước áp lực cạnh tranh và nhu cầu tối đa hóa lợi nhuận, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thường gây tác động xấu, phá vỡ các yếu tố cân bằng của môi trường. Đây cũng là thách thức lớn trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đối với việc bảo vệ môi trường. Việc doanh nghiệp nhận thức rõ trách nhiệm của mình và cam kết bảo vệ môi trường sẽ giúp doanh nghiệp có được chiến lược kinh doanh đúng đắn, lâu dài và mang tính bền vững, đồng thời qua đó cải thiện được lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp. Tác giả cũng cho rằng hành vi của người tiêu dùng tỉ lệ thuận với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường. Người tiêu dùng có cảm giác rằng họ được đóng góp vào việc bảo vệ môi trường thông qua quyết định mua hàng hóa/dịch vụ từ những doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường. Vì vậy, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị đối với doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường: Một là, chiến lược sản phẩm của doanh nghiệp cần gắn với yếu tố đầu vào và công nghệ thân thiện với môi trường; Hai là, doanh nghiệp cần hướng tới việc xây dựng Bộ quy tắc làm chuẩn mực trong quá trình sản xuất, kinh doanh, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm bảo vệ môi trường; Ba là, nhà nước cần có ưu đãi về tài chính đối với doanh nghiệp sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

Liên quan đến các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có các công trình tiêu biểu như:

Tác giả Tráng A Dương trong bài viết *Giải pháp phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số* nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh miền núi nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống (2013) [38]. Tác giả đã tập trung đề xuất nhóm biện pháp để phát triển môi trường miền

núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, bao gồm: Một là, phối hợp chặt chẽ với các địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào các dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về môi trường; Hai là, xây dựng thể chế và công cụ quản lý môi trường; Ba là, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường miền núi; Bốn là, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ môi trường. Trong đó, tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến giải pháp tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào các dân tộc thiểu số các địa phương nâng cao nhận thức về môi trường từ đó thay đổi hành vi ứng xử đối với môi trường.

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Anh với bài viết *Áp dụng công nghệ sinh thái nhằm sử dụng bền vững đất trồng lúa trong quá trình chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội (nghiên cứu trường hợp Sapa và Hải Dương)* (trích trong cuốn sách Triển vọng về chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội – Từ thực tiễn đến chính sách) đã khẳng định tầm quan trọng của đất đai với tư cách vừa là nguồn lực, vừa là yếu tố đầu vào không thể thiếu của nền kinh tế. Một tình trạng diễn ra phổ biến hiện nay là tình trạng đất trồng lúa bị ô nhiễm nghiêm trọng do việc sử dụng các chất hóa học, hệ sinh thái bị mất cân bằng,...Các tác giả đề xuất giải pháp áp dụng công nghệ sinh thái trong việc sử dụng bền vững đất trồng lúa tại Sapa. Việc áp dụng công nghệ sinh thái góp phần tăng năng suất, chất lượng cây lúa, giảm chi phí sản xuất nông nghiệp, tăng lợi nhuận cho người nông dân, và quan trọng nhất công nghệ này tạo ra sự đa dạng sinh học, đảm bảo cân bằng sinh thái, khôi phục, cải tạo tài nguyên đất ở Sapa [104].

Tác giả Nguyễn Thị Trâm với đề tài nghiên cứu khoa học có mã số 18457/2021 về *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường vùng trung du và miền núi phía Bắc* (2021) [110]. Trên cơ sở phân tích thực trạng, bối cảnh tác động trong và ngoài nước đối với quá trình tái cơ cấu nông nghiệp của vùng, đề tài đã đưa ra quan điểm tái cơ cấu nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, đồng thời đề xuất các định hướng không gian ưu tiên phát triển nông-lâm-thủy hải sản theo các nội dung tái cơ cấu nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Các giải

pháp thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường được đề xuất gồm 5 nhóm: nhóm giải pháp nâng cao về nhận thức, nhóm giải pháp về chính sách, nhóm giải pháp về quy hoạch, nhóm giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ và nhóm giải pháp về tổ chức sản xuất. Nội dung đề xuất các nhóm giải pháp tập trung vào việc nâng thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, phù hợp với đặc điểm sinh thái, đặc điểm xã hội, nhân văn và phù hợp chức năng môi trường của vùng.

Bài viết *Một số giải pháp bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay* của tác giả Vũ Thị Thanh Minh (2021) [84] đề xuất 2 nhóm giải pháp nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo với bảo vệ môi trường tiến tới phát triển bền vững vùng miền núi phía Bắc: Một là, nhóm giải pháp về xây dựng, thực hiện hệ thống thể chế luật pháp bảo vệ môi trường; Hai là, nhóm giải pháp gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững vùng miền núi phía Bắc.

Những công trình trên đây đã khái quát về phương hướng và các giải pháp liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở nước ta nói chung và các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng. Hệ thống nhóm giải pháp bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế mà các công trình nêu trên bao gồm các nhóm giải pháp liên quan đến việc sử dụng công nghệ, kỹ thuật để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến giáo dục, tuyên truyền đạo đức, lối sống, văn hóa, truyền thống để bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến chủ trương, chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với bảo vệ môi trường trong hoạt động phát triển kinh tế. Các giải pháp này đều xuất phát từ việc nghiên cứu thực trạng bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam và các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững mà nhân loại đang hướng tới.

1.4. KHÁI QUÁT GIÁ TRỊ NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TỔNG QUAN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Khái quát giá trị những công trình đã được tổng quan

Trên đây là các công trình nghiên cứu được chia thành ba nhóm liên quan chặt chẽ đến những nội dung chính của luận án. Vấn đề bảo vệ môi trường và bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế là một mảng đề tài khá rộng lớn với hệ thống các công trình nghiên cứu khá đồ sộ của nhiều học giả khác nhau. Do đó, luận án chưa có điều kiện tổng quan hết tất cả các công trình này mà mới chỉ dừng lại ở mức độ khảo sát các công trình có liên quan một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đến những nội dung mà luận án nghiên cứu.

Các công trình khoa học trên, đều có ý nghĩa nhất định về mặt lý luận và thực tiễn. Đồng thời, các công trình khoa học này là những gợi mở quan trọng để nghiên cứu sinh triển khai nghiên cứu các vấn đề trong luận án. Giá trị khoa học của các công trình được tác giả luận án tiếp thu, kế thừa bao gồm các nội dung sau:

Một là, những công trình trên đã trình bày các vấn đề như khái niệm, vai trò, vị trí của môi trường, phát triển kinh tế, làm rõ mối quan hệ giữa con người, xã hội với tự nhiên. Đồng thời các nghiên cứu đã phân tích các vấn đề liên quan đến môi trường mà nhân loại đang rất quan tâm như nguy cơ nóng lên toàn cầu, thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, sinh hoạt hàng ngày của con người, cũng như nguy cơ nạn đói đe dọa ở nhiều nơi trên thế giới. Nguyên nhân của tình trạng trên là do hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên không hợp lý, thiếu tính khoa học, chạy theo lợi nhuận trong phát triển kinh tế khiến cho môi trường tự nhiên bị tàn phá nặng nề. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tài nguyên môi trường là cơ sở nền tảng của sự phát triển kinh tế, mặt khác tài nguyên môi trường là bộ phận cấu thành của một hệ thống kinh tế xã hội nhất định. Vì thế, phương thức để kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững thì mấu chốt là phải gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường. Phải giải quyết mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế theo tinh thần biện chứng để không tuyệt đối hóa mục tiêu phát triển kinh tế, chạy theo lợi nhuận tối đa mà bất chấp hủy

hoại một trường, khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, phá vỡ cân bằng sinh thái. Tuy nhiên, cũng không tuyệt đối hóa mục tiêu bảo vệ môi trường mà không thấy được rằng để thúc đẩy kinh tế phát triển thì nhất thiết phải dựa trên cơ sở khai thác hợp lý các nguồn lực từ tự nhiên.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu cũng chỉ ra mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; khẳng định đường lối bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế nhanh và lâu bền vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước của Đảng. Một số nghiên cứu xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở Việt Nam như: nhân tố kinh tế; chính trị, văn hóa; khoa học và công nghệ; nhận thức của cán bộ, nhân dân, doanh nhân; Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình hội nhập quốc tế; ...

Hai là, các công trình nghiên cứu trên ở góc độ nhất định đã phân tích thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở Việt Nam nói chung, ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam nói riêng. Các tác giả đã phân tích thực trạng ô nhiễm môi trường ngày càng đáng báo động trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới. Toàn cầu hóa không chỉ mang lại những cơ hội cho các quốc gia trong đó có Việt Nam mà còn gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường sống như ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí, suy giảm tài nguyên khoáng sản,... và tình trạng biến đổi khí hậu trên toàn thế giới hiện nay. Các nghiên cứu đã tính toán thiệt hại hàng năm và tổn thất sản xuất do ô nhiễm môi trường gây ra đối với một quốc gia châu Á điển hình có thể rơi vào khoảng 5% GDP. Tại Việt Nam, trong quá trình gần 40 năm tiến hành đổi mới, bên cạnh sự vươn lên phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng cao thì tình trạng môi trường bị phá hủy ngày càng gia tăng. Tình trạng ô nhiễm nguồn nước mặt ở lưu vực các sông, ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm bụi (PM10, PM2.5), ô nhiễm tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề,... diễn biến phức tạp, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm mạnh. Tình trạng ô nhiễm này ngày càng có xu hướng gia tăng nhất là ở các thành phố lớn, nơi có các khu công nghiệp trọng

điểm. Các nghiên cứu cũng chỉ ra tình trạng ô nhiễm môi trường đã và đang ảnh hưởng đến tất cả các ngành kinh tế như lâm nghiệp, thủy sản và nghề cá, năng lượng và giao thông, nông nghiệp. Nông nghiệp được xác định là một trong những ngành kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Các tác giả cũng cho rằng việc sử dụng công nghệ cao có thể hạn chế bớt các tác hại của hoạt động kinh tế tới môi trường song cũng khó có thể khắc chế hoàn toàn tác động xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đối với các ngành kinh tế, nhất là ở vùng ven biển và vùng miền núi nơi rừng đã bị suy giảm nghiêm trọng.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, cụ thể như nhận thức của cộng đồng về môi trường, bảo vệ môi trường còn thấp; tổ chức và đội ngũ quản lý môi trường, các quy định pháp luật bảo vệ môi trường còn thiếu, tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn... ngày càng nhanh, với cường độ mạnh, khó lường; việc khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn nước, tài nguyên, đất đai và xử lý ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường biển từ chất thải nhựa chưa tốt, tác động nặng nề đến phát triển kinh tế, xã hội và môi trường,...

Tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, các nghiên cứu tập trung vào tình trạng suy thoái môi trường nhất là tình trạng suy thoái rừng, suy thoái chất lượng rừng, suy thoái nguồn đất, suy thoái về tài nguyên sinh vật trên cạn đang diễn ra ngày càng tăng ở những vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực tiễn bảo vệ môi trường một cách bền vững trong phát triển kinh tế nhất là vai trò của hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng tới hoạt động bảo vệ rừng dựa trên cơ sở cộng đồng ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Bên cạnh đó một số nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá tình hình phát triển và sử dụng các giá trị của hệ sinh thái rừng, những khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển và sử dụng các giá trị của hệ sinh thái rừng tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nhằm

khai thác các tiềm năng đa giá trị của hệ sinh thái rừng, để sử dụng hệ sinh thái rừng bền vững, đóng góp nhiều hơn cho nền kinh tế.

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của những người đi trước, luận án sẽ đi sâu vào phân tích, luận giải để làm rõ thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay từ góc độ các nội dung hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các chủ thể lãnh đạo, quản lý như Đảng, Nhà nước (các Bộ, Ban, Ngành và chính quyền địa phương phụ trách về vấn đề bảo vệ môi trường), các tổ chức chính trị - xã hội; doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và phân tích, làm rõ nguyên nhân của thực trạng này.

Ba là, nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở Việt Nam nói chung, ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam nói riêng.

Những công trình nghiên cứu thuộc nhóm này từ các góc độ tiếp cận khác nhau đã nêu lên được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của bảo vệ môi trường như: nhóm giải pháp liên quan đến việc sử dụng công nghệ, kỹ thuật để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến giáo dục, tuyên truyền đạo đức, lối sống, văn hóa, truyền thống để bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến chủ trương, chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với bảo vệ môi trường trong hoạt động phát triển kinh tế. Đây là những định hướng có giá trị gợi mở để luận án tiếp tục kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, từ thực tế có thể thấy chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu vào việc đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc dưới góc độ các hoạt động bảo vệ môi trường của các chủ thể lãnh đạo, quản lý; các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Do vậy, bên cạnh việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có, dựa trên cách tiếp cận của mình tác giả cũng đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trong thời gian tới.

1.4.2. Những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu

Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án cho thấy, chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu, phân tích, làm rõ những vấn đề về lý luận và thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại khu vực này dưới góc độ triết học. Do đó, trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của những công trình đã được công bố, căn cứ vào mục đích và nhiệm vụ đặt ra luận án sẽ tiếp tục đi sâu phân tích, làm rõ những vấn đề chủ yếu sau đây:

Về lý luận: Luận án làm rõ nội hàm khái niệm bảo vệ môi trường; phát triển kinh tế; bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam - chủ thể, nội dung, phương thức bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; đồng thời chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay như: điều kiện tự nhiên, đặc điểm phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; Sự định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; sự nhận thức và ý thức tự giác, chủ động, tích cực của các chủ thể đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; Sự tác động của trình độ khoa học, kỹ thuật đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Về thực tiễn: Luận án phân tích, làm rõ thực trạng kết quả đạt được và hạn chế của hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế (hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; hoạt động ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên để đảm bảo bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế) của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay. Luận án cũng chỉ ra các nguyên nhân của thực trạng của bảo vệ

môi trường trong phát triển kinh tế ở các Tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam trong thời gian qua.

Dựa trên cơ sở lý luận, thực tiễn nghiên cứu và phân tích thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc và nguyên nhân của thực trạng, luận án đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, luận án đã tiến hành tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở Việt Nam nói chung và các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng.

Nghiên cứu lý luận về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế có nhiều cuốn sách, đề tài khoa học, bài báo đã tập trung nghiên cứu, phân tích khái niệm môi trường, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên.

Nghiên cứu về thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở Việt Nam nói chung và các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng, cũng có các công trình đã đi vào phân tích thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Các nghiên cứu tập trung phân tích những hậu quả mà ô nhiễm môi trường gây ra đối với quá trình phát triển kinh tế. Các tác giả đã chỉ ra những nguyên nhân dẫn tới tình trạng ô nhiễm môi trường trong phát triển kinh tế như do bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng; thiếu chế tài hoặc chế tài chưa đủ mạnh để xử phạt hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường; hạn chế trong công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo về môi trường; thiếu phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động phát triển kinh tế,...

Nghiên cứu giải pháp về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội, có các cuốn sách, đề tài khoa học, bài báo đã đưa ra các giải pháp để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế như: nhóm giải pháp liên quan đến việc sử dụng khoa học, kỹ thuật; nhóm giải pháp liên quan đến giáo dục, tuyên truyền đạo đức, lối sống, văn hóa, truyền thống để bảo vệ môi trường trong khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến hoàn thiện chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; nhóm giải pháp liên quan đến nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với bảo vệ môi trường trong khi thực hiện các hoạt động sản xuất kinh tế.

Trên cơ sở các tổng quan các công trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy chưa có nghiên cứu nào đi theo lát cắt liên quan đến các hoạt động bảo vệ môi trường của các chủ thể lãnh đạo, quản lý như Đảng, Nhà nước, cấp ủy đảng, chính quyền địa phương phụ trách về vấn đề bảo vệ môi trường; doanh nghiệp, cộng đồng dân cư ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc và những nguyên nhân của thực trạng. Vì vậy, việc làm rõ lý luận về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc Việt Nam; thực trạng nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế và những nguyên nhân của thực trạng, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc Việt Nam có ý nghĩa thiết thực.

Chương 2

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

2.1.1. Quan niệm bảo vệ môi trường

Trước hết, về khái niệm môi trường, cũng có nhiều cách hiểu khác nhau.

Một số tác giả cho rằng môi trường đơn giản là các yếu tố vật chất tự nhiên như đất, nước, không khí, ánh sáng, âm thanh, các hệ động, thực vật... bao quanh con người; con người không thể tách rời môi trường sống của mình được [dẫn theo 4] hoặc là một tập hợp các điều kiện vật lý và sinh học, kinh tế xã hội bên ngoài mà con người tồn tại trong đó [5], [111]. Có tác giả thì quan niệm, môi trường là những yếu tố vật chất nhân tạo do con người tạo ra trên cơ sở các yếu tố tự nhiên sẵn có để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của con người như nhà ở, công trình văn hóa, nghệ thuật,...[24]. Hoặc môi trường là tập hợp các yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh con người có ảnh hưởng đến con người và tác động qua lại với các hoạt động sống của con người như không khí, đất nước, xã hội loài người [5], [56], [102]. Các cách tiếp cận dù không hoàn toàn giống nhau, song nhìn chung đều hiểu môi trường là những yếu tố tự nhiên bên ngoài con người, hiểu môi trường là thế giới tự nhiên, song không phải là giới tự nhiên nói chung mà là thế giới tự nhiên đặt trong mối quan hệ mật thiết với sinh hoạt sống của con người và ảnh hưởng tới sự phát triển của xã hội loài người. Ngoài ra, cách hiểu này còn được xác định trong các văn bản pháp luật, cụ thể tại Luật Bảo vệ môi trường (2020): “Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên” [98, tr.8]. Yếu tố vật chất tạo thành môi trường là đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác [98, tr.9].

Trên thực tế, khái niệm môi trường được hiểu khá rộng, bao gồm không chỉ môi trường vật chất, môi trường tự nhiên mà còn cả môi trường xã hội, môi trường kinh tế, chính trị, môi trường văn hóa, xã hội, môi trường pháp lý,... Trong khuôn khổ của luận án, tác giả chỉ bàn đến khái niệm môi trường với tư cách là các yếu tố vật chất như trong Luật Bảo vệ môi trường đã xác định để thực hiện đúng mục tiêu nghiên cứu của luận án.

Khái niệm “bảo vệ môi trường” bắt đầu được hình thành vào khoảng thế kỷ XX, ở các quốc gia có nền công nghiệp phát triển như Mỹ, Anh, Pháp. Ban đầu, bảo vệ môi trường chỉ được coi là việc bảo tồn tài nguyên, nhưng sau đó khái niệm này đã được mở rộng, đề cập đến cả việc khai thác tài nguyên một cách bền vững và tối ưu, nhằm cải thiện môi trường sống của con người và hệ sinh thái.

Ở Việt Nam, vấn đề bảo vệ môi trường cũng được quan tâm từ khá sớm, song phải đến khi Luật Bảo vệ môi trường ra đời năm 1993, khái niệm bảo vệ môi trường lần đầu tiên được định nghĩa trong văn bản chính thức của Nhà nước với nghĩa là “những hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên” [172]. Theo đó, bảo vệ môi trường không đơn giản chỉ là các hoạt động giữ gìn môi trường trong lành, sạch đẹp mà còn bao gồm rất nhiều hoạt động khác như: đảm bảo sự cân bằng sinh thái; đặc biệt là phải ngăn chặn, khắc phục mọi sự tác động xấu, làm tổn hại đến môi trường; đồng thời phải đảm bảo khai thác, sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Từ điển Bách khoa đưa ra định nghĩa với nội hàm rộng hơn: Bảo vệ môi trường không chỉ “là tập hợp các biện pháp giữ gìn, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lý sinh giới (vi sinh vật, động vật và môi sinh, đất, nước, không khí, lòng đất) nghiên cứu thử nghiệm thiết bị sử dụng tài nguyên thiên nhiên, áp dụng công nghệ ít hoặc không có phế liệu... nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người” mà còn là “các điều kiện tinh thần, văn hoá khiến cho đời sống được thoải mái” [62, tr.160]. Một số tác giả lại quan niệm “Bảo vệ môi trường

gồm các chính sách, chủ trương, các chỉ thị nhằm ngăn chặn hậu quả xấu của con người đối với môi trường, các sự cố môi trường do con người và thiên nhiên gây ra, bảo vệ môi trường còn bao hàm cả ý nghĩa sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên” [4, tr.96-97]. Hay “Bảo vệ môi trường là khai thác tự nhiên một cách hợp lý, tức là duy trì mối quan hệ hài hòa giữa tự nhiên và con người” [93, tr.24].

Như vậy, dù có những nhận định hay định nghĩa khác nhau song nhiều quan niệm đều cho rằng bảo vệ môi trường là những biện pháp nhằm duy trì, tận dụng, gìn giữ và khôi phục một cách hợp lý cả hệ sinh thái (bao gồm vi sinh vật, thực vật và động vật) và môi trường sinh sống (bao gồm đất, nước, không khí, khí hậu và lòng đất), cùng với nghiên cứu và thử nghiệm các thiết bị sử dụng tài nguyên tự nhiên mà không gây ra nhiều phế liệu... Mục tiêu chính là tạo ra một môi trường tối ưu cho cuộc sống con người.

Luật bảo vệ môi trường năm 2020 định nghĩa: Hoạt động bảo vệ môi trường là “hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu” [98, tr. 8].

Trong khuôn khổ của luận án, tác giả cũng đồng tình với cách hiểu bảo vệ môi trường là: *toàn bộ những hoạt động mà con người thực hiện nhằm phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.*

Như vậy, nội hàm của khái niệm bảo vệ môi trường đề cập đến ba nhóm hoạt động cơ bản sau: 1. Hoạt động phòng, chống ô nhiễm môi trường; 2. Hoạt động ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; 3. Hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thực hiện đa dạng sinh học nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, gìn giữ môi trường trong lành.

Để hiểu sâu hơn về khái niệm bảo vệ môi trường, cần làm rõ một số khái niệm liên quan như: ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: “*Ô nhiễm môi trường* là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên”; “*Suy thoái môi trường* là sự suy giảm về chất lượng, số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên”; “*Sự cố môi trường* là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc do biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng”; “*Ứng phó với biến đổi khí hậu* là hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính” [98, tr.11].

Theo cách hiểu đó, hoạt động bảo vệ môi trường sẽ liên quan đến nhiều chủ thể thực hiện và được triển khai ở nhiều cấp độ khác nhau.

Cấp độ cá nhân: Môi trường có tác động lớn đến mỗi cá nhân. Vì thế, việc bảo vệ môi trường phải được xem xét là một nhiệm vụ của từng người. Mọi người đều có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật và nguyên tắc cộng đồng để bảo vệ môi trường sống. Việc kích thích hoạt động bảo vệ môi trường ở cấp độ cá nhân đòi hỏi sự chú ý đặc biệt. Thực tế đã cho thấy quan niệm rằng việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của các cơ quan quản lý và tổ chức bảo vệ môi trường dẫn đến tình trạng bất quan tâm và thiếu trách nhiệm của từng cá nhân đối với môi trường. Vì lý do này, nhiều khu rừng nguyên sinh đã bị cháy và suy thoái bởi hành vi của một số cá nhân. Các hành động cá nhân có thể đóng góp vào bảo vệ môi trường hoặc có thể gây hại cho môi trường. Do đó, bảo vệ môi trường cần phải được quan tâm ngay từ cấp độ cá nhân.

Cấp độ cộng đồng: Cộng đồng là một tập thể cá nhân có liên kết với nhau dựa trên các yếu tố kinh tế, xã hội, chính trị hoặc tổ chức. Dưới bất kỳ hình thức nào, với bất kỳ liên kết nào, các cộng đồng đều cần quan tâm và tham gia bảo vệ

môi trường vì lợi ích của chính họ. Tại cấp độ cộng đồng, việc triển khai biện pháp giáo dục và các hoạt động tập thể đặc biệt quan trọng. Vai trò của cộng đồng trong bảo vệ môi trường rất lớn. Đặc biệt là ở cộng đồng làng, bản có mối liên hệ chặt chẽ với môi trường và nhiều lợi ích kết nối. Sự đoàn kết và kết nối bởi lợi ích chung này là nền tảng quan trọng để kêu gọi cộng đồng tham gia vào việc bảo vệ môi trường. Nhiều cộng đồng đã tạo ra các quy tắc, chương trình và biện pháp khác nhau để bảo vệ môi trường. Vì vậy, cũng rất cần quan tâm đến cấp độ cộng đồng để đảm bảo hiệu quả công tác bảo vệ môi trường.

Cấp độ địa phương và vùng: Với đặc điểm của môi trường, đặc biệt là các yếu tố như nước và không khí, việc bảo vệ môi trường sẽ chỉ có hiệu quả nếu thực hiện trên phạm vi rộng hơn với sự tham gia của nhiều cộng đồng hơn. Hiện nay tại Việt Nam, việc bảo vệ môi trường ở cấp độ địa phương thường được thực hiện theo nguyên tắc của địa giới hành chính. Cơ quan chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường ở cấp độ địa phương là cơ quan chính quyền địa phương phụ trách về vấn đề quản lý tài nguyên, môi trường.

Cấp độ quốc gia: Việc bảo vệ môi trường ở cấp độ quốc gia được triển khai thông qua việc quản lý thống nhất của chính phủ trung ương. Chính phủ sử dụng các công cụ và phương thức khác nhau để thực hiện bảo vệ môi trường.

Cấp độ quốc tế: Trên thế giới, đã có nhiều nỗ lực của con người trong việc bảo vệ môi trường. Các tổ chức và các hiệp ước quốc tế đã ra đời để bảo vệ môi trường ở cấp độ toàn cầu.

2.1.2. Quan niệm về phát triển kinh tế

Trước hết liên quan đến khái niệm *kinh tế*, có nhiều cách hiểu, định nghĩa được đưa ra dưới nhiều góc độ, tiếp cận khác nhau. Ngay bản thân các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin cũng có những quan điểm không hoàn toàn giống nhau về khái niệm này.

Trong tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học*, C.Mác cho rằng: kinh tế với tư cách là đời sống kinh tế hiện thực, được hiểu là “những quan hệ sản xuất xã hội”, cùng với nó là “năng lực sản xuất vật chất”, trong một điều kiện xã hội “gắn liền

mật thiết với những lực lượng sản xuất” và đây chính là cơ sở “thiết lập nên những quan hệ xã hội phù hợp”. Kinh tế với tư cách là phạm trù kinh tế, là kết quả phản ánh trong nhận thức về đời sống kinh tế hiện thực là “những biểu hiện lý luận, những sự trừu tượng hóa của những quan hệ sản xuất xã hội”, phản ánh “những quan hệ sản xuất của xã hội” [76, tr.187]. Trong tác phẩm *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*, C.Mác đã làm rõ hơn bản chất của các quan hệ sản xuất. Mác viết: “Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội” [77, tr.14,15]. Các quan hệ sản xuất này tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn con người và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Các quan niệm này của C.Mác đã chỉ ra kinh tế chính là các quan hệ sản xuất, và như vậy kinh tế liên quan tới mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất.

Trong thư gửi cho Booc-Ghi-út, Ăngghen cho rằng: “Chúng tôi hiểu các quan hệ kinh tế - mà chúng tôi coi là cơ sở quyết định của lịch sử xã hội, - là phương thức mà con người của một xã hội nhất định dùng để sản xuất ra những tư liệu để sinh sống và trao đổi sản phẩm với nhau” [80, tr.276]. Kinh tế ở đây được hiểu là phương thức sản xuất dùng để sản xuất và trao đổi sản phẩm với nhau trong quá trình con người sản xuất.

Như vậy, trong quan niệm của các nhà kinh điển Mác - Ăngghen, kinh tế là tổng thể các phương thức và cách thức mà con người đã sử dụng để sản xuất và trao đổi với nhau trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể.

Về khái niệm *phát triển*, theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, phát triển là khái niệm dùng để chỉ quá trình vận động đi lên từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật, kết quả của sự phát triển là cái cũ mất đi, cái mới ra đời ở trình độ cao hơn, hoàn thiện hơn. Phát triển là một hiện tượng khách quan và phổ biến, tồn tại cả trong tự nhiên, trong xã hội và trong tư duy. Sự phát

triển được biểu hiện ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực kinh tế. Phát triển kinh tế giữ vai trò vô cùng quan trọng, là nhân tố hàng đầu thể hiện sự phát triển của mỗi quốc gia.

Liên quan tới khái niệm *phát triển kinh tế*, có nhiều quan niệm khác nhau. Có tác giả cho rằng phát triển kinh tế là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời gian nhất định [146, tr.18], [67, tr.28]; hoặc phát triển kinh tế là một quá trình thay đổi mọi mặt của nền kinh tế theo chiều hướng tích cực trong một thời gian nhất định. Phát triển kinh tế bao hàm tăng trưởng kinh tế tức là tăng về quy mô sản lượng của nền kinh tế, hoàn chỉnh về cơ cấu, thể chế kinh tế và sự phát triển xã hội [87, tr.28]; hoặc phát triển kinh tế là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế bao gồm cả sự tăng thêm về sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu xã hội [146]. Nhìn chung, các quan điểm trên đã đề cập đến phát triển kinh tế, trước hết là tăng trưởng kinh tế và đi kèm với sự tiến bộ của cơ cấu kinh tế, thể chế kinh tế và chất lượng cuộc sống.

Như vậy, có thể hiểu *phát triển kinh tế là một quá trình vận động đi lên của nền kinh tế, là sự hoàn thiện những cách thức và phương thức sản xuất và trao đổi sản phẩm của con người trong một xã hội nhất định*.

Để đo lường sự phát triển kinh tế của một quốc gia, người ta sử dụng các chỉ tiêu như: Chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng kinh tế, gia tăng tổng sản phẩm xã hội, gia tăng thu nhập của người dân; Chỉ tiêu về thay đổi cơ cấu kinh tế, tỷ trọng các ngành, lĩnh vực; chỉ tiêu về các chỉ số phát triển con người; chỉ tiêu về mức độ tiêu dùng của cải của xã hội;... Sự phát triển kinh tế của một quốc gia theo cách hiểu này bao gồm sự gia tăng quy mô kinh tế, sự thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, phù hợp; có tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng cao, thu nhập của người dân ngày càng tăng, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng nâng cao, người dân có sự bình đẳng về cơ hội phát triển và công bằng giữa cống hiến và hưởng thụ thành quả của sự phát triển. Trên thực tế cũng có sự lẫn lộn hay đồng nhất giữa khái niệm phát triển kinh tế với tăng trưởng kinh tế. Ở đây cần lưu ý, khái niệm phát triển kinh tế không đồng nhất với khái niệm tăng trưởng kinh tế.

Phát triển kinh tế có nội hàm rộng hơn, bao hàm tăng trưởng kinh tế. Nếu như tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội hoặc tổng thu nhập quốc dân trong một thời gian nhất định thì phát triển kinh tế là quá trình, tăng tiến mọi mặt của nền kinh tế, bao gồm sự tăng trưởng kinh tế và đồng thời có sự hoàn chỉnh về mặt cơ cấu kinh tế, tỷ trọng các ngành, gia tăng thu nhập quốc dân, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư,...

Để đánh giá sự phát triển kinh tế của quốc gia cũng cần xem xét các tiêu chí phát triển đó trong một quá trình, chủ yếu và trước hết là ở chỉ số tăng trưởng kinh tế. Bởi lẽ, các quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế thường phải trải qua các giai đoạn khác nhau, và có thể vì nhiều lý do khách quan và chủ quan mà tốc độ tăng trưởng kinh tế không phải lúc nào cũng đều tăng. Trước đây, khi đề cập đến khái niệm phát triển kinh tế thường chủ yếu chỉ tập trung chú ý đến các chỉ số liên quan đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, đến thu nhập bình quân đầu người. Hiện nay, nội hàm khái niệm phát triển kinh tế được mở rộng. Phát triển kinh tế không chỉ dừng lại ở sự tăng trưởng nhanh, mà còn có sự ổn định, bền vững trên cơ sở khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ được môi trường sinh thái... mà không làm ảnh hưởng, tổn hại đến điều kiện và khả năng thỏa mãn nhu cầu và môi trường sống của các thế hệ mai sau.

Phát triển kinh tế theo hướng bền vững phải đáp ứng được các tiêu chí sau:

- (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và duy trì được trong thời gian dài.
- (2) Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiên bộ và hiện đại, thích ứng với sự phát triển của thời đại.
- (3) Nền kinh tế có hiệu quả, năng suất lao động cao và khả năng cạnh tranh mạnh mẽ.
- (4) Phát triển kinh tế kết hợp với tiến bộ xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội khác nhau, trong đó có vấn đề bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế theo hướng bền vững có quan hệ mật thiết với bảo vệ môi trường, là tiền đề cơ sở để thực hiện tốt bảo vệ môi trường, ngược lại, bảo vệ môi trường một cách hiệu quả sẽ giúp đảm bảo sự phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Ở Việt Nam, khi đề cập đến vấn đề *phát triển kinh tế*, trong quan niệm của Đảng từ đổi mới đến nay luôn khẳng định hàm ý phát triển kinh tế ở Việt Nam chính là phát triển kinh tế bền vững. Ở nhiều kỳ đại hội, mặc dù có thể diễn đạt không hoàn toàn giống nhau, thậm chí ở nhiều văn bản không ghi rõ cụm từ phát triển kinh tế bền vững song nội dung quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế bền vững được thể hiện xuyên suốt trong các nghị quyết, chính sách và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Phát triển kinh tế bền vững là một trong những chiến lược chủ chốt, nhằm đảm bảo sự phát triển lâu dài, toàn diện và không gây tổn hại đến môi trường và xã hội. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 – 2000 tại Đại hội toàn quốc lần thứ VII (năm 1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định quan điểm tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững và "Tăng trưởng kinh tế, gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường" [39, tr.449]. Ở các đại hội tiếp theo, quan điểm này của Đảng vẫn được tiếp tục khẳng định trong các văn kiện. Tại Đại hội XII của Đảng (năm 2016) đã tổng kết 30 năm đổi mới ở Việt Nam, Đảng khẳng định sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước phải dựa trên cơ sở phát triển của nền kinh tế: “Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở bền vững kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu” [41, tr.270]. Đây cũng là sự nhận thức mới của Đảng trong việc thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững. Việc tăng trưởng kinh tế bền vững phải bắt nguồn từ việc nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Không thúc đẩy tăng trưởng bằng mọi giá, gây tác động xấu đến ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm quốc phòng an ninh, tiến bộ công bằng xã hội, giữ gìn môi trường sinh thái.

Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm về phát triển kinh tế bền vững, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu "phát triển nhanh và

bền vững (*trong đó có phát triển kinh tế bền vững - TG*) dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh” [43, tr.214-215]. Điều này thể hiện quyết tâm của Đảng trong việc chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế từ dựa trên khai thác tài nguyên sang nền kinh tế tri thức, công nghệ cao và thân thiện với môi trường.

Như vậy, trong quan điểm của Đảng khi bàn đến chủ đề phát triển kinh tế (thực chất là phát triển kinh tế bền vững) luôn gắn mục tiêu phát triển kinh tế với vấn đề bảo vệ môi trường. Luận án khi triển khai các nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở Việt Nam nói chung và các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng, cũng quán triệt quan điểm định hướng đó của Đảng, nghiên cứu phát triển kinh tế với hàm ý chỉ sự phát triển kinh tế bền vững.

2.1.3. Quan niệm bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Liên quan đến khái niệm *bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế*, có nhiều cách hiểu khác nhau.

Các nhà sáng lập của chủ nghĩa Mác – Lênin tuy không bàn trực tiếp tới bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, nhưng trong quan điểm của các ông bàn tới mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình lao động sản xuất của con người. Theo quan điểm của Mác và Ăngghen, con người không chỉ là một phần của tự nhiên mà còn là chủ thể có khả năng cải biến và tác động lên tự nhiên. Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác cho rằng, giữa con người và giới tự nhiên có mối quan hệ thống nhất với nhau. “Giới tự nhiên cụ thể là cái giới tự nhiên trong chừng mực bản thân nó không phải là thân thể của con người - là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là thân thể của con người” [81, tr.135]. C.Mác cũng khẳng định rằng giới tự nhiên chính là nguồn gốc của cuộc sống con người và mọi

tác động đến môi trường đều ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người: “Con người làm tổn hại giới tự nhiên nghĩa là làm tổn hại chính bản thân mình” [81, tr.180]. Chính vì vậy để hoạt động phát triển kinh tế thực sự bền vững vì chính lợi ích của con người thì hoạt động đó phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường tự nhiên. Quan điểm về mối quan hệ con người và môi trường của C.Mác vô cùng độc đáo, vì trong lịch sử của con người, ngoài C.Mác, chưa có ai coi giới tự nhiên, coi môi trường là thân thể của con người.

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cũng cho rằng, con người là kết quả tiến hoá lâu dài (hàng triệu năm) của vật chất, “một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được”. Ông cũng khẳng định con người và tự nhiên là một thể thống nhất: “Bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên” [79, tr.655]. Ông cũng chỉ ra rằng, nếu con người hủy hoại tự nhiên để phát triển kinh tế nhằm thỏa mãn những nhu cầu vật chất ngày càng tăng của mình thì cũng chính là con người đang hủy hoại “thân thể vô cơ” của mình và tất yếu phải trả giá cho điều đó. Trong tác phẩm này, Ph.Ăngghen đã dẫn ra những trường hợp điển hình, khi con người phá rừng và khai hoang để làm đất canh tác, thì sẽ gây ra những hậu quả có thể kéo dài hàng ngàn năm và khó có thể khôi phục lại trạng thái ban đầu: “Nhưng nếu chúng ta đã phải trải qua hàng nghìn năm lao động mới có thể, trong một chừng mực nào đó, đánh giá trước được những hậu quả tự nhiên xa xôi của những hành động sản xuất của chúng ta, thì chúng ta lại càng phải trải qua nhiều khó khăn hơn nữa, mới có thể hiểu biết được những hậu quả xã hội xa xôi của những hành động ấy” [79, tr.655, 656]. Do đó, nếu để phát triển kinh tế nhằm phục vụ cho những nhu cầu vật chất ngày càng tăng của mình mà con người hủy hoại môi trường tự nhiên thì con người sẽ phải trả giá bằng chính cuộc sống và tương lai của mình. Bởi vậy, trong quá trình phát triển kinh tế, con người không thể đối lập với tự nhiên, không thể khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên. Mọi hành vi phá hoại môi trường tự nhiên trong khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người tức là phá vỡ sự hài hòa, cân bằng của mối quan hệ con người -

môi trường, xét về mặt sinh thái, cũng đồng nghĩa với sự phá hoại cuộc sống của chính bản thân con người. C.Mác và Ph.Ăngghen cảnh báo về tình trạng phát triển kinh tế quá nóng, khai thác tự nhiên một cách bừa bãi, không cân nhắc đến hậu quả lâu dài của con người sẽ dẫn đến sự khủng hoảng môi trường nghiêm trọng, làm cản trở sự phát triển kinh tế lâu dài và đe dọa sự sống còn của con người: “Chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó” [79, tr.654]. Để tồn tại, phát triển, con người phải chinh phục và thay đổi, cải biến tự nhiên, nhưng con người không được quên rằng mình là một phần của giới tự nhiên. Do đó, việc can thiệp, thay đổi tự nhiên phải được thực hiện trong bối cảnh của sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Nếu con người phá vỡ sự cân bằng này vì lợi ích cá nhân ngắn hạn, con người sẽ phải chịu những hậu quả nghiêm trọng và khó lường. Có những hậu quả có thể nhìn thấy ngay lập tức, nhưng cũng có những hậu quả lâu dài mà nhân loại chỉ có thể đánh giá được sau hàng nghìn năm.

Như vậy, mặc dù không nêu rõ nội dung bàn về vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, song những quan điểm đúng đắn, cụ thể trên của C.Mác, Ph.Ăngghen đã cung cấp cho nhân loại cơ sở lý luận để hiểu rõ về mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa con người và môi trường sống tự nhiên, đồng thời giúp loài người nhận thức được đúng về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong quá trình tác động cải biến tự nhiên, thực hiện các hoạt động lao động sản xuất phục vụ cho nhu cầu của con người, thúc đẩy phát triển kinh tế.

Trong thực tế, khi đề cập đến vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cũng có nhiều hướng quan niệm khác nhau. Tại những quốc gia nghèo, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan về nguồn lực, chính sách, năng lực quản lý,

tầm nhìn nên thường có xu hướng coi trọng, đề cao, ưu tiên cho mục tiêu phát triển kinh tế mà ít quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Một số quốc gia lại có quan điểm khác cho rằng bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng. Nếu để môi trường bị hủy hoại thì rất khó để hồi phục, cho nên muốn phát triển kinh tế vẫn phải bảo vệ môi trường, đặt môi trường lên trên kinh tế, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam cho rằng cả phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường đều rất cần thiết, không thể hy sinh kinh tế hay môi trường mà cần phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế, trong đó đảm bảo bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động phát triển kinh tế.

Trong những năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ môi trường, thường xuyên nhấn mạnh phải đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế với vấn đề bảo vệ môi trường trong toàn bộ tiến trình đổi mới phát triển đất nước. Bởi lẽ, môi trường là nền tảng cơ bản cho phát triển kinh tế của mọi quốc gia. Giữa môi trường và phát triển kinh tế có mối quan hệ biện chứng với nhau. Kinh tế cần môi trường để cung cấp nguồn lực như đất đai, nước, khoáng sản, và tài nguyên sinh học để phục vụ cho quá trình sản xuất và tiêu thụ. Ngược lại, quá trình phát triển kinh tế sẽ tạo ra nguồn lực và công nghệ cần thiết để bảo vệ và cải thiện môi trường. Nếu phát triển kinh tế theo hướng bền vững, nó sẽ tạo ra những công nghệ sạch, sử dụng năng lượng tái tạo, và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Ở chiều ngược lại, phát triển kinh tế thường gây ra tác động tiêu cực đến môi trường, như ô nhiễm không khí, nước, đất, và suy giảm tài nguyên thiên nhiên. Phát triển kinh tế nhanh chóng thường đi kèm với việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên và gây ô nhiễm môi trường. Trong ngắn hạn, các hoạt động phát triển kinh tế có thể tạo ra lợi nhuận và tăng trưởng kinh tế, nhưng về lâu dài, nếu phát triển kinh tế không bền vững thì môi trường bị hủy hoại, dẫn đến sự suy thoái của các hệ sinh thái, ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống và làm giảm khả năng phát triển bền vững trong tương lai. Song nếu tuyệt đối hóa vấn đề bảo vệ môi trường mà không

tính đến phát triển kinh tế, hi sinh kinh tế thì điều đó không chỉ cản trở sự tăng trưởng của nền kinh tế mà còn khiến quốc gia không có các nguồn lực cần thiết để thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường. Do đó, về lâu dài, cách thức này cũng sẽ khiến cả mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế đều không thực hiện tốt. Vì vậy, phát triển kinh tế bền vững kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, thực hiện bảo vệ môi trường trong từng chiến lược, chính sách phát triển kinh tế là con đường, cách thức tất yếu đúng đắn để đảm bảo tiến trình phát triển ổn định, bền vững của mọi quốc gia. Và đó cũng chính là quan điểm, mục tiêu, động lực phát triển của Việt Nam luôn gắn bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế, trong mọi hoạt động phát triển kinh tế không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, đồng thời coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Tại Đại hội lần thứ VII (năm 1991), lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra quan điểm định hướng phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 – 2000 là phải đảm bảo “Tăng trưởng kinh tế, gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường” [39, tr.55].

Đại hội VIII (năm 1996) cũng tiếp tục các quan điểm về việc tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái đặt ra tại Đại hội VII, đồng thời chỉ rõ trong quá trình phát triển kinh tế cần thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để bảo vệ môi trường: “Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường, xây dựng các vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh ở đô thị và các khu công nghiệp; áp dụng các kỹ thuật tiên tiến để xử lý các chất độc hại, chất thải” [39, tr.773, 774]. Chỉ thị số 36/1998/CT-TW về *tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* nêu rõ: “Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững” [9]. “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên

và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước” [7].

Các Đại hội tiếp theo tiếp tục quan điểm bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của Đảng. Đặc biệt lần đầu tiên Đại hội XI xác định nhiệm vụ “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân” [40, tr.508]. Đại hội cũng nhấn mạnh mục tiêu chuyển đổi sang một nền kinh tế xanh, phát triển công nghệ sạch và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Đây là lần đầu tiên khái niệm “kinh tế xanh” được đưa ra như một định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển của Việt Nam: “Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch” [40, tr.488]. Điều này phản ánh xu hướng toàn cầu và cho thấy Việt Nam đang bắt đầu tiếp cận các mô hình kinh tế mới, thân thiện với môi trường trong phát triển kinh tế.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định vai trò của mô hình kinh tế hiện đại trong việc bảo vệ môi trường: “Phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cacbon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất” [43, tr.52]. Đặc biệt lần đầu tiên văn kiện Đại hội XIII nói tới vai trò của kinh tế xanh trong bảo vệ môi trường: “Xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” [44, tr.331]. Quan điểm này của Đại hội XIII được đặt ra tại 3 nhiệm vụ của Chiến lược tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020, tầm nhìn 2050: Thứ nhất, giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Thứ hai, xanh hóa sản xuất; Thứ ba, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Việc phát triển kinh tế theo hướng xanh là một nội dung quan trọng trong đường hướng phát triển môi trường bền vững ở Việt Nam. Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với xu hướng toàn cầu hiện nay nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường.

Để cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác bảo vệ môi trường, Quốc hội quy định đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý [94], đồng thời nhấn mạnh việc phân công, phân cấp đi đôi với phân quyền trong quản lý nhà nước về môi trường; chuyển vai trò trung tâm của nhà nước về các vấn đề môi trường sang vai trò trung tâm của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư [98]. Chính phủ đưa ra 3 giải pháp, nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai: chủ động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường; khắc phục ô nhiễm cải thiện chất lượng môi trường và đời sống nhân dân; bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong tình hình mới [173] nhằm tạo sự thống nhất, xuyên suốt thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Như vậy, bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay đối với mọi quốc gia, vùng miền, địa phương... nếu muốn đạt mục tiêu phát triển nhanh, bền vững.

Trên cơ sở các quan niệm về môi trường, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế như đã phân tích, có thể hiểu *bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình thực hiện các hoạt động sản xuất và trao đổi sản phẩm nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển.*

Như vậy, bản thân nội hàm khái niệm bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế đã cho thấy mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, cũng như sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Đây cũng chính là quan điểm xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam khi chỉ đạo, định hướng phát triển kinh tế ở Việt Nam luôn gắn với bảo vệ môi trường, trong mọi

hoạt động phát triển kinh tế không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế đồng thời coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Khái niệm bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tập trung vào 3 hoạt động: 1. Phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường để đảm bảo giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; 2. Ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường để đảm bảo vừa thúc đẩy phát triển kinh tế vừa bảo vệ môi trường; 3. Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu để đảm bảo bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

2.2. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM – QUAN NIỆM, CHỦ THỂ, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC

2.2.1. Quan niệm về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam

Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc gồm 14 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La và Hòa Bình. Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi phía Bắc xác định tầm quan trọng đặc biệt của Trung du và miền núi phía Bắc về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; đồng thời khẳng định Trung du và miền núi phía Bắc có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ.

Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam có những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội khác với các vùng khác trong cả nước. Những đặc điểm này có tác động nhất định tới việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của vùng.

Thứ nhất, điều kiện tự nhiên đặc thù các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Địa hình chủ yếu của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc bị chia cắt mạnh mẽ bởi những dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc, đặc biệt là dãy Hoàng Liên

Sơn có đỉnh Fanxipang cao hơn 3.000 m, chia cắt Tây Bắc với Đông Bắc. Xen giữa Đông Bắc và Tây Bắc là vùng đệm Việt Bắc. Địa hình của vùng Trung du và miền núi phía Bắc khá phức tạp và phân hóa mạnh với nhiều dãy núi cao, có độ dốc lớn, tạo nên nhiều cảnh quan đẹp và di tích tự nhiên, giúp các địa phương trong vùng có thể phát triển ngành kinh tế du lịch. Thu nhập từ ngành kinh tế không khói này giúp doanh nghiệp và người dân có thu nhập ổn định, cải thiện đời sống, cũng như đầu tư trở lại để bảo vệ môi trường. Nhưng cũng với địa hình khá phức tạp và phân hóa mạnh với nhiều dãy núi cao, có độ dốc lớn, hệ thống sông suối của vùng đều dốc, tốc độ dòng chảy lớn gây xói lở khu vực ven sông hoặc hiện tượng lũ quét ở một số địa phương của vùng. Bên cạnh đó, việc giao thương, giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các tỉnh thuộc nội bộ khu vực Vùng, giữa khu vực Trung du và miền núi phía Bắc với các vùng khác của cả nước rất khó khăn. Điều này làm cho các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng cho các dự án bảo vệ môi trường (nhất là cơ sở vật chất để bảo vệ môi trường của các dự án khai thác khoáng sản, dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng) để phát triển kinh tế như khu xử lý nước thải, rác thải.

Khí hậu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc chịu tác động của khí hậu nhiệt đới gió mùa, có sự phân hóa mạnh giữa mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa có lượng mưa lớn, nhưng mùa khô thường kéo dài và khô hạn nghiêm trọng. Lượng mưa lớn mang lại nguồn nước tưới dồi dào cho ngành nông nghiệp, lâm nghiệp. Nhờ vào khí hậu thuận lợi, các loại cây trồng và rừng phát triển tốt, ít bị ảnh hưởng bởi sâu bệnh. Điều này giúp giảm nhu cầu sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu, từ đó hạn chế ô nhiễm đất, nước và không khí cũng như hỗ trợ các dự án trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, từ đó giảm thiểu lũ lụt, sạt lở đất và bảo tồn hệ sinh thái sông suối. Thêm vào đó, với lượng mưa lớn và địa hình đồi núi, rất phù hợp cho phát triển các dự án thủy điện nhỏ. Việc khai thác nguồn năng lượng tái tạo này không chỉ giảm phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch mà còn giúp bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy phát triển bền vững. Song cũng vào mùa mưa, lượng mưa lớn kết hợp với địa hình dốc đã tạo những cơn lũ lớn

làm xói mòn đất, sạt lở đất, phá hủy kết cấu hạ tầng. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp không mặn mà đầu tư vào phát triển kinh tế Vùng cũng như triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường. Với đặc thù như vậy, các tỉnh cũng khó huy động được các nguồn lực để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế Vùng.

Thứ hai, đặc điểm phát triển kinh tế các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là một trong những khu vực khó khăn chưa phát triển của cả nước. Quá trình phát triển kinh tế của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có một số đặc điểm sau:

Một là, kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn thấp. Hạ tầng kém phát triển không chỉ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất mà còn có nhiều tác động tiêu cực đến môi trường.

Với hạ tầng giao thông, điện nước, và dịch vụ cơ bản kém phát triển, nhiều hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc diễn ra không được quản lý chặt chẽ. Điều này dẫn đến tình trạng khai thác khoáng sản, gỗ và các nguồn tài nguyên rừng một cách ồ ạt mà không quan tâm đến tác động môi trường lâu dài. Các doanh nghiệp sản xuất trong khu vực thường phải sử dụng công nghệ lạc hậu, không có khả năng tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và tài nguyên.

Mặc dù kết cấu hạ tầng tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc còn hạn chế gây ra nhiều thách thức cho phát triển kinh tế, nhưng đồng thời cũng mang lại những lợi ích đáng kể cho việc bảo vệ môi trường. Hạ tầng giao thông và công nghiệp còn thấp dẫn đến sự phát triển của các nhà máy và khu công nghiệp chưa nhiều, giúp giảm thiểu lượng phát thải từ các hoạt động sản xuất công nghiệp tới môi trường. Các khu vực rừng nguyên sinh và hệ sinh thái tự nhiên ở Trung du và miền núi phía Bắc có thể được bảo vệ tốt hơn do ít chịu sự can thiệp mạnh mẽ từ các hoạt động khai thác và sản xuất quy mô lớn.

Hai là, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế đặc thù.

Khác với các vùng Đồng bằng Sông Hồng hay Bắc Trung Bộ, vùng Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều thế mạnh do được thiên nhiên ưu đãi để có thể phát triển các ngành kinh tế đặc thù. Có thể kể đến như:

Ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản: Sự phát triển của các ngành kinh tế này dựa vào ưu thế của vùng có nhiều nguồn tài nguyên đa dạng, như sắt (Yên Bái, Thái Nguyên), thiếc và boxit (Cao Bằng), chì – kẽm (Bắc Kạn), đồng – vàng, Apatit (Lào Cai)... Đây là điều kiện để Vùng có thể phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, ngành công nghiệp nặng, xuất khẩu tài nguyên khoáng sản mang lại công ăn việc làm cho người lao động. Song nếu thiếu các công nghệ khai thác hiện đại thì rất dễ dẫn đến tình trạng cạn kiệt tài nguyên nhanh chóng và gây ô nhiễm môi trường.

Ngành thủy điện: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có có hệ thống sông ngòi dày đặc và có độ dốc lớn. Đặc điểm này giúp cho Vùng có tiềm năng phát triển thủy điện. Các nguồn thủy năng đã và đang được khai thác như thủy điện Thác Bà trên sông Chảy (110 MW); thủy điện Hòa Bình (1920 MW), Sơn La (2400 MW), Lai Châu (1200 MW) trên sông Đà; thủy điện Tuyên Quang trên sông Gâm (342 MW) [106]. Việc phát triển nguồn năng lượng thủy điện sẽ tạo động lực mới cho sự phát triển các ngành kinh tế trong Vùng. Tuy vậy, việc xây dựng các dự án thủy điện với yêu cầu trình độ khoa học kỹ thuật phức tạp phải di dời dân cư đến nơi ở mới tạo nên sự thay đổi lớn về cả môi trường cũng như đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá cư dân các tộc người. Đặc biệt, việc người dân đến nơi ở mới nhưng không phù hợp, tự ý tìm nơi ở mới, kéo theo hiện tượng phá rừng đốt nương, làm rẫy lấy đất sản xuất.

Ngành kinh tế du lịch: Vùng có nhiều tiềm năng cho phát triển du lịch sinh thái với 7 vườn quốc gia, 23 khu dự trữ thiên nhiên và nhiều khu rừng văn hóa - lịch sử - môi trường. Nếu được phát triển một cách bền vững và có kế hoạch, du lịch sinh thái không chỉ tạo ra nguồn thu nhập ổn định mà còn góp phần bảo vệ các giá trị thiên nhiên. Việc không kiểm soát sự phát triển của ngành kinh tế không khói này có thể gây xói mòn đất, giảm năng suất cây trồng, ô nhiễm nguồn nước.

Ngược lại việc phát triển các ngành kinh tế du lịch cũng tác động trở lại các doanh nghiệp kinh doanh các dịch vụ du lịch đầu tư, cải tạo lại cảnh quan môi trường, trồng cây, gây rừng để thu hút khách du lịch, mang lại lợi nhuận cho chính doanh nghiệp.

Ngành nông nghiệp trồng trọt: vùng Trung du và miền núi phía Bắc tài nguyên đất vô cùng phong phú. Cùng với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và mùa đông lạnh, kết hợp với địa hình núi, vùng có thế mạnh trong việc trồng các loại cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như chè (nổi tiếng ở Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Hà Giang), các loại cây thuốc quý (tam thất, đương quy, đỗ trọng, hồi, thảo quả...) các cây ăn quả (đào, lê, mận...) cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới, sản xuất hạt giống rau quanh năm, cũng như trồng hoa xuất khẩu mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và người dân. Song sự phát triển của ngành nông nghiệp trong vùng vẫn duy trì ở quy mô nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu kinh doanh ở hộ gia đình, chưa hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, việc sử dụng các loại chất bảo quản thực vật vẫn chưa được kiểm soát gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường.

Như vậy, mặc dù có nhiều tiềm năng thế mạnh để phát triển kinh tế nhưng vùng Trung du và miền núi phía Bắc chưa tận dụng để khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên một cách có hiệu quả để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân.

Thứ ba, đặc điểm văn hóa – xã hội các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc có 32 dân tộc sống rải rác rộng khắp các tỉnh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Kinh, Dao, Xinh Mun, Mường, Thái, H'Mông, Hà Nhì,... Mỗi dân tộc có lối sống, phong tục và tập quán có sự phù hợp với điều kiện tự nhiên và địa hình của vùng như việc xây nhà sàn, canh tác nương rẫy. Trình độ dân trí của Vùng còn thấp nên có sự ảnh hưởng đến việc tiếp cận kiến thức và tham gia bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc hiện đang là “lõi nghèo” của cả nước, hơn thế nữa Vùng còn vừa trải qua những năm đại dịch, khó khăn, khủng hoảng nặng nề. Tại Nghị quyết về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... khẳng định để thoát nghèo, thúc đẩy kinh tế phát triển thì nhất thiết phải ưu tiên hàng đầu cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, một số tỉnh có quan điểm ưu tiên phát triển kinh tế trước, khi làm kinh tế tạm ổn mới chú ý đến bảo vệ môi trường sau như Bắc Kạn [46], Lạng Sơn [47]. Một số tỉnh như Thái Nguyên [49] chú trọng các nhiệm vụ phát triển kinh tế. Một số tỉnh khác như Lào Cai [48]; Vĩnh Phúc[50]; Bắc Giang [45] nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đi đôi với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Song hậu quả của việc phá hủy và gây tổn hại đến môi trường để phát triển kinh tế là vô cùng nguy hiểm và sẽ kéo dài mãi mãi nếu không cách cách thức, bước đi bảo vệ môi trường phù hợp. Vì vậy, phần lớn các tỉnh đều thực hiện đúng tinh thần nghị quyết của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế, giải quyết hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, quyết không đánh đổi môi trường để chạy theo mục đích kinh tế đơn thuần, luôn chú trọng đảm bảo gắn kết chặt chẽ nội dung bảo vệ môi trường trong chính sách phát triển kinh tế của các địa phương cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế. Nhất thiết không hy sinh môi trường để ưu tiên phát triển kinh tế rồi hy vọng lấy kết quả tăng trưởng, phát triển kinh tế để bù đắp cho những tổn thất về môi trường.

Trên cơ sở các quan niệm về bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cũng như căn cứ vào thực tiễn tổ chức triển khai bảo vệ môi trường tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, luận án xác định *bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá*

trình thực hiện các hoạt động sản xuất và trao đổi sản phẩm nhằm đảm bảo giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Các nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc bao gồm: 1. Phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; 2. Ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; 3. Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

2.2.2. Chủ thể bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam

Ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, có nhiều chủ thể tham gia thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, song luận án chỉ tập trung vào những chủ thể có vai trò quan trọng, liên quan trực tiếp đến vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế như: các chủ thể lãnh đạo, quản lý; doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Các chủ thể lãnh đạo, quản lý (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội) mặc dù không có vai trò trực tiếp song có vai trò chỉ đạo, định hướng về chủ trương, đường lối bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Các chủ thể có vai trò trực tiếp là doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Trong đó, các doanh nghiệp là chủ thể quan trọng nhất, trực tiếp thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm môi trường, ứng phó xử lý với các sự cố ô nhiễm, suy thoái môi trường xảy ra khi thực hiện các dự án, chương trình phát triển kinh tế, đồng thời động viên, khích lệ, cổ vũ, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong việc thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, lan tỏa những cách thức, biện pháp hay, hiệu quả thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong

phát triển kinh tế. Cộng đồng dân cư là lực lượng quan trọng tích cực thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Các chủ thể lãnh đạo, quản lý

Chủ thể lãnh đạo, quản lý bao gồm Đảng, Nhà nước (các Bộ, Ban, Ngành trực tiếp chỉ đạo, quản lý lĩnh vực tài nguyên, môi trường; cấp ủy đảng và chính quyền địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc phụ trách về vấn đề bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên); Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường để chỉ đạo, định hướng, quản lý bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Cấp ủy đảng và chính quyền địa phương tiếp nhận chủ trương và tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách tại địa phương. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là cầu nối để tuyên truyền, giáo dục, vận động doanh nghiệp, người dân thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, đồng thời phối hợp với cộng đồng dân cư kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp

Các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là các chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động đầu tư, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên để sản xuất ra của cải vật chất, hàng hóa phục vụ cho đời sống của con người, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế các tỉnh, đồng thời họ cũng là nhóm chủ thể có thể làm tổn hại nhiều nhất đến môi trường từ các hoạt động xả thải, gây ô nhiễm môi trường, thậm chí hủy hoại môi trường. Do đó, các doanh nghiệp có sự liên quan trực tiếp đến tài nguyên thiên nhiên, môi trường tự nhiên, đồng thời cũng là các chủ thể có thể tác động nhiều nhất, mạnh mẽ nhất đến môi trường, có thể bảo vệ, gìn giữ hoặc tàn phá, hủy hoại môi trường trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế. Doanh nghiệp cũng là nhóm chủ thể đóng góp nguồn lực tài chính quan trọng cho hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn các tỉnh thông qua các khoản thuế nộp hoặc các khoản tiền ủng hộ, tài trợ

cho các quỹ bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, đây cũng là nhóm chủ thể có thể mang lại nhiều tác động tiêu cực tới môi trường, làm tổn hại thậm chí hủy hoại môi trường sinh thái nếu không có ý thức trách nhiệm và nhận thức đúng về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong khi thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế, chẳng hạn như khai thác ô ạt, trái quy định các nguồn tài nguyên thiên nhiên; xả thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường cố tình sử dụng công nghệ sản xuất cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường...

Cộng đồng dân cư

Cộng đồng dân cư được hiểu là: “Cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [98].

Ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, cộng đồng dân cư là chủ thể đồng thời là người trực tiếp thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Cộng đồng dân cư có vai trò quan trọng trong việc *đề xuất, góp ý, kiến nghị* trong hoạch định và ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế và cũng là chủ thể thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, quy định này. Đồng thời, cộng đồng dân cư có vai trò trong việc thực hiện *theo dõi, kiểm tra, giám sát* các hoạt động, dự án kinh tế của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp có liên quan đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở địa phương. Họ có thể tham gia trực tiếp, hoặc gián tiếp đối với các chương trình/dự án kinh tế về môi trường; theo dõi, giám sát quá trình thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp; tẩy chay sản phẩm của các doanh nghiệp vi phạm bảo vệ môi trường; kịp thời tố giác và tham gia đấu tranh, phản đối các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, tàn phá tài nguyên... ở các địa phương. Cộng đồng dân cư tham gia đóng góp, cung cấp thông tin, giám sát việc xử lý các sự cố liên quan đến môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế gây ra, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường ngay từ khi mới xuất hiện, nhất là các vấn đề môi trường liên

quan trực tiếp đến số đông dân cư, ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng như ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, sự cố môi trường, rác thải...

2.2.3. Nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam

Thứ nhất, phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Phòng ngừa có nghĩa là không để cái xấu, cái không hay nào đó xảy ra [141, tr. 783]. Hạn chế nghĩa là giữ lại, ngăn lại trong một giới hạn nhất định, không để cho vượt qua [141, tr.420]. Phòng ngừa và hạn chế tác động xấu của các hoạt động phát triển kinh tế đến môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là các hoạt động được thực hiện để đề phòng, ngăn ngừa, giảm thiểu, hạn chế những tác động có hại của con người đến môi trường khi thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế ở các tỉnh này.

Trong số 14 tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc thì chỉ có 3 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ có nền kinh tế phát triển còn đại đa số các tỉnh còn kinh tế phát triển chậm, khoa học kỹ thuật còn lạc hậu. Vì vậy, trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía rất dễ xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Vì vậy, cần phải thực hiện hoạt động ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu của các hoạt động kinh tế trước khi nó bắt đầu để không ảnh hưởng tới môi trường.

Các nội dung cơ bản của hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu của các hoạt động phát triển kinh tế đến môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc bao gồm: *Một là*, xây dựng quy hoạch môi trường, dự án môi trường trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi tỉnh; *Hai là*, áp dụng khoa học kỹ thuật tiến bộ vào quy trình sản xuất nhằm phòng ngừa, hạn chế tác động của hoạt động phát triển kinh tế tới môi trường; áp dụng các mô hình sản xuất an toàn với môi trường để ngăn ngừa, giảm thiểu hậu quả của ô nhiễm do hoạt động phát triển kinh tế gây ra; *Ba là*, phân tích đánh giá tác động môi trường đối với các dự

án phát triển kinh tế trước khi phê duyệt nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; *Bốn là*, kiểm tra, giám sát, thanh tra các doanh nghiệp để phát hiện và ngăn chặn kịp thời ngay từ đầu các hành vi làm tổn hại môi trường.

Thứ hai, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Sự cố môi trường là sự bất thường xảy ra trong quá trình con người thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế gây ô nhiễm, suy thoái môi trường ở những mức độ khác nhau. Suy thoái môi trường là sự suy giảm về chất lượng, biến đổi số lượng các thành phần môi trường,... gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên. Nguyên nhân của các tình trạng này chủ yếu là do các hoạt động phát triển kinh tế của con người gây nên.

Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc do tình trạng lạc hậu, yếu kém của nền kinh tế nhất là khoa học công nghệ cho nên khi tiến hành các hoạt động phát triển kinh tế rất dễ xảy ra những sự cố môi trường hoặc gây những tác động xấu làm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường. Vì vậy, ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là hành động chủ động xử lý một cách kịp thời khi có những sự cố môi trường bất thường xảy ra trong khi thực hiện các hoạt động phát triển nhằm khắc phục ô nhiễm và hạn chế tình trạng suy thoái môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Nội dung ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc bao gồm: *Một là*, xây dựng các kế hoạch, biện pháp chủ động ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường xảy ra do hệ quả của các hoạt động kinh tế; *Hai là*, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp, xác định rõ trách nhiệm của các doanh nghiệp gây ra và tập trung xử lý triệt để, dứt điểm, áp dụng các biện pháp xử phạt mạnh

các cơ sở gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường thậm chí cắt phép, cho dừng hoạt động nếu cố tình vi phạm và không có thái độ hợp tác khắc phục sự cố môi trường; *Ba là*, đầu tư khoa học công nghệ để giải quyết các sự cố đã xảy ra giúp môi trường nhanh chóng phục hồi, giảm nhanh tình trạng ô nhiễm; *Bốn là*, huy động các nguồn lực và kêu gọi sự hỗ trợ trong và ngoài nước để xử lý nhanh, hiệu quả sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; ưu tiên phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, các hệ sinh thái đã bị suy thoái nặng, đặc biệt là giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các khu dân cư do chất thải và sự cố môi trường từ các hoạt động phát triển kinh tế gây ra.

Thứ ba, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang trong giai đoạn thúc đẩy phát triển kinh tế, bên cạnh vấn nạn ô nhiễm môi trường thì các tỉnh cũng sẽ phải đối mặt với nguy cơ cạn kiệt dần về tài nguyên để phục vụ cho các hoạt động phát triển kinh tế. Do đó, một trong những nội dung quan trọng để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ môi trường mà các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc hướng tới là khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong khi phát triển kinh tế.

Nội dung hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên gắn với quá trình phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc bao gồm: *Một là*, quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái, bảo vệ và sử dụng bền vững các loại tài nguyên đất, nước; khoáng sản, bảo vệ diện tích đất rừng, tăng cường trồng mới rừng kinh tế, rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi trọc, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng, phục hồi đất và nước tại các khu vực bị suy thoái môi trường; *Hai là*, chuyển đổi mô hình sản xuất kinh tế, chú trọng phát triển kinh tế xanh, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững,

phát triển kinh tế tuần hoàn nơi các nguồn tài nguyên được sử dụng một cách tối ưu và chất thải được tái chế và tái sử dụng, giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên; *Ba là*, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, thải bảo vệ môi trường; *Bốn là*, thanh tra, kiểm tra các hoạt động khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên của các doanh nghiệp đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên để phát triển kinh tế.

2.2.4. Phương thức bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam

Một là, thông qua chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam

Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp bách có tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chính quyền địa phương là nhân tố quan trọng, có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế được thực hiện thông qua các chủ trương, đường lối, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng và hệ thống chính sách, hiến pháp, pháp luật, qui định của Nhà nước để định hướng, chỉ đạo, tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong phát triển kinh tế, từ đó hình thành ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Từ những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cấp ủy đảng và chính quyền địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thể chế hóa, cụ thể hóa những chủ trương đó thành những quy định, kế hoạch, chương trình hành động cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện trong thực tế. Đồng thời có chế tài, biện pháp xử lý các trường hợp cố tình né tránh, không thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường hoặc vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên

trong khi thực hiện các dự án kinh tế. Để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, trước hết cần có chủ trương, đường lối đúng đắn, phù hợp với tình hình các địa phương khi thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế. Nếu ngay từ đầu các chủ trương, đường lối định hướng đã sai lầm, bất cập, không phù hợp thì không thể bảo vệ môi trường có hiệu quả, thậm chí có thể khiến môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng hơn và vì thế mục tiêu phát triển kinh tế ổn định, bền vững cũng không thể đạt được. Tuy nhiên, nếu chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn, nhưng không được các bộ ngành, chính quyền địa phương thể chế hóa kịp thời thành những chính sách cụ thể và triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả trong thực tế thì cũng không thể mang lại kết quả tốt trong việc bảo vệ, gìn giữ môi trường khỏi nguy cơ bị suy thoái, ô nhiễm, hủy hoại; ngăn ngừa, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên không bị khai thác cạn kiệt khi thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế.

Chính sách bảo vệ môi trường có thể bao gồm các quy định, luật pháp và tiêu chuẩn môi trường để kiểm soát và giám sát hoạt động của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; Các chính sách quản lý rừng, quản lý đất đai và quản lý tài nguyên nước; Chính sách khuyến khích khoa học công nghệ để bảo vệ môi trường; nghiên cứu và phát triển công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường; Các chính sách khuyến khích và hỗ trợ việc áp dụng công nghệ và sáng tạo; Chính sách quản lý chất thải,...

Hai là, thông qua sự chủ động tích cực phối hợp hành động, đặc biệt là kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế giữa các cơ quan lãnh đạo, quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Để đảm bảo và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế cần có sự chung tay vào cuộc, chủ động tích cực phối hợp kiểm tra, giám sát, xử lý các hoạt động bảo vệ môi trường khi tiến hành các hoạt động phát triển kinh tế của chủ thể lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Trong đó, các chủ thể lãnh đạo, quản lý ở cấp trung ương và

chính quyền địa phương có chức năng xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kiểm tra, giám sát, xử lý các chủ thể hoạt động kinh tế trong việc đảm bảo thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, kiểm tra, giám sát ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm hợp lý nguồn tài nguyên, xử lý các hành vi làm tổn hại, hủy hoại môi trường. Cộng đồng dân cư là lực lượng đông đảo có thể tham gia giám sát, kiểm tra, phát hiện, tố giác, lên án những hành động trốn tránh, không tuân thủ nghĩa vụ bảo vệ môi trường, những chiêu trò, thủ đoạn ngày càng tinh vi của những doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, tàn phá tài nguyên, hủy hoại môi trường sinh quyển nhằm thu lợi cho bản thân và doanh nghiệp... Các doanh nghiệp là chủ thể quan trọng nhất, trực tiếp thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, đồng thời cũng là chủ thể giám sát việc thực hiện các quy định này của các doanh nghiệp khác nhằm phản ánh, tố giác những sai phạm với chính quyền địa phương để kịp thời có biện pháp ngăn chặn, xử lý. Điều quan trọng là các chủ thể phải có sự kết hợp, phối hợp hành động trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường khi tiến hành các hoạt động phát triển kinh tế. Chỉ cần một bộ phận chủ thể thờ ơ, vô trách nhiệm, không quan tâm, tìm cách đùn đẩy trách nhiệm; né tránh trách nhiệm, hay dung túng cho những hành vi sai trái xâm hại môi trường, tàn phá tài nguyên,... thì việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế sẽ không thể thực hiện mang lại hiệu quả tốt.

Việc phối hợp hành động giữa các chủ thể phải được thực hiện xuyên suốt trong mọi giai đoạn, thời kỳ thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, đặc biệt trong những giai đoạn các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đẩy mạnh phát triển kinh tế, tăng cường các dự án, mở rộng đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh rất dễ nảy sinh nhiều vấn đề, tác động xấu đến môi trường. Việc phối hợp kiểm tra, giám sát giữa các chủ thể, tổ chức và cộng đồng dân cư có thể được thực hiện dưới hai hình thức: kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất để đảm bảo hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế: (1) Phối hợp kiểm tra thường xuyên: Là hình thức phối hợp cơ bản và phổ biến nhất, được sử dụng thường xuyên, liên tục theo một kế hoạch chung thống nhất đã được chuẩn bị từ trước,

song phải kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn; (2) Phối hợp kiểm tra đột xuất: Là hình thức được sử dụng khi có tình huống đột xuất xảy ra. Vì vậy, khi xây dựng phương án, kế hoạch phối hợp phải dự kiến được các tình huống có thể xảy ra và thống nhất cách giải quyết. Những sự cố môi trường trong các hoạt động sản xuất xảy ra ngoài dự kiến phải có sự trao đổi, bàn bạc thống nhất giải quyết một cách kịp thời. Trong quá trình thực hiện phải kết hợp chặt chẽ giữa hai hình thức trên, không xem nhẹ hình thức nào. Đồng thời, phải linh hoạt trong sử dụng hình thức phối hợp, kiểm tra cho phù hợp với tình hình thực tế.

Cách thức phối hợp hành động, kiểm tra, giám sát, xử lý hoạt động bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế giữa các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư cũng cần linh hoạt, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng tỉnh trong vùng. Việc phối hợp hành động, kiểm tra, giám sát, xử lý hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường có thể được thực hiện thông qua: hệ thống công nghệ thông tin, qua các ứng dụng trên điện thoại, hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; đánh giá tác động môi trường định kỳ, đo lường chất lượng không khí, nước, đất,...

Sự phối hợp hành động, kiểm tra, giám sát giữa các chủ thể có vai trò quan trọng, đảm bảo cho các mục tiêu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế được thực hiện một cách hiệu quả.

Ba là, thông qua tổ chức triển khai các chương trình, dự án, mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.

Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam đang trở thành một ưu tiên hàng đầu trong nỗ lực hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững. Để thực hiện được mục tiêu đó, bảo vệ môi trường một cách hiệu quả trong quá trình triển khai các hoạt động phát triển kinh tế các tỉnh, một phương thức hữu hiệu là phải thông qua các chương trình, dự án, mô

hình kinh tế an toàn như kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các dự án ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để bảo vệ môi trường.

Việc thực hiện các chương trình, dự án mô hình kinh tế an toàn, thân thiện với môi trường như kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn không chỉ là một yêu cầu mà còn là một cơ hội để tạo ra sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Chương trình và dự án bảo vệ môi trường được triển khai nhằm mục tiêu bảo tồn, tái tạo, và bảo vệ các nguồn tài nguyên tự nhiên, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực của con người lên môi trường. Các chương trình này có thể bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau, từ quản lý rừng, nguồn nước, đến việc áp dụng các kỹ thuật nông nghiệp bền vững, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.

Các dự án ứng dụng khoa học và công nghệ tiên bộ nhằm xử lý chất thải làm ô nhiễm môi trường, hạn chế tác động của chất thải từ các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp. Các dự án này bao gồm xử lý rác thải, xử lý nước thải, chế tạo vật liệu từ chất thải, quản lý chất thải,... Những dự án này không chỉ giúp giảm ô nhiễm môi trường mà còn mở ra cơ hội tái sử dụng nguồn tài nguyên, tạo ra nguồn lợi ích kinh tế và xã hội từ việc xử lý chất thải một cách bền vững

Các dự án áp dụng các phương pháp nông nghiệp hữu cơ và bền vững. Việc các dự án kinh tế áp dụng các phương pháp nông nghiệp hữu cơ không chỉ cải thiện chất lượng sản phẩm mà còn bảo vệ nguồn nước và đất đai, tạo ra một môi trường sống lành mạnh cho cả cộng đồng dân cư.

Các dự án áp dụng mô hình phát triển nguồn năng lượng tái tạo. Việc sử dụng năng lượng mặt trời, gió và nước để sản xuất điện không chỉ giúp hạn chế khí thải carbon mà còn đảm bảo an ninh năng lượng và giảm chi phí cho người dân. Các trạm điện mặt trời, nhà máy điện gió và các dự án thủy điện nhỏ được triển khai rộng rãi, tạo nên một hạ tầng năng lượng sạch cho cộng đồng.

Các dự án áp dụng mô hình quản lý rừng bền vững và phục hồi môi trường. Việc áp dụng các dự án quản lý rừng bền vững giúp thúc đẩy việc tái lập rừng, bảo vệ khu vực đa dạng sinh học và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch sinh thái mang lại cơ hội kinh tế cho cộng đồng địa phương.

Để đảm bảo sự thành công của các chương trình, dự án này, cần có sự hợp tác, hỗ trợ từ chính quyền, các tổ chức trong và ngoài nước, sự phối hợp tham gia tích cực giữa doanh nghiệp với cộng đồng địa phương. Sự nhất quán và bền vững trong việc thực hiện các mô hình này sẽ định hình một tương lai xanh, giàu nguồn lực và bền vững cho các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.

2.3. NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.3.1. Sự định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Muốn đảm bảo việc bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế, nhân tố quan trọng hàng đầu tác động đến hiệu quả của việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là sự định hướng, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương.

Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta nhấn mạnh: “Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường” [43, tr.52]. Cố Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng cũng chỉ rõ: “Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn và hủy hoại môi trường” [113, tr.21]. Điều đó cho thấy tư duy nhất quán của Đảng, nhà nước là không hy sinh môi trường để đánh đổi lấy kinh tế, không vì mục tiêu phát triển kinh tế mà hủy hoại, tàn phá môi trường.

Đối với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, sự định hướng, chỉ đạo của Đảng, nhà nước cũng được nêu rõ trong các Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội Vùng, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng và yêu cầu phải chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế, hướng tới mục tiêu phát triển ổn định. Nghị quyết của Bộ Chính trị về *Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030*,

tầm nhìn 2045 cũng nhấn mạnh: phải phát triển Vùng theo định hướng: phát triển xanh, bền vững, toàn diện; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, nhất quyết không hy sinh môi trường để đổi lấy tăng trưởng, phát triển kinh tế đơn thuần. Các cơ quan hữu quan tại các địa phương thực thi các cơ chế, chính sách, đơn đốc kiểm tra giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Sự định hướng, chỉ đạo đúng đắn này giúp việc thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đạt được hiệu quả, môi trường được bảo vệ gắn liền với các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Sự định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thường mang tính tích cực và mang lại nhiều kết quả tốt, nhưng vẫn có thể gây ra một số tác động tiêu cực trong những trường hợp chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế không được thực thi trên thực tế hoặc không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Chẳng hạn, các chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thường được đề cập trong các văn kiện và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, nhưng khi đi vào thực thi, có thể gặp phải sự thiếu nhất quán và đồng bộ giữa các cấp chính quyền. Trên thực tế, một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đẩy mạnh xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển các ngành kinh tế có lợi thế như khai thác quặng kim loại (Thái Nguyên, Lào Cai), điện tử, máy tính, quang học (Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ), sản xuất điện và phân phối điện (Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu) đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên cũng có nguy cơ bị cạn kiệt, tàn phá. Hoặc một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc ưu tiên phát triển kinh tế, có thể nhân nhượng hoặc nói lỏng các quy định về bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp. Dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp lợi dụng lỗ hổng chính sách, sử dụng công nghệ lạc hậu, không tuân thủ các quy định về xử lý chất thải, dẫn đến xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và không khí. Điều

này có thể tạo ra một tiền lệ xấu, khiến các doanh nghiệp khác cũng không coi trọng trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Việc thiếu đồng bộ giữa các ngành, từ chính sách trung ương đến địa phương, dẫn đến tình trạng chính sách bảo vệ môi trường bị coi nhẹ hoặc không được thực hiện triệt để, giảm hiệu quả của các chương trình bảo vệ môi trường và khiến các vấn đề môi trường ngày càng nghiêm trọng hơn. Thêm vào đó, nếu chính quyền các địa phương thờ ơ, chậm triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước thì không mang lại hiệu quả cho công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

2.3.2. Sự nhận thức và ý thức tự giác, chủ động, tích cực của các chủ thể đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Sự nhận thức đúng đắn của các chủ thể và ý thức chủ động, tự giác, tích cực của các chủ thể có vai trò hết sức quan trọng, quyết định hiệu quả thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh tế của các chủ thể lãnh đạo, quản lý; doanh nghiệp, cộng đồng dân cư ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có sự tác động vào giới tự nhiên. Sự tác động này diễn ra theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực.

Ở chiều thuận nếu ngay từ đầu các chủ thể lãnh đạo, quản lý nhận thức đúng đắn được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thì sẽ đề ra được các chủ trương, đường lối, chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế đúng đắn. Chủ trương, đường lối, chính sách ấy sẽ định hướng, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế trong thực tế. Chẳng hạn, nếu chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước xác định chỉ cần tập trung phát triển kinh tế, thì đương nhiên vấn đề bảo vệ môi trường sẽ bị xem nhẹ, thậm chí các doanh nghiệp, người dân sẵn sàng khai thác kiệt quệ tài nguyên để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế nhanh chóng. Và ngược lại nếu các định hướng, chỉ đạo của các chủ thể quản lý xác định phát triển kinh tế phải đảm bảo bảo vệ môi trường; doanh nghiệp, người dân buộc phải

thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, ngay từ khi manh nha hình thành các dự án kinh tế. Lúc này, phát triển kinh tế trong điều kiện môi trường được đảm bảo chứ không phát triển kinh tế bằng mọi giá hoặc đánh đổi môi trường vì lợi ích ngắn hạn của nền kinh tế.

Về phía doanh nghiệp, nếu các doanh nghiệp có nhận thức đúng về bảo vệ môi trường và có ý thức trách nhiệm, tự giác chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường thì doanh nghiệp sẽ tự giác, tích cực, chủ động sử dụng các công nghệ tiên bộ, ít chất thải hoặc đưa ứng dụng khoa học công nghệ sạch vào sản xuất, tận dụng và tối ưu hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào của chu trình sản xuất sẽ góp phần bảo vệ môi trường trong lành, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Về phía cộng đồng dân cư, nếu người dân có nhận thức đúng đắn về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thì họ sẽ thay đổi hành vi tiêu dùng và sản xuất (sử dụng tài nguyên tiết kiệm, phân loại rác thải, giảm thiểu việc sử dụng các sản phẩm nhựa và hóa chất độc hại,...), từ đó giảm thiểu các hoạt động gây hại cho môi trường. Đồng thời, từ nhận thức đúng đắn sẽ khuyến khích người dân tham gia giám sát, phát hiện và phản ánh các hành vi vi phạm môi trường trong hoạt động kinh tế của các tổ chức, cá nhân.

Ở chiều ngược lại, nếu ngay từ đầu các chủ trương, đường lối, chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các chủ thể lãnh đạo, quản lý đã sai lầm, bất cập, không phù hợp thì không thể bảo vệ môi trường có hiệu quả, thậm chí có thể khiến môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng hơn và vì thế mục tiêu phát triển kinh tế bền vững cũng không thể đạt được. Sự nhận thức chưa thực sự thấu đáo về ý nghĩa và sự cần thiết của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các chủ thể quản lý dẫn đến việc hoạch định các chính sách thiếu sự nhất quán và đồng bộ giữa các cấp chính quyền trung ương và địa phương cũng như việc kiểm tra, giám sát các hoạt động này chưa nghiêm túc, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường từ các hoạt động kinh tế vẫn đã và đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ.

Hoạt động phát triển kinh tế của các doanh nghiệp; cộng đồng dân cư như khai thác tài nguyên, khoáng sản, phát triển du lịch,... mà không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, làm cho môi trường tự nhiên bị biến đổi theo chiều hướng xấu đi, đặc biệt, có lúc có nơi, vấn đề này đã xấu đi một cách nghiêm trọng. Từ sự nhận thức đúng đắn, ý thức tích cực, tự giác, chủ động doanh nghiệp; cộng đồng dân cư ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế không những giúp nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, người dân mà còn khơi gợi trách nhiệm của họ đối với việc bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế. Với sự thay đổi bắt đầu từ những hành động tiêu dùng cụ thể hàng ngày của người dân như giảm thiểu rác thải xả vào môi trường, thúc đẩy tái chế các loại chai nhựa, hạn chế sử dụng túi nilong trong tiêu dùng,... đến việc giảm thiểu các mô hình, dự án phát triển kinh tế dựa trên việc khai thác chủ yếu tài nguyên, khoáng sản, sử dụng công nghệ lạc hậu; sử dụng nguyên liệu sạch và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, xử lý chất thải... của các doanh nghiệp đều là những bước hành động cụ thể đóng góp tích cực vào việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

2.3.3. Sự tác động của trình độ khoa học, kỹ thuật đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Trình độ khoa học và kỹ thuật đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ môi trường trong bối cảnh phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam. Sự phát triển hoặc hạn chế của các yếu tố khoa học, kỹ thuật không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, mà còn quyết định mức độ tác động tiêu cực hoặc tích cực đến môi trường tự nhiên.

Việc áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và quản lý tài nguyên có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cụ thể, các công nghệ sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu, giúp giảm lượng chất thải và khí thải ra môi trường. Khoa học và kỹ thuật còn thúc đẩy việc nghiên cứu và phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, chẳng hạn như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, giúp hạn chế sử dụng hóa chất và giảm thiểu xói mòn đất.

Trình độ phát triển khoa học – kỹ thuật của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn lạc hậu, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự cung, tự cấp, chưa phát triển thành vùng sản xuất quy mô lớn. Nền kinh tế chủ yếu dựa vào điều kiện tự nhiên, sử dụng tài nguyên có sẵn trong môi trường. Cùng với công cụ sản xuất thấp kém là trình độ phát triển khoa học kỹ thuật chưa cao. Hầu hết các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc có trình độ về khoa học còn thấp nên trong quá trình phát triển kinh tế, tình trạng sử dụng tài nguyên thiên nhiên bừa bãi, lãng phí và xả vào môi trường nhiều chất độc hại vẫn còn diễn ra.

Mặt khác, trình độ khoa học kỹ thuật lạc hậu cũng có tác dụng nhất định đối với việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, do thiếu hạ tầng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, các ngành công nghiệp nặng như hóa chất, luyện kim và khai khoáng chưa phát triển mạnh mẽ. Điều này giúp khu vực này tránh được tình trạng ô nhiễm công nghiệp nghiêm trọng như ở các khu vực đô thị khác. Do trình độ kỹ thuật lạc hậu và ít có khả năng tiếp cận công nghệ khai thác hiện đại, nhiều khu vực ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc vẫn giữ được hệ sinh thái rừng nguyên sinh và đa dạng sinh học. Các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia trong khu vực vẫn giữ được sự nguyên vẹn và đa dạng sinh học nhờ ít có sự can thiệp của công nghiệp khai thác. Người dân các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc vẫn dựa nhiều vào lối sống truyền thống ít phụ thuộc vào công nghệ hiện đại giúp giảm thiểu sử dụng hóa chất gây ô nhiễm môi trường.

2.3.4. Truyền thống, lối sống, văn hóa các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Đồng bào các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc có những nét văn hóa vô cùng đặc sắc. Chẳng hạn như, trong trang phục truyền thống: Mỗi dân tộc có kiểu dáng, hoa văn và màu sắc trang phục riêng biệt, phản ánh thẩm mỹ và điều kiện sống – như váy thổ cẩm của người Mông, áo dài của người Tày, hay khăn vấn của người Dao. Hay trong văn hóa lễ hội dân gian: Các lễ hội như hội Gầu Tào (của người Mông), Lồng Tồng (của người Tày, Nùng), hay lễ Cấp sắc (của

người Dao)... đều mang đậm yếu tố tín ngưỡng dân gian, gắn với đời sống nông nghiệp và tâm linh. Hoặc các loại kiến trúc nhà ở: Nhà sàn của người Thái, người Tày hay nhà trình tường của người Mông là minh chứng cho sự gắn bó với thiên nhiên, phù hợp với địa hình đồi núi. Các loại ẩm thực đặc trưng: Các món như thắng cố, mèn mén, rượu ngô, thịt gác bếp... đều thể hiện nét riêng của vùng cao. Trong cách ứng xử với môi trường từ đời ông cha để lại, người đồng bào có cách ứng xử với môi trường tự nhiên khá tích cực, trở thành cơ sở để điều chỉnh hành vi của cộng đồng. Chẳng hạn, người Khơ Mú tại bản Co Chai (Sơn La) có quy ước giữ gìn và bảo vệ các loại rừng quan trọng như rừng đầu nguồn và rừng "ma". Nhờ vậy, 1 ha rừng "ma" và 5 ha rừng đầu nguồn ở ngay kề cạnh bản vẫn được bảo tồn và phát triển. Các dân tộc khác như Dao và Cơ Tu vẫn duy trì các tập quán trồng cây quế để kỷ niệm ngày sinh của trẻ nhỏ, hoặc quy ước của người Dao ở Văn Yên (Yên Bái) trồng 10 cây quế khi con gái, con trai đến tuổi trưởng thành, lập gia đình. Người H'mông cũng thiết lập các quy ước bảo vệ rừng và đất đai của bản thông qua các nghi lễ như "ăn thề" – được tổ chức hàng năm, quy định những điều lệ về khai phá, đốt rừng làm nương rẫy, những khu rừng chưa được phép khai thác, rừng đầu nguồn... đồng thời đưa ra những hình phạt cụ thể đối với việc vi phạm đối với người vi phạm. Nhờ vào những luật lệ nghiêm ngặt và ý thức cá nhân của cộng đồng, việc sử dụng và bảo vệ rừng và đất đai đã được thực hiện một cách hợp lý và bền vững.

Tuy nhiên, do trình độ dân trí của đồng bào còn thấp và kém, một số dân tộc nhất là những dân tộc sinh sống ở vùng sâu, núi cao vẫn sống hầu như dựa vào kinh tế nương rẫy tự nhiên, mang nặng tính chất tự cung, tự cấp. Trình độ sản xuất lạc hậu, các phương tiện sản xuất thường là thủ công như dao, cuốc, búa, rìu,... Các hoạt động kinh tế của đồng bào các dân tộc Trung du và miền núi phía Bắc chủ yếu tập trung vào việc lợi dụng tự nhiên hoặc khai thác các sản phẩm sẵn có trong tự nhiên. Do diện tích đất đai trồng lúa nước rất hạn chế, một bộ phận đáng kể đồng bào các dân tộc ở đây vẫn dựa vào phương thức canh tác du canh. Hậu quả của lối sống du canh, du cư là những tác động tiêu cực của con người đến môi

trường như đốt phá rừng bừa bãi để lấy đất canh tác, đã gây ra không ít tai hại cho đất đai, khiến cho tài nguyên rừng bị suy giảm nghiêm trọng. Hoặc việc người dân lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất nông nghiệp gây nên tình trạng ô nhiễm đất, nước, không khí, đất bị bào mòn, thoái hóa.

Tiểu kết chương 2

Nghiên cứu lý luận về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở chương 2 đã giải thích những khái niệm công cụ làm nền tảng để nghiên cứu thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chương 3. Các nội dung nổi bật bao gồm:

Thứ nhất, khái quát các quan niệm và làm rõ các nội dung liên quan đến môi trường, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, khái quát các quan điểm của triết học Mác – Lênin về bảo vệ môi trường, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế qua các đại hội, làm rõ mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế.

Thứ hai, phân tích và làm rõ quan niệm về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Làm rõ chủ thể tham gia bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam bao gồm các chủ thể lãnh đạo, quản lý; doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Luận án cũng tập trung phân tích các nội dung và phương thức bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.

Thứ ba, phân tích các nhân tố tác động đến việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam như Sự định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; Sự nhận thức và ý thức tự giác, chủ động, tích cực của các chủ thể đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; Sự tác động của trình độ khoa học, kỹ thuật đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; Truyền thống, lối sống, văn hóa các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Những nội dung lý thuyết ở chương 2 là khung lý luận cơ bản để nghiên cứu sinh tiếp tục khảo sát thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc và nguyên nhân của thực trạng ở chương 3.

Chương 3

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

Luận án tập trung đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế của việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, bao gồm: 1. Phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; 2. Ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; 3. Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

3.1.1. Một số kết quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

3.1.1.1. Kết quả thực hiện phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bắt đầu có sự quan tâm tới việc xây dựng quy hoạch môi trường, dự án môi trường trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mình.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xây dựng dự án và phê duyệt "Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020", trong đó lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các

cấp. Trong lĩnh vực công nghiệp, tỉnh Thái Nguyên đã yêu cầu các hoạt động phát triển kinh tế của các doanh nghiệp phải tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt nhằm phòng ngừa, hạn chế các tác động tiêu cực của các hoạt động phát triển kinh tế. Các khu công nghiệp và cụm công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn trước và các phương án dự phòng ứng phó với sự cố môi trường, các dự án khai thác tài nguyên cũng phải có kế hoạch phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác để hạn chế những tác động xấu đến hệ sinh thái tự nhiên. Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc xây dựng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái được yêu cầu hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu hóa học và phân bón hóa học để ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ đất đai. Điều này cho thấy sự nhận thức của chính quyền về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường đối với sự phát triển kinh tế bền vững, đảm bảo các dự án phát triển kinh tế không gây tổn hại đến môi trường.

Tại tỉnh Yên Bái, việc lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực. Trong ngành nông nghiệp và lâm nghiệp, việc xây dựng các dự án trồng rừng, bảo vệ nguồn nước và hạn chế sử dụng phân bón hóa học giúp tỉnh duy trì được sự cân bằng giữa khai thác tài nguyên và bảo tồn thiên nhiên. Hay trong ngành chế biến nông sản và lâm sản, chính quyền tỉnh Yên Bái đã yêu cầu các cơ sở sản xuất lập kế hoạch quản lý chất thải và xây dựng phương án dự phòng để ứng phó với các sự cố môi trường, như tràn hóa chất hay ô nhiễm nguồn nước. Những biện pháp này giúp ngăn ngừa và xử lý kịp thời những sự cố có thể gây ra hậu quả lớn đối với môi trường. Qua đó đảm bảo sự phát triển bền vững, cân bằng giữa khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường ở tỉnh này.

Tỉnh Lào Cai đã đưa quy hoạch môi trường vào các chương trình phát triển du lịch sinh thái. Tại Sa Pa, chính quyền địa phương đã thực hiện các dự án nhằm bảo tồn cảnh quan tự nhiên, giảm thiểu ô nhiễm và cải thiện hạ tầng xử lý chất thải để duy trì sức hút của địa phương đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Hoặc ở các khu du lịch khác như Bản Hồ, Y Tý, chính quyền địa phương đã xây dựng các chương trình phát triển du lịch dựa trên cảnh quan thiên nhiên và văn hóa bản

địa, đồng thời giữ gìn các yếu tố tự nhiên như hệ sinh thái rừng và nguồn nước sạch. Điều này đã tạo ra sự cân bằng giữa phát triển kinh tế du lịch và bảo vệ môi trường giúp duy trì cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành du lịch địa phương.

Một trong những nội dung quan trọng của việc lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào quy hoạch phát triển kinh tế của nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là việc di dời hoặc đóng cửa các nhà máy, xí nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm cao, nằm xen kẽ trong các khu dân cư ra các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Chẳng hạn, tỉnh Thái Nguyên thực hiện việc di dời các nhà máy, xí nghiệp ra khỏi khu vực đông dân cư như di dời Xí nghiệp đúc Thái Nguyên, đóng cửa các Nhà máy xi măng Lưu Xá, nhà máy sản xuất tấm lợp Thái Nguyên, Công ty cổ phần luyện cán thép Gia Sàng. Thành phố Thái Nguyên thực hiện điều chỉnh quy hoạch tổng thể đến năm 2035, theo đó, nền kinh tế sẽ tập trung vào các khu, cụm công nghiệp nhất là khu công nghiệp tại hai xã Sơn Cẩm và Cao Ngạn. Quy hoạch này tạo điều kiện để thành phố từng bước di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi nội thị, giảm bớt tình trạng nước thải, chất thải của các cơ sở sản xuất này ra môi trường, đảm bảo thực hiện giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung nhằm hạn chế tác động của các hoạt động kinh tế tới môi trường. Thành phố Bắc Giang xây dựng cụm công nghiệp Bãi Ổi (tập trung các cơ sở sản xuất, chế biến gỗ), cụm công nghiệp làng nghề Đa Mai (tập trung các cơ sở sản xuất bún truyền thống) để di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi các khu dân cư tập trung. Huyện Hiệp Hòa đưa vào thực hiện dự án đầu tư xây dựng làng nghề Mai Hương nhằm thu hút các cơ sở sản xuất đồ gỗ, thủ công. Việc di dời cơ sở sản xuất tập trung vào các khu công nghiệp nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu dân cư. Các cơ sở sản xuất, nhà máy vẫn tiếp tục hoạt động phát

triển kinh tế bình thường mà không làm ảnh hưởng tới môi trường. Điều này góp phần giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, có thể thấy việc xây dựng quy hoạch môi trường, lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội là sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức của lãnh đạo chính quyền các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Việc tích hợp quy hoạch môi trường trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giúp nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc giảm thiểu xung đột giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Điều này tạo ra nền tảng để phát triển bền vững, giúp cân bằng giữa khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường đảm bảo giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường của các tỉnh trong Vùng.

Thứ hai, đa số các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc bước đầu đã áp dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ vào quy trình sản xuất vừa để hiện đại hóa quá trình sản xuất, tăng năng suất lao động vừa phòng ngừa, hạn chế tác động xấu của các hoạt động phát triển kinh tế tới môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.

Thực tế cho thấy, việc sử dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu làm tăng năng suất lao động, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và người dân. Hiệu suất kinh tế của các mô hình kinh tế tăng từ 30 - 40% so với sản xuất thông thường. Điều quan trọng là việc áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất đã giúp ngăn chặn và giảm thiểu đáng kể chất thải, khí thải độc hại ra môi trường, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Giai đoạn 2016 – 2020, Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang, đã lập kế hoạch và bước đầu triển khai thực hiện trong thực tế các dự án áp dụng công nghệ hiện đại giúp tăng hiệu quả của các hoạt động kinh tế, đồng thời ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế gây ra. Các dự án được lựa chọn đầu tư đã quan tâm hơn đến công tác bảo vệ môi trường, các

nhà đầu tư phải giải trình về công nghệ. Có 43 dự án thực hiện được thẩm tra công nghệ. Cụ thể như: Dự án *đầu tư xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp*; Dự án *Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xử lý chất thải làm ô nhiễm môi trường tại làng có nghề giết mổ gia súc Phúc Lâm, Việt Yên*; Dự án *Xây dựng mô hình điển hình tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho lò nung phôi, cán thép liên hoàn tại Công ty cổ phần thép số 10 huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang*; Dự án *Sản xuất chế phẩm Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ làm phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn tại tỉnh Bắc Giang*. Các mô hình này giúp tỉnh Bắc Giang tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt, giúp doanh nghiệp tăng lợi nhuận nhưng không hủy hoại môi trường, bảo đảm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế.

Nhiều doanh nghiệp ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã tiến hành lắp đặt hệ thống máy móc hiện đại, thân thiện với môi trường vào quá trình sản xuất. Chẳng hạn như: Công ty Nhiệt điện Sơn Động (Bắc Giang) đã trang bị, lắp đặt hệ thống lọc bụi tĩnh điện, hệ thống quan trắc khí phát thải tự động [71]; Nhà máy nhiệt điện Na Dương (Lạng Sơn) sử dụng công nghệ xử lý khí thải tiên tiến. Với các công nghệ hiện đại này giúp nhà máy giảm thiểu bụi và khí thải trong quá trình sản xuất, thân thiện với môi trường.

Bên cạnh đó, chính quyền tại nhiều tỉnh trong Vùng cũng đã chủ động quan tâm tới việc tìm kiếm các cơ hội chuyển giao công nghệ để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế.

Từ năm 2015 đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện 39 đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm ngăn ngừa, xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường: *Nghiên cứu, ứng dụng sản xuất gạch không nung và bê tông sử dụng tro xỉ của nhà máy nhiệt điện Na Dương*, *Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bơm nhiệt để thiết kế chế tạo máy sấy Hôi tại Lạng Sơn*, *Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật sấy thuốc lá sử dụng hơi lưu khí thải nhằm tiết kiệm nhiên*

liệu sấy tại tỉnh Lạng Sơn, ... Các kết quả nghiên cứu đã góp phần ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, tận thu nguồn nguyên liệu để tái sử dụng vào sản xuất nông nghiệp góp phần bảo vệ môi trường, giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị kinh tế của doanh nghiệp.

Nhiều doanh nghiệp tại các địa phương đã tham gia các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo hướng hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học, các loại thuốc trừ sâu làm ô nhiễm nguồn đất, nước đồng thời cung cấp nguồn thực phẩm sạch cho người tiêu dùng. Điển hình như Hệ sinh thái Làng nông nghiệp Techfest quốc gia đã kết nối 300 hợp tác xã sản xuất nông sản áp dụng theo mô hình sản xuất sạch liên hoàn, khép kín theo tiêu chuẩn thấp nhất là VietGAP ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng,... [176]. Việc không sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu giúp bảo vệ môi trường, đặc biệt là đất và nguồn nước, đồng thời cải thiện chất lượng nông sản. Điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng về thực phẩm sạch mà còn giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực của nông nghiệp truyền thống đến môi trường, làm cho môi trường trong lành hơn.

Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn ở một số tỉnh như Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái, Lai Châu, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn,.. đã đưa vào sử dụng các loại giống cây trồng mới có khả năng kháng bệnh, chịu hạn, giảm bớt sự phụ thuộc của cây trồng vào hóa chất nông nghiệp (thuốc trừ sâu và phân bón hóa học), qua đó làm giảm ô nhiễm đất và nước, tăng năng suất cây trồng trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt. Chẳng hạn, phát triển các loại giống cây lâm nghiệp mới như keo lai, keo tai tượng, các loại cây bản địa tại tỉnh Bắc Kạn làm tăng độ che phủ của rừng lên 74%. Bảo vệ tài nguyên rừng giúp cho đất sản xuất, tài nguyên nước ngầm được bảo vệ, đồng thời cải thiện sinh kế của người dân địa phương mà không gây ảnh hưởng đến môi trường.

Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Thái Nguyên đã chuyển giao công nghệ sản xuất giống chè mới bằng phương pháp giâm cành cho nông dân. Việc áp dụng mô hình chuyển giao công nghệ này mang lại năng suất cao, từ 105-110 tạ/ha (cao

hơn giống chè bình thường từ 35-40 tạ/ha) [158]. So với việc trồng cây chè truyền thống từ hạt, phương pháp giâm cành ít đòi hỏi việc thay đổi môi trường đất, tiết kiệm nước tưới, giảm tác động xấu đến hệ sinh thái xung quanh. Kỹ thuật giâm cành có thể giúp duy trì thảm thực vật, đặc biệt khi được thực hiện trên các đồi chè. Việc duy trì hệ thống rễ của các cây chè lâu năm giúp ngăn ngừa tình trạng xói mòn đất, tình trạng đất bạc màu, đặc biệt là ở những khu vực đồi núi. Doanh nghiệp, người dân tăng lợi nhuận trong khi đó môi trường được bảo vệ.

Thứ ba, đa số các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu tiến hành triển khai việc thực hiện phân tích đánh giá tác động môi trường và quy hoạch môi trường của các dự án kinh tế ngay từ khi xin cấp phép thực hiện.

Hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bước đầu đi vào nề nếp, theo các quy trình. Mục tiêu của việc đánh giá môi trường là để xác định và dự báo các tác động tích cực hoặc tiêu cực của các hoạt động kinh tế tác động tới môi trường ở một khu vực cụ thể, một vùng lãnh thổ hoặc cả quốc gia. Việc các doanh nghiệp tuân thủ các quy định về đánh giá môi trường và thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đầy đủ, có trách nhiệm, thì có thể giảm thiểu tối đa các vấn đề liên quan đến ô nhiễm và suy thoái môi trường tự nhiên trong các hoạt động phát triển kinh tế, từ đó bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Trong giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt 426 báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, nâng tổng số 742 dự án được phê duyệt; cấp huyện đã xác nhận 2.107 kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền. Riêng trong năm 2022, Tỉnh ủy Bắc Giang đã phê duyệt 53 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường; 76 giấy phép môi trường (trong đó cấp tỉnh phê duyệt 60 giấy phép; cấp huyện 16 giấy phép). Việc chỉ cấp phép cho các dự án có đánh giá tác động môi trường đi vào hoạt động đã hạn chế tối đa việc tiếp nhận các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu nhằm phòng ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường do các dự án sử

dụng công nghệ lạc hậu gây nên, đồng thời giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường của tỉnh.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với 500 dự án đầu tư và hơn 30 dự án đã hoàn thành công trình và được cấp giấy xác nhận bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn này, tỉnh đã tiếp nhận khoảng 700 hồ sơ để thẩm định. Trong quá trình này, chính quyền địa phương đã từ chối cấp phép cho các dự án kinh tế không đáp ứng được các yêu cầu bảo vệ môi trường, đặc biệt là các dự án kinh tế tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường ngay từ khi cấp chứng nhận đầu tư như trường hợp của dự án xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại tại khu công nghiệp Khai Quang, dự án nhà máy dệt nhuộm của Tập đoàn Tal. Việc từ chối cấp phép cho các doanh nghiệp không đủ điều kiện bảo vệ môi trường của tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện quan điểm không đánh đổi môi trường để lấy sự phát triển kinh tế bằng mọi giá, giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển.

Từ đây có thể thấy, chính quyền của nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu có sự chú trọng tới việc bảo vệ môi trường trong khi thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế. Với việc đưa ra những quy định cụ thể, bắt buộc các dự án phát triển kinh tế phải có đánh giá tác động môi trường nhằm đánh giá những tác động của các chương trình, dự án kinh tế đối với môi trường ở nhiều tỉnh trong Vùng đã đem lại những kết quả tích cực trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế để bảo đảm thúc đẩy kinh tế phát triển nhưng phòng ngừa, ngăn chặn ngay từ đầu những tác động xấu có thể xảy ra của các hoạt động kinh tế đến môi trường, hướng tới thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Thứ tư, chính quyền nhiều tỉnh trong Vùng cùng cơ quan chức năng các cấp đã bước đầu thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, giám sát, thanh tra các doanh nghiệp để phát hiện và ngăn chặn kịp thời ngay từ đầu các hoạt động phát triển kinh tế gây tổn hại môi trường.

Tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, việc xác định danh mục các nguồn gây ô nhiễm theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường tại mỗi tỉnh tiến hành rà soát, thống kê và cập nhật hàng năm. Đây là cơ sở để những tỉnh này xác định và đưa các cơ sở, dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường vào diện giám sát đặc biệt. Chẳng hạn như Công ty Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo (Thái Nguyên), các cơ sở và chủ đầu tư Khu công nghiệp Tăng Loong (Lào Cai), hay Công ty Cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc (Bắc Giang). Việc đưa các doanh nghiệp sản xuất này vào diện giám sát giúp cơ quan chức năng chủ động phòng ngừa và giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường phát sinh, đồng thời đảm bảo các tổ hợp dự án và cơ sở sản xuất quy mô lớn, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm, đáp ứng đủ điều kiện bảo vệ môi trường khi đi vào vận hành chính thức, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

Các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như Sở Tài nguyên và Môi trường ở các địa phương, đã triển khai nhiều đợt thanh tra, kiểm tra nhằm giám sát các hoạt động phát triển kinh tế có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nhằm phòng ngừa hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp. Công tác này bao gồm việc kiểm tra giấy phép khai thác tài nguyên, quy trình xử lý chất thải, và giám sát tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật. Chẳng hạn, tại tỉnh Lào Cai, một trong những địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản lớn, đã tổ chức nhiều cuộc thanh tra nhằm kiểm tra việc xử lý nước thải và chất thải từ các mỏ khai thác quặng. Tuy nhiên, dù các cuộc thanh tra diễn ra thường xuyên, kết quả vẫn cho thấy còn tồn tại nhiều hạn chế trong việc phòng ngừa các tác động tiêu cực tới môi trường, đặc biệt là sự kiểm soát không chặt chẽ trong xử lý chất thải công nghiệp. Hoặc công tác thanh tra cũng cho thấy tình trạng bất cập trong việc cấp giấy phép xây dựng cho nhiều nhà máy thủy điện vừa và nhỏ ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trong thời gian qua. Một số tỉnh có lợi thế về sông suối như Sơn La, Bắc Kạn, Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai được cấp phép xây dựng các dự án thủy điện vừa và

nhỏ. Tính đến tháng 9/2022, trong toàn vùng hiện có tổng cộng khoảng hơn 220 dự án thủy điện nhỏ, vừa đi vào hoạt động trên tổng số 455 vị trí quy hoạch. Riêng tỉnh Lai Châu có 33 dự án thủy điện nhỏ và vừa đã vận hành khai thác kinh doanh; 32 dự án đang thi công; 43 dự án đang hoàn thiện thủ tục về đất đai, môi trường, thiết kế và 52 dự án đã được quy hoạch; tỉnh Lào Cai được xem là “thủ phủ” của thủy điện với 135 dự án, trong đó 130 dự án đã được phê duyệt vào quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ với tổng công suất gần 1.600MW,... Việc xây dựng các nhà máy thủy điện có nhiều tác động tích cực về mặt kinh tế xã hội song gây ra nhiều hệ lụy, lấy đi một diện tích rừng khá lớn (trung bình để tạo ra 1MW điện sẽ phải đổi từ một đến 10ha rừng). Hậu quả của sự phát triển các dự án thủy điện không kiểm soát này là rất lớn. Trong khi nguồn thu từ các nhà máy thủy điện chưa đáng kể, thì hệ quả mà các dự án thủy điện này để lại chậm được xử lý, khắc phục là tình trạng khô hạn và lũ lụt đã trở nên ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, giảm nguồn sinh kế của người dân. Tại tỉnh Sơn La, để tiến hành xây dựng các nhà máy thủy điện, đã phải thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất của khoảng 1.679ha, ảnh hưởng đến hơn 3.600 hộ dân và phải chuyển đổi mục đích sử dụng 237ha rừng. Tại thị xã Sa Pa, sự tập trung của gần 20 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ đã gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Cụ thể, sáu nhà máy thủy điện tại xã Bản Hồ đã làm giảm lượng nước của suối Bản Hồ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến du lịch sinh thái và khu vực xung quanh do việc xả lũ và vận hành không tuân thủ quy trình.

Ngoài ra Bộ Tài nguyên và môi trường cũng tiến hành xây dựng đường dây nóng để người dân kịp thời phản ánh các hoạt động khai thác tài nguyên trái phép ở các địa phương. Từ khi đi vào hoạt động (10/2017) đến nay, hệ thống đã tiếp nhận được nhiều thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Một số địa phương có nhiều thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường qua đường dây nóng là Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang. Phú Thọ là địa phương có tỷ lệ xử lý thông tin nhanh, dứt điểm theo đúng quy định. Việc đường dây nóng phản ánh ô nhiễm môi trường đi

vào hoạt động giúp các cơ quan chức năng tiếp nhận thông tin đồng thời chủ động giải quyết kịp thời các điểm ô nhiễm ngay từ khi nó mới phát sinh để không ảnh hưởng tới môi trường.

3.1.1.2. Kết quả thực hiện hoạt động ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, trong thời gian qua, chính quyền nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã dành sự quan tâm nhất định cho công tác chỉ đạo, xây dựng các kế hoạch, biện pháp chủ động ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường xảy ra do hệ quả của các hoạt động kinh tế nhằm bảo đảm giải quyết hài hòa quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, mỏ Núi Pháo (Thái Nguyên) đã xây dựng kế hoạch cho các dự án phục hồi, cải tạo môi trường mỏ. Năm 2023, Công ty đã thực hiện phục hồi, cải tạo 3,3 ha các bãi đất đá thải cũng như các khu vực khác bị xáo trộn đất do quá trình khai thác và sản xuất. Đồng thời công ty cũng thực hiện kế hoạch trồng 15.000 cây và gieo 350kg hạt cỏ tại các khu vực bãi thải [178] nhằm giảm thiểu bụi phát tán vào môi trường, ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm không khí, bảo vệ môi trường gắn với mục đích phát triển kinh tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã triển khai kế hoạch ứng phó sự cố chất thải tỉnh Yên Bái giai đoạn 2024 – 2030 [138], trong đó dự kiến một số sự cố có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh như vỡ đê chắn bãi thải chứa bùn thải quặng Nhà máy tuyển chì kẽm của Công ty Cổ phần Kim Thành; hỏng thiết bị xử lý bụi, khí thải của Nhà máy xi măng Yên Bái hoặc Nhà máy xi măng Yên Bình, vỡ đập chắn công trình xử lý nước thải của Nhà máy sản Yên Bình thuộc Công ty Thương mại Đầu tư Yên Bình và đề ra biện pháp ứng phó với các sự cố này. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cũng đề ra chương trình hành động cụ thể nhằm cải thiện ô nhiễm môi trường, đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến nông sản và lâm sản. Chẳng hạn,

với các doanh nghiệp sản xuất gỗ và giấy, tỉnh yêu cầu các doanh nghiệp kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong quy trình sản xuất để dự phòng sự cố rò rỉ và tràn hóa chất, xây dựng các hệ thống cảnh báo sớm và thiết lập lực lượng ứng phó khẩn cấp nội bộ để xử lý khi có sự cố xảy ra. Việc xây dựng các kế hoạch ứng phó với sự cố môi trường của tỉnh Yên Bái giúp tỉnh chủ động tìm kiếm phương xử lý sự cố môi trường, khôi phục lại môi trường đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về kinh tế khi ô nhiễm môi trường xảy ra, giải quyết hài hòa mục tiêu bảo vệ môi trường gắn với phát triển kinh tế.

Trong giai đoạn 2023 - 2030, tỉnh Vĩnh Phúc xây dựng các kịch bản ứng phó cho ba loại sự cố môi trường gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và chất thải khí [137]. Các khu vực có nguy cơ cao như Công ty UJU Vina, Công ty Jahwa Vina, Công ty Partron Vina, Công ty BHFLEX Vina... sẽ phải thực hiện áp dụng các công nghệ tiên tiến để xử lý sự cố môi trường do các hoạt động kinh tế gây ra, như hấp thụ bằng dung dịch kiềm, nước, than hoạt tính, geolit và xây dựng hệ thống quan trắc môi trường tự động. Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giao Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh làm đầu mối chỉ huy công tác ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn, chủ trì việc huy động lực lượng và phương tiện tham gia xử lý theo kế hoạch của tỉnh. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đã yêu cầu các các doanh nghiệp lập kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có chức năng và năng lực phù hợp để tổ chức đào tạo, tập huấn, tăng cường khả năng ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong khu công nghiệp cũng như nhanh chóng huy động nhân lực, vật lực và phương tiện tại chỗ để ứng phó trong trường hợp có sự cố xảy ra. Ban Quản lý các khu công nghiệp thường xuyên tổ chức diễn tập quy mô lớn về công tác ứng phó sự cố môi trường và chất thải tại các doanh nghiệp. Kế hoạch ứng phó với sự cố môi trường của tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện tính chủ động trong việc lập kế hoạch xử lý sự cố môi trường đảm bảo sẵn sàng xử lý kịp thời và hiệu quả khi có sự cố môi trường xảy ra.

Như vậy, trong bối cảnh các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang tập trung phát triển các ngành kinh tế, sự cố môi trường hoàn toàn có thể xảy ra bất

cứ lúc nào. Việc chủ động xây dựng các kế hoạch, biện pháp chủ động ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường xảy ra giúp hoạt động kinh tế của các tỉnh diễn ra bình thường. Nhờ sự chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố môi trường, nhiều tỉnh có đủ khả năng để ứng phó và khắc phục các sự cố chất thải ở mức độ vừa và nhỏ, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế.

Thứ hai, tại đa số các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về ô nhiễm môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế đã bước đầu thực hiện hiệu quả. Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, giám sát ô nhiễm tại các nhà máy sản xuất, các công trình thủy điện,.. ở nhiều tỉnh bước đầu được thực hiện.

Liên tục từ năm 2015 - 2019, Bộ Tài nguyên và môi trường đã tiến hành thanh tra, kiểm tra hàng nghìn các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh/thành phố trong Vùng và xử lý nhiều cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tháng 5/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai phối hợp với ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng đã tổ chức khảo sát tình hình ô nhiễm môi trường khu công nghiệp Tăng Loong, đã xử phạt hành chính Công ty cổ phần DAP số 2 với mức phạt 350 triệu đồng vì hành vi để hóa chất phát tán ra môi trường, đồng thời thành lập tổ công tác tiến hành rà soát, thống kê thiệt hại của các hộ dân bị ảnh hưởng cả về môi trường, sức khỏe, cây trồng... buộc công ty phải chi trả 7,9 tỷ đồng đền bù thiệt hại cho người dân [155]. Tháng 5/2024 đoàn thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ. Đoàn thanh tra đã xử phạt hành chính công ty Sara với tổng số tiền 854 triệu đồng với các hành vi xả khí thải vượt quá giới hạn cho phép, vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải,...[161]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đã nhiều lần làm việc với 163 doanh nghiệp về vấn đề bảo vệ môi trường. Một số doanh nghiệp vi phạm luật bảo vệ môi trường đã bị tạm đình chỉ và được yêu cầu khẩn trương khắc phục các sai

phạm như Công ty Cổ phần Nhật Anh được yêu cầu lắp đặt hệ thống xử lý khí thải hoặc Nhà máy Thép Trường Sơn được yêu cầu xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải [86]. Thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra định kỳ đã kịp thời xử lý các vi phạm trong lĩnh vực môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh tế nhằm đảm bảo gắn bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển kinh tế.

Bên cạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra định kỳ, các hoạt động thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với cơ sở vi phạm pháp luật về môi trường cũng được tiến hành. Bộ Tài nguyên Môi trường đã tiến hành kiểm tra đột xuất đối với 03 cơ sở là công ty Tân Hiếu Hưng (chế biến tinh bột sắn Hòa Bình); Công ty Cổ phần mía đường Hòa Bình; Trang trại chăn nuôi gia công heo của ông Nguyễn Ngọc Sáng hoạt động tại xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng số tiền xử phạt là gần 4 tỷ đồng, buộc các cơ sở này dừng hoạt động và khắc phục hậu quả do mình gây nên [162]; Đầu năm 2019, Tổng cục Môi trường đã tiến hành kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Hapaco Đông Bắc tại xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, sau khi phát hiện công ty này có hành vi xả nước thải gây ô nhiễm như phản ánh từ báo Dân Việt[163]. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tiến hành các đợt kiểm tra khí thải đột xuất. Kết quả cho thấy phần lớn các doanh nghiệp luyện kim tại Khu công nghiệp Sông Công I và Công ty Shinwon đã lắp đặt hệ thống xử lý khói bụi và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định [86]. Bộ Tài nguyên và môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với công ty trách nhiệm hữu hạn Ánh Mai tại mỏ Cóc Chặng, thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Công ty Cổ phần Tập đoàn Á Cường tại Bắc Giang; Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác và Chế biến khoáng sản Núi Pháo và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tinh luyện Vonfram Núi Pháo tại Thái Nguyên, phát hiện nhiều sai phạm tại các doanh nghiệp này. Đoàn thanh tra yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường, trang bị hệ thống xử lý chất thải đảm bảo rằng các cơ sở hiện có đủ khả năng xử lý các chất thải phát sinh phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường [174]. Việc xử lý các điểm nóng gây ô nhiễm môi trường

đồng thời ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và buộc các cơ sở thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định đã hạn chế được tình trạng ô nhiễm môi trường ở nhiều tỉnh, giải quyết mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Như vậy có thể thấy, công tác thanh tra, kiểm tra tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều chuyển biến tích cực góp, qua đó góp phần lớn vào việc phát hiện và xử lý kịp thời những sự cố môi trường do tác động xấu từ các hoạt động phát triển kinh tế tạo nên, yêu cầu các bên liên quan nhanh chóng khắc phục hậu quả, cải thiện chất lượng môi trường. Đồng thời các biện pháp trên còn có tác dụng răn đe đối với các doanh nghiệp khác.

Thứ ba, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn nhiều tỉnh đã có cố gắng trong việc áp dụng thành tựu công nghệ khoa học hiện đại vào sản xuất để khắc phục, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường một cách nhanh chóng mà nếu bình thường công nghệ truyền thống không thực hiện được, phục vụ mục tiêu bảo đảm phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Từ năm từ năm 2018 đến 2022, các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã triển khai thực hiện 917 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Các nhiệm vụ tập trung vào việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, khắc phục các sự cố môi trường, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và giải quyết một số vấn đề mang tính cấp thiết, cấp bách, liên vùng, liên ngành của các địa phương trong vùng. Chẳng hạn, tỉnh ủy Phú Thọ phê duyệt các dự án ứng dụng công nghệ mới để xử lý ô nhiễm asen trong nước thải từ các khu công nghiệp và làng nghề truyền thống, tỉnh ủy Bắc Giang phê duyệt dự án ứng dụng công nghệ xử lý chất thải làm ô nhiễm môi trường tại làng có nghề giết mổ gia súc, dự án sản xuất chế phẩm Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ làm phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp; Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện dự án xử lý ô nhiễm không khí bằng công nghệ lọc bụi tĩnh điện và hệ thống lọc khí thải hiện đại tại các nhà máy luyện kim; Lào Cai thực hiện dự án xử lý chất thải nguy hại bằng công nghệ đốt và hóa rắn chất thải... Điều

này cho thấy nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất. Các công nghệ này có ưu điểm xử lý khá tốt ráo tình trạng ô nhiễm môi trường trong sản xuất hơn so với các phương pháp xử lý truyền thống. Sự phê duyệt nhiều đề tài và nhiệm vụ khoa học này cho thấy sự cam kết của chính quyền địa phương đối với việc bảo vệ môi trường thông qua cách tiếp cận khoa học, thực tế. Đây là hướng đi đúng đắn trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đang gia tăng ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Tỷ lệ các cơ sở hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để đã có nhiều chuyển biến tích cực; nhiều cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã chủ động thực hiện các biện pháp xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường nhằm khắc phục suy thoái môi trường. Trong tổng số 201 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khu vực phía Bắc, trong đó có các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đã có 119/201 cơ sở đã hoàn thành, cơ bản hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để, chiếm tỷ lệ 59,20% [Xem Phụ lục 1]. Tỷ lệ các cơ sở hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường để đã có sự cải thiện rõ rệt, điều này cho thấy những chuyển biến tích cực của các doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc khắc phục ô nhiễm môi trường đã được nâng lên rõ rệt nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Thứ tư, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc tiến hành huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó với sự cố môi trường, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường.

Nhiều tỉnh đã huy động các lực lượng tham gia hoạt động ứng phó sự cố môi trường, cải thiện, khắc phục môi trường. Các lực lượng này không chỉ bao gồm các đơn vị quản lý nhà nước về môi trường (các lực lượng chuyên môn về môi trường, quân đội, công an, lực lượng dân quân tự vệ, ...) mà còn là sự phối hợp với doanh nghiệp và người dân địa phương. Tỉnh Yên Bái đã tích cực vận động

các doanh nghiệp chế biến nông - lâm sản tham gia vào các hoạt động khắc phục ô nhiễm môi trường. Các doanh nghiệp này phải lập kế hoạch quản lý chất thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải hiện đại và đưa ra các phương án dự phòng khi xảy ra sự cố môi trường. Chẳng hạn, công ty cổ phần giấy Yên Bái đã đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải và cải thiện quy trình sản xuất để cải thiện chất lượng nước thải, khắc phục tình trạng nước thải đổ ra gây ô nhiễm sông Hồng. Tại những tỉnh có hoạt động khai thác khoáng sản phát triển như Thái Nguyên, Lào Cai, Yên Bái, chính quyền địa phương đã yêu cầu các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động khắc phục ô nhiễm môi trường do chính các hoạt động của họ gây ra. Chính quyền địa phương tỉnh Hà Giang yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn CK khắc phục sự cố do vỡ bể chứa bùn thải chì kẽm tại thị trấn Pắc Miêu (Cao Bằng) gây ô nhiễm sông Gâm (Hà Giang) năm 2016 [175]. Sau khi sự cố xảy ra, chính quyền địa phương cùng Công ty KC đã phối hợp khắc phục sự cố. Công ty đã ngừng sản xuất, huy động lực lượng phản ứng nhanh của đơn vị cùng công nhân, các phương tiện máy móc dùng các tấm lưới sắt đưa xuống khu vực cống bị sứt, sau đó đổ đá, bao cát xuống lấp cống, ngăn không cho bùn thải thoát ra ngoài. Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam tại Thái Nguyên thực hiện hỗ trợ người dân trồng hàng ngàn hecta rừng phòng hộ. Điều này không chỉ giúp bảo vệ hệ sinh thái rừng, mà còn cải thiện sinh kế của người dân sống nhờ vào rừng, giảm thiểu áp lực khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Sự tham gia của cộng đồng dân cư vào các hoạt động cải thiện môi trường cũng rất quan trọng. Người dân ở các tỉnh như Hà Giang, Tuyên Quang, và Lào Cai đã tham gia tích cực vào các chương trình trồng rừng phòng hộ nhằm bảo vệ môi trường sinh thái và ngăn chặn xói mòn đất. Các chương trình trồng rừng này không chỉ giúp cải thiện chất lượng đất và nguồn nước, mà còn tạo ra sinh kế bền vững cho người dân thông qua việc phát triển các mô hình kinh tế lâm nghiệp. Hay tại Sơn La, dự án làm sạch sông Mã đã huy động sự tham gia của người dân sống dọc theo bờ sông và các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là các công ty sản xuất đường và tinh bột. Người dân đã cùng tham gia các chiến dịch

làm sạch rác thải, xử lý nước thải và khôi phục nguồn nước sạch cho sinh hoạt và nông nghiệp.

Việc huy động lực lượng tham gia ứng phó với sự cố môi trường, cải thiện, khắc phục môi trường do các hoạt động kinh tế gây nên là điều cần thiết nhằm giảm thiểu thiệt hại kinh tế đồng thời thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái.

3.1.1.3. Kết quả thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu chú trọng thực hiện việc quản lý, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái.

Đối với các loại tài nguyên khoáng sản, nhiều tỉnh Trung du miền núi phía Bắc có tiềm năng và thế mạnh về khai thác tài nguyên khoáng sản. Nơi đây tập trung rất nhiều các loại khoáng sản quý như vàng (mỏ Cao Sơn, mỏ Bằng Lũng (Cao Bằng), mỏ Phú Thọ (Phú Thọ); chì và kẽm (các mỏ ở Cao Bằng và Bắc Kạn); apatit (Lào Cai),...[Xem phụ lục 6].

Công tác thực hiện quy hoạch khai thác khoáng sản ở một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc được thực hiện bước đầu. Chẳng hạn, UBND tỉnh Thái Nguyên ra nhiều văn bản quản lý hoạt động khai thác khoáng sản như: Nghị quyết Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn năm 2025; Nghị quyết về Đề án Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 – 2025; 9 công văn của liên quan đến việc rà soát, đôn đốc, tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định về Quy hoạch quản lý, khai thác và chế biến khoáng sản tỉnh Lào Cai giai đoạn 2007 - 2015; ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên

địa bàn tỉnh,... Việc chỉ đạo sát sao của các tỉnh giúp đảm bảo không để xảy ra sai phạm, thất thoát tài nguyên khoáng sản trong quá trình khai thác tài nguyên cũng như ngăn ngừa tình trạng một số doanh nghiệp vì lợi nhuận mà sử dụng công nghệ lạc hậu, hủy hoại môi trường. Công tác quy hoạch khoáng sản của các tỉnh về cơ bản bảo đảm phù hợp với quy hoạch khoáng sản của cả nước và quy hoạch vùng, lĩnh vực; gắn với phát triển hệ thống hạ tầng, gắn kết chặt chẽ các vùng nguyên liệu với nhà máy chế biến sâu; bảo đảm khai thác một cách tiết kiệm, sử dụng hợp lý và không gây ô nhiễm môi trường. Điều này cho thấy vai trò chủ động của cơ quan quản lý trong việc xây dựng chính sách phù hợp với bối cảnh thực tiễn của, thể hiện vai trò quan trọng của chính quyền địa phương trong việc cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã chủ động rà soát hoạt động khai thác, chế biến xuất khẩu khoáng sản, có chính sách khuyến khích hoặc cấp phép cho các doanh nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên, đồng thời xử lý các doanh nghiệp khai thác tài nguyên ồ ạt, sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, kiên quyết thu hồi những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng. Một số tỉnh cũng nghiên cứu thực hiện khoanh định thực địa khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản, cũng như khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Một số tỉnh đã ký kết quy chế phối hợp quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở các khu vực giáp ranh như Vĩnh Phúc với các tỉnh Tuyên Quang; Thái Nguyên; tỉnh Yên Bái với các tỉnh lân cận: Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Sơn La và Lai Châu; Bắc Giang với Quảng Ninh, Hải Dương,... Chính quyền địa phương đã phối hợp chặt chẽ với các ngành công nghiệp và xây dựng để điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, đảm bảo thích nghi và phát triển theo sự phát triển kinh tế và xã hội cũng như các thay đổi trong pháp luật liên quan đến khoáng sản để đảm bảo doanh

ng nghiệp duy trì hoạt động của mình, nhưng không lợi dụng nguồn khoáng sản để đạt mục tiêu thu lợi nhuận bằng mọi giá.

Nhiều doanh nghiệp đã bước đầu chú trọng đầu tư công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản. Tại tỉnh Lào Cai, việc khai thác quặng apatit ở mỏ Sin Quyền, quặng sắt mỏ Quý Xa áp dụng công nghệ khai thác và tuyển hợp lý quặng sa khoáng titan - zircon trong tầng cát đỏ; công nghệ tuyển và chế biến sâu quặng graphite; công nghệ sản xuất thiếc 99,99% bằng phương pháp điện phân tinh luyện có màng ngăn. Hà Giang có mỏ quặng mangan ở Đồng Tâm, Vị Xuyên được đầu tư cơ sở chế biến sâu, công suất 30.000 tấn/năm [157]. Các công nghệ này giúp tinh tặn thu các nguyên tố có ích trong quá trình tuyển khoáng sản, gia tăng giá trị khoáng sản sau khai thác, doanh nghiệp thu lợi nhuận nhiều hơn và đảm bảo được một phần công tác bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

Đối với tài nguyên đất, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bắt đầu dành sự quan tâm cho việc xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý đất đai hiện đại, như việc lập bản đồ địa chính chính xác và chi tiết, tiến tới quản lý được nguồn tài nguyên đất. Đồng thời, một số tỉnh cũng đã chú trọng đến việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ kinh doanh, nhằm đảm bảo rằng tất cả người dân đều có đất để sản xuất, tránh tình trạng di dân tự do, phá rừng để làm ruộng. Điều này đã giảm đáng kể các tranh chấp và khiếu kiện liên quan đến đất đai. Chẳng hạn, trong giai đoạn 2015-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã triển khai quy hoạch sử dụng đất nhằm phát triển các khu công nghiệp và khu đô thị. Việc thu hồi đất và giao đất theo kế hoạch đã giúp tỉnh này chuyển đổi hàng nghìn hecta đất nông nghiệp và đất rừng thành đất phục vụ cho sản xuất công nghiệp và xây dựng đô thị. Điều này đã tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, đồng thời giảm áp lực lên các khu vực đất rừng và đất nông nghiệp không còn hiệu quả trong sản xuất. Việc quy hoạch cụ thể cũng giúp các nhà đầu tư dễ dàng hơn trong việc tiếp cận đất đai để thực hiện các dự án kinh tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã thành công trong việc sử dụng quy hoạch đất để phát triển vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái. Tỉnh đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất lúa năng suất thấp sang các mô hình sản xuất kinh tế hiệu quả hơn, đồng thời sử dụng đất rừng một cách bền vững thông qua việc phát triển du lịch sinh thái. Quá trình này không chỉ giúp tỉnh tiết kiệm tài nguyên đất mà còn nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích đất sử dụng. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về cơ bản đã hoàn thành việc lập và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 cho toàn bộ 12 huyện, thành phố. Việc quy hoạch sử dụng đất đã giúp tỉnh này quản lý tốt việc chuyển đổi đất rừng và đất nông nghiệp để phục vụ cho các dự án thủy điện và nông nghiệp công nghệ cao đồng thời tránh tình trạng lãng phí tài nguyên đất thông qua việc phát triển các khu vực đất phù hợp với mục đích kinh tế.

Ngoài ra, nhiều tỉnh trong Vùng cũng áp dụng các chính sách khuyến khích các mô hình phát triển kinh tế địa phương đặc thù nhằm sử dụng nguồn tài nguyên đất hiệu quả hơn. Chẳng hạn, chính sách phát triển mô hình nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp công nghệ cao trên đất nông nghiệp ở Lào Cai; chính sách phát triển mô hình trồng cây công nghiệp dài hạn (chè, cà phê và cây ăn quả) trên các diện tích đất dốc ở Sơn La; phát triển mô hình nông lâm kết hợp ở Hà Giang nhằm giúp tăng độ che phủ rừng, cải thiện chất lượng đất và đảm bảo việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất; chính sách phát triển vùng chuyên canh nông sản đặc sản ở Yên Bái như quế, hồi, và chè Shan tuyết, kết hợp với việc khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến nông sản tại địa phương,... Các chính sách này cho thấy, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu áp dụng linh hoạt và hiệu quả các chính sách khuyến khích sử dụng đất, từ việc cải tạo đất nông nghiệp, phát triển cây công nghiệp dài hạn đến nông lâm kết hợp góp phần tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên đất, bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững cho khu vực.

Đối với lĩnh vực tài nguyên nước, việc kiểm tra và thẩm định hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước của các doanh nghiệp trên địa

bàn nhiều tỉnh trong Vùng đã được kết quả ban đầu. Tại Phú Thọ, các dự án như “Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ”; dự án “Điều tra, đánh giá xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; ngưỡng khai thác nước dưới đất tỉnh Phú Thọ”; Dự án “Quan trắc tài nguyên nước dưới đất khu vực phía Nam huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ năm 2023” được thực hiện. Các dự án này thể hiện nỗ lực quản lý, giám sát và bảo vệ tài nguyên nước, đồng thời thể hiện nỗ lực tổng thể trong việc lập kế hoạch và chính sách sử dụng tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Phú Thọ, cùng với đó giúp tăng cường khả năng dự báo, giám sát và điều chỉnh việc khai thác nguồn tài nguyên nước đảm bảo sự phát triển kinh tế cho tỉnh Phú Thọ.

Đối với tài nguyên rừng, tại nhiều tỉnh trong Vùng, chính quyền đã chú trọng tới việc triển khai các chủ trương và đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đặc biệt, một số địa phương đã nỗ lực khắc phục những hạn chế và tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Công tác quy hoạch, bảo vệ và phát triển rừng được tiến hành đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án thủy điện, khai thác khoáng sản và dịch vụ du lịch trên địa bàn về cơ bản tuân thủ theo quy định của pháp luật; việc chuyển đổi rừng tự nhiên và rừng nghèo kiệt sang trồng rừng hoặc sản xuất nông nghiệp được chú trọng. Nhờ đó mà diện tích rừng của vùng Trung du và miền núi Bắc tăng lên, doanh nghiệp thu được lợi nhuận nhiều hơn, mục tiêu bảo vệ môi trường cũng được đảm bảo.

Thứ hai, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh” lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”, tức là chuyển đổi từ mô hình phát triển kinh tế dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững và phát thải cao (mô hình “nâu”), sang mô hình phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và ít phát thải hơn (mô hình

“xanh”). Mô hình tăng trưởng “nâu” là cách tiếp cận phát triển dựa trên việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, tiêu tốn nhiều năng lượng và gây ô nhiễm môi trường. Trong mô hình này, các ngành công nghiệp như khai thác khoáng sản, dầu mỏ, năng lượng hóa thạch, và phát triển cơ sở hạ tầng không bền vững được ưu tiên để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng. Tuy nhiên đi kèm với mô hình này là tình trạng ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và biến đổi khí hậu. Ngược lại, mô hình tăng trưởng “xanh” tập trung vào phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường, và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đây là mô hình phát triển có sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu khí thải và bảo vệ môi trường.

Nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang trong giai đoạn phát triển, tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa đầu tư cho phát triển cao, kéo theo nhiều áp lực đến môi trường, trong khi đó nền kinh tế vẫn chủ yếu phát triển dựa vào khai thác tài nguyên, ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu phát triển bền vững của vùng. Các hoạt động sản xuất kinh doanh thường là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, nguồn lực tập trung cho máy móc, thiết bị sản xuất, việc đầu tư công nghệ xử lý chất thải còn hạn chế, trong khi kinh phí dành cho hoạt động bảo vệ môi trường là rất lớn.

Giai đoạn năm 2018 – 2022 có 164 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được triển khai thực hiện tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc, góp phần giải quyết hiệu quả nhiều vấn đề mang tính cấp thiết, cấp bách, liên vùng, liên ngành và có tầm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng. Các đề tài, dự án, tiến bộ kỹ thuật mới tập trung vào ứng dụng công nghệ mới (công nghệ tự động, bán tự động, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin) vào hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong phát triển kinh tế đã có những tác động tích cực đáng kể đến việc bảo vệ môi trường. Sự phát triển và ứng dụng những công nghệ này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và người dân mà còn giảm thiểu các tác động tiêu cực của các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên đến môi trường.

Một số nhà máy chế biến khoáng sản tại Thái Nguyên đã áp dụng mô hình khu công nghiệp sinh thái (Mô hình này chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ cao trong khai thác, giảm thiểu tiêu hao năng lượng và phát thải chất thải rắn và tiết kiệm tài nguyên); một số nhà máy sản xuất gỗ ở Tuyên Quang áp dụng mô hình công nghệ chế biến gỗ hiện đại (công nghệ chế biến gỗ tái sinh và quản lý bền vững rừng đã giúp bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực từ công nghiệp chế biến gỗ); hợp tác xã Mộc Châu áp dụng mô hình trồng và chăm sóc cây chanh leo (mô hình này ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất sử dụng phương pháp tưới nhỏ giọt tự động kết hợp với phun thuốc bảo vệ thực vật giúp tiết kiệm nguồn nước ngầm dùng để tưới tiêu trong sản xuất, doanh nghiệp đã tiết kiệm được thời gian, chi phí sản xuất, chất lượng được nâng cao); một số hợp tác xã tại Bắc Giang áp dụng mô hình nông nghiệp sạch (áp dụng các quy trình sản xuất như ủ phân bón tại chỗ; chỉ dùng các loại thuốc sinh học để phòng trừ sâu bệnh cỏ dại; sử dụng phương pháp luân canh và xen canh trong trồng trọt các loại cây trồng ngắn ngày khác giúp tối ưu tài nguyên đất nông nghiệp, đồng thời giảm lượng chất thải, ô nhiễm không khí từ sản xuất nông nghiệp); tỉnh Sơn La và Hòa Bình xây dựng các dự án năng lượng tái tạo (nhà máy thủy điện ở Hòa Bình, dự án điện mặt trời tại huyện Mộc Châu. Các dự án này đảm bảo nguồn cung năng lượng bền vững mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế địa phương mà không làm tổn hại đến môi trường)... Các mô hình và dự án mà nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang thực hiện không chỉ tạo động lực phát triển kinh tế mà còn đóng góp vào việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững cho khu vực.

Thứ ba, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong khai thác, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên, nhằm hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

Một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến để thúc đẩy phát triển các ngành năng lượng mới như năng lượng tái tạo, năng lượng sạch đáp ứng được phần nào đó yêu cầu giảm tải lượng khí

phát thải. Các dự án xây dựng nhà máy năng lượng tái tạo như: Nhà máy điện sinh học tại Phú Thọ với công suất lắp máy 40MW, công suất phát điện 331,5 triệu kWh/năm. Dự án năng lượng gió tại các tỉnh như Điện Biên với tổng công suất của bốn nhà đầu tư là 1.480MW, tỉnh Lai Châu cũng đã có một số nhà đầu tư đang nghiên cứu để thực hiện khảo sát và đầu tư xây dựng dự án điện gió tại các huyện: Nậm Nhùn, Than Uyên, Tân Uyên và Sìn Hồ. Việc phát triển các dự án điện gió còn tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, ở các tỉnh này. Nếu khai thác được tiềm năng điện gió với công suất gần 1.500MW thì mỗi năm tỉnh nghèo Điện Biên có thêm nguồn thu vào ngân sách gần 1.500 tỷ đồng [165]. Việc đưa khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên nhất là các nguồn năng lượng gió, điện sinh học và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo này trong thời gian qua đã giúp hiệu suất sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng được cải thiện, góp phần tích cực vào việc giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

Tỉnh Lai Châu triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, đồng thời áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhằm tận dụng tối ưu hóa các nguồn tài nguyên phục vụ sản xuất. Hiện nay, Lai Châu đã xây dựng một số mô hình sản xuất và chế biến nông nghiệp. Tỉnh đã áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp hiện đại cho 171 ha chè (VietGAP, hữu cơ, RA), nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP, nuôi cá nước lạnh, và trồng nấm đông trùng. Ngoài ra, nông nghiệp công nghệ cao cũng được triển khai với việc sản xuất trong nhà màng, nhà lưới, sử dụng hệ thống tưới tự động và tiết kiệm nước. Cách thức sản xuất này thay thế cách thức tưới tiêu cũ, giúp tiết kiệm nguồn tài nguyên nước sử dụng trong nông nghiệp. Tỉnh còn áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến cho các sản phẩm như chè theo công nghệ Nhật Bản, Đài Loan, miến dong và gạo, tạo điều kiện cho việc gia tăng giá trị sản phẩm địa phương, tiếp cận thị trường quốc tế, mang lại lợi nhuận cho người sản xuất đồng thời cũng tiết kiệm nguồn nước, hạn chế được các loại chất thải, nước thải ra môi trường trong quá trình sản xuất. Đây là những hướng đi mới trong sản xuất cần được nhân rộng trong cả nước.

Thứ tư, tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, việc thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên của doanh nghiệp đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên để phát triển kinh tế bền vững đã được triển khai và bước đầu đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của Luật Thanh tra, đồng thời phối hợp với các đơn vị, cơ quan chuyên trách ở địa phương thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, việc thực hiện hạn mức khai thác tài nguyên của các doanh nghiệp trên địa bàn.

Năm 2021, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng đã tiến hành 17 cuộc thanh tra, kiểm tra, trong đó, riêng lĩnh vực khoáng sản triển khai được 7 cuộc kiểm tra đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính về ô nhiễm môi trường 660 triệu đồng. Năm 2022, tỉnh Cao Bằng tiến hành 2 cuộc thanh tra; 7 cuộc kiểm tra với 09 doanh nghiệp mỏ, khai khoáng. Kết quả công tác kiểm tra đã xử phạt, đề xuất xử phạt 06 tổ chức, cá nhân với số tiền 516 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Yên Bái đã thành lập 8 đoàn kiểm tra đột xuất về công tác quản lý nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường; hoạt động khoáng sản đối với 5 đơn vị và rà soát đối với 26 đơn vị có dự án khai thác quặng sắt, đồng, chì, kẽm và đất hiếm trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Qua thanh tra đã tiến hành lập biên bản và xử lý hành chính với 9 tổ chức vi phạm pháp luật lĩnh vực tài nguyên môi trường, với số tiền là 650 triệu đồng và thu lại từ số lợi bất hợp pháp là 145,5 triệu đồng. Tổng cộng mức tiền phạt thu nộp ngân sách Nhà nước là 795,5 triệu đồng [160]. Từ năm 2021 - 2023, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai đã tổ chức 41 cuộc kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các cấp, ngành quyết định xử phạt các hành vi vi phạm hành chính đối với 53 tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền hơn 08 tỷ đồng. Các cuộc thanh tra, kiểm tra của Bộ Tài nguyên và môi trường phối hợp với các đơn vị, cơ quan địa phương phát hiện nhiều vi phạm tại các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, đặc biệt là các sai phạm liên quan đến việc vượt hạn mức khai

thác, không đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường. Điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các cấp quản lý từ trung ương đến địa phương, nhằm giám sát hiệu quả việc tuân thủ quy định về tài nguyên và môi trường của các doanh nghiệp.

3.1.2. Một số hạn chế về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

3.1.2.1. Hạn chế trong hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, mặc dù đã có chủ trương lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào các dự án kinh tế, nhưng ở một số địa phương tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, việc thực thi chủ trương này còn yếu. Quy hoạch phát triển kinh tế thường tập trung vào các mục tiêu ngắn hạn, trong khi các vấn đề môi trường chủ yếu được xem xét ở mức thứ yếu.

Chẳng hạn, Thái Nguyên là một trong những tỉnh có tốc độ phát triển công nghiệp mạnh mẽ với sự xuất hiện của nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tuy nhiên, quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh chưa theo kịp sự phát triển nền kinh tế, các dự án xử lý nước thải, chất thải chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp này. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển nhanh nhưng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn còn thiếu và chưa hoàn thiện, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường xung quanh. Tại tỉnh Thái Nguyên có 41 cụm công nghiệp được quy hoạch với tổng diện tích 2.067 ha. Tính đến nay có 21 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, gồm: Phú Lạc 2 (Đại Từ), Cây Bòng (Võ Nhai) và Kha Sơn (Phú Bình). Như vậy, mới chỉ có 33% số cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đáp ứng được quy định phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Phần lớn các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động đều chưa có hệ thống xử lý chất thải tập trung. Khu công nghiệp Yên Bình và khu công nghiệp Sông Công không có hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh, dẫn đến việc nước thải

công nghiệp không được xử lý trước khi thải ra sông, gây ô nhiễm nguồn nước. Tại Lào Cai, khu công nghiệp Tăng Loỏng ở Lào Cai - nơi tập trung các nhà máy hóa chất và luyện kim - thường xuyên bị phản ánh về tình trạng ô nhiễm không khí và nước.

Bên cạnh đó, chủ trương di dời các cơ sở công nghiệp, nhà máy sản xuất ra khỏi khu dân cư ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc gặp nhiều khó khăn khi thực hiện. Việc di dời các cơ sở công nghiệp, nhà máy sản xuất ra khỏi khu dân cư giúp hạn chế tình trạng phát tán chất thải, khí độc và bụi mịn của các nhà máy, cơ sở công nghiệp vào không khí. Các nhà máy chế biến thực phẩm, hóa chất, hoặc khai thác khoáng sản thường thải ra lượng lớn nước thải và khí thải. Khi được di dời đến khu vực xa dân cư, việc kiểm soát ô nhiễm sẽ dễ dàng hơn. Nhưng các chủ trương này gặp rất nhiều khó khăn và thách thức về kinh phí di dời cao; thiếu hụt các nguồn lực cho các khu công nghiệp mới hoặc cụm công nghiệp tập trung; nhiều doanh nghiệp không muốn di dời do họ đã đầu tư lớn vào cơ sở vật chất ở vị trí cũ. Nhiều cơ sở công nghiệp đã được di dời đến các khu công nghiệp, nhưng tình trạng ô nhiễm vẫn có thể tiếp diễn.

Quy hoạch môi trường ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn mang tính chất rời rạc, không được cập nhật kịp thời và không phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế. Điều này dẫn đến việc các dự án phát triển kinh tế có thể đi trước trong khi các biện pháp bảo vệ môi trường chưa được chuẩn bị đầy đủ, gây ra xung đột giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, mặc dù các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã có sự quan tâm nhất định tới việc khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất để phòng ngừa, hạn chế tác động xấu của hoạt động kinh tế tới môi trường nhưng việc ứng dụng khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Tại nhiều tỉnh của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, các ngành sản xuất như khai thác khoáng sản, nông lâm nghiệp và sản xuất công nghiệp vẫn sử dụng các công nghệ cũ, tiêu tốn nhiều năng lượng và gây ra nhiều ô nhiễm. Những công nghệ này không có khả năng phòng ngừa triệt để chất thải gây ô nhiễm môi trường.

Tình trạng ô nhiễm đất, nước và không khí vẫn diễn ra, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và vùng sản xuất lớn. Chẳng hạn, nhiều cơ sở chế biến nông sản ở các tỉnh như Yên Bái hay Thái Nguyên vẫn sử dụng công nghệ lò hơi cũ không được trang bị các hệ thống lọc bụi hiện đại để ngăn ngừa bụi, gây nên tình trạng ô nhiễm không khí nghiêm trọng. Nhiều nhà máy chế biến khoáng sản ở khu công nghiệp Lào Cai, thiếu công nghệ để xử lý chất thải. Nguồn chất thải đổ ra môi trường chưa được xử lý triệt để, bị đổ xả trực tiếp ra sông suối, lâu dần các kim loại nặng tích tụ gây ảnh hưởng tới nguồn tài nguyên nước. Điều này cho thấy sự thiếu hụt trong việc đầu tư vào các công nghệ tiên tiến có khả năng phòng ngừa ô nhiễm môi trường để giảm thiểu tác động xấu từ hoạt động sản xuất tới môi trường ở các tỉnh trong Vùng.

Thêm vào đó, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có nền kinh tế phát triển chưa đồng đều, thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư vào các công nghệ hiện đại. Điều này khiến cho việc tiếp cận và ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường như năng lượng tái tạo, công nghệ xử lý nước thải thông minh hay hệ thống giám sát môi trường tự động gặp nhiều khó khăn.

Thứ ba, công tác đánh giá tác động của phát triển kinh tế đến môi trường của một số dự án kinh tế ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

So với các vùng khác trong cả nước, vùng Trung du và miền núi phía Bắc thuộc nhóm tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2011 - 2020. Song sự phát triển này chỉ tập trung vào một số tỉnh, thành phố như Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ. Nhiều địa phương trong Vùng có quy mô kinh tế rất nhỏ. Năm 2020, có 8/14 địa phương vùng Trung du và miền núi phía Bắc nằm trong nhóm 10 địa phương có quy mô GRDP thấp nhất cả nước, gồm Bắc Kạn (xếp thứ 63/63), Cao Bằng (62/63), Điện Biên (61/63), Lai Châu (60/63), Hà Giang (58/63), Yên Bái (56/63), Tuyên Quang (54/63), Lạng Sơn (53/63). Tổng giá trị GRDP của 8 địa phương này chỉ chiếm 29,9% GRDP toàn vùng. Do đó, trong thời gian gần đây, một số tỉnh đã tập trung chủ yếu vào mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là

tăng trưởng GDP, mà chưa chú trọng đúng mức đến vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Với lý do ưu tiên, dồn sức cho phát triển kinh tế, tại một số tỉnh trong vùng, chính quyền đã bất chấp phê duyệt những dự án, đề án kinh tế không thân thiện với môi trường. Khi thẩm định và phê duyệt các đề án kinh tế thường không chú trọng đúng mức đến đánh giá tác động của các hoạt động kinh tế trong các đề án, dự án này với môi trường. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa nghiêm túc, hội đồng thẩm định không đi khảo sát thực địa khu vực thực hiện dự án mà chỉ thẩm định trên hồ sơ dẫn đến kết quả thẩm định nhiều khi không chính xác. Bên cạnh đó, một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có địa hình đồi núi, nhiều sông suối, giao thông đi lại khó khăn. Từ đó, làm cho việc tiếp cận các khu vực dự án trở nên khó khăn, gây trở ngại cho việc thu thập dữ liệu và giám sát hiện trường. Điều này có thể dẫn đến việc đánh giá tác động môi trường bị làm qua loa, không đầy đủ hoặc không chính xác để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án.

Ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về môi trường và đánh giá tác động môi trường còn hạn chế. Nhiều cán bộ chưa được đào tạo đầy đủ, thiếu kinh nghiệm thực tế, dẫn đến việc thực hiện đánh giá tác động môi trường không đạt chất lượng mong muốn. Mặt khác, hệ thống quản lý và giám sát công tác đánh giá tác động môi trường ở các địa phương này còn nhiều bất cập. Việc thiếu thôn dữ liệu môi trường cơ bản và thông tin địa phương khiến cho công tác đánh giá trở nên khó khăn hơn. Các thông tin về khí hậu, địa chất, thủy văn, và đa dạng sinh học thường không đầy đủ và không cập nhật. Điều này gây khó khăn cho cán bộ thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường.

Mặc dù đánh giá tác động môi trường có vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa ô nhiễm ở cấp vi mô cho từng dự án cụ thể, nhưng trong những năm qua, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và giám sát từ các cấp chính quyền vẫn chưa được thực hiện chặt chẽ. Quá trình thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, vốn thuộc trách nhiệm của các bộ, ngành, hầu như không được

thực hiện nghiêm túc, bởi đa số các doanh nghiệp tự phê duyệt các dự án đầu tư của mình. Kết quả là, nhiều chủ đầu tư chỉ lập báo cáo đánh giá tác động một cách hình thức, nhằm hoàn thành thủ tục để dự án được thông qua, mà không chú trọng đến các tác động và nguy cơ môi trường thực sự. Điều này thể hiện rõ qua việc cấp phép hàng loạt cho các dự án thủy điện nhỏ ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trong những năm qua là một minh chứng điển hình. Trong vòng 10 năm, tỉnh Hà Giang và Cao Bằng đã được quy hoạch trên 100 dự án thủy điện. Trung bình mỗi dòng sông vẫn phải “cống” từ 3-6 nhà máy thủy điện, cá biệt hệ thống sông Gâm dài khoảng 60km theo quy hoạch sẽ phải “cống” 6 dự án thủy điện [177]. Việc cấp phép cho những dự án thủy điện vừa và nhỏ nếu không tuân thủ thực hiện đánh giá tác động môi trường nghiêm túc và chất lượng sẽ có tác động tiêu cực đến môi trường như dẫn đến việc ngập lụt diện tích lớn đất đai, làm mất môi trường sống tự nhiên của nhiều loài động thực vật. Quá trình xây dựng các dự án thủy điện có thể tạo ra ô nhiễm nước do việc thải ra bụi, hóa chất và các chất thải rắn từ công trường. Điều này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nguồn nước trong khu vực. Đặc biệt đời sống của người dân sẽ bị xáo trộn nghiêm trọng do phải nhường đất sản xuất cho xây thủy điện.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động phòng ngừa, hạn chế những tác động xấu của hoạt động phát triển kinh tế tới môi trường đã được thực hiện tuy nhiên, công tác này vẫn tồn tại nhiều hạn chế, dẫn đến việc các hoạt động kinh tế gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, làm cản trở nỗ lực giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế và bảo vệ môi trường.

Tại nhiều tỉnh, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc, đội ngũ cán bộ thanh tra môi trường không đủ số lượng và thiếu chuyên môn, trong khi các thiết bị kiểm tra môi trường hiện đại lại không được trang bị đầy đủ. Điều này làm giảm hiệu quả giám sát và thanh tra. Chẳng hạn, tại tỉnh Yên Bái, công tác kiểm tra môi trường liên quan đến các hoạt động chế biến gỗ và nông sản đã gặp nhiều khó khăn do thiếu hụt các thiết bị giám sát hiện đại. Các cơ sở chế biến này thường xả thải trực tiếp ra môi trường, nhưng cơ quan chức năng lại không có đủ công cụ để

theo dõi chất lượng nước và không khí một cách hiệu quả. Do đó, nhiều vi phạm về xả thải vượt mức cho phép chỉ được phát hiện sau khi đã gây ra hậu quả nghiêm trọng. Hay tại tỉnh Lào Cai, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản thường tiến hành xả bùn thải từ mỏ vào các con suối vào ban đêm, gây ô nhiễm nguồn tài nguyên nước. Thanh tra môi trường không thể thường xuyên giám sát mọi lúc, mọi nơi, dẫn đến tình trạng vi phạm "ngầm" không được phát hiện kịp thời. Mặc dù đã có nhiều cuộc kiểm tra đột xuất, nhưng các hành vi vi phạm này chỉ được phát hiện khi người dân phản ánh hoặc sự cố môi trường nghiêm trọng đã xảy ra.

Một hạn chế lớn trong công tác thanh tra, kiểm tra môi trường nhằm ngăn ngừa, hạn chế tình trạng vi phạm luật bảo vệ môi trường của doanh nghiệp là việc xử lý vi phạm không đủ mạnh để tạo ra tính răn đe để ngăn ngừa hành vi vi phạm luật bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp khác. Mặc dù phát hiện nhiều hành vi xả thải không đúng quy định, nhưng việc xử phạt chỉ dừng lại ở mức độ hành chính, chưa đủ nghiêm khắc để buộc các doanh nghiệp phải cải thiện hoạt động của mình. Tại Sơn La, một nhà máy chế biến nông sản đã bị phát hiện xả thải trực tiếp ra sông Đà, gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn tài nguyên nước. Tuy nhiên, hình thức xử lý chỉ dừng lại ở việc phạt tiền, mà chưa có chế tài mạnh buộc doanh nghiệp phải xử lý hậu quả môi trường.

3.1.2.2. Hạn chế trong hoạt động ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, mặc dù nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc dành sự quan tâm nhất định cho công tác xây dựng kế hoạch, biện pháp chủ động ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường xảy ra do hệ quả của các hoạt động kinh tế, song vẫn còn một số tỉnh chưa xây dựng được kế hoạch, biện pháp chủ động ứng phó với sự cố môi trường. Chẳng hạn như Điện Biên, Lai Châu, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang. Những tỉnh này có địa hình phức tạp và điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Các dự án và kế hoạch ứng phó với sự

cổ môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường thường đòi hỏi vốn đầu tư lớn, trong khi đó các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc từ sự hỗ trợ của các doanh nghiệp còn rất hạn chế.

Chẳng hạn để thực hiện kế hoạch ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, các tỉnh cần một lượng kinh phí lớn để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải. Toàn vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay chỉ có 22 trạm xử lý nước thải cho các khu công nghiệp. Chỉ có một số khu công nghiệp lớn tại Bắc Giang, Thái Nguyên, Lào Cai đã xây dựng, vận hành được hệ thống xử lý nước thải tập trung và lắp đặt thiết bị quan trắc tự động nước thải. Phần lớn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn lại đều chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, mà các công ty, nhà máy sản xuất tự xử lý nước thải phát sinh [Xem phụ lục 5]. Tại Phú Thọ, 2/4 khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung (khu công nghiệp Cẩm Khê và khu công nghiệp Trung Hà); 12/16 cụm công nghiệp chưa có hệ thống xử lý chất thải tập trung [156]. Tại tỉnh Thái Nguyên trong số 9 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động thì chỉ có 3 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại tỉnh Yên Bái, mặc dù đã có kế hoạch về quản lý và xử lý chất thải, nhưng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp vẫn chưa hoàn thiện. Điều này dẫn đến việc xả thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm nghiêm trọng các nguồn nước, ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Các dự án và kế hoạch ứng phó với sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường thường cũng đòi hỏi năng lực quản lý để vận hành các dự án này. Tại tỉnh Sơn La, sự cố tràn chất thải từ một số nhà máy chế biến mía đường đã gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước sông Mã vào năm 2019. Mặc dù sự cố đã được báo cáo từ sớm, nhưng do năng lực quản lý và giám sát còn yếu, sự cố này không được xử lý nhanh chóng, gây thiệt hại lớn cho người dân và hệ sinh thái xung quanh.

Một số quy hoạch bảo vệ môi trường tại khu vực này không được thực hiện đồng bộ với sự phát triển của nền kinh tế. Tại tỉnh Cao Bằng, việc khai thác quặng

sắt và chì tại các huyện Nguyên Bình và Thạch An diễn mà mạnh mẽ nhưng quy hoạch bảo vệ môi trường không theo kịp tốc độ phát triển này, không có sự giám sát môi trường chặt chẽ (Ví dụ vụ khai thác mỏ sắt Bản Luộc - Bản Nùng của Công ty MYREX để đảm bảo nguyên liệu phục vụ nhà máy sản xuất sắt xộp nhưng công ty lại không đưa vào nhà máy mà đem bán ra ngoài tỉnh từ năm 2016-2021) gây ra tình trạng sạt lở đất và ô nhiễm nguồn nước sông suối. Hay tại Bắc Giang, vẫn thiếu sự lồng ghép bảo vệ môi trường vào quy hoạch phát triển làng nghề. Các làng nghề truyền thống như làng nghề Đa Mai (sản xuất bún), Vân Hà (sản xuất rượu) gặp phải tình trạng ô nhiễm nguồn nước và không khí từ hoạt động sản xuất truyền thống. Tuy nhiên, quy hoạch bảo vệ môi trường chưa được tích hợp chặt chẽ vào quá trình phát triển kinh tế của các làng nghề này, khiến ô nhiễm trở thành vấn đề nghiêm trọng.

Thêm vào đó, hầu hết các tỉnh trong Vùng chưa có lực lượng chuyên trách ứng phó với sự cố môi trường. Lực lượng làm nhiệm vụ ứng phó sự cố tại các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp đều là tổ/đội phòng ngừa, ứng phó sự cố do chính các đơn vị đó thành lập.

Thứ hai, ở một số địa phương, chính quyền các cấp còn buông lỏng quản lý, chưa chặt chẽ, chưa quyết liệt trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về ô nhiễm môi trường, khiến cho tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn đang diễn ra tại hầu hết các tỉnh, gây khó khăn trong công tác khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường.

Trong thời gian qua, ở một số tỉnh trong vùng đã để xảy ra một số sự cố môi trường do các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp gây ra, ảnh hưởng đến môi trường và đời sống nhân dân chậm được xử lý, khắc phục, để lại nhiều hệ lụy lớn có thể kể đến như: Sự cố sự cố vỡ cửa xả đáy hồ chứa nước thải nhà máy tuyển quặng Bắc Nhạc Sơn (Công ty Apatit Việt Nam) năm 2018. Sự cố đã làm 54 hộ dân bị thiệt hại, trong đó có 2 hộ dân bị ngập, 7 ha hoa màu và 5,2 ha ao của 46 hộ bị chìm, cuốn trôi, nhiều hộ dân phải di dời tài sản, ước tính thiệt hại ban đầu 8 tỷ đồng [168]. Sự cố xả dầu trên sông Đà năm 2019, là một trong những sự cố môi trường

ng nghiêm trọng tại Việt Nam, gây ảnh hưởng lớn đến nguồn nước sinh hoạt của hàng triệu người dân ở các vùng Hà Đông, Hoàng Mai, Thanh Xuân của Hà Nội [170].

Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của những doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường chưa thường xuyên, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ, nhiệm vụ còn chồng chéo. Việc xử lý vi phạm chủ yếu do Công an tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp huyện hầu như không có thông tin về xử lý vi phạm.

Nhiều doanh nghiệp chưa chủ động thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường, cải thiện chất lượng môi trường nhất là các doanh nghiệp khai thác khoáng sản. Nếu có làm thì cũng chỉ mang tính chất đối phó với sự kiểm tra của các cơ quan chức năng. Tình trạng khai thác xong bỏ mặc hoặc chậm trễ trong việc cải tạo, phục hồi môi trường đang diễn ra tại nhiều điểm mỏ khai thác khoáng sản. Chẳng hạn, tại bản Pom Lót, xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luống (huyện Điện Biên), mỏ khai thác cát do Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Ngọc Dũng làm chủ đầu tư đã đóng cửa từ năm 2021. Tuy nhiên, đến nay, việc cải tạo và phục hồi môi trường vẫn chưa được thực hiện. Khu vực này vẫn giữ nguyên hiện trạng sau khai thác, tạo thành các vũng, hủm sâu, gây nguy cơ sạt lở và xâm lấn vào đất canh tác của người dân, đồng thời ảnh hưởng đến dòng chảy của sông Nậm Rốm. Tương tự, mỏ đá Mường Ảng 4 (xã Ảng Nưa, huyện Mường Ảng) do Công ty Cổ phần Cao nguyên Hà Giang khai thác đã bị thu hồi giấy phép sau nhiều lần vi phạm an toàn khai thác. Đến nay, công ty vẫn chưa nộp hồ sơ đề án đóng cửa mỏ và việc cải tạo, phục hồi môi trường vẫn chưa được thực hiện. Tại xã Cù Vân (Đại Từ), có bốn mỏ khai thác khoáng sản đã được cấp phép, trong đó hai mỏ (Mỏ sắt Cù Vân và Mỏ than Suối Huyền) đã nhận thông báo về việc giấy phép hết hiệu lực. Nhưng việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai sau khi giấy phép chấm dứt hiệu lực vẫn chưa được thực hiện, gây lãng phí tài nguyên đất và ảnh hưởng đến công tác quy hoạch của địa phương. Một số moong nước sâu ở hai khu vực mỏ trên còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn.

Thứ ba, việc áp dụng các công nghệ khoa học hiện đại để xử lý, khắc

phục sự cố môi trường, tình trạng ô nhiễm môi trường do các hoạt động kinh tế gây nên ở một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn nhiều hạn chế, bất cập.

Nhiều tỉnh trong khu vực này còn thiếu thôn kết cấu hạ tầng cần thiết để triển khai công nghệ xử lý môi trường. Các hệ thống thoát nước, xử lý rác thải, và quản lý ô nhiễm không khí còn sơ khai và không được đầu tư đồng bộ. Tại tỉnh Sơn La, vấn đề ô nhiễm môi trường từ rác thải nhà máy, xí nghiệp và nông nghiệp đang gia tăng, nhưng các hệ thống xử lý rác thải tập trung còn hạn chế. Phần lớn rác thải không được xử lý mà chỉ được chôn lấp thủ công, gây ô nhiễm đất và nguồn nước ngầm. Tại Bắc Kạn, dù có tiềm năng phát triển năng lượng mặt trời, nhưng các dự án điện mặt trời quy mô nhỏ không thể phát triển mạnh do thiếu chính sách hỗ trợ đầu tư và đặc biệt thiếu hệ thống truyền tải điện chưa được nâng cấp phù hợp với công nghệ mới.

Việc vận hành và bảo trì các hệ thống công nghệ hiện đại yêu cầu một đội ngũ nhân viên có trình độ cao và chuyên môn kỹ thuật tốt. Tuy nhiên, các tỉnh miền núi phía Bắc thường thiếu nguồn nhân lực có kỹ năng về khoa học và công nghệ môi trường. Nhiều kỹ sư và chuyên gia môi trường có xu hướng tập trung ở các đô thị lớn, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân sự tại các khu vực này. Tại Lào Cai, các dự án khai thác khoáng sản đã gây ô nhiễm môi trường nặng nề, đặc biệt là ô nhiễm không khí và nước. Mặc dù tỉnh đang bị một số công nghệ hiện đại để xử lý ô nhiễm (Dự án xử lý nước thải tại mỏ đồng Sin Quyền), nhưng do thiếu đội ngũ kỹ sư và chuyên gia có trình độ, việc ứng dụng công nghệ xử lý không đạt hiệu quả cao. Việc thiếu hụt nhân sự là khó khăn chung của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chứ không chỉ riêng tỉnh Lào Cai. Tại Khu công nghiệp phía Nam Yên Bái, mặc dù đã có dự án lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung, nhưng do thiếu hụt về nhân sự và nguồn lực quản lý nên hiệu quả của hệ thống không cao. Tình trạng này cũng diễn ra tương tự tại dự án xử lý nước thải nông nghiệp tại Mộc Châu, Sơn La, dù đã áp dụng công nghệ sinh học hiện đại nhưng chưa đạt hiệu quả như mong đợi.

Địa hình đồi núi đi lại khó khăn cũng gây cản trở cho việc vận chuyển và lắp

đặt các thiết bị xử lý hiện đại để xử lý ô nhiễm môi trường. Hà Giang là một trong những tỉnh có địa hình đồi núi phức tạp nhất cả nước, việc vận chuyển và lắp đặt các thiết bị xử lý nước thải cho các khu vực sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Các hệ thống xử lý thường phải thiết kế lại để phù hợp với địa hình, làm tăng đáng kể chi phí và làm chậm tiến độ triển khai. Hay tại huyện Trùng Khánh, Cao Bằng, các dự án thử nghiệm tái chế phế phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển giao công nghệ từ các khu vực khác. Địa hình phức tạp và thiếu kiến thức kỹ thuật tại địa phương đã làm giảm khả năng áp dụng công nghệ này, dẫn đến việc quản lý rác thải nông nghiệp vẫn chưa được cải thiện đáng kể.

Thứ tư, nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc gặp nhiều hạn chế trong việc huy động các nguồn lực, sự hỗ trợ trong và ngoài nước để xử lý các sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường.

Việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư xử lý nước thải cũng gặp rất nhiều khó khăn. Hầu hết các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc hiện tại đang đối diện với một thách thức, đó là sự phụ thuộc quá lớn vào nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, trong khi chưa thực sự tận dụng được nguồn tài chính từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, dẫn đến hạn chế về khả năng đầu tư cho các dự án xử lý môi trường. Nguồn lực tài chính của các doanh nghiệp trên địa bàn Vùng còn rất mỏng, tính đến 31/12/2021 toàn Vùng có 36.614 doanh nghiệp với tổng số vốn sản xuất kinh doanh bình quân 1643.985 nghìn tỉ đồng; Nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc còn nhỏ, một số tỉnh trong Vùng như Bắc Cạn, Lai Châu, Điện Biên chưa có khả năng tự cân đối được ngân sách địa phương. Hàng năm khả năng thu ngân sách địa phương chỉ đáp ứng được 45-50% kế hoạch chi, ngân sách trung ương hỗ trợ 50-55% kế hoạch chi của ngân sách địa phương.

Một số dự án sử dụng vốn ODA, song cơ chế giải ngân chậm, gây cản trở cho việc xây dựng dự án. Điển hình là việc nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Thụy Vân được xây dựng chủ yếu từ nguồn vốn vay ODA (80%),

còn lại là ngân sách địa phương, tuy nhiên tốc độ giải ngân vốn ODA chậm, vốn ngân sách còn chưa được cân đối nên thời gian xây dựng kéo dài (khởi công từ 2014 và đến năm 2018 mới đi vào hoạt động chính thức), gây bất lợi cho công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Hoặc tại Yên Bái, mặc dù tình trạng ô nhiễm nguồn nước từ các hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất công nghiệp đã trở nên nghiêm trọng, nhưng do nguồn kinh phí hạn chế, việc lắp đặt các hệ thống lọc nước hiện đại, xử lý ô nhiễm nước sông suối vẫn chưa được triển khai đồng bộ.

Trong thời gian qua, một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã huy động được nhiều nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế nhằm xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong phát triển kinh tế. Song do nhiều nguyên nhân như hạn chế về thông tin, liên kết với các cấp chính quyền địa phương và thiếu kết cấu hạ tầng để triển khai các công nghệ xử lý hiện đại xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường. Chẳng hạn, dự án khắc phục ô nhiễm tại mỏ đồng Sin Quyền, do Chính phủ Nhật Bản tài trợ một phần, đã bị trì hoãn do khó khăn trong việc huy động vốn đối ứng từ ngân sách địa phương. Các dự án xử lý ô nhiễm nước từ chăn nuôi gia súc do chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tài trợ đã phải tạm dừng tại huyện Trùng Khánh, Cao Bằng do thiếu kinh phí đối ứng từ phía địa phương và hạn chế trong việc phối hợp giữa các cấp chính quyền. Hoặc các dự án về xử lý khí thải từ nhà máy luyện kim Thái Nguyên, một phần được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á, đã không thể hoàn thành đúng tiến độ do sự thiếu hụt nguồn vốn và khó khăn trong việc quản lý kỹ thuật. Tình trạng ô nhiễm không khí và đất từ nhà máy vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và môi trường xung quanh.

3.1.2.3. Hạn chế trong hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, việc quản lý, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc vẫn còn những điểm bất cập.

Hiện nay, tình trạng tổn thất tài nguyên trong quá trình khai thác còn ở mức độ cao, đặc biệt ở các mỏ hầm lò và các mỏ do địa phương quản lý. Các hoạt động khai thác mỏ một cách tự phát và không có sự quản lý chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước diễn ra ngày càng phổ biến, đặc biệt là từ năm 1985 trở lại đây. Các hoạt động khai thác này thường theo nguyên tắc "dễ bắt đầu nhưng khó dừng lại" hoặc "có lãi thì làm, lỗ thì bỏ", sử dụng phương pháp khai thác và tuyển lựa thủ công và cơ khí nhỏ. Chẳng hạn, các hoạt động khai thác vàng ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên; khai thác thiếc ở Tuyên Quang; khai thác antimoan ở Hà Giang, Hòa Bình; khai thác than ở Thái Nguyên. Mặc dù các dự án khai thác này giúp tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động địa phương nhưng ảnh hưởng tới môi trường và hiện nay để lại những hậu quả to lớn đối với môi trường như mất rừng, mất mát đa dạng sinh học, xói mòn đất đai, ô nhiễm nguồn nước...

Nhiều tỉnh trong Vùng cũng gặp khó khăn trong việc buộc doanh nghiệp thực hiện cải tạo, tái tạo môi trường sau khai thác.

Trong nhiều năm qua, tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản đã gặp nhiều vấn đề nghiêm trọng như nạn chặt phá rừng nguyên sinh, khu bảo tồn thiên nhiên, và rừng phòng hộ vẫn tiếp diễn, những kẻ xấu lợi dụng chính sách chuyển đổi "rừng nghèo", xây dựng thủy điện và phát quang biên giới để tiến hành khai thác bừa bãi. Các biện pháp bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ và rừng đầu nguồn ở một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã có một số hiệu quả tích cực, tuy nhiên, việc phá rừng để xây dựng thủy điện vẫn diễn ra khá phổ biến. Các biện pháp đền bù tái tạo rừng chưa được triển khai triệt để, làm mất cân bằng hệ sinh thái và gia tăng nguy cơ lũ quét, xói mòn đất tại các khu vực miền núi. Chẳng hạn tại Hòa Bình, dự án thủy điện Trung Sơn gây ra mất rừng và làm giảm khả năng chống lũ của rừng phòng hộ. Mặc dù đã có yêu cầu trồng lại rừng sau khi phá rừng, nhưng việc tái tạo này không kịp thời và không đủ để khôi phục lại chức năng sinh thái ban đầu.

Thứ hai, việc chuyển đổi mô hình sản xuất kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh” gắn với sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả tài nguyên

thiên nhiên, lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại nhiều tỉnh trong vùng còn gặp nhiều trở ngại về nguồn lực, công nghệ, nhân lực, và chính sách hỗ trợ.

Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chủ yếu là những khu vực khó khăn về kinh tế, nền kinh tế chủ yếu vẫn phụ thuộc nặng nề vào các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên như khoáng sản, gỗ và thủy điện. Những mô hình kinh tế "nâu" này mang lại nguồn thu nhập lớn cho địa phương, khiến cho việc chuyển đổi sang mô hình "xanh" gặp phải sự phản đối từ các doanh nghiệp và người lao động, những người lo ngại mất đi sinh kế. Mặt khác, chi phí đầu tư cho công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ xanh, thường rất lớn. Một thực tế hiện nay ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, số lượng doanh nghiệp trong vùng có công nghệ sản xuất hiện đại còn chưa nhiều, sử dụng công nghệ lạc hậu đã và đang gây áp lực không nhỏ lên môi trường của các khu vực này. Phần lớn các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên liệu, tiêu tốn nhiều năng lượng, gây sạt lở, ô nhiễm không khí. Nhiều doanh nghiệp chưa có nhiều cơ hội tiếp cận với các kiến thức, kinh nghiệm, công nghệ tiên tiến, hiện đại của nước ngoài; cũng như chưa có đủ nguồn lực tài chính để triển khai ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh. Điều này khiến cho nhiều địa phương gặp khó khăn trong việc triển khai các dự án sản xuất thân thiện với môi trường. Ở Hà Giang, dù có tiềm năng phát triển nông nghiệp bền vững và du lịch sinh thái, việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh gặp khó khăn do thiếu vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực. Do đó, nhiều hộ nông dân vẫn duy trì phương pháp canh tác truyền thống, gây áp lực lên môi trường và làm suy giảm độ phì nhiêu của đất.

Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích cho chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh tại một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn thiếu đồng bộ và chưa đủ mạnh. Chính quyền địa phương thường gặp khó khăn trong việc tạo ra các cơ chế ưu đãi về thuế, tín dụng hay đào tạo cho các doanh nghiệp chuyển đổi sang sản xuất xanh. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp e ngại đầu tư vào mô hình sản xuất

thân thiện với môi trường. Tại Yên Bái, các chính sách khuyến khích nông dân và doanh nghiệp chuyển sang nông nghiệp hữu cơ còn khá mờ nhạt. Dù có tiềm năng phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, các hộ kinh doanh và doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về tài chính và kỹ thuật trong việc chuyển đổi từ canh tác truyền thống sang nông nghiệp hữu cơ. Điều này làm giảm tốc độ chuyển đổi và gây ra sự chậm trễ trong việc đạt được các mục tiêu bảo vệ môi trường.

Thêm vào đó, dân cư trong vùng chủ yếu là đồng bào dân tộc, mặt bằng dân trí, trình độ sản xuất hạn chế. Nhiều hộ dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, không có đủ kiến thức và kỹ năng để áp dụng các mô hình sản xuất xanh. Đào tạo và nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển bền vững chưa được đẩy mạnh, dẫn đến sự khó khăn trong việc triển khai các mô hình mới. Tại Hòa Bình, mặc dù có nhiều chương trình hỗ trợ chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, các nông hộ nhỏ vẫn gặp khó khăn trong việc áp dụng công nghệ xanh và canh tác hữu cơ do thiếu kiến thức và kỹ năng cần thiết. Điều này làm chậm quá trình chuyển đổi và gây khó khăn cho việc thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường.

Việc chuyển đổi mô hình kinh tế từ “nâu” sang “xanh” gặp khó khăn sẽ có nhiều tác động tiêu cực đến việc sử dụng tiết kiệm và hợp lý tài nguyên thiên nhiên tại đa số các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Nhiều doanh nghiệp có thể không đủ khả năng tài chính, nguồn nhân lực, vật lực để đầu tư vào công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, các doanh nghiệp tiếp tục khai thác tài nguyên thiên nhiên với tốc độ cao để duy trì lợi nhuận ngắn hạn. Điều này làm gia tăng áp lực lên các nguồn tài nguyên, dẫn đến tình trạng cạn kiệt và suy thoái tài nguyên nhanh hơn. Các chính sách và kế hoạch phát triển bền vững như tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính có thể không được thực hiện hiệu quả tại các địa phương này. Bên cạnh đó, quá trình chuyển giao công nghệ hiện đại, để khai thác tài nguyên thiên nhiên có thể làm chậm dẫn đến việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên không hiệu quả.

Thứ ba, nhiều doanh nghiệp ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc hầu hết đều có quy mô vừa và nhỏ, ngoài tiềm lực về tài chính thấp, chưa đủ nguồn

lực công nghệ và đổi mới công nghệ vào sản xuất theo hướng sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là nguồn năng lượng. Nếu thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ tạo nên gánh nặng về chi phí rất lớn. Đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp, công nghệ sản xuất ở khu vực Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay phần lớn là công nghệ cũ, tiêu hao năng lượng lớn, xử lý chất thải kém dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp, phát sinh lượng lớn chất thải gây ô nhiễm và gia tăng phát thải khí nhà kính. Các nhà máy nhiệt điện (sử dụng nguyên liệu hóa thạch) thường sử dụng công nghệ lạc hậu có mức phát thải CO₂ và xả thải cao. Công nghiệp thủy điện vừa và nhỏ chiếm tỉ trọng khoảng 6 - 7% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp của Vùng nhưng cũng đang gây các tác động xấu tới môi trường sinh thái. Các ngành sản xuất năng lượng sạch như năng lượng hạt nhân, năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, địa nhiệt... chưa phát triển. Nhiều ngành hỗ trợ, giải quyết vấn đề môi trường, dịch vụ môi trường, công nghiệp tái chế... còn yếu kém, trong khi kinh phí dành cho hoạt động bảo vệ môi trường là rất lớn.

Toàn bộ 35 doanh nghiệp sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng các loại trong Vùng đều đang sử dụng công nghệ vật liệu nung gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Vùng hiện có tới 110 doanh nghiệp trong tổng số gần 1.300 doanh nghiệp cả nước bị xếp vào danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải thực hiện kiểm toán năng lượng. Trong đó có 12 doanh nghiệp khai thác khoáng sản, 35 doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng các loại đều thuộc nhóm có mức sử dụng năng lượng quy đổi cao và mức phát thải và xả thải cao [160]. Đây là tình trạng hết sức đáng lo ngại về việc sử dụng năng lượng và ô nhiễm môi trường từ các doanh nghiệp sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên của nhiều doanh nghiệp tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc vẫn còn gặp nhiều hạn chế. Nhiều vụ việc vi phạm chưa kịp thời được phát hiện hoặc khi được phát hiện thì không nhanh chóng tiến hành xử lý có hiệu quả, đúng quy định.

Chẳng hạn, tại Lai Châu, một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã bị phát hiện khai thác trái phép ngoài phạm vi cho phép, gây ra tình trạng lãng phí tài nguyên nhưng phát hiện và xử lý chậm trễ, không kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Ở nhiều địa phương, công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác tài nguyên chỉ được thực hiện theo chu kỳ hoặc sau khi có sự cố xảy ra, mà không được duy trì thường xuyên. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp lợi dụng để vi phạm quy định, khai thác quá mức hoặc khai thác trái phép mà không bị phát hiện. Tại Yên Bái, vào tháng 9 năm 2020, tại xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên, một mỏ khai thác đá đã sập, làm 2 công nhân tử vong và 1 người bị thương, cơ quan chức năng mới tiến hành thanh tra toàn diện các hoạt động khai thác khoáng sản trong khu vực. Qua thanh tra, phát hiện nhiều doanh nghiệp không tuân thủ các quy định về an toàn lao động và khai thác bền vững, nhưng do công tác kiểm tra trước đó không nghiêm ngặt, các sai phạm này đã diễn ra trong thời gian dài mà không bị xử lý.

Mặt khác, chế tài xử phạt vẫn chưa đủ tính răn đe, lợi nhuận từ khai thác khoáng sản lớn hơn nhiều lần, nên nhiều doanh nghiệp bất chấp pháp luật để khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên. Cũng tại Yên Bái, nhiều doanh nghiệp khai thác quặng trái phép hoặc khai thác quá mức so với giấy phép được cấp chỉ bị xử phạt hành chính từ 50 đến 100 triệu đồng; Ở Cao Bằng, nhiều mỏ đá và nhà máy xi măng vi phạm về quy định xử lý khí thải và nước thải, không đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường chỉ bị phạt hành chính dao động từ 100 triệu đến 200 triệu đồng; tại Thái Nguyên, một số doanh nghiệp khai thác mỏ sắt và than vi phạm quy định về khoảng cách an toàn khai thác, không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, mức xử phạt cũng chỉ từ 50 đến 150 triệu đồng, Mặc dù pháp luật đã quy định rõ ràng về việc xử phạt vi phạm trong khai thác tài nguyên, mức xử phạt hiện nay tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chưa đủ mạnh để răn đe các doanh nghiệp vi phạm. Lợi nhuận cao từ hoạt động khai thác và mức phạt thấp là lý do chính khiến tình trạng tái phạm diễn ra thường xuyên. Điều này

không chỉ gây ra sự suy thoái tài nguyên mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và đời sống của người dân địa phương.

Một số cơ quan thanh tra tại Trung du và miền núi phía Bắc thiếu công nghệ hiện đại để giám sát từ xa các hoạt động khai thác tài nguyên. Việc sử dụng các công nghệ hiện đại như drone (máy bay không người lái), hệ thống cảm biến hay phân tích dữ liệu từ vệ tinh có thể giúp quản lý hiệu quả hơn, nhưng tại nhiều địa phương, những công nghệ này chưa được áp dụng do thiếu kinh phí và chuyên môn. Tại Bắc Kạn, tình trạng khai thác quặng trái phép trong rừng sâu diễn ra phổ biến, gây xói mòn đất và ô nhiễm nguồn nước. Do địa hình khó tiếp cận và thiếu công nghệ giám sát từ xa, lực lượng kiểm tra chỉ có thể phát hiện sau khi hoạt động khai thác đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng.

3.2. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Nguyên nhân của kết quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, trình độ nhận thức và ý thức tự giác, chủ động, tích cực bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các chủ thể được nâng lên.

Một là, phần lớn chủ thể lãnh đạo, quản lý đã có sự nhận thức rõ hơn về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, đồng thời có sự phối hợp trong việc triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước và các cơ quan hữu quan tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết có liên quan đến việc bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế, trong đó tập trung vào tăng cường nhận thức của chủ thể về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền

núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đưa ra tầm nhìn phát triển vùng đến năm 2045 khẳng định tầm quan trọng của hoạt động phòng chống ô nhiễm môi trường trong phát triển kinh tế để biến Trung du và miền núi phía Bắc trở thành “vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện; hình mẫu phát triển xanh của cả nước, trong đó có khoảng 50% số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá trong cả nước” [12]. Nghị quyết 96/NQ-CP ngày 1/8/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu: “Đến năm 2030, vùng Trung du và miền núi phía Bắc là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện,...; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước” [27]. Mục tiêu Nghị quyết đặt ra giai đoạn 2021-2030 là 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

Trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo lớn, Đảng bộ, chính quyền các địa phương tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các Sở ban ngành đặc biệt là huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, gắn với công tác phòng chống ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường.

Tại Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định: “Bảo đảm sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên; phát triển kinh tế phải hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; thực hiện tái cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường của vùng; thực hiện thí điểm các công cụ chính sách mới, dựa vào thị trường để huy động sự tham gia của toàn xã hội trong bảo vệ môi trường, bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học của từng tiểu vùng, từng địa phương trong vùng” [117]. Điều này cũng thể hiện quan điểm nhất quán của vùng Trung du và miền núi phía Bắc với quy hoạch phát triển của quốc gia trong việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, không đánh đổi môi trường

lấy phát triển kinh tế. Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương đã có sự liên kết giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, các mục tiêu bảo vệ môi trường được lượng hóa, tính toán cụ thể và lồng ghép hữu cơ vào các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của từng tỉnh, của vùng trong từng giai đoạn, thời kỳ phát triển.

Hai là, các tổ chức chính trị - xã hội, đứng đầu là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, việc tuyên truyền được triển khai hàng năm với nhiều hình thức, nội dung phong phú, hướng tới nhiều đối tượng khác nhau, tập huấn cho hàng nghìn lượt cán bộ làm công tác môi trường các cấp, các doanh nghiệp về bảo vệ môi trường; xây dựng và phát sóng hàng tháng các chuyên mục về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài truyền hình, đài phát thanh, báo in, đăng các tin và bài trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường... kịp thời phản ánh các vấn đề môi trường nóng trong quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Các hoạt động truyền thông đã thu hút được sự quan tâm và tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

Các địa phương định kỳ hàng năm tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về kiến thức tài nguyên, môi trường và tuyên truyền các văn bản mới của Nhà nước liên quan đến công việc bảo vệ tài nguyên và môi trường cho chủ thể lãnh đạo, quản lý, doanh nghiệp. Việc đào tạo và tập huấn trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường cũng được tích hợp vào các chương trình và dự án khác như Chương trình 135, Chương trình giảm nghèo, Chương trình làm xanh đất trống đồi trọc,... và công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường có liên quan mật thiết đến hiệu quả tổ chức thực hiện các chương trình, dự án của Nhà nước nói chung và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng.

Ba là, nhiều doanh nghiệp hiện nay đã có sự quan tâm đến việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất và công nghệ nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của hoạt động

kinh tế tới môi trường tự nhiên, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

Trong các ngành nghề truyền thống, sự chuyển đổi và đầu tư nâng cấp công nghệ đã bước đầu dẫn đến các thay đổi tích cực trong hoạt động sản xuất. Thay vì sử dụng các phương pháp sản xuất lạc hậu gây tổn kém nguyên liệu và ô nhiễm môi trường, nhiều doanh nghiệp đã áp dụng các công nghệ mới để tăng hiệu suất và giảm tác động tới môi trường. Việc này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

Trong ngành công nghiệp chế biến và chế biến khoáng sản sâu cũng có sự chuyển biến đáng kể. Thay vì xuất khẩu nguyên liệu thô, nhiều doanh nghiệp đã điều chỉnh hoạt động sản xuất để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Điều này không chỉ giảm sự tác động của quá trình sản xuất lên môi trường mà còn tăng cường năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư cho các doanh nghiệp. Thay vì sử dụng các công nghệ lạc hậu và gây ô nhiễm, một số doanh nghiệp đã chuyển sang áp dụng công nghệ sạch, hiệu suất cao hơn và ít tổn kém nguyên liệu, nhất là sự đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp có thể mạnh trong vùng như nông nghiệp, du lịch để giảm thiểu sự khai thác tài nguyên.

Bốn là, sự tham gia của cộng đồng dân cư để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Xuất phát từ chính nhu cầu cần thiết của cuộc sống, tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã hình thành, phát triển nhiều mô hình cộng đồng điển hình tiên tiến đóng góp quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Các mô hình cộng đồng dân cư do chính người dân trực tiếp bàn bạc thống nhất các phương thức tổ chức thực hiện, quản lý giám sát và được hưởng lợi từ thành quả tham gia. Nhiều chương trình, dự án thực hiện thành công và hiệu quả do chủ dự án đã trực tiếp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia vào công tác giám sát bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế. Mặt trận Tổ quốc tại nhiều tỉnh đã huy động cộng đồng dân cư tham gia vào công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, đồng thời thực hiện kiểm tra, giám sát

việc tuân thủ bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp tại các địa phương. Chẳng hạn như:

Mặt trận Tổ quốc tại tỉnh Lào Cai và các tổ chức đoàn thể đã tổ chức nhiều hoạt động và phối hợp xây dựng, triển khai các mô hình bảo vệ môi trường với sự tham gia của cộng đồng dân cư. Trong giai đoạn 2015 - 2020, đã thành lập hai mô hình dân cư điểm nhằm cải tạo tập quán lạc hậu và cải thiện vệ sinh môi trường nông thôn. Trong đó, hai mô hình điểm về “Khu dân cư thực hiện hài hòa xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường” đã được xây dựng tại xã Sín Chéng (huyện Si Ma Cai) và xã Vạn Hoà (Thành phố Lào Cai). Kể từ khi triển khai, nhận thức của người dân đã được nâng cao rõ rệt. Người dân đã chuyển từ nền sản xuất tự túc sang sản xuất hàng hóa, 100% các hộ đã áp dụng giống mới vào gieo trồng và tuân thủ quy trình, kỹ thuật chăm sóc. Tại xã Vạn Hoà, các hộ dân đã thay đổi từ trồng lúa thu nhập thấp sang trồng rau màu, đào ao thả cá và áp dụng các hình thức sản xuất có thu nhập cao. Tại xã Sín Chéng, người dân đã chuyển từ trồng một vụ đậu tương, ngô và cây thuốc lá sang hai vụ, nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích lên gấp đôi, đạt 26 triệu đồng/ha. Việc triển khai mô hình tại hai địa phương này đã giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để xóa đói giảm nghèo. Đồng thời, mô hình cũng góp phần giữ gìn và bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng dân cư.

Thứ hai, truyền thống, văn hóa, lối sống của đồng bào tại nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều sự thay đổi tích cực trong ứng xử với môi trường trong phát triển kinh tế so với trước.

Người dân tộc thiểu số ở một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã xây dựng và tiếp tục gìn giữ được một số giá trị tích cực trong văn hóa ứng xử với môi trường trong quá trình phát triển các hoạt động kinh tế của mình. Từ lâu, cộng đồng người dân tộc thiểu số trong vùng đã sống gắn bó, dựa vào tự nhiên để tồn tại và phát triển. Trong truyền thống văn hóa, lối sống của mình, đồng bào các dân tộc miền núi phía Bắc đã xây dựng, duy trì và bảo tồn nhiều giá trị, tập quán tốt

đẹp trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên. Chẳng hạn, dân tộc Thái quy định: Ai muốn phát rừng làm rẫy phải được Tạo bản cho phép. Họ không phá rừng, làm rẫy không chỉ vì tuân thủ luật pháp và chính quyền, mà chủ yếu vì không muốn vi phạm các "điều ước" mà họ và dòng họ đã thề với cộng đồng; nếu tự ý làm, sẽ bị bản làng phạt (bồi thường). Hay hàng năm cứ đến cuối tháng 5 (âm lịch) mới được vào rừng lấy măng, nhưng chỉ được hái lứa đầu và lứa thứ tư. Ai làm sai bị phạt. Cây gỗ, cây quế trong rừng dù lớn hay nhỏ, nhưng trên thân cây có dấu chữ thập (+) hoặc dấu nhân (x) là cây đã có chủ, không ai được chặt cây gỗ đó nữa. Đồng bào dân tộc Dao cũng có những luật tục quy định rõ ràng về việc khai thác và bảo vệ rừng. Hầu hết các thôn, bản đều có những khu rừng cấm (mạ poong kìm), thường nằm ở đầu nguồn khe nước của thôn, xóm. Theo tục lệ, dân làng chỉ được đến khu rừng cấm này trong các dịp thực hiện nghi thức thờ rừng; tuyệt đối không được chặt phá, thả hay buộc trâu ở đó. Nếu ai vi phạm điều cấm kỵ này sẽ bị phạt lợn, gạo hoặc bạc trắng. Ngoài ra, người Dao còn có tục lệ khi xây dựng gia đình, cặp vợ chồng trẻ phải trồng tre, tràm hoặc quế. Khi trong gia đình có một đứa trẻ ra đời, bà con thôn bản và họ hàng đến thăm sẽ mang theo mỗi người một cây quế con để trồng, sau này làm tài sản hoặc của hồi môn cho đứa trẻ. Người Kháng ở Chiềng Bôm, Sơn La cũng có những luật tục bảo vệ môi trường được lưu truyền qua nhiều thế hệ như trong quá trình tìm đất phát nương luật tục không cho phép chọn ở những khu rừng đầu nguồn (klâu hua bo) hay rừng già (klâu đung), bởi đây là nơi phát sinh nguồn nước, nơi có nhiều cây to lấy gỗ dựng nhà, khai thác nhiên liệu đan lát,... Người nào cố tình khai thác rừng đầu nguồn khi bị phát hiện sẽ phải nộp phạt gấp ba lần, quy ra tiền hoặc thóc nộp vào quỹ chung của bản. Những luật tục, tục lệ này, đặc biệt là luật tục bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng thiêng của các dân tộc ở vùng cao đã đạt được mục tiêu kép, đó là: Bảo tồn được nguồn gen, đảm bảo tính đa dạng sinh học đồng thời còn có tác dụng rất tốt trong việc bảo vệ rừng, chống xói mòn đất rừng, hạn chế lũ lụt,... góp phần bảo vệ sinh kế của cộng đồng dân cư địa phương.

Thứ ba, quá trình phát triển kinh tế của Vùng đang dần chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng các ngành nông - lâm - ngư nghiệp tạo ra những nguồn lực thực hiện tốt hơn những mục tiêu về môi trường trong phát triển kinh tế.

So với các vùng khác trong cả nước, vùng Trung du và miền núi phía Bắc thuộc nhóm tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2011-2020, với mức tăng GRDP trung bình 8,42%/năm, cơ cấu kinh tế có sự thay đổi tích cực với sự phát triển của ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản.

Khu vực công nghiệp vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã có bước phát triển đáng kể, đặc biệt các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp điện tử, thông tin, cơ khí, chế biến nông sản, dệt may, da giày,... phát triển nhanh tại Thái Nguyên và Bắc Giang; khai thác tiềm năng thủy điện ở các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Lào Cai và công nghiệp khai khoáng tại các tỉnh Lào Cai, Thái Nguyên... Trong lĩnh vực dịch vụ, các tỉnh có tiềm năng phát triển kinh tế du lịch đặc biệt là phát triển các hoạt động du lịch thám hiểm, sinh thái, lịch sử,... Khu vực nông lâm thủy sản tuy giảm dần tỷ trọng, nhưng đang có xu hướng chuyển đổi dần theo hướng sản xuất hàng hóa, thâm canh, nâng cao năng suất và chất lượng. Khai thác điều kiện lợi thế tự nhiên, vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã hình thành một số vùng cây sản xuất hàng hóa như chè, cây ăn quả tại Tuyên Quang, Sơn La, Lai Châu...

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã tạo ra những bước chuyển quan trọng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, giúp nhiều tỉnh có thêm nguồn ngân sách để thực hiện những chương trình, dự án nhằm bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Nguồn kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học và sự nghiệp bảo vệ môi trường của một số tỉnh trong Vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã tăng lên đáng kể [Xem phức lục 8] tạo nguồn lực hỗ trợ đáng kể cho việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các tỉnh. Chẳng hạn giai đoạn 2015-2021, nguồn kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học và sự nghiệp bảo vệ môi trường của tỉnh Thái Nguyên tăng 138,9% (từ 226,9 tỷ năm 2015 lên 315,2 tỷ năm 2021); Phú Thọ tăng

210 % (từ 76,3 tỷ đồng năm 2015 lên 160,3 tỷ đồng năm 2021); Bắc Giang tăng 207,4% (từ 73,7 tỷ đồng năm 2015 lên 152,9 tỷ đồng năm 2021). Nguồn kinh phí tăng lên cho phép các tỉnh đầu tư vào kết cấu hạ tầng hiện đại để bảo vệ môi trường, bao gồm hệ thống xử lý chất thải và nước thải, áp dụng công nghệ hiện đại để ngăn ngừa, hạn chế, ứng phó, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên có hiệu quả hơn.

Khi kinh tế chuyển dịch từ các ngành truyền thống sang các ngành sử dụng công nghệ cao, một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có thể thu hút các nhà đầu tư với công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường cũng như mở ra nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ xanh và bảo vệ môi trường. Tỉnh có thể thu hút các dự án đầu tư từ các tổ chức quốc tế và các quốc gia phát triển, chia sẻ kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đây là cơ hội để nhiều tỉnh có thể lựa chọn các nhà đầu tư có công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, sự nhận thức, ý thức tự giác, tích cực một số chủ thể về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tuy đã từng bước được nâng lên nhưng vẫn chưa thật đầy đủ và chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Trong nhận thức và hành động của một số cấp ủy đảng và chính quyền địa phương tại một số tỉnh trong vùng nhiều lúc, nhiều nơi vẫn xem trọng tư duy phát triển kinh tế, vì lợi ích kinh tế mà bất chấp đánh đổi môi trường. Xuất phát từ thực tế, tốc độ tăng trưởng của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trong thời gian qua tuy có cải thiện xong vẫn ở mức thấp và đây vẫn là các tỉnh nghèo của cả nước đang phải đối mặt với thách thức về sự phát triển kinh tế chậm so với các khu vực khác trong cả nước, việc ưu tiên cho mục tiêu phát triển kinh tế là cần thiết nhưng điều đó không có nghĩa phải phát triển kinh tế bằng mọi giá bất chấp việc các hoạt động kinh tế đó gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường nghiêm trọng. Bởi lẽ điều đó tất yếu sẽ dẫn đến hệ quả phát triển kinh tế thiếu bền vững và về lâu dài những kết

quả phát triển kinh tế đạt được cũng không thể đủ để giải quyết những hệ lụy nghiêm trọng do ô nhiễm môi trường gây ra, thậm chí có những hệ quả mà ngay cả khi có tiềm lực kinh tế mạnh cũng không thể khắc phục được.

Công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, thay đổi mô hình sản xuất, tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường ở nhiều nơi chưa được chú trọng đúng mức. Hoạt động tuyên truyền về pháp luật bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế còn một số hạn chế, dẫn đến việc tuân thủ về pháp luật bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp chưa cao, một số doanh nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải nhưng chỉ mang tính chất đối phó với đầu tư ở mức tối thiểu, công nghệ xử lý và thiết bị không phù hợp nên khi đưa vào vận hành không mang lại hiệu quả cao.

Một số doanh nghiệp còn đặt nặng lợi ích kinh tế trước mắt, sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách lãng phí, hủy hoại tài nguyên, không thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Một số doanh nghiệp có công nghệ cũ, lạc hậu, chưa đủ kinh phí để đầu tư, đổi mới công nghệ gây ô nhiễm môi trường. Một số doanh nghiệp thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường theo kiểu đối phó, hình thức, chưa thay đổi nhận thức và hành vi đối với môi trường. Thậm chí, một số doanh nghiệp tối đa hoá lợi nhuận, thẳng tay cắt bỏ những chi phí “không cần thiết” như chi phí liên quan đến bảo vệ môi trường, để lại nhiều hậu quả xấu đến môi trường.

Ngoài ra một số doanh nghiệp sản xuất nằm xen kẽ trong khu dân cư, không đảm bảo khoảng cách an toàn, thiếu quỹ đất để xây dựng hệ thống xử lý chất thải nên khả năng gây ô nhiễm môi trường ở các điểm sản xuất này là rất lớn. Vấn đề này không chỉ xảy ra ở các doanh nghiệp lớn mà còn phổ biến trong các mô hình sản xuất nhỏ và thậm chí ở hộ kinh doanh.

Trình độ nhận thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của một bộ phận cộng đồng dân cư nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số trong Vùng còn thấp. Trình độ nhận thức bị quy định bởi trình độ văn hóa của các cộng đồng dân cư. Trong thời gian gần đây, nhờ những nỗ lực của Nhà nước cũng như các địa phương, trình độ học vấn của một số nhóm dân tộc thiểu số như Mường, Tày...

đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, khi đánh giá tổng thể, trình độ học vấn của đồng bào dân tộc ở khu vực Trung du và miền núi phía Bắc vẫn còn rất thấp so với yêu cầu của sự phát triển.

Bên cạnh đó, sự phối kết hợp giữa các chủ thể trong hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế trên thực tế dù đã đạt được những hiệu quả bước đầu nhưng cũng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Cụ thể:

Một là, sự phối hợp của các sở, ban, ngành trong việc tham mưu, đề xuất triển khai chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế nhiều lúc, nhiều nơi tại nhiều tỉnh trong Vùng còn chưa kịp thời.

Tại một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tuy đã được triển khai song trong quá trình triển khai thực hiện còn thiếu sự đồng bộ giữa các cấp chính quyền, cơ quan chức năng và tổ chức doanh nghiệp. Việc tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường nhiều lúc chỉ dừng lại ở mức hình thức, chưa có sự gắn kết chặt chẽ với các chính sách phát triển kinh tế và môi trường địa phương. Ở một số địa phương như Thái Nguyên và Bắc Kạn, tuy có các chương trình tuyên truyền về bảo vệ môi trường nhưng các hoạt động này thường không được thực hiện đồng thời với việc triển khai các dự án phát triển kinh tế, dẫn đến tình trạng thiếu nhận thức và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong việc bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, các chương trình tuyên truyền và giáo dục về bảo vệ môi trường tại một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thường chưa được thiết kế phù hợp với đối tượng doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, đặc biệt là các khu vực nông thôn, dân tộc thiểu số. Phương thức tuyên truyền chủ yếu vẫn là thông qua các hội nghị, hội thảo, và các tài liệu in ấn, không có sự đa dạng trong cách tiếp cận đối tượng. Tại các vùng nông thôn, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, người dân vẫn còn thiếu kiến thức và kỹ năng về bảo vệ môi trường. Ở nhiều làng nghề của Lào Cai và Bắc Kạn, các hoạt động sản xuất truyền thống gây ô nhiễm môi trường nước và đất nhưng người dân vẫn chưa có ý thức tự giác trong việc xử lý chất thải hoặc sử dụng các biện pháp sản xuất thân thiện với môi trường. Các hình thức tuyên truyền mang tính

hình thức, chủ yếu dựa trên việc phát tờ rơi hoặc các bài phát thanh, chưa đi sâu vào giải thích rõ ràng về các hậu quả lâu dài của ô nhiễm môi trường đối với đời sống và sức khỏe cộng đồng. Kết quả là nhận thức của người dân về các tác động môi trường từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt còn thấp.

Công tác tuyên truyền, giáo dục doanh nghiệp và cộng đồng dân cư hiện tại chủ yếu do cơ quan chức năng thực hiện mà chưa có sự phối hợp tích cực từ phía cộng đồng và doanh nghiệp. Tại tỉnh Lào Cai, việc di dời dân cư khỏi khu công nghiệp Tăng Loong là một quyết định đúng đắn, nhưng quá trình tuyên truyền và phối hợp với người dân trong khu vực để họ hiểu và ủng hộ kế hoạch này chưa được thực hiện tốt. Điều này khiến việc thực thi chậm trễ và tạo ra sự thiếu đồng thuận từ cộng đồng. Việc thiếu sự phối hợp của các Sở, ban, ngành chưa hiệu quả, thiếu tính đồng bộ, chậm tham mưu dẫn đến tình trạng chậm ra chính sách để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Hai là, một số chủ thể chưa có phương thức phối hợp với nhau một cách hiệu quả. Lực lượng thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn mỏng, năng lực còn hạn chế; chưa được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện cần thiết và chưa được bố trí kinh phí tương xứng để triển khai các hoạt động nghiệp vụ trong quá trình thanh tra. Nhiều cơ quan quản lý ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thiếu nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực quản lý và giám sát hoạt động khai thác tài nguyên. Điều này dẫn đến việc giám sát thiếu hiệu quả, khó kiểm soát được toàn bộ quy trình khai thác từ lúc bắt đầu đến khi hoàn thành.

Chưa có cơ chế khuyến khích cộng đồng dân cư phản ánh về các hành vi, tình hình ô nhiễm môi trường đến các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp. Ở nhiều địa phương, chính quyền các cấp còn buông lỏng quản lý, chưa chặt chẽ, chưa quyết liệt. Có nhiều trường hợp, người dân phản ánh vụ việc vi phạm bảo vệ môi trường lên cấp trên thì chính quyền địa phương mới biết, thậm chí ở nhiều nơi một số cán bộ còn tiếp tay cho hoạt động khai thác tài nguyên môi trường một cách trái phép. Một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức, viên chức tại chính

quyền thuộc một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chưa phát huy hết trách nhiệm; kỹ năng, đạo đức, công vụ có lúc có nơi còn chậm, phối hợp chưa tốt, chưa đồng bộ làm ảnh hưởng tới công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

Tại Lai Châu, tình trạng phá rừng làm nương rẫy gây ra nhiều lo ngại về mất cân bằng sinh thái và tăng nguy cơ sạt lở đất. Tuy nhiên, cộng đồng dân cư không có kênh hoặc cơ chế cụ thể để phản ánh những hành vi phá rừng này đến các cơ quan chức năng. Sự thiếu cơ chế phản ánh hiệu quả khiến tình trạng phá rừng không được xử lý kịp thời.

Ý kiến góp ý, yêu cầu, kiến nghị của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế rất chính đáng nhưng chưa được một số cơ quan hữu quan coi trọng giải trình cũng như chưa có biện pháp khắc phục, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng. Thậm chí có ý kiến, kiến nghị của tổ chức chính trị - xã hội còn không được hồi đáp. Chẳng hạn, cộng đồng dân cư tại tỉnh Cao Bằng đã kiến nghị nhiều lần về tình trạng khai thác khoáng sản gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng đến nguồn nước và đất canh tác của người dân; tại Sơn La, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư đã nhiều lần gửi kiến nghị phản đối việc xây dựng các dự án thủy điện do lo ngại về tác động tiêu cực đến môi trường và đời sống người dân địa phương; hay các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư tại Hà Giang đã đưa ra nhiều kiến nghị về việc bảo vệ rừng và chống phá rừng để phát triển kinh tế,... Tuy nhiên, các cơ quan chức năng chưa có giải trình cụ thể, dự án vẫn tiếp tục triển khai mà không có biện pháp khắc phục những lo ngại đã nêu. Gần đây nhất là sự việc các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư tại tỉnh Tuyên Quang đã gửi nhiều kiến nghị về việc khai thác cát trái phép trên sông Lô làm biến đổi dòng chảy và gây xói mòn đất. Tuy nhiên, các kiến nghị này chưa nhận được hồi đáp từ các cơ quan chức năng và tình trạng khai thác cát vẫn tiếp tục diễn ra, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và đời sống người dân.

Công tác giám sát cộng đồng về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại một số tỉnh, nhiều lúc chưa được coi trọng. Tại một số tỉnh, hoạt động khai thác

khoáng sản đã gây ra nhiều vấn đề môi trường như ô nhiễm nguồn nước và đất, nhưng công tác giám sát cộng đồng hầu như không được chú trọng. Các báo cáo từ người dân và tổ chức địa phương về tình trạng ô nhiễm thường chưa được các cơ quan chức năng kiểm tra và giải quyết kịp thời, dẫn đến việc khai thác không bền vững và hậu quả nghiêm trọng cho môi trường. Hay nhiều tỉnh có sự phát triển nhanh chóng của các khu công nghiệp nhưng thiếu sự giám sát cộng đồng về bảo vệ môi trường. Cộng đồng dân cư địa phương nhiều lần phản ánh về tình trạng ô nhiễm không khí và nước, nhưng các cơ quan chức năng không có biện pháp kiểm tra và xử lý thích đáng. Điều này khiến môi trường sống của cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng nghiêm trọng mà không có biện pháp khắc phục kịp thời.

Thứ hai, trình độ nhận thức và hiểu biết của một bộ phận người dân các dân tộc miền núi phía Bắc về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tuy thời gian qua đã từng bước được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp. Người dân trong cộng đồng các dân tộc miền núi phía Bắc mặc dù nhận thức được các nguồn tài nguyên thiên nhiên như rừng, nước, khoáng sản, đất đai không phải là vô tận song hành động và việc làm vẫn làm vẫn khai thác triệt để các nguồn tài nguyên. Đa số người dân tộc thiểu số vẫn xa lạ với các kiến thức khoa học về quy luật phát triển của thiên nhiên, thiếu hiểu biết về sự liên kết và tương tác giữa các yếu tố trong hệ thống tự nhiên - xã hội - con người. Do sự thiếu hiểu biết trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là trong việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học và phân hữu cơ chưa qua xử lý gây tác hại xấu đến môi trường sinh thái. Ở nhiều tỉnh của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, nhiều hộ sản xuất vẫn thường xuyên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong mỗi mùa vụ để làm tăng năng suất nông sản. Mặc dù đã được tập huấn, nhưng do hạn chế về trình độ nên việc sử dụng hàm lượng phân bón trên diện tích cây trồng không hợp lý, lạm dụng, thiếu tính toán và dựa trên cảm tính. Điều này không chỉ gây thiệt hại về tài chính mà còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

Mặc dù trước đây người dân tộc thiểu số ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chủ yếu sống gần gũi với tự nhiên và vẫn giữ được một số giá trị truyền

thống tích cực trong quan hệ với thiên nhiên, nhưng điều này không có nghĩa là họ đã có những kiến thức chính xác và hiểu biết đầy đủ về mối quan hệ giữa thiên nhiên, xã hội và con người, cũng như về các vấn đề môi trường sinh thái. Hiện nay, nhiều luật tục bảo vệ môi trường của các dân tộc đang có chiều hướng biến mất, do sức ép của sự gia tăng dân số cũng như những yếu tố của nền kinh tế thị trường. Việc khai thác tài nguyên một cách bừa bãi để thỏa mãn nhu cầu sinh kế làm cho phần lớn diện tích rừng đặc dụng biến mất. Do thiếu đất canh tác họ buộc phải canh tác trên đất có độ dốc cao, các sườn đồi bị xói mòn, đất bị bạc màu nghiêm trọng. Ngoài ra ở nhiều địa phương đồng bào dân tộc thiểu số vẫn duy trì những lễ nghi và thói quen lạc hậu như chăn nuôi gia súc, gia cầm dưới sàn hoặc gần nhà vẫn rất phổ biến. Mặc dù người dân được vận động làm chuồng trại riêng, cách xa nơi ở, nhưng hình thức thả rông, nhốt dưới gầm nhà vẫn chiếm ưu thế. Gia súc thường được chăn thả tự do, không có chuồng trại hợp lý, dẫn đến lượng phân và rác thải bừa bãi. Mạng lưới y tế thiếu thôn hoặc xuống cấp, điều kiện ăn uống và sinh hoạt không được đảm bảo vệ sinh.

Thứ ba, các nguồn lực kinh tế để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc chưa được huy động tối đa để bắt kịp với sự phát triển kinh tế.

Các nguồn lực để bảo vệ môi trường đảm bảo sự phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như vốn, khoa học công nghệ để phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thời gian qua nhìn chung còn yếu và thiếu.

Về nguồn vốn để thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Theo Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các địa phương bố trí đảm bảo chi không dưới 1% tổng ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường tăng dần hàng năm,

ở cả Trung ương và địa phương. Giai đoạn 2015-2021, kinh phí chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc ngày càng tăng. Năm 2015 là 237 tỷ đồng đến năm 2021 là 442 tỷ đồng [Xem phụ lục 8]. Thái Nguyên là tỉnh chi nhiều nhất với 315,2 tỷ đồng, Phú Thọ 160,3 tỷ đồng, Bắc Giang 152,9 tỷ đồng. Một số tỉnh, ngân sách địa phương hạn hẹp (nhất là những địa phương có nguồn thu không đủ bù chi) chưa đảm bảo định mức chi 1 % cho sự nghiệp khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường. 2 địa phương quyết định mức dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương thấp hơn so với số hướng dẫn của Trung ương, cụ thể: Bắc Kạn (59 tỷ đồng), Lai Châu (41 tỷ đồng).

Tổng nguồn thu dịch vụ môi trường giai đoạn 2011-2020 của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là hơn 7.750 tỷ đồng (chiếm 48,4% tổng thu của cả nước), bình quân mỗi năm thu khoảng 775 tỷ đồng; riêng 2020 thu được 1.239 tỷ đồng [Xem phụ lục 9.1]. Tuy nhiên tiềm năng nguồn thu từ dịch vụ môi trường chưa phân bổ đều ở các tỉnh, tập trung chủ yếu tại các tỉnh khu vực Tây Bắc (Lai Châu, Sơn La, Điện Biên), nơi có nhiều hệ thống thủy điện với công suất lớn như Thủy điện Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình trên sông Đà. Trong giai đoạn 2011 - 2020, các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc đã chi hơn 7.000 tỷ đồng để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng cho 2,96 triệu ha rừng hàng năm chiếm 45% diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường của cả nước và chiếm 20% tổng diện tích rừng toàn quốc [15].

Tỷ lệ đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường từ các nguồn thu liên quan đến môi trường còn thấp. Chưa có cơ chế huy động nguồn lực trong xã hội hoặc đã có nhưng chưa phù hợp nên nguồn lực huy động được còn nhỏ lẻ, không đáng kể. Các khu vực ô nhiễm cần phải cải tạo, phục hồi đều ở trên địa bàn các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc huy động nguồn lực của các địa phương và từ các nguồn vốn khác rất hạn chế. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc phân bổ ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường song mức đầu tư nhất là cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Thiếu nguồn

lực vốn đầu tư là thách thức lớn trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng gia tăng, tích tụ ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Các dự án bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn vốn để thực hiện dự án. Ngân sách trung ương và địa phương có hạn, do đó để có nguồn vốn thực hiện các dự án này yêu cầu đặt ra phải tiến hành xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó khi các dự án triển khai đều thực hiện xây dựng các kế hoạch ứng phó sự cố, mặc dù các kế hoạch ứng phó sự cố đã được các cơ sở xây dựng nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố xảy ra.

Về tiềm lực khoa học công nghệ và cơ sở vật chất của vùng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Tại một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, các ngành công nghiệp được coi là thế mạnh của Vùng nhưng công nghiệp khai thác và sơ chế khoáng sản, luyện kim, sản xuất vật liệu xây dựng và hóa chất, công nghệ sản xuất hết sức lạc hậu. Đa số cơ sở sản xuất công nghiệp hiện nay đã được đầu tư trước năm 1995, thiết bị công nghệ đã cũ và hiệu suất sản xuất thấp. Những ngành công nghiệp này vẫn chủ yếu sử dụng máy móc cơ giới với công nghệ lạc hậu, gây tiêu thụ nhiều năng lượng và phát thải khí CO₂, chất thải rắn và chất thải gây ô nhiễm môi trường ở mức cao. Do mức độ cơ giới hóa thấp và công nghệ khai thác mà mức độ thất thoát tài nguyên rất lớn. Phần lớn các mỏ khai thác nhỏ hiện nay chỉ khai thác được những phần trữ lượng giàu nhất, bỏ qua toàn bộ quặng nghèo và khoáng sản đi kèm, dẫn đến lãng phí tài nguyên. Tồn thất trong chế biến khoáng sản cũng ở mức cao. Khai thác than hàm lò tồn thất từ 40 đến 60%; khai thác apatit từ 26 đến 43%; quặng kim loại từ 15 đến 30%; vật liệu xây dựng từ 15 đến 20%. Khai thác vàng, độ thu hồi quặng vàng trong chế biến (tổng thu hồi) hiện chỉ đạt khoảng 30% đến 40%, nghĩa là hơn một nửa bị thải ra ngoài bãi thải, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư xung quanh.

Mặt khác, do điều kiện địa bàn rộng lớn và việc đi lại khó khăn, việc kêu gọi sự tham gia của các tổ chức khoa học đầu ngành từ vùng xuôi gặp nhiều trở ngại.

Việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở khu vực này cũng gặp nhiều khó khăn đặc thù như tình trạng những biến đổi bất thường của thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan như sạt lở, lũ lụt, mưa rét, hạn hán và sương muối.

Định mức tài trợ cho nghiên cứu khoa học vẫn chưa có cơ chế đặc thù ưu tiên cho vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Điều này, cùng với nhận thức hạn chế và tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào các dân tộc thiểu số, khiến nhiều nhà khoa học còn chưa mặn mà với việc nghiên cứu và áp dụng các ứng dụng khoa học công nghệ vào khu vực này.

Ngoài ra, hạ tầng kỹ thuật và điều kiện làm việc tại các vùng này cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiều dự án nghiên cứu khoa học công nghệ cao. Tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, Trung tâm Quan trắc Môi trường cấp tỉnh đã được thành lập song thiết bị quan trắc hoặc các thiết bị phòng thí nghiệm đều thiếu. Hiện nay, duy nhất chỉ có 1 tỉnh duy nhất là Bắc Giang đã thành lập phòng chuyên môn thực hiện quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học trực thuộc Chi cục Bảo vệ môi trường. Sự thiếu hụt cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và nguồn nhân lực có trình độ cao càng làm gia tăng khoảng cách giữa nhu cầu phát triển và khả năng thực hiện tại chỗ của nhiều tỉnh.

Thứ tư, chủ trương, chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn chậm được cụ thể hóa và đẩy mạnh tổ chức thực hiện một cách hiệu quả trong thực tế.

Đảng và Nhà nước ta mặc dù đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế nhằm tạo hành lang pháp lý cho công tác bảo vệ môi trường, song hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường thường xuyên thay đổi, văn bản hướng dẫn dưới luật ban hành chưa kịp thời khiến việc tổ chức thực hiện chính sách ở các cấp cơ sở thiếu căn cứ pháp lý, chưa đồng bộ, chồng chéo, gây tác động tiêu cực đến tài nguyên thiên nhiên, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh môi trường các tỉnh miền núi phía Bắc. Chẳng hạn như: việc ban hành một số văn bản hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường 2020 còn chậm, chưa kịp thời so với yêu cầu thời gian thực hiện như văn bản

hướng dẫn cách định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, hướng dẫn cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các trường hợp doanh nghiệp xin cấp các loại giấy phép môi trường vượt quá quy mô, tính chất của dự án hoạt động cũng như yêu cầu về Bảo vệ môi trường của dự án.

Về thời gian cấp phép, Luật Bảo vệ môi trường quy định chỉ khoảng 30 - 45 ngày làm việc. Tuy nhiên, việc tích hợp nhiều loại giấy phép trong một sẽ khiến cơ quan có thẩm quyền mất nhiều thời gian để kiểm tra, xác minh, thẩm định về việc đáp ứng các điều kiện theo Luật, trong khi nguồn nhân lực hạn chế, nhất là cán bộ ở cấp xã còn hoạt động kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản về môi trường.

Tại Thái Nguyên, mỗi huyện chỉ có 2 đến 3 cán bộ chịu trách nhiệm về môi trường, trong khi ở cấp xã, chuyên viên chuyên trách môi trường thường phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau và hầu hết không có chuyên môn về môi trường. Hiện nay, riêng thành phố Thái Nguyên, một trung tâm đô thị lớn với dân số đông đúc và hàng trăm nhà máy hoạt động mỗi ngày, lại chỉ có hơn 10 cán bộ quản lý môi trường. Tại Bắc Giang [126], ở cấp xã, chỉ có 4 xã bố trí công chức địa chính phụ trách công tác bảo vệ môi trường có chuyên môn về môi trường, còn lại hầu hết nhân sự về mảng môi trường đều làm công tác kiêm nhiệm (167 công chức địa chính kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường, 04 công chức giao thông thủy lợi, thống kê, khuyến nông kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường). Tại Bắc Cạn [124], ở cấp huyện, gồm 07 huyện, 01 thành phố, mỗi huyện (thành phố) của tỉnh Bắc Cạn chỉ có 01 biên chế phụ trách về môi trường. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, các nguồn ô nhiễm ngày càng phức tạp, ngày càng gia tăng đáng kể về chủng loại và lượng chất thải, nguồn nhân lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế mới chỉ đáp ứng được một phần công việc và thường xuyên phải hoạt động quá tải. Điều này cho thấy, lực lượng cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn đang rất thiếu cả về số lượng và chất lượng, nhất là đối với cấp cơ sở. Đội ngũ cán bộ về môi trường thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường của các huyện trình độ

chuyên môn còn hạn chế, hầu hết không có bằng cấp chuyên môn về môi trường. Số cán bộ này được phân công, tuyển dụng hoặc chuyển đổi trong vài năm gần đây, nên trình độ và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành còn thiếu những hướng dẫn chi tiết, cụ thể về đánh giá sức chịu tải của môi trường trong mối liên hệ với việc cấp giấy phép môi trường. Thời gian thực tế để xin được giấy phép môi trường kéo dài, thông thường phải mất ít nhất là 1 năm hoặc hơn 1 năm. Sở Tài Nguyên môi trường các tỉnh còn gặp khó trong việc phân định đối tượng thực hiện thủ tục hành chính về giấy phép môi trường căn cứ theo nội dung dự án, quy mô công suất; yếu tố nhạy cảm về môi trường. Nhiều dự án đã và đang bắt đầu lập hồ sơ nhưng lại lúng túng trong quá trình thực hiện khiến việc cấp giấy phép môi trường bị chậm so với thời gian dự kiến ban đầu.

Việc triển khai thực hiện chính sách bảo vệ tài nguyên, môi trường còn chưa sát với Luật Bảo vệ môi trường, Luật luật Đa dạng sinh học, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản,...cũng như các văn bản dưới luật.

Về cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Trong thời gian qua, mặc dù nhiều tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã có sự quan tâm tới việc thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế song hiện nay nhiều tỉnh vẫn thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sử dụng năng lượng sạch thân thiện với môi trường, thu hút, ưu đãi, kêu gọi đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp áp dụng công nghệ giảm lượng phát thải khí nhà kính cũng như huy động nguồn vốn từ cộng đồng trong việc phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu.

Trong lĩnh vực công nghiệp, các ngành như công nghiệp vật liệu xây dựng, khai khoáng, luyện kim và hóa chất được xem là thế mạnh của vùng, đã bắt đầu thu hút đầu tư và phát triển chiều sâu. Tuy nhiên, tiềm năng và thế mạnh của vùng vẫn chưa được khai thác một cách hiệu quả. Các sản phẩm công nghiệp chế biến vẫn ở dạng chế biến thô, sử dụng năng lượng hóa thạch, tiêu tốn nhiều tài nguyên.

Hiệu suất và chất lượng tăng trưởng của một số ngành công nghiệp chủ lực vẫn còn thấp, đặc biệt là ở các ngành đóng góp lớn vào giá trị sản xuất của vùng như điện tử, may mặc...

Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc áp dụng các mô hình sản xuất mới vẫn đang diễn ra chậm chạp và mang lại hiệu quả thấp. Hoạt động thâm canh nông nghiệp và trồng cây công nghiệp thường đi kèm với việc tăng lượng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học, cũng như nhập khẩu sử dụng các loại giống mới, dẫn đến sự xói mòn nguồn gen địa phương. Sự dư thừa của các thành phần hóa học từ phân bón và thuốc bảo vệ thực vật không chỉ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học mà còn có thể làm thay đổi cấu trúc của hệ sinh thái. Quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất thường làm thu hẹp diện tích của một số hệ sinh thái rừng tự nhiên hoặc chuyển đổi sang các hệ sinh thái thứ sinh, rừng sản xuất và cây công nghiệp để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là ở các vùng dân cư, làm thay đổi môi trường sinh thái và làm mất đi nơi cư trú, môi trường sống của nhiều loài sinh vật và ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng khu vực. Mặc dù vùng có nhiều tiềm năng về rừng và đất rừng, nhưng vai trò của ngành lâm nghiệp trong cơ cấu sản xuất vùng vẫn chưa ổn định và thậm chí có chiều hướng giảm, kể cả ở các vùng có diện tích rừng lớn. Mặc dù lâm nghiệp được coi là một thế mạnh của vùng, nhưng chất lượng và giá trị kinh tế của rừng đang giảm sút. Diện tích rừng nguyên sinh với các loại gỗ quý đang giảm đi và thay vào đó là rừng trồng với giá trị kinh tế thấp.

Các ngành dịch vụ chưa đa dạng và chất lượng chưa cao. Sự phát triển du lịch, đặc biệt là các hoạt động du lịch thám hiểm, sinh thái và lịch sử, cùng việc khai thác các cảnh quan thiên nhiên, rừng và hệ sinh thái tự nhiên có thể gây ra các tác động tiêu cực đến sự hình thành và phát triển của nhiều loài sinh vật nếu không có biện pháp kiểm soát và bảo vệ chặt chẽ.

Tiểu kết chương 3

Trung du và miền núi phía Bắc là một khu vực chiến lược đặc biệt quan trọng từ góc độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và ngoại giao của đất nước. Dưới lát cắt của luận án, thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thể hiện ở kết quả thực hiện các nội dung: 1. Phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường để đảm bảo giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; 2. Ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; 3. Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên để đảm bảo bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Bên cạnh những kết quả bước đầu đã đạt được, việc thực hiện nội dung hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc vẫn còn gặp nhiều hạn chế và khó khăn nhất định. Luận án cũng chỉ ra các nguyên nhân của những kết quả đạt được và hạn chế của thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Đây là cơ sở để luận án đề ra một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Chương 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Các chủ thể là những người trực tiếp phụ trách, xây dựng chủ trương chính sách, định hướng, chỉ đạo, tổ chức, thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế ở các địa phương bằng những phương thức, cách thức khác nhau. Do đó, khi và chỉ khi các chủ thể có nhận thức đúng và đầy đủ về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, đồng thời có ý thức trách nhiệm, tự giác, chủ động, tích cực phối hợp hành động thì mới có thể đảm bảo và nâng cao hiệu quả thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

Thực tế cho thấy, những năm qua, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc còn nhiều hạn chế, bất cập, đặc biệt, khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đã để xảy ra nhiều vi phạm nghiêm trọng về bảo vệ môi trường trong thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống của cộng đồng dân cư. Một trong những nguyên nhân quan trọng của tình trạng này là do một bộ phận chủ thể lãnh đạo, quản lý tại các địa phương chưa nhận thức đúng và đầy đủ về tầm quan trọng đặc biệt của việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, thậm chí còn có tư duy “kinh tế trước, môi trường sau”, phát triển kinh tế là mục đích cần được ưu tiên trước hết, đồng thời ý thức trách nhiệm của một số chủ thể lãnh đạo, quản lý phụ trách về vấn đề bảo vệ môi trường ở các địa phương cũng chưa cao. Từ đó dẫn đến các hệ quả là các chủ thể này đã chưa chủ động, tự giác, tích cực thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với việc

bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thì một trong những giải pháp cơ bản, quan trọng trước nhất là phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các chủ thể về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

4.1.1. Đối với các chủ thể lãnh đạo, quản lý về bảo vệ môi trường

Trước hết, cần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các chủ thể lãnh đạo, quản lý về vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Cụ thể là: nâng cao nhận thức của các chủ thể lãnh đạo, quản lý về vai trò, tầm quan trọng, sự cấp thiết của vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Trong nhận thức của một bộ phận chủ thể lãnh đạo, quản lý ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc vẫn còn tồn tại quan điểm cho rằng các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang là “lỗi nghèo” của cả nước, hơn thế còn vừa trải qua những năm đại dịch, khó khăn, khủng hoảng nặng nề, vì vậy mục tiêu trước mắt cần ưu tiên hàng đầu cho thúc đẩy kinh tế phát triển, chấp nhận hy sinh môi trường trong một thời gian. Tuy nhiên, những lợi ích kinh tế đó chỉ là ngắn hạn, còn những hậu quả mà con người phải hứng chịu do hủy hoại, tàn phá môi trường thì vô cùng nguy hiểm và sẽ kéo dài vô tận nếu những hành vi xâm hại môi trường vẫn không ngừng tiếp diễn. Vì vậy, để hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, cần thay đổi nhận thức của các chủ thể lãnh đạo quản lý các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, quyết không đánh đổi môi trường để chạy theo mục tiêu phát triển kinh tế đơn thuần. Trái lại phải luôn chú trọng đảm bảo gắn kết chặt chẽ nội dung bảo vệ môi trường trong từng chính sách phát triển kinh tế của các địa phương, phù hợp với điều kiện, đặc điểm thực tế của từng địa phương. Nhất thiết không hy sinh môi trường để ưu tiên phát triển kinh tế rồi hy vọng lấy kết quả tăng trưởng, phát triển kinh tế để bù đắp cho những tổn thất về môi trường.

Nâng cao nhận thức của các chủ thể lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là của những người đứng đầu các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương về vai trò, trách nhiệm

quan trọng của người đứng đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, sở, ban, ngành là người trực tiếp hoạch định, xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch cụ thể và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại các địa phương. Bên cạnh đó, chủ thể lãnh đạo, quản lý cũng chịu trách nhiệm phê duyệt, cấp phép, thu hồi giấy phép hoạt động cho các dự án đầu tư của các doanh nghiệp. Khi các chủ thể lãnh đạo, quản lý có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, về vai trò, trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ môi trường của địa phương,... thì họ sẽ có tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết, tích cực, tự giác, chủ động hành động, quan tâm, chỉ đạo sát sao việc xây dựng các chính sách, kế hoạch, mục tiêu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Các kế hoạch đảm bảo có sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của địa phương và đem lại hiệu quả thiết thực đối với hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại mỗi địa phương. Đặc biệt, người đứng đầu sẽ không chỉ tự giác, chủ động, tích cực thực hiện trách nhiệm của mình mà còn luôn năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn thử thách, dám chấp nhận mạo hiểm, dám thử nghiệm, đổi mới sáng tạo, áp dụng những phương pháp mới, cách làm hay để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế và lan tỏa trong vùng để các địa phương khác học theo, làm theo.

Việc nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cho các chủ thể lãnh đạo, quản lý tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần chú trọng đến các biện pháp phù hợp với đặc thù của khu vực này. Khu vực trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam có địa hình đa dạng, bao gồm nhiều vùng rừng núi, tài nguyên thiên nhiên phong phú, cùng với sự hiện diện của các dân tộc thiểu số, nên các biện pháp cần phải linh hoạt, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội đặc thù. Các biện pháp bao gồm: 1. Tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

cho đối tượng là lãnh đạo, quản lý, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy, sở ban, ngành. Các chương trình này cần dựa trên điều kiện tự nhiên đặc thù cũng như đặc điểm phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Chẳng hạn các chương trình đào tạo chuyên sâu về phương pháp quản lý rừng, nguồn đất, nước, khai thác khoáng sản bền vững. Chương trình này có thể áp dụng tại hầu hết các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc vì đặc thù các tỉnh này có nhiều tài nguyên rừng và khoáng sản, thuận lợi cho sự phát triển các ngành kinh tế của vùng. Hoặc các chương trình đào tạo phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường: Du lịch sinh thái là một trong những ngành có tiềm năng phát triển mạnh tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, nhưng đồng thời cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường nếu không được quản lý tốt. Các tỉnh có như Hà Giang - nổi tiếng với cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Lào Cai - nổi tiếng với khu dịch lịch Sapa,... có thể áp dụng các chương trình đào tạo cho cán bộ, quản lý về phát triển du lịch sinh thái gắn liền với văn hóa các dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; 2. Phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế vào các buổi sinh hoạt Đảng, chính quyền, sinh hoạt chuyên đề, tổ chức các hội thảo, tập huấn của các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức về tầm quan trọng của hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; 3. Xây dựng cơ chế tham gia đề các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện quyền giám sát xã hội đối với các hoạt động phát triển kinh tế của doanh nghiệp. Thành phần tham gia các tổ chức giám sát môi trường bao gồm đại diện cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội, và các chuyên gia về môi trường, để theo dõi các hoạt động của doanh nghiệp trong khu vực. Các tổ chức chính trị - xã hội có thể tham gia vào việc đưa nội dung bảo vệ môi trường vào cuộc sống hàng ngày (bằng cách thúc đẩy việc thêm vào hương ước của bản làng, khế ước của các dòng họ và nội quy của cơ quan, đơn vị những điều khoản về bảo vệ môi trường. Những điều khoản này có thể liên quan đến việc quản lý tài nguyên tự nhiên, giảm thiểu rác thải, và bảo vệ động, thực vật hoang

dã); Tham gia vào quá trình xây dựng và triển khai chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế (Những ý kiến, kiến nghị từ các tổ chức này có thể góp phần điều chỉnh, bổ sung các chính sách sao cho phù hợp với thực tế và đảm bảo quyền lợi của cộng đồng. Ví dụ, Mặt trận Tổ quốc có thể tham gia góp ý vào các chính sách về khai thác tài nguyên thiên nhiên tại các khu vực miền núi, nhằm bảo vệ tài nguyên môi trường và sinh kế của người dân); Tham gia vào các chương trình, dự án bảo vệ môi trường (Các dự án trồng rừng, tái tạo cảnh quan thiên nhiên hay xử lý chất thải,..); Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để tham gia vào các đoàn kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với doanh nghiệp. Chẳng hạn, tại các tỉnh như Thái Nguyên, Bắc Giang hay Phú Thọ, các tổ giám sát cộng đồng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc theo dõi các dự án khai thác tài nguyên khoáng sản hoặc hoạt động xả thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

4.1.2. Đối với doanh nghiệp

Đối với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, những năm gần đây đang đẩy mạnh thu hút đầu tư, mở rộng, phát triển sản xuất, xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp để phát triển những ngành kinh tế có lợi thế như khai thác quặng kim loại (Thái Nguyên, Lào Cai), điện tử, máy tính, quang học (Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ), sản xuất điện và phân phối điện (Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu), du lịch sinh thái (Lào Cai, Sơn La,...). Các dự án kinh tế này đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên cũng có nguy cơ bị khai thác cạn kiệt. Nguyên nhân chủ yếu đến từ các hoạt động xả thải của các doanh nghiệp sử dụng công nghệ còn lạc hậu, chưa thân thiện với môi trường, thậm chí còn làm tổn hại, tàn phá nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên. Bên cạnh đó, không ít doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ còn cố tình không tuân thủ, vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường,... khiến cho ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên càng trở nên nghiêm trọng. Sở dĩ có tình trạng đó phần nhiều là do nhận thức và ý thức trách nhiệm của

các chủ doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Vì vậy, rất cần thiết phải nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cho nhóm chủ thể này. Mặt khác, việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cho nhóm chủ thể này cũng vô cùng cần thiết bởi xét đến cùng đây chính là nhóm chủ thể trực tiếp thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, các chương trình, mục tiêu, kế hoạch hành động của cấp ủy đảng và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Do đó chỉ khi nào những chủ thể này nhận thức đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế và có ý thức trách nhiệm với vấn đề bảo vệ môi trường thì họ mới chủ động, tự giác chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, có quyết tâm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Và cũng chỉ khi các chủ thể kinh tế nhận thức rõ rằng: thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là trách nhiệm và là con đường duy nhất để doanh nghiệp đạt được sự phát triển ổn định, bền vững; thực hiện tốt bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế sẽ giúp doanh nghiệp nhận được sự bảo hộ, hỗ trợ, khuyến khích, thậm chí là được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước, chính quyền địa phương, được cộng đồng dân cư yêu mến ủng hộ. Lúc ấy doanh nghiệp mới có ý thức trách nhiệm, có động lực hành động, chủ động, tích cực, tự giác thực hiện bảo vệ môi trường, chủ động tìm kiếm các nguồn lực nhằm thực hiện hiệu quả bảo vệ môi trường, thậm chí phải chấp nhận hy sinh một phần lợi nhuận để thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Thời gian vừa qua, từ thực tiễn các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có thể thấy bên cạnh những doanh nghiệp có nhận thức đúng đắn về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, có ý thức trách nhiệm chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, chương trình, kế hoạch, quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của từng địa phương thì cũng vẫn còn một bộ phận các doanh nghiệp chưa nhận thức đúng, thậm chí có những nhận thức sai lầm, lệch lạc về vấn đề này, từ đó dẫn đến các hành vi vi phạm quy định pháp luật về thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, vì lợi nhuận

mà chà đạp, xâm hại, hủy hoại môi trường, tàn phá tài nguyên..., gây ra các sự cố ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng rất khó để khắc phục, ảnh hưởng lớn đến đời sống của cộng đồng dân cư đồng thời gây cản trở lớn đối với tiến trình phát triển kinh tế ổn định, bền vững của các địa phương.

Để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thì cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó các giải pháp cần phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc thù của khu vực này, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào quá trình bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái địa phương như:

Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về luật bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần được nâng cao kiến thức về các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Điều này giúp họ hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Chẳng hạn các tỉnh Thái Nguyên, Lào Cai, Yên Bái,... nơi có nhiều hoạt động khai thác khoáng sản, có thể tổ chức các khóa tập huấn về luật môi trường cho các doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, tư vấn cho doanh nghiệp về cách giảm thiểu chất thải của quá trình khai thác chất thải, cải tiến quy trình sản xuất theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải. Việc này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn tăng cường hiệu quả kinh doanh.

Tổ chức chương trình truyền thông doanh nghiệp, kết nối doanh nghiệp với cộng đồng địa phương nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về trách nhiệm bảo vệ môi trường. Thông qua các hội thảo và chiến dịch truyền thông, doanh nghiệp được khuyến khích tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như giảm rác thải nhựa, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Chẳng hạn, có thể tổ chức chương trình truyền thông bảo vệ du lịch tại Lào Cai, Hà Giang,... - nơi phát triển các ngành du lịch sinh thái gắn với bảo tồn văn hóa và môi trường địa phương. Điều này giúp doanh nghiệp không chỉ nhận thức đúng, góp phần vào việc bảo vệ môi trường, mà còn tạo mối quan hệ tích cực với cộng đồng địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Tăng cường kiểm tra và giám sát hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Việc triển khai hệ thống giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất công nghiệp ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, đặc biệt là các doanh nghiệp khai thác khoáng sản (Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên,...), doanh nghiệp công nghiệp (Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang,...) giúp theo dõi việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm của các doanh nghiệp. Các kết quả kiểm tra, giám sát cần được công bố công khai. Điều này không chỉ tạo áp lực lên các doanh nghiệp vi phạm, mà còn tạo sự minh bạch trong hoạt động bảo vệ môi trường, từ đó khuyến khích các doanh nghiệp tuân thủ tốt hơn các quy định pháp luật.

Tổ chức các buổi làm việc, trao đổi, gặp gỡ tiếp xúc giữa chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý địa phương với các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh để giáo dục, tuyên truyền, giúp các doanh nghiệp nhất là những người đứng đầu các cơ sở này nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế đồng thời quán triệt để họ nắm chắc các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, các chương trình, kế hoạch, mục tiêu của địa phương liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, từ đó cổ vũ khích lệ họ triển khai các biện pháp cụ thể bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng cơ sở, loại hình sản xuất kinh doanh...

4.1.3. Đối với cộng đồng dân cư

Cộng đồng dân cư là lực lượng vô cùng đông đảo, là chủ thể quan trọng góp phần đảm bảo hiệu quả thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Do đó, rất cần thiết phải nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của nhóm chủ thể này. Chỉ khi cộng đồng dân cư có nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thì họ mới có thể chủ động, tích cực, tự giác thực hiện quyền cũng như nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc kiểm tra, giám sát, các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các chương trình, kế hoạch của từng địa phương về bảo vệ môi

trường trong phát triển kinh tế, đồng thời có ý thức trách nhiệm giám sát, phát hiện, tố giác những vi phạm về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các chủ thể kinh tế, hoặc thậm chí đề xuất giải pháp để giúp các chủ thể kinh tế thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với việc bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế ở địa phương.

Thực tế cho thấy, hiện nay ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, phần lớn người dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, nhìn chung vẫn chưa được trang bị những kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của môi trường, sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong khi thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế, thiếu thông tin về thực trạng vấn đề ô nhiễm môi trường ở địa phương, không hiểu được mức độ nghiêm trọng của vấn nạn ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe, đời sống cộng đồng dân cư ở địa phương nói riêng, nhân loại nói chung... Họ không nhận thấy những tác hại môi trường do hoạt động phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh của con người gây ra và do đó thờ ơ, bàng quan với hoạt động của các chủ thể kinh tế, không quan tâm và không hiểu mình phải có trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp đồng thời ngăn chặn, tố giác những hành vi xâm hại tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các chủ thể đó.

Để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thì cần thực hiện đẩy mạnh giáo dục tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư với những biện pháp cụ thể như:

Tổ chức chương trình giáo dục cộng đồng về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Việc tổ chức các buổi tuyên truyền tại nhà văn hóa các thôn, bản, giúp người dân nắm bắt được thông tin về các quy định pháp luật liên quan đến môi trường, phổ biến về quyền hạn và trách nhiệm và những cơ chế cụ thể để cộng đồng dân cư thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình đối với việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, đồng thời hướng dẫn, cổ vũ cộng đồng dân cư thực hiện trách nhiệm của mình, tăng cường giám sát, theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp để kịp thời phát hiện sai phạm, ngăn chặn hoặc tố giác với chính quyền địa phương để xử lý.

Tổ chức chiến dịch truyền thông qua các phương tiện đại chúng như đài, báo, mạng xã hội, chương trình thời sự địa phương, phim ngắn và các chương trình giải trí nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và khuyến khích hành động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của cộng đồng dân cư.

Lồng ghép chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường, về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và sự cần thiết phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế ở tất cả các bậc học, cấp học, ngành trong hệ thống giáo dục tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Những chương trình này giúp người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Các trường học ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có thể tích hợp kiến thức bảo vệ môi trường vào các môn học hiện có như lịch sử - địa lý và khoa học tự nhiên. Nội dung dạy nên tập trung vào các vấn đề môi trường đặc thù của địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, nhấn mạnh đến sự nhạy cảm của môi trường trước các hoạt động phát triển kinh tế nhất là các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và khai khoáng. Những bài học về tác động của xói mòn đất, phá rừng và khai thác khoáng sản cần được đưa vào chương trình giảng dạy để học sinh hiểu rõ tác động tới môi trường của những hoạt động kinh tế trong điều kiện địa hình dốc, dễ gây suy thoái đất và mất rừng. Các dân tộc thiểu số ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có những tri thức truyền thống đa dạng liên quan đến việc bảo vệ và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong quá trình lao động sản xuất, phát triển kinh tế. Những bài giảng và hoạt động giáo dục có thể lồng ghép với các câu chuyện, truyền thuyết, tập quán canh tác truyền thống thân thiện với môi trường, có thể được sử dụng làm nội dung giảng dạy nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh. Chẳng hạn, các phong tục thờ cúng rừng thiêng, giữ gìn nguồn nước có thể trở thành nội dung giáo dục tích cực để khuyến khích bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho học sinh. Việc đưa những tri thức này vào chương trình giáo dục sẽ giúp học sinh hiểu và trân trọng

các giá trị văn hóa bản địa, đồng thời khuyến khích hành động bảo vệ môi trường của học sinh.

4.2. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Chính sách, pháp luật của Nhà nước và chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, là cơ sở pháp lý để các chủ thể thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường trong quá trình tiến hành các hoạt động phát triển kinh tế, đặc biệt là các chủ thể kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh trên địa bàn các tỉnh. Do đó, chỉ khi hệ thống chính sách, pháp luật được hoàn thiện đầy đủ, công bằng, công khai, minh bạch, phù hợp với lợi ích của các chủ thể thì mới giúp việc triển khai các chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế được hiệu quả, các chủ thể tự giác, tích cực, chủ động thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Việc hoàn thiện các chính sách, pháp luật không chỉ là các quy định, luật pháp về vấn đề bảo vệ môi trường nói chung mà còn bao gồm các chính sách, pháp luật, quy định về đảm bảo lợi ích hài hòa của các chủ thể, các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các chủ thể kinh tế có thể thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, cũng như các chế độ hỗ trợ, khen thưởng đối với các chủ thể thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

4.2.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật chung về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Hệ thống chính sách, pháp luật chung về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế sẽ tạo ra một khung pháp lý thống nhất, là cơ sở các chủ thể, nhất là các doanh nghiệp căn cứ vào đó để thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường trong khi thực hiện các hoạt động phát triển kinh tế ở các địa phương.

Thực tế cho thấy, mặc dù trong thời gian qua, hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước và chính quyền các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc về bảo vệ

môi trường trong phát triển kinh tế đã từng bước được xây dựng, bổ sung, phát triển ngày càng hoàn thiện hơn. Song hệ thống chính sách, pháp luật vẫn tồn tại những bất cập, như thiếu nhiều chính sách, pháp luật quy định cụ thể các nội dung và trách nhiệm của từng chủ thể về bảo vệ môi trường hoặc những chính sách, pháp luật đang có nhiều khi còn chồng chéo, khó hiểu, khó thực hiện, nhất là đối với các chủ thể kinh tế và cộng đồng dân cư các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có trình độ nhận thức, trình độ văn hóa còn hạn chế. Điều này gây khó khăn lớn đối cho các chủ thể trong việc thực thi các quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Đã có nhiều trường hợp, các chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ bị xử lý vì vi phạm, không thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, song thực chất nhiều khi là do họ không nắm rõ, không hiểu đúng về các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế quá phức tạp, rườm rà, khó hiểu,... Do đó rất cần thiết phải tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, đặc biệt quy định rõ các nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế và trách nhiệm của các chủ thể kinh tế cần thực hiện để bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, hệ thống chính sách pháp luật cần đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và lợi ích hài hòa cho các chủ thể kinh tế và cộng đồng dân cư.

Việc giải quyết những bất cập, tồn tại trong hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần được thực hiện trên cả 2 phương diện: (1) Những điều luật nào không còn phù hợp với thực tiễn thì bỏ đi; sửa đổi, bổ sung những điều luật mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, khắc phục sự chồng chéo trong các bộ luật và các điều khoản của luật nhằm tạo nên sự mạch lạc, thống nhất trong luật về kinh tế và môi trường; (2) Cần phải ban hành những văn bản mới để điều chỉnh hành vi xã hội của các cá nhân, tổ chức tham gia vào các hoạt động kinh tế với vấn đề bảo vệ môi trường phát sinh trong phát triển kinh tế.

Đối với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, việc hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cần được chú trọng thực hiện một số biện pháp cụ thể sau đây:

Thứ nhất, cần sớm ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2020; kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh, Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn, Chương trình/chiến lược thực hiện cam kết “Zero – carbon” đến năm 2050. Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là khu vực có đặc thù về địa lý, khí hậu và kinh tế xã hội, nên các văn bản hướng dẫn cần được điều chỉnh phù hợp để đảm bảo hiệu quả triển khai, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển. Chẳng hạn, với địa hình đồi núi chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên xảy ra mưa lũ và xói mòn đất ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thì việc xây dựng các chính sách bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế cần bao gồm các giải pháp phù hợp với địa hình, như quy hoạch sử dụng đất hợp lý, tăng cường trồng rừng phòng hộ, và triển khai các biện pháp bảo vệ nguồn nước. Hoặc với tiềm năng lớn về phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng gió và thủy điện ở Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hà Giang, Yên Bái và Hòa Bình, việc xây dựng văn bản hướng dẫn cần khuyến khích đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo, đồng thời các văn bản cũng xây dựng quy định kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn công nghệ được sử dụng cho các dự án năng lượng cũng như phương án xử lý chất thải từ các dự án năng lượng này.

Thứ hai, cần bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như:

Điều chỉnh quy định về khai thác tài nguyên phù hợp với điều kiện địa lý các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, có nguồn tài nguyên khoáng sản (như than, đá vôi, đồng, chì, kẽm) quý phong phú. Do đó, cần ban hành quy định rõ ràng và chi tiết về điều kiện khai thác, đảm bảo khai thác khoáng sản bền vững và không gây tổn hại đến môi trường. Chẳng hạn, tỉnh Thái Nguyên với các mỏ khai thác than và quặng, tỉnh Lào Cai với các mỏ quặng sắt, mỏ vàng,... cần có quy định giám sát nghiêm ngặt về phương pháp khai

thác, công nghệ khai thác và bảo vệ hệ sinh thái rừng xung quanh. Đồng thời quy định giới hạn khai thác tài nguyên tại các khu vực dễ bị sạt lở và xói mòn. Với điều kiện địa hình dốc kết hợp với mưa nhiều, ở vùng đồi núi các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc rất hay xảy ra tình trạng sạt lở và xói mòn đất, các quy định pháp luật cần cấm hoặc hạn chế khai thác tài nguyên ở những khu vực dễ bị sạt lở và xói mòn đất như Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hòa Bình. Các khu vực rừng đầu nguồn và những vùng có nguy cơ cao về sạt lở cần được bảo vệ nghiêm ngặt, đồng thời phải có biện pháp tái tạo rừng sau khai thác.

Bổ sung quy định về xử lý chất thải nông nghiệp và công nghiệp. Tại một số tỉnh như Sơn La, Lai Châu và Lạng Sơn có điều kiện để phát triển diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả lớn và ngành chăn nuôi. Vì vậy cần có các quy định về xử lý chất thải nông nghiệp hoặc tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp như làm phân bón hữu cơ, tránh việc đốt rơm rạ hay xả thải bừa bãi vào môi trường để tránh ô nhiễm nguồn nước và đất.

Quy định xử lý chất thải từ các khu công nghiệp: Các tỉnh Phú Thọ, Bắc Giang và Thái Nguyên là những tỉnh có các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển vượt bậc so với các tỉnh còn lại của vùng. Song đi đôi với sự phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp là tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải, nước thải thải ra. Vì vậy, cần bổ sung các quy định nghiêm ngặt về xử lý nước thải và chất thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhất là trong bối cảnh các chất thải, nước thải có thành phần ngày càng phức tạp gây ô nhiễm môi trường nặng nề hơn. Các quy định cần đặt ra tiêu chuẩn về xả thải ra môi trường và có chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các doanh nghiệp vi phạm. Bổ sung các quy định yêu cầu doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi đưa vào sản xuất.

Bổ sung các quy định thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn: Tại các tỉnh có tiềm năng lớn về nông nghiệp và công nghiệp nhẹ như Sơn La, Hà Giang, Yên Bái,... Các loại chất thải của ngành nông nghiệp và công nghiệp nhẹ như rơm rạ, phân động vật, hoặc chất thải từ chế biến nông sản có thể được tái chế và tái sử

dụng. Các quy định cần hướng dẫn cụ thể về việc tái chế và tái sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp này để quay lại phục vụ cho nền kinh tế. Việc áp dụng kinh tế tuần hoàn trong các ngành sản xuất công nghiệp cũng cần được quy định rõ ràng để doanh nghiệp có thể đầu tư vào công nghệ và cải tiến quy trình sản xuất, thân thiện với môi trường.

Bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ giám sát hiện đại và đánh giá tác động môi trường: Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thường có địa hình giao thông đi lại khó khăn, vì vậy cần bổ sung các quy định pháp luật về việc sử dụng công nghệ hiện đại để giám sát môi trường, đánh giá tác động môi trường. Chẳng hạn, có thể bổ sung các quy định về việc sử dụng các hệ thống cảm biến và vệ tinh để theo dõi tình trạng môi trường, đặc biệt là tại các tỉnh có ngành công nghiệp khai thác tài nguyên khoáng sản như Thái Nguyên, Lào Cai,...Hiện nay, các dự án kinh tế tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đều thực hiện báo cáo tác động môi trường trước khi triển khai, song các báo cáo này đều do chính doanh nghiệp tự thực hiện nên chưa đảm bảo tính khách quan. Do đó, cần bổ sung quy định pháp luật yêu cầu về chủ thể thực hiện báo cáo tác động môi trường của các dự án phát triển kinh tế, đảm bảo chủ thể thực hiện báo cáo tác động môi trường phải khách quan, không có liên quan lợi ích tới dự án.

Thứ ba, hoàn thiện, bổ sung chế tài xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm an toàn, an ninh môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có những đặc thù về địa lý, xã hội và kinh tế, vì vậy các chế tài xử phạt cần được điều chỉnh để phù hợp với điều kiện cụ thể và hiệu quả thực thi cao hơn, như:

Bổ sung quy định chi tiết về xử phạt các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Quy định cần làm rõ và chi tiết hóa các hành vi vi phạm liên quan đến hành vi gây ô nhiễm môi trường. Tại các tỉnh Trung du và miền núi và miền núi phía Bắc nơi có nhiều tài nguyên khoáng sản, quy định cần đưa các hành vi như khai thác tài nguyên thiên nhiên trái phép, xả thải chất thải gây ô nhiễm vào các văn bản pháp lý để dễ dàng phát hiện và xử lý. Đồng thời, tăng mức phạt tài chính đối với những

hành vi gây ô nhiễm môi trường. Bởi hiện nay, mức phạt đối với các hành vi này ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc quá thấp chưa có đủ sức răn đe các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Các mức phạt cần tương xứng với mức độ thiệt hại môi trường và tác động đến cộng đồng dân cư. Đặc biệt, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản hay sản xuất gây ô nhiễm cần phải chịu các mức phạt cao hơn nếu vi phạm, nhằm tạo tính răn đe cho các doanh nghiệp khác.

Bổ sung chế tài tạm ngưng, thu hồi giấy phép hoạt động hoặc cấm tái hoạt động trong thời gian dài đối với các doanh nghiệp có hành vi vi phạm nghiêm trọng liên quan đến môi trường. Điều này đặc biệt quan trọng với các doanh nghiệp khai thác tài nguyên và sản xuất công nghiệp tại các tỉnh miền núi như Lào Cai, Thái Nguyên và Tuyên Quang, nơi các hoạt động khai thác khoáng sản có thể gây tác động tiêu cực đến nguồn nước và hệ sinh thái rừng. Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng như phá rừng hoặc gây ô nhiễm nguồn nước, cần có chế tài nghiêm cấm doanh nghiệp vi phạm tái hoạt động trong một thời gian dài hoặc vĩnh viễn.

Thứ tư, hoàn thiện, bổ sung các quy định về công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát bảo đảm các doanh nghiệp, người dân tuân thủ quy định về bảo vệ tài nguyên, môi trường. Đối với những dự án kinh tế đã đi vào hoạt động, bổ sung quy định về kiểm soát chặt chẽ việc thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế chất thải, hoàn thiện hệ thống pháp lý về quản lý chất thải thông thường, trong đó có nội dung quy định về sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, coi chất thải là tài nguyên.

Bổ sung các quy định về sử dụng ngân sách chỉ cho bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, bảo đảm bố trí không dưới 1% ngân sách của địa phương chỉ cho công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường; tăng cường theo dõi, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm chi đúng mục tiêu và đủ kinh phí theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước. Trong đó, cần ưu tiên đầu tư có trọng điểm để giải quyết các điểm nóng về tài nguyên, môi trường ở các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc như quản lý khai thác khoáng sản, quản lý rừng đầu nguồn; quản lý ô nhiễm nguồn

nước xuyên biên giới (nhất là các địa phương có hệ thống sông chung với Trung Quốc); quản lý tài nguyên, môi trường ở các khu vực dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa (hệ thống nhà vệ sinh, chuồng trại, vật nuôi); xử lý rác thải sinh hoạt đô thị; xử lý nước thải công nghiệp ở các khu công nghiệp, mỏ khai khoáng; tăng cường dự báo, chủ động ứng phó với thiên tai, tai biến môi trường, biến đổi khí hậu (sạt lở đất đá, lũ quét, lũ ống...).

4.2.2. Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, pháp luật ưu đãi, đãi ngộ, khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng các chủ thể tham gia, thực hiện tốt bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Thứ nhất, các tỉnh cần ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sử dụng năng lượng sạch, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường.

Trong ngành nông nghiệp, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần hoàn thiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các dự án nông nghiệp, đặc biệt là trong việc áp dụng công nghệ cao để sản xuất nông sản an toàn, hữu cơ, xanh và sạch như việc phát triển sản xuất các loại rau trái vụ, các loại hoa quả và các giống hoa cao cấp trồng trong nhà kính, vùng trồng cây dược liệu đặc sản như đương quy, cát cánh, a-ti-sô, sâm Ngọc Linh... tại Bắc Hà, Lào Cai; phát triển các loại giống ngô tẻ vàng, giống lúa Già Dui, nếp Quảng Nguyên, nếp Hoàng Đế, cam, quýt tại Hà Giang; phát triển các loại giống cây ăn quả như chanh leo, dâu, bơ, xoài, nhãn, mận tại Mộc Châu, Sơn La,... đồng thời phát triển sản phẩm đặc biệt và tạo ra các kênh tiêu thụ mới; phát triển nông nghiệp của Vùng hiệu quả, hiện đại, mang lại thu nhập tốt cho người sản xuất, đồng thời bảo vệ môi trường. Hoàn thiện chính sách quy hoạch và phát triển các vùng chuyên canh phù hợp kết hợp với việc chế biến và xây dựng thương hiệu, nhằm tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và mở rộng thị trường xuất khẩu như vải thiều Lục Ngạn (Bắc Giang), cam Cao Phong (Hòa Bình), na Chi Lăng (Lạng Sơn), mận Cao Bằng, mận Sơn La, cam Hàm Yên (Tuyên Quang), chè Tân Cương (Thái

Nguyên)... Xây dựng, hoàn thiện các chính sách ưu đãi để khuyến khích kinh tế nông hộ phát triển nông nghiệp hữu cơ và hiệu quả cao, (bao gồm cơ chế hỗ trợ cho sản phẩm OCOP kết hợp với du lịch và kết nối với các kênh tiêu thụ ở các thành phố lớn); đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp (bằng cách áp dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình sản xuất, kinh doanh và quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm); mô hình mẫu về nông nghiệp công nghệ cao (sử dụng công nghệ xanh nông, lâm, sinh học trong sản xuất) nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường.

Trong ngành công nghiệp, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần bổ sung xây dựng, hoàn thiện các chính sách khuyến khích để đầu tư vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng để kiểm soát và xử lý ô nhiễm tại các cụm công nghiệp, phát triển các ngành công nghiệp của Vùng theo hướng phát triển những ngành có ưu thế như: Công nghiệp chế biến và chế tạo (ưu tiên đặc biệt cho việc phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, chế biến sâu và phát triển theo chuỗi giá trị); Chú trọng vào các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường (với trọng tâm tập trung vào chế biến sâu các nguyên liệu khoáng sản, nông sản và lâm sản, cùng với việc sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị điện và điện tử); ngành công nghiệp điện năng (áp dụng công nghệ mới, sản xuất sạch và hiệu suất cao); thúc đẩy phát triển các làng nghề liên kết với nguồn nguyên liệu hiện có và thân thiện với môi trường. Ngoài ra, cần tăng cường bổ sung, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ lẻ di dời đến các khu vực hoặc cụm công nghiệp đã có kết cấu hạ tầng để kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường; chú trọng hơn đến chính sách bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp.

Đối với ngành khai thác khoáng sản ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, cần hoàn thiện chính sách đãi ngộ, khuyến khích các doanh nghiệp thay đổi phương pháp khai thác từ khai thác khoáng sản thô sang kết hợp chế biến sản phẩm khoáng sản; áp dụng công nghệ hiện đại trong quá trình khai thác; giảm tiêu thụ năng lượng và tập trung vào bảo vệ môi trường xung quanh các mỏ khai thác bằng cách giảm phát thải CO₂ và xử lý chất thải gây ô nhiễm.

Đối với ngành vật liệu xây dựng ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, cần bổ sung, hoàn thiện các quy định về khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất chuyển dịch sang sử dụng công nghệ sản xuất vật liệu không nung và vật liệu thay thế gỗ, áp dụng công nghệ cao để sản xuất các sản phẩm xây dựng xanh. Đặc biệt, các nhà máy sản xuất xi măng cần được tái cấu trúc và cải tiến công nghệ để giảm tiêu thụ năng lượng và CO₂.

Đối với ngành hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất trên địa bàn Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sử dụng công nghệ sản xuất hóa chất từ nguyên liệu thực vật dễ phân hủy và ít tạo ra chất thải, công nghệ tái chế chất thải và ngăn chặn tiêu hủy các chất thải độc hại.

Đối với ngành chế biến nông lâm sản, sản xuất giấy, sợi, dệt và may mặc trên địa bàn Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, cần hoàn thiện các quy định về khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ tái tạo năng lượng trong sản xuất và sử dụng công nghệ tiết kiệm nước và hóa chất, xây dựng các nhà máy có hệ thống xử lý chất thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn. Riêng đối với các doanh nghiệp chế biến nông lâm sản, nên chuyển sang sử dụng công nghệ sinh học để chế biến thực phẩm từ trái cây và rau củ trên địa bàn, tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ.

Đối với ngành luyện kim và cơ khí trên địa bàn Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư để đổi mới công nghệ, tập trung vào giảm tiêu thụ năng lượng, giảm phát thải CO₂ và xử lý chất thải, nước thải theo tiêu chuẩn quy định.

Ngoài ra, cần có chính sách phát triển nhanh các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp môi trường và tái chế trên địa bàn Vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Mục tiêu đến năm 2025 là thu gom và xử lý 100% tổng lượng chất thải rắn thông thường, nguy hại theo tiêu chuẩn môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Trong ngành dịch vụ, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có thể mạnh mẽ phát triển các hình thức du lịch như du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du

lịch ẩm thực,... Do đó, cần chú trọng hoàn thiện các chính sách thúc đẩy phát triển các ngành du lịch bền vững gắn với bảo vệ môi trường tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trong đó, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm: Xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch xanh dựa trên lợi thế về tài nguyên rừng núi nguyên sơ; Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa độc đáo của gần 40 dân tộc đang sinh sống trên địa bàn Vùng và bảo vệ môi trường tự nhiên.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm lãi suất vốn tín dụng để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp để thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nhằm bảo vệ môi trường, đồng thời có thể tích lũy nguồn vốn đủ lớn để thay thế thiết bị công nghệ sản xuất “nâu” bằng “công nghệ xanh”. Việc giảm thuế và giảm lãi suất vốn vay cho các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần gắn với các điều kiện ràng buộc lộ trình đổi mới công nghệ nhằm thực hiện mô hình kinh tế an toàn, thân thiện với môi trường, phát triển nền kinh tế xanh. Các cơ sở công nghiệp đang sử dụng công nghệ lạc hậu và gây ô nhiễm cần được đầu tư cải tiến công nghệ và thiết bị để tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Không nhập, mua máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, thiết bị có công nghệ thấp, không có khả năng cạnh tranh. Mục tiêu đến năm 2025, tất cả (100%) các cơ sở sản xuất công nghiệp của Vùng Trung du và miền núi phía Bắc đều đã có hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải đạt tiêu chuẩn quy định; 100% doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải. Bên cạnh đó rà soát, xử lý dứt điểm các dự án sản xuất công nghiệp hoạt động kém hiệu quả; các dự án thủy điện nhỏ và khai khoáng có tác động tiêu cực đến phát triển du lịch và môi trường.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn vùng Trung du và miền núi phía Bắc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như việc sử dụng phương tiện giao thông có động cơ sử dụng năng lượng mới, ít phát thải, sử dụng hệ thống quản lý điện thông minh, hệ thống điều hành giao thông thông minh trên địa bàn Vùng, trước hết là ở các đô thị loại

I, loại II, loại III trên địa bàn Vùng. Ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến trong các cơ sở công nghiệp mới. Cải tiến và nâng cấp công nghệ tại các loại hình công nghiệp nhất định nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đồng thời hoàn thiện chính sách khích lệ và khen thưởng cho các doanh nghiệp đã thực hiện việc xây dựng và vận hành các công trình xử lý chất thải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường. Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thường có điều kiện kinh tế khó khăn và kết cấu hạ tầng hạn chế, do đó, việc đầu tư vào các công trình xử lý chất thải không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Việc khích lệ và khen thưởng sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho các doanh nghiệp. Khi được công nhận và đánh giá cao, các doanh nghiệp sẽ cảm thấy nỗ lực của mình được trân trọng và có giá trị. Điều này không chỉ khuyến khích họ tiếp tục đầu tư vào các công trình xử lý chất thải mà còn thúc đẩy họ áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp có thành tích tốt trong việc xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cần được ưu tiên trong các dự án đầu tư, hợp đồng kinh doanh và các chương trình hỗ trợ phát triển. Điều này không chỉ thúc đẩy các doanh nghiệp khác nâng cao ý thức bảo vệ môi trường mà còn tạo ra một nền kinh tế bền vững và cân bằng. Bên cạnh đó việc các doanh nghiệp điển hình được tôn vinh, cộng đồng sẽ thấy rõ lợi ích của việc đầu tư vào công tác bảo vệ môi trường và học hỏi từ những tấm gương này. Điều này tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực, thúc đẩy nhiều doanh nghiệp và cá nhân khác cùng chung tay bảo vệ môi trường.

4.3. TĂNG CƯỜNG SỰ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CHỦ THỂ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là vấn đề cấp bách, nhưng lại liên quan đến lợi ích của nhiều chủ thể. Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc rất cần thiết phải có sự tham gia của các chủ thể, đặc biệt là phải có sự phối kết

hợp đồng bộ của các chủ thể trong việc thực hiện các nội dung của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các địa phương.

Để nâng cao hiệu quả phối kết hợp đồng bộ của các chủ thể trong việc thực hiện các nội dung của bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý, lãnh đạo với cộng đồng dân cư và doanh nghiệp trong việc chia sẻ lợi ích trong khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên như khoáng sản, đất đai và rừng. Cần đảm bảo việc phân phối lợi nhuận một cách công bằng giữa nhà nước, các đơn vị kinh tế và cộng đồng dân cư. Tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trước đây, khi xây dựng các công trình thủy điện như Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La,...nhà nước là người chịu trách nhiệm về di cư và tái định cư cho người dân phải nhượng đất cho thủy điện. Tuy nhiên, hiện nay cần có quy định yêu cầu các doanh nghiệp chia sẻ trách nhiệm này. Các doanh nghiệp phải thường xuyên trích một phần lợi nhuận từ các dự án kinh tế để đầu tư trở lại vào các dự án kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường, người dân trồng rừng cũng cần được hưởng phần kinh phí xứng đáng vì đã góp phần tạo ra môi trường không khí trong lành cho địa phương và cung cấp trữ lượng nước lớn cho các công trình thủy điện. Các tỉnh cũng nên dành một phần chi phí từ thuế tài nguyên và lợi nhuận của các dự án sản xuất từ tài nguyên miền núi để đầu tư trở lại vào việc cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này giúp đồng bào ổn định cuộc sống, hạn chế tình trạng du canh, du cư và ngăn chặn việc chặt phá rừng bừa bãi để làm nương rẫy.

Thứ hai, tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành và đa ngành giữa các cơ quan lãnh đạo, quản lý trong việc thực thi nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Phối hợp liên ngành: Đảm bảo sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, từ cấp trung ương đến địa phương, trong việc thực thi và giám sát các chính sách bảo vệ môi trường.

Cơ chế liên lạc: Thiết lập cơ chế liên lạc hiệu quả giữa các cơ quan để đảm bảo thông tin được trao đổi nhanh chóng và chính xác, từ đó giúp xử lý kịp thời các vấn đề môi trường phát sinh.

Đồng thời phải làm rõ tính chịu trách nhiệm chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Cụ thể, các quy trình như cấp giấy phép đầu tư bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư bởi Sở Tài nguyên và Môi trường, cần phải được thực hiện dựa trên hệ thống dữ liệu thông tin minh bạch và nhất quán. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế quy trách nhiệm rõ ràng cho người đứng đầu các ngành, lĩnh vực trong phạm vi quản lý của mình. Nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường do ngành hoặc đơn vị mình quản lý, người đứng đầu phải chịu trách nhiệm và phải có các chế tài xử lý nghiêm khắc. Điều này nhằm đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả trong quản lý và bảo vệ môi trường.

Thứ ba, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức chính trị - xã hội đứng đầu là Mặt trận Tổ quốc các cấp với ngành Tài nguyên và môi trường, các tỉnh, các đoàn thể tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về bảo vệ môi trường. Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Mặt trận các cấp về công tác bảo vệ môi trường. Hướng dẫn lồng ghép nội dung, tiêu chí thực hiện bảo vệ môi trường với cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Ngành Tài nguyên môi trường và các cơ quan liên quan phối hợp, phản biện, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường. Nghiên cứu và phát triển các hình thức, mô hình, và tổ chức tuyên truyền về tài nguyên và môi trường.

Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,...) với các tổ chức phi chính phủ, đội ngũ trí thức, các nhà khoa học, các doanh nhân và doanh nghiệp. Việc phối hợp này không chỉ tận dụng tối đa nguồn lực và kinh nghiệm của các bên mà còn tạo ra một mạng lưới hợp tác mạnh mẽ, đồng thời đẩy mạnh sự tham gia của toàn xã hội vào các hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Trước hết, cần xây dựng các

diễn đàn định kỳ để các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức phi chính phủ có thể gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm và thông tin. Thông qua các diễn đàn này, các bên sẽ hiểu rõ hơn về nhu cầu và khả năng của nhau, từ đó xác định các lĩnh vực hợp tác tiềm năng. Chẳng hạn, Hội Nông dân có thể kết hợp với các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp để đưa ra các sáng kiến cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp góp phần bảo vệ môi trường. Phát triển các dự án hợp tác cụ thể với sự tham gia của các nhà khoa học và trí thức. Các dự án nghiên cứu và phát triển có thể tập trung vào các vấn đề môi trường cụ thể như phát triển nông nghiệp thông minh, dự án du lịch thân thiện với môi trường,... Việc kết nối các nhà khoa học và trí thức với các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp sẽ giúp chuyển giao công nghệ và tri thức một cách hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện. Bên cạnh đó cần có chính sách khuyến khích sự tham gia của các doanh nhân và doanh nghiệp vào các hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế như đầu tư máy móc, khoa học công nghệ vào sản xuất, để giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường,...

Thứ tư, tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp, chính phủ và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Để tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp, chính phủ và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, cần thiết lập một hệ thống phối hợp đồng bộ và hiệu quả, đảm bảo tất cả các bên tham gia đều có trách nhiệm và vai trò cụ thể, bằng cách:

Thiết lập cơ chế đối thoại thường xuyên giữa doanh nghiệp, chính phủ và cộng đồng dân cư. Hội nghị thường niên và đối thoại đa bên: Chính phủ cần tổ chức các hội nghị hoặc diễn đàn thường niên về bảo vệ môi trường với sự tham gia của đại diện từ các doanh nghiệp, các cấp chính quyền địa phương, và cộng đồng dân cư. Những diễn đàn này là cơ hội để các bên thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; Tạo ra một cơ chế phản hồi hai chiều, trong đó cộng đồng và doanh nghiệp có thể gửi

kiến nghị, ý kiến đóng góp cho chính quyền về các vấn đề môi trường, giúp nâng cao sự minh bạch và phản ứng kịp thời với các vấn đề nảy sinh.

Phát triển các chương trình hợp tác công – tư về môi trường trong phát triển kinh tế: Chính quyền địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có thể phát triển các dự án hợp tác công – tư về bảo vệ môi trường. Ví dụ, việc quản lý và xử lý rác thải, nước thải có thể được thực hiện thông qua các dự án hợp tác giữa các doanh nghiệp tư nhân và nhà nước. Doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở hạ tầng môi trường, trong khi chính quyền tạo điều kiện về đất đai, quy hoạch và các ưu đãi tài chính.

Doanh nghiệp tham gia vào các dự án cộng đồng bảo vệ môi trường: Doanh nghiệp có thể hợp tác với chính quyền địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc để thực hiện các dự án cộng đồng nhằm bảo vệ môi trường. Các dự án như trồng cây xanh, làm sạch sông hồ, hay khôi phục rừng phòng hộ giúp xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương và cải thiện hình ảnh doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần khuyến khích các đối tác trong chuỗi cung ứng ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cùng tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Bằng cách xây dựng các tiêu chí môi trường khi lựa chọn nhà cung cấp hoặc đối tác, doanh nghiệp có thể đảm bảo rằng toàn bộ chuỗi giá trị của mình đều góp phần bảo vệ môi trường.

Thứ năm, tăng cường sự phối hợp giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư nhằm đảm bảo và phát huy quyền dân chủ của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư được tham gia vào quá trình tham vấn và trưng cầu ý kiến trước khi tiến hành các công trình/dự án; quyền được tiếp cận thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và kịp thời về các nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường; quyền được học tập nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường; quyền tiếp cận sử dụng các nguồn lực, kinh nghiệm, công nghệ trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường; thực hiện các

quyền khiếu nại và tố cáo của công dân trong bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Đặc biệt việc thực hiện quyền khiếu nại và tố cáo của công dân nhằm phát huy vai trò tích cực của tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong việc phát hiện và tố giác các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Chẳng hạn, xây dựng hộp thư tố giác tội phạm và đường dây nóng về môi trường để cộng đồng dân cư có thể dễ dàng tố giác các vi phạm về môi trường. Các hộp thư tố giác cần được đặt ở những nơi thuận tiện, bao gồm cả các đơn vị cấp xã/thị trấn, thôn, xóm. Hoặc thành lập các đơn vị phản ứng nhanh để xử lý các thông tin tố giác kịp thời và hiệu quả.

4.4. TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

4.4.1. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Vấn đề bảo vệ môi trường nhất là bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là vấn đề lớn và phức tạp, đòi hỏi phải có nguồn kinh phí lớn từ nhà nước và sự tham gia tích cực, tự giác của mọi tầng lớp nhân dân. Mặc dù điều kiện phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, nguồn ngân sách eo hẹp nhưng chính quyền địa phương các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần đảm bảo các nguồn lực hợp lý để đảm bảo nguồn kinh phí nhất định cho công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Để giải quyết nhu cầu này, yêu cầu đặt ra đối với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc phải tiến hành xã hội hóa các nguồn lực này, ngoài phần ngân sách nhà nước cấp cần tích cực thu hút các nguồn lực trong nhân dân, các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư kinh phí bảo vệ môi trường nhằm phát triển kinh tế. Để làm tốt điều đó, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tăng cường đầu tư kinh phí bảo vệ môi trường bảo đảm bố trí không dưới 1% thu ngân sách địa phương cho công tác bảo vệ môi trường trong phát

triển kinh tế. Tăng cường theo dõi, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn chi này một cách hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm chi đúng mục tiêu, và đủ kinh phí theo quy định. Trong đó cần tập trung ưu tiên, đầu tư có trọng điểm để giải quyết các vấn đề nóng về môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như quản lý khai thác khoáng sản, quản lý rừng đầu nguồn, quản lý xử lý rác thải sinh hoạt đô thị, xử lý nước thải ở các khu công nghiệp, mở khai khoáng, ...

Hai là, xã hội hóa nguồn vốn bảo vệ môi trường thông qua kênh ngân sách, trái phiếu chính phủ, vốn ODA,... cho phát triển kinh tế, kết cấu hạ tầng đô thị, các dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như: nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản; y tế, giáo dục, môi trường, xử lý rác thải,... Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025, hướng tới năm 2030. Đồng thời, tăng cường giám sát quản lý việc sử dụng vốn nhằm ngăn chặn lãng phí, tham ô và tham nhũng, đảm bảo hiệu quả và tránh gây bức xúc cho cộng đồng và dư luận.

Ba là, thành lập quỹ để đầu tư vào các dự án bảo vệ môi trường thông qua sự đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, các nhà tài trợ trong và ngoài nước, cũng như các tổ chức phi Chính phủ. Nguồn quỹ này có thể tới từ:

Quỹ nhà nước: Chính phủ có thể thành lập quỹ môi trường từ ngân sách nhà nước để đầu tư vào các dự án bảo vệ môi trường.

Quỹ tư nhân: Khuyến khích các doanh nghiệp và cá nhân đóng góp vào quỹ môi trường thông qua các chương trình kêu gọi tài trợ, ủng hộ.

Quỹ quốc tế: Hợp tác với các tổ chức quốc tế, nhận tài trợ từ các quỹ môi trường toàn cầu, chẳng hạn như Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) hoặc Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF).

Ngoài ra, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có thể phát hành trái phiếu xanh để gây dựng quỹ bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Trái phiếu xanh là một công cụ tài chính được thiết kế để huy động vốn cho các dự án có lợi cho môi trường. Chính phủ và các tổ chức tài chính có thể phát hành trái phiếu xanh để kêu gọi vốn đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trái phiếu xanh có thể tài trợ cho các dự án như: Năng lượng tái tạo (Đầu tư vào các dự án năng lượng mặt trời, gió, thủy điện); xây dựng kết cấu hạ tầng (Xây dựng các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, giao thông công cộng thân thiện với môi trường...); bảo tồn thiên nhiên (Tài trợ cho các dự án bảo tồn rừng, nguồn nước và đa dạng sinh học)...

Bốn là, các địa phương trong Vùng cần lập kế hoạch hàng năm về bảo vệ môi trường và phân bổ ngân sách thực hiện để thiết lập cơ chế khen thưởng và xử phạt bằng tiền đối với công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, nhằm thúc đẩy và trừng phạt nghiêm minh đối với những cá nhân hoặc tổ chức gây ô nhiễm môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Từ đó, từng bước thành lập quỹ môi trường thông qua đóng góp từ cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các nhà tài trợ trong và ngoài nước.

4.4.2. Tăng cường nguồn lực khoa học công nghệ để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Khoa học công nghệ đang được coi là khâu có tính then chốt nhất để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Khoa học công nghệ góp phần cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc hoạch định và triển khai các chính sách phát triển kinh tế; tư vấn, phản biện, kiến nghị nhiều chính sách về phát triển kinh tế cũng như giám sát quá trình phát triển kinh tế; nghiên cứu, triển khai và cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, phát triển kinh tế xanh - sạch,... Để các nguồn lực cơ sở vật chất và khoa học công nghệ ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc thực sự trở thành nền tảng và động lực để bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế, cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm hạn chế, giảm thiểu tới mức thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường do các hoạt động kinh tế của con người gây ra. Trong bối cảnh nền kinh tế của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì việc nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tiên tiến vào việc bảo vệ môi trường là một trong những chủ trương quan trọng. Đặc biệt là việc áp dụng công nghệ xử lý chất thải và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nhằm tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, giảm lượng chất thải và khí thải nhà kính, cũng như thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

Trong quá trình kinh tế phát triển, yêu cầu đặt ra cho các tiêu chuẩn công nghệ phải đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu về bảo vệ môi trường. Nền kinh tế càng phát triển thì yêu cầu về tiêu chuẩn công nghệ ngày càng được nâng lên, các công nghệ sử dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn càng cao hơn về bảo vệ môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ sản xuất, nhất là tại nơi có các ngành nghề truyền thống, gây ô nhiễm. Đồng thời, việc tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường và đẩy mạnh quan trắc tự động về môi trường cũng được cần được các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc quan tâm. Quy chuẩn môi trường địa phương cần được ban hành và thắt chặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia, đặc biệt là ở các lĩnh vực quan trọng và những khu vực có tình trạng môi trường đặc biệt quan trọng.

Hai là, cung cấp các kiến thức mới về bảo vệ môi trường cho đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo các cấp cũng như cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng dân cư; ứng dụng các công nghệ mới, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu dùng nhằm áp dụng nhanh chóng vào thực tiễn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường địa phương. Việc đào tạo mới đội ngũ cán bộ khoa học của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc cần đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng, nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng khoa học của các cán bộ trong tất cả các ngành kinh tế, phù hợp với điều kiện của các địa phương trong tất cả các khâu của quy trình sản xuất.

Ba là, lựa chọn hình thức chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ thích hợp cho địa phương đồng thời thường xuyên có những nghiên cứu tổng kết các mô hình và gương điển hình tiên tiến về áp dụng thành công những tiến bộ khoa học công nghệ trong bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp tốt giữa các cấp, các ngành và phát huy sức mạnh của các tổ chức quần chúng nhằm đẩy lên phong trào học tập và nhân điển hình tiên tiến áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong bảo vệ môi trường.

Đối với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, để đạt được hiệu quả trong chương trình chuyển giao và ứng dụng những tiến bộ khoa học - công nghệ, không thể áp dụng theo một phương thức, mô hình chung mà đòi hỏi phải có hình thức tổ chức, cơ chế chính sách phù hợp với các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội cụ thể từng địa phương cũng như văn hóa truyền thống của từng nhóm dân tộc. Các tỉnh cần xác định rõ những tiến bộ khoa học công nghệ, mô hình nào có hiệu quả đã được kết luận để nhân điển hình và mở rộng phạm vi áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ đó. Chẳng hạn: Tỉnh Bắc Kạn xác định cây chè là loại cây có giá trị kinh tế cao, tỉnh đã xây dựng các chương trình, đề tài, dự án phát triển cây chè tạo thành vùng sản xuất hàng hóa. Tỉnh cũng xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ nhân giống cây chè mới; trồng mới thâm canh cải tạo nương chè già cỗi và chế biến chè tại các xã vùng thấp huyện Chợ Mới; ứng dụng khoa học công nghệ để sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè Shan tuyết, với các sản phẩm điển hình như Trà móc câu, Hồng trà và Bạch trà. Chè Shan tuyết Bằng Phúc được cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể, có nhãn mác bao bì nhận diện. Hoặc các sản phẩm khác của Bắc Kạn như quýt Bắc Kạn, hồng không hạt cũng được một số đề tài, dự án nhằm đánh giá, tuyển chọn cây đầu dòng, nhân giống, xây dựng mô hình thâm canh, cải tạo giống và chuyển giao công nghệ nhân giống cho bà con nông dân. Tại Cao Bằng, mô hình xưởng chế biến chè đẳng đã thu hút được sự quan tâm của người dân. Thành công của mô hình này đã góp phần tạo việc làm cho công nhân, nâng cao thu nhập của người dân trong khu vực, và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến địa phương, từ đó chuyển dịch cơ

cấu kinh tế theo hướng tích cực. Đặc biệt, việc phát triển các vùng nguyên liệu chè không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn giúp phủ xanh đất rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường. Thực tế, những mô hình này là phương thức chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ một cách có hệ thống. Kết quả của các mô hình này không chỉ dừng lại ở giá trị vật chất, dù điều này rất quan trọng, mà quan trọng hơn là sự nâng cao hiểu biết của đồng bào các dân tộc miền núi - một trong những điều kiện tiên quyết để thiết lập thói quen sản xuất dựa trên tri thức khoa học.

Bốn là, tập trung đầu tư phát triển một số viện/trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, nhất là trong nông nghiệp gắn với đại học vùng (Đại học Thái Nguyên, Đại học Tây Bắc) theo mô hình tiên tiến của thế giới. Từng bước hình thành và phát triển các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại các khu kinh tế trọng điểm của vùng. Phát triển hạ tầng thông tin, hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển. Phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, có khả năng cung cấp các dịch vụ xử lý, khắc phục và cải thiện các hệ quả của phát triển kinh tế - xã hội có tác động tiêu cực tới môi trường như ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường...; nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ sạch, thân thiện với môi trường và có khả năng ứng dụng cao trong điều kiện kinh tế - xã hội - môi trường của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Tùy thuộc vào tình hình thực tế tại từng địa phương, có thể áp dụng các phương pháp nhằm từng bước ứng dụng khoa học và công nghệ cao vào phát triển từng ngành kinh tế, tập trung cho những ngành mũi nhọn, có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hạn chế tác động tiêu cực của các hoạt động sản xuất - sinh hoạt tới môi sinh tại địa phương, để khoa học và công nghệ thực sự là động lực của sự phát triển, tạo tốc độ tăng trưởng cao. Cần tập trung nghiên cứu ứng dụng, tạo bước phát triển mới, có hiệu quả trong nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh và quản lý nhà nước. Trong giới hạn ngân sách các tỉnh cho phép, cần tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị để xác định mức độ ô nhiễm, đẩy mạnh công tác điều tra

cơ bản, quan trắc, dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường. Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút đầu tư ứng dụng học công nghệ đào tạo nguồn nhân lực, liên kết phát triển vùng, đặc biệt là cơ chế thể chế điều tiết phát triển vùng, và phát triển những ngành lĩnh vực vừa đảm bảo môi trường sinh thái vừa đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, vừa đảm bảo an ninh quốc phòng.

Năm là, tổ chức các chuyến tham quan và học tập kinh nghiệm từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài địa phương, khu vực. Thông qua việc tham quan, các đại diện từ các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng có thể tiếp cận trực tiếp với các mô hình quản lý môi trường thành công, học hỏi được những phương pháp, kỹ thuật tiên tiến, và áp dụng những bài học này vào thực tế địa phương. Những chuyến tham quan này không chỉ giúp mở rộng tầm nhìn mà còn tạo cơ hội trao đổi kinh nghiệm, xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các bên liên quan, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc ứng dụng khoa học công nghệ vào bảo vệ môi trường.

Tận dụng sự tư vấn của các nhà khoa học và cơ quan chức năng để tiếp thu những tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại và ứng dụng chọn lọc những giải pháp khoa học công nghệ bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương theo hướng phát triển bền vững. Các nhà khoa học có thể cung cấp những kiến thức cập nhật về các tiến bộ khoa học công nghệ, từ đó giúp các địa phương lựa chọn được những công nghệ phù hợp với đặc thù của từng khu vực. Đối với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, nơi điều kiện tự nhiên và kinh tế còn nhiều khó khăn, việc áp dụng chọn lọc các giải pháp công nghệ bảo vệ môi trường là cần thiết. Các công nghệ được lựa chọn phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện tài chính, cơ sở hạ tầng và nguồn lực con người tại các tỉnh tình. Chẳng hạn việc chọn công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp ở những khu vực này cần lựa chọn các hệ thống xử lý sinh học nhỏ gọn, không yêu cầu nguồn năng lượng lớn, nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả cao trong việc loại bỏ chất ô nhiễm.

Sáu là, mở rộng hơn nữa các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường; tận dụng toàn diện những nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các quốc gia và tổ chức quốc tế để đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường. Các quỹ môi trường như Quỹ Khí hậu Xanh (Green Climate Fund), Quỹ Môi trường Toàn cầu (Global Environment Facility), hay các chương trình hỗ trợ phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đều có thể cung cấp các khoản vay ưu đãi hoặc viện trợ không hoàn lại để giúp các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đang phát triển giải quyết vấn đề môi trường. Các khoản tài trợ này có thể được sử dụng để triển khai các dự án bảo vệ rừng, giảm phát thải khí nhà kính, xử lý chất thải, và cải thiện hệ thống cấp thoát nước. Đồng thời việc hợp tác quốc tế cũng là cơ hội để các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc tiếp nhận những công nghệ và kỹ thuật tiên tiến như xử lý nước thải, tái chế chất thải, năng lượng tái tạo để phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do các hoạt động kinh tế gây nên.

Bảy là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường để đồng bộ quản lý, lưu trữ, và liên kết dữ liệu, đồng thời cảnh báo kịp thời về tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và các sự cố môi trường.

Ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, do đặc thù về địa hình và phân bố dân cư, việc quản lý thông tin môi trường hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do dữ liệu thường phân tán và không liên kết giữa các cơ quan. Việc xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ sẽ giúp cải thiện tình hình này, đảm bảo mọi dữ liệu về môi trường đều được lưu trữ, quản lý một cách chặt chẽ và chính xác. Các cơ quan từ cấp trung ương đến địa phương sẽ có thể dễ dàng truy cập, chia sẻ thông tin, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý và phối hợp hành động. Hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường cần tích hợp các loại dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau như dữ liệu quan trắc, báo cáo từ các cơ quan nhà nước, thông tin từ các doanh nghiệp và các tổ chức môi trường. Việc liên kết dữ liệu đa nguồn sẽ giúp tạo ra một bức tranh toàn diện về tình trạng môi trường tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Các dữ liệu môi trường cũng sẽ cung cấp thông tin chi tiết về tình trạng tài nguyên

thiên nhiên, mức độ ô nhiễm, cũng như các nguy cơ tiềm ẩn do phát triển kinh tế. Từ đó, các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc có thể đưa ra những quyết định chiến lược nhằm cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

4.4.3. Chú trọng huy động các nguồn lực để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

Trong các nguồn lực, nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, bởi lẽ, nguồn nhân lực không chỉ là động lực mà còn là điều kiện quan trọng đảm bảo sự phát triển. Để nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế thì yêu cầu đặt ra phải đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ này.

Đối với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, mặc dù Nhà nước đã hoàn thiện hệ thống tổ chức, cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường từ trung ương đến các địa phương, nhưng nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức này ở các địa phương trong vùng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Với sự phức tạp và yêu cầu kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ cao trong công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế như hiện nay, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường phải am hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, có trình độ hiểu biết về khoa học - kỹ thuật, công nghệ môi trường và bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Đồng thời, phải có phẩm chất và bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng khi thực thi nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Để nâng cao hiệu quả của nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, cần thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường cơ cấu tổ chức nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật tương xứng với chức năng và nhiệm vụ của các lực lượng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các cấp. Nhà nước cần điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường

và các bộ ngành khác trong quản lý môi trường để đảm bảo tính hợp lý, thống nhất đầu mối quản lý môi trường trên toàn quốc, tránh sự phân tán và chồng chéo nhiệm vụ và chức năng. Trong thực tiễn, hệ thống quản lý môi trường của nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ở cấp huyện và xã, điều này khiến cho chủ trương và chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các cấp không được thực hiện một cách hiệu quả và không đến được với cộng đồng dân cư. Do đó, cùng với việc điều chỉnh nhiệm vụ và chức năng của hệ thống quản lý môi trường, cần phải điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý môi trường từ cấp Bộ đến cấp xã.

Hai là, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác quản lý môi trường trong phát triển kinh tế. Đội ngũ này đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng, triển khai và giám sát các chính sách, chương trình bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Tổ chức các khóa đào tạo thường xuyên để cập nhật kiến thức mới nhất về khoa học môi trường, công nghệ xanh và các chính sách, quy định mới. Khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ quản lý môi trường tham gia trực tiếp vào các dự án bảo vệ môi trường, từ đó tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng.

Ba là, xây dựng cơ chế và chính sách để hỗ trợ và khuyến khích nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức mới về bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Cần tạo điều kiện thuận lợi để các cán bộ tham gia các khóa học và đào tạo chuyên sâu tại các trường đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

Các tỉnh miền núi phía Bắc cần phối hợp với Ban Dân tộc trong việc đào tạo đội ngũ, tuyên truyền viên trong lĩnh vực môi trường, tốt nhất là lấy người dân tộc thiểu số tại địa phương. Việc tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực thực hiện công tác môi trường có thể lấy luôn nguồn nhân lực tại chỗ, đặc biệt là người dân địa phương, sẽ giúp tận dụng lợi thế về sự hiểu biết sâu sắc của họ đối với địa hình, tập quán và điều kiện sinh sống của khu vực. Các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn hoặc trung cấp về môi trường cần được xây dựng nhằm đào tạo người dân địa phương trở thành những nhân viên bảo vệ môi trường có kiến thức chuyên môn

cơ bản về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Chính quyền các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc nên khuyến khích và hỗ trợ học bổng cho sinh viên người địa phương theo học các ngành liên quan đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế tại các trường đại học và cao đẳng. Đây sẽ là lực lượng nhân lực kế cận, góp phần nâng cao năng lực bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế trong tương lai.

Bốn là, xây dựng mối liên kết với các tổ chức giáo dục và đào tạo cả trong và ngoài nước để tổ chức các khóa học ngắn hạn linh hoạt và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ ngành tài nguyên và môi trường về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế. Để tối ưu hoá nguồn nhân lực, Nhà nước cần triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với hệ thống tổ chức đào tạo hợp lý, có cơ chế hoạt động rõ ràng và đội ngũ làm công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Để đánh giá và xác định đúng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng, cần rà soát và đánh giá đội ngũ viên chức, người lao động ngành tài nguyên môi trường để có cơ sở cụ thể, khách quan và khoa học trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho hiện tại và trong những năm tiếp theo. Cùng với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, cần ban hành các quyết định, quy chế đối với việc chọn cử công chức đi học theo từng đối tượng và loại hình đào tạo. Với sự đa dạng về chức danh, trình độ, kinh nghiệm, địa bàn công tác và yêu cầu nhiệm vụ, các công chức ngành môi trường là một nhóm lực lượng đa dạng.

Năm là, tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên về bảo vệ môi trường. Đội ngũ giảng viên là yếu tố quan trọng mang tính quyết định chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Do đó, việc xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng cao phải được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đổi mới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức môi trường phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kinh nghiệm thực tiễn và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Điều quan trọng nhất là, giảng viên cần được tiếp cận với các xu hướng và công nghệ mới để

bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, chẳng hạn như công nghệ xử lý chất thải, quản lý tài nguyên bền vững và ứng dụng các giải pháp phát triển xanh.

Sáu là, xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Hiện nay, một số công chức do yêu cầu công việc hoặc mong muốn phát triển cá nhân đã tự nguyện tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, ví dụ như học văn bằng hai, cao học, hoặc nghiên cứu sinh. Đa phần những công chức này phải tự túc về cả kinh phí và thời gian, tuy nhiên sau khi hoàn thành, cơ quan chưa có chế độ đãi ngộ thích đáng cho họ. Vì vậy, trong chế độ hiện hành, thủ trưởng các đơn vị hành chính, sự nghiệp cần cho phép nâng bậc lương cho cán bộ trước niên hạn nếu họ đạt thành tích xuất sắc trong công tác. Trong lĩnh vực môi trường, chúng ta cần áp dụng quy định này, cụ thể là các công chức sau khi hoàn thành cao học, tiến sĩ hoặc văn bằng hai với kết quả học tập xuất sắc sẽ được xem xét nâng bậc lương trước thời hạn. Đây là một hành động cần thiết, thực tế và hoàn toàn khả thi cho đơn vị. Việc chuẩn bị tài chính cho đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức là rất quan trọng.

Bảy là, thường xuyên tổ chức các khóa học tập huấn, thực hành về phòng chống tội phạm môi trường trong các hoạt động kinh tế, đồng thời kêu gọi sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động này.

Các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc do đặc điểm địa lý và phát triển kinh tế chưa đồng đều, đa số các tỉnh đang đối diện với những thách thức nghiêm trọng về môi trường như khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững, ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất, và sự thiếu hụt trong ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nguồn xả thải của các doanh nghiệp hay cách thức gây ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp ngày càng phức tạp. Việc tổ chức các khóa học tập huấn, thực hành về phòng chống tội phạm môi trường trong kinh tế không chỉ giúp nâng cao kỹ năng thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng bảo vệ môi trường đồng thời tạo ra sự gắn kết giữa giữa các lực lượng này với cộng đồng địa phương trong bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế. Nội dung các khóa học cần bao gồm các kiến thức về

luật pháp môi trường, các quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, cũng như các biện pháp ngăn ngừa và phát hiện tội phạm môi trường. Qua đó, các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp trong lĩnh vực khai thác tài nguyên, chế biến nông lâm sản, sẽ nắm rõ những quy định cần tuân thủ, tránh vi phạm và gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế của mình.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận, khảo sát và phân tích thực trạng việc bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam trong thời gian qua, luận án đã đưa ra bốn giải pháp chủ yếu cần thực hiện nhằm thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Dựa trên những nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc trong điều kiện hiện nay gồm:

- (1) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các chủ thể về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế;
- (2) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc;
- (3) Tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc;
- (4) Tăng cường huy động các nguồn lực để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

KẾT LUẬN

1. Trong quá trình tồn tại và phát triển của con người, con người luôn phải dựa vào môi trường tự nhiên và sự tồn tại của xã hội loài người có mối liên hệ hữu cơ với sự tồn tại của môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, trong quá trình chinh phục tự nhiên, con người thường chỉ chú trọng tới khai thác tự nhiên mà quên đi và không lường hết được những tác động mà tự nhiên có thể gây ra cho con người cũng như xã hội loài người. Để bảo đảm sự tồn tại lâu dài của mình thì con người cần thiết phải thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường.

Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế là các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình thực hiện các hoạt động sản xuất và trao đổi sản phẩm nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển.

2. Nghiên cứu lý luận về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam, tác giả đã làm rõ những khái niệm liên quan đến luận án như bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế, các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam (chủ thể, nội dung, phương thức bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam).

Luận án xác định bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc là các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá trình thực hiện các hoạt động sản xuất và trao đổi sản phẩm nhằm đảm bảo giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Quá trình thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam chịu tác động của các nhân tố như: Sự định hướng,

chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; Sự nhận thức và ý thức tự giác, chủ động, tích cực của các chủ thể đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế; Sự tác động của trình độ khoa học, kỹ thuật đến bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc; Truyền thống, lối sống, văn hóa các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

3. Nghiên cứu thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam, luận án đi tìm hiểu những kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế của các chủ thể ở 3 nội dung sau:

Thứ nhất, trong việc phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo giải quyết hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc bước đầu xây dựng quy hoạch môi trường, dự án môi trường trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mình; việc tuyên truyền, giáo dục, khuyến khích các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đã được thực hiện; các doanh nghiệp được khuyến khích đổi mới khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm phòng ngừa và hạn chế ô nhiễm môi trường; các doanh nghiệp đã bước đầu thực hiện phân tích đánh giá tác động môi trường và quy hoạch môi trường của các dự án kinh tế; công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các doanh nghiệp để phát hiện và ngăn chặn kịp thời ngay từ đầu các hành vi làm tổn hại môi trường đi vào quy củ.

Thứ hai, trong việc ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đạt được một số kết quả đáng khích lệ như các tỉnh bước đầu chủ động xây dựng kế hoạch xử lý chất thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh để bảo vệ môi trường; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về ô nhiễm môi trường được quan tâm; các doanh nghiệp chủ động đầu tư khoa học công nghệ

để giải quyết các sự cố đã xảy ra giúp môi trường nhanh chóng phục hồi, giảm nhanh tình trạng ô nhiễm.

Thứ ba, trong việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trong quá trình triển khai hoạt động kinh tế để thúc đẩy kinh tế phát triển ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đã bước đầu chú trọng thực hiện việc quản lý, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái; việc chuyển đổi mô hình sản xuất kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh” lồng ghép các mục tiêu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế bước đầu được thực hiện; một số tỉnh đã đưa khoa học kỹ thuật áp dụng trong sản xuất nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên; công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên được đưa vào thực hiện có nề nếp đảm bảo doanh nghiệp sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên.

Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ ra những mặt còn hạn chế trong việc thực hiện bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam như tình trạng thiếu quy hoạch môi trường trong quy hoạch phát triển kinh tế, việc ứng dụng khoa học công nghệ để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, tình trạng thiếu nguồn lực như con người, nguồn lực vật chất,...để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế.

Luận án cũng chỉ ra nguyên nhân của các kết quả đạt được và những hạn chế trong quá trình thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

4. Từ việc nghiên cứu lý luận và thực trạng bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam ở chương 3, luận án đề xuất một số giải pháp để bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam.

Để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam, cần thực hiện một số giải pháp như sau:

(1) Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các chủ thể về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế;

(2) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc;

(3) Tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc;

(4) Tăng cường huy động các nguồn lực để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Các giải pháp này nếu được nhận thức sâu rộng và tổ chức thực hiện đồng bộ sẽ mang lại hiệu quả trên thực tế góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Bài viết đăng tạp chí

1. Trịnh Thị Kim Thoa (2021), “Mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường hiện nay”, Tạp chí *Tạp chí dạy và học ngày nay*, số tháng 5.
2. Trịnh Thị Kim Thoa (2023), “Kế thừa những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ môi trường để phát triển bền vững ở Việt Nam”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 543.
3. Trịnh Thị Kim Thoa (2023), “Bảo vệ môi trường để phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 547.

Bài viết Hội thảo

4. Trịnh Thị Kim Thoa (2021), *Culture education of responsibilities to the natural environment for students in the international process*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “On socio-economic and environmental issues in development”, Nxb Tài chính, ISBN 978-604-79-2811-8.
5. Trịnh Thị Kim Thoa (2022), *Phát triển môi trường bền vững ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Kinh tế, văn hóa và pháp luật trong phát triển bền vững”, Nxb Tài chính, Mã ISBN 978-604-79-3007-4
6. Trịnh Thị Kim Thoa, Trần Thùy Linh, (2022), *Impacts of environmental pollution on sustainable development in Vietnam today*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế CISD 2021 với chủ đề “The international conference on contemporary issues in sustainable development CISD 2021”, Nxb Khoa học và kỹ thuật, ISBN 978-604-67-2127-7.
7. Trần Thùy Linh, Trịnh Thị Kim Thoa (2022), *Đạo đức môi trường trong bảo vệ môi trường sinh thái – nhân tố đảm bảo cho sự phát triển nhanh, bền vững*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên Việt Nam khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong bối cảnh hiện nay”, Nxb Dân trí, ISBN 978-604-378-079-6.

8. Trịnh Thị Kim Thoa (2023), *Promoting the green economy together environmentally sustainable development in Vietnam: some theoretical and practical issues*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Socio-economic and environmental issues in development”, Nxb Tài chính, mã ISBN 978-604-79-3140-0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Nguyên An (2013), Bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, *Tạp chí Lý luận chính trị*.
2. Phan Thị Cẩm Anh và Tăng Văn Nghĩa (2020), Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường và ảnh hưởng của nó tới hành vi của người tiêu dùng, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, số tháng 1.
3. Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Văn Điềm (2023), Quản lý, bảo vệ môi trường tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 14, tháng 5.
4. Lê Huy Bá (2004), *Môi trường*, Nxb Đại học Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Lê Huy Bá (Chủ biên), Nguyễn Xuân Hồng, Võ Đình Long (2018), *Quản lý tài nguyên môi trường để phát triển bền vững*, Nxb Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2004), Nghị quyết số 41- NQ/TW ngày 15-11-2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2019), Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
9. Bộ Chính trị (1998), Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
10. Bộ Chính trị (2004), Nghị quyết 41/NQ-TW về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hà Nội.
11. Bộ Chính trị (2009), Chỉ thị số 29/CT-TW về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41/NQ-TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Hà Nội.

12. Bộ Chính trị (2022), Nghị quyết số 11-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

13. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 03 năm 2013 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Hà Nội.

14. Bộ kế hoạch và đầu tư (2023), Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

15. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2021), Kỷ yếu hội nghị phát triển kinh tế dưới tán rừng tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc.

16. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2004), *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Bộ Tài nguyên và môi trường (2019), Báo cáo chuyên đề công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường.

18. Bộ Tài nguyên và môi trường (2015), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011-2015*, Nxb Dân trí, Hà Nội.

19. Bộ Tài nguyên và môi trường (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020*, Nxb Dân trí, Hà Nội.

20. Bộ Tài nguyên và môi trường (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019*, Nxb Dân trí, Hà Nội.

21. Bộ Tài nguyên và môi trường (2022), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2021*, Nxb Dân trí, Hà Nội.

22. Nguyễn Đình Bồng (Chủ biên) (2013), *Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Rachel Carson (2021), *Mùa Xuân vắng lặng*, (Nhóm dịch Khánh An), Nxb Thế giới.

24. Nguyễn Cần, Nguyễn Đình Hòe (2005), *Tai biến môi trường*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

25. Đinh Văn Châu (2017), *Ô nhiễm môi trường*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.

26. Chính phủ (2015), Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

27. Chính phủ (2022), Nghị quyết 96/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

28. Nguyễn Trọng Chuẩn (1977), Chủ động đề phòng nạn ô nhiễm môi trường trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Triết học*, (2), tr.62-83.

29. Nguyễn Trọng Chuẩn (1992), Tăng trưởng kinh tế và những bảo đảm cần có nhằm duy trì môi trường cho sự phát triển lâu bền, *Tạp chí Triết học*, (4), tr.12-16.

30. Nguyễn Trọng Chuẩn (2018), Suy ngẫm lại những lời của tiền nhân nhìn từ vấn nạn ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay, *Tạp chí triết học*, số 4 (323).

31. Nguyễn Trọng Chuẩn (2021), Vấn nạn ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái và sự cần thiết phải xây dựng văn minh sinh thái, *Tạp chí Cộng sản*, số 978.

32. Cục thống kê tỉnh Lạng Sơn (2022), *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội năm 2021-2022 14 tỉnh miền núi phía Bắc*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

33. Bùi Văn Dũng, (1999), *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường cho sự phát triển lâu bền*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Triết học, Hà Nội.

34. Lê Ngọc Dũng (2022), *Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường ở tỉnh Đồng Nai trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia TP HCM.

35. Trương Minh Dục (2019), “Suy thoái môi trường và vấn đề phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi”, *Tạp chí Lý luận Chính trị* (1), tr.33-39

36. Vũ Trọng Dung (2009), *Đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái (Sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Vũ Thị Mạc Dung (2018), “Chủ trương của Đảng về bảo vệ tài nguyên – môi trường thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 –2016)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (3), tr.32-36

38. Tráng A Dương (2013), Giải pháp phát triển môi trường miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững ở Việt Nam, *tạp chí Dân tộc, số tháng 4*.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (phần I)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (phần II)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

42. Đại học quốc gia Hà Nội (2017), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Sinh thái nhân văn và phát triển bền vững một số vấn đề từ lý luận đến thực tiễn*, NXB Nông nghiệp

43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

45. Đảng bộ tỉnh Bắc Giang (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025*.

46. Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025*.

47. Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (2020), *Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025*.

48. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025*.

49. Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025*.

50. Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025*.

51. Thomas L. Friedman (2009), *Nóng, Phẳng, Chật - Tại sao thế giới cần cách mạng xanh và làm thế nào chúng ta thay đổi được tương lai?*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

52. Lê Thị Thanh Hà (2013), *Nhà nước Việt Nam với vấn đề bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

53. Lê Thị Thanh Hà (2022), “Bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*.

54. Phạm Minh Hạc và Nguyễn Hữu Tăng (2001), *Tiến tới kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

55. Lương Đình Hải (2006), “Một số nguyên tắc phương pháp luận căn bản của việc giải quyết mối quan hệ giữa hiện đại hoá xã hội và môi trường sinh thái”, *Tạp chí Triết học*, số 6 (181).

56. Lưu Đức Hải (2002), *Cơ sở khoa học môi trường*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

57. Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Minh (2005), *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

58. Nguyễn Thanh Hải (2023), *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án tiến sĩ.

59. Hoàng Thị Hạnh (2023), “Đổi mới phương thức truyền thông môi trường vùng dân tộc thiểu số, miền núi Việt Nam”, *Tạp chí Tài nguyên và môi trường*, tháng 6.

60. Trần Đắc Hiến (2009), “Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục”, *Tạp chí Triết học* (11).

61. Nguyễn Đình Hòa (2018), “Quan niệm của Chủ nghĩa Mác về quan hệ giữa con người với tự nhiên và vấn đề tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường toàn cầu hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (6).

62. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt (2002), *Từ điển Bách Khoa*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

63. Hội LHPN huyện Sơn Dương (2023), Báo cáo Phát huy vai trò của phụ nữ trong công tác bảo vệ môi trường, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

64. Hội LHPN xã Hòa Sơn (2023), Báo cáo Kết quả công tác Hội và phong trào phụ nữ 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023, Ban thường vụ Hội LHPN xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

65. Lưu Quân Hội, Vương Giai (2012), *Môi trường Trung Quốc* (Trương Gia Quyền dịch), Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

66. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị triết học Mác – Lênin*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

67. Phan Thúc Huân (2006), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

68. Đỗ Trọng Hưng (2015), *Kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường ở các tỉnh Bắc Trung bộ Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

69. Nguyễn Thị Lan Hương (2009), “Trách nhiệm môi trường – một phương diện của trách nhiệm xã hội”, *Tạp chí Triết học*, (8).

70. Nguyễn Thị Lan Hương (2012), “Trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp – nhìn từ góc độ lý luận”, *Tạp chí Triết học*, (12).

71. Giáng Hương (2016), “Nhiệt điện Sơn Động: Nỗ lực thực hiện bảo vệ môi trường vì phát triển bền vững”, *Tạp chí Môi trường*.

72. Nguyễn Đức Kha (2019), “Giải pháp tăng cường tuyên truyền trên báo chí về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*.

73. Đỗ Quang Khiêm (2001), “Giáo dục môi trường ở một số trường Đại học và phổ thông”. Trong cuốn: Hội thảo Quốc gia: Giáo dục môi trường trong các trường học, Hà Nội.

74. Lê Văn Khoa, Đoàn Văn Tiên, Nguyễn Song Tùng, Nguyễn Quốc Việt (2016), *Môi trường và phát triển bền vững*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

75. Koos Neefjes (2003), *Môi trường và sinh kế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

76. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
77. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập, tập 13*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
78. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 18*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
79. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập, tập 20*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
80. C.Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập, tập 39*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
81. C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập, tập 42*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
82. Nguyễn Mạnh (2022), “Những vấn đề môi trường cấp bách hiện nay: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*.
83. Nguyễn Thị Miên, Trần Thị Tuyết Lan (2023), “Bảo đảm an ninh môi trường để phát triển bền vững kinh tế Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*.
84. Vũ Thị Thanh Minh (2021), “Một số giải pháp bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông điện tử*.
85. Đỗ Thị Ngọc Lan (1996), *Môi trường tự nhiên trong hoạt động sống của con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
86. Châu Loan - Phùng Thị Minh Trang (2021), “Thái Nguyên tăng cường bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp”, *Tạp chí Môi trường*, số 5.
87. Vòng Thành Nam, Lê Thanh Quế (2022), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
88. Nguyễn Thị Nga (2018), *Vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
89. Trần Thị Thu Nga, Đoàn Thị Thúy Loan (2023), *Bảo vệ môi trường kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

90. Nguyễn Văn Ngừng (2004), *Một số vấn đề bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Phạm Thị Oanh (2013), *Mối quan hệ con người - tự nhiên và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
92. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
93. Nguyễn Văn Phúc (2013), *Đạo đức môi trường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
94. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
95. Hồ Sĩ Quý (1999), “Về triết lý con người chinh phục tự nhiên”, *Tạp chí triết học*, số 6.
96. Hồ Sĩ Quý (2000), *Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong sự phát triển xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
97. Hồ Sĩ Quý (2005), “Về đạo đức môi trường”, *Tạp chí Triết học*, tháng 9.
98. Quốc hội (2024), Luật Bảo vệ môi trường hiện hành (sửa đổi, bổ sung năm 2022,2023), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Nguyễn Ngọc Sinh (2009), Bảo vệ môi trường ở nông thôn Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hội thảo: "Những vấn đề lý luận và thực tiễn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn – Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc", Hội đồng lý luận Trung ương, Khánh Hòa.
100. Sở Tài Nguyên môi trường tỉnh Thái Nguyên (2015) Báo cáo tổng kết giai đoạn 2010-2015, Thái Nguyên.
101. Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Trang (2006), "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Khoa giáo*, (11).
102. Hà Huy Thành, Lê Cao Đoàn (2011), *Vấn đề môi trường trong phát triển và quản lý xã hội theo hướng bền vững ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
103. Nguyễn Văn Thành, Đào Thanh Trường, Philip Degenhardt (2018), *Triển vọng về chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội – Từ thực tiễn đến chính sách*, Nxb Thế giới.

104. Nguyễn Văn Thắng (chủ nhiệm) (2010), Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam, Đề tài cấp nhà nước mã số KC.08.13/11-15.

105. Tạ Đình Thi, Phan Thị Kim Oanh, Tạ Văn Trung, Bùi Đức Hiếu (2017) “Đảm bảo an ninh môi trường ở Việt Nam - Vấn đề cấp thiết cần phải giải quyết”, *Tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu số 2 – 2017*.

106. Lê Thông, Nguyễn Việt Thịnh, Nguyễn Kim Chương, Phạm Xuân Hậu, Đặng Duy Lợi, Phạm Thị Sen, Phí Công Việt (2017), *Địa lí 12 nâng cao* (tái bản lần thứ 7), NXB Giáo dục Việt Nam.

107. Nguyễn Thị Thơm và An Như Hải (Đồng Chủ biên) (2011), *Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

108. Phạm Thị Ngọc Trâm (1997), *Môi trường sinh thái Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

109. Phạm Thị Ngọc Trâm (2009), “Xây dựng đạo đức sinh thái – Một trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên”, *Tạp chí triết học*.

110. Nguyễn Thị Trâm (2021), Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường vùng trung du và miền núi phía Bắc, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, mã số 18457/2021.

111. Nguyễn Hoàng Trí, Nguyễn Thị Cẩm Khuê (2001), “Giáo dục môi trường và những trở ngại chính trong việc phát triển, thực hiện và đánh giá”. Trong cuốn: Hội thảo Quốc gia: Giáo dục môi trường trong các trường học, Hà Nội.

112. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2012), “Quan hệ giữa chất lượng tăng trưởng kinh tế và quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*.

113. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

114. Thủ tướng chính phủ (2004), Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2004 về việc ban hành định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (chương trình nghị sự 21 của Việt Nam).

115. Thủ tướng chính phủ (2011), Quyết định số 1294/QĐ-TTg ngày 01/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2011.

116. Thủ tướng chính phủ (2013), Quyết định Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2020.

117. Thủ tướng chính phủ (2022), Quyết định Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

118. Tổng cục Thống kê (2017), *Niên giám thống kê 2016*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

119. Tổng cục thống kê (2021), *Niên giám thống kê 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội

120. Tổng cục môi trường (2019), Báo cáo chuyên đề công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường.

121. Tổng Cục thống kê (2022), *Tư liệu kinh tế - xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

122. Hồ Anh Tuấn (2022), “Một số vấn đề về chính sách, pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*.

123. Trần Nguyễn Tuyên (2021), Một số vấn đề về môi trường ở Việt Nam hiện nay- thực trạng và giải pháp, *Hội đồng lí luận trung ương*.

124. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Cạn (2020), Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Cạn giai đoạn 2016-2020.

125. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (2019), Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050.

126. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (2020), Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

127. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang (2022), Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

128. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (2020), Kế hoạch và dự toán Ngân sách nhà nước năm 2021 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

129. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (2022), Báo cáo chuyên đề hiện trạng chất lượng môi trường không khí năm 2021.

130. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2020), Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

131. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (2023), Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ môi trường năm 2022.

132. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (2021), Báo cáo Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020.

133. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2021), Quyết định số 4071/QĐ-UBND về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021.

134. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2020), Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020.

135. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2020), Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Thái Nguyên.

136. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2020), Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2020.

137. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (2023) Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2023-2030.

138. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (2024), Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải tỉnh Yên Bái giai đoạn 2024 – 2030.

139. Viện Đại học Mở Hà Nội, *Giáo trình luật môi trường*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

140. Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

141. Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

Tài liệu tiếng nước ngoài

142. Carlo Carraro - Domenico Siniscalco (1994), Environmental policy reconsidered: the role of technological innovation, *European Economic Review*, Vol. 38, Edition.

143. Dennis Meadows, Donella Meadows, Jorgen Randers, William U. Behrens III (1972), *Limits to Growth*.

144. Kashif Abbass, Muhammad Zeeshan Qasim, Huaming Song, Muntasir Murshed, Haider Mahmood & Ijaz Younis (2022), *A review of the global climate change impacts, adaptation, and sustainable mitigation measures*, Environmental Science and Pollution Research volume 29, pages 42539–42559.

145. Gene M. Grossman and Alan B. Krueger (1995), Economic growth and environment, Oxford Journals, *Quarterly Journal of Economics*, Volume 110, Issue 2, tr. 353-377

146. Gillis, M., Perkins, D. H., Roemer, M., & Snodgrass, D. R. (1992), *Economics of development* (No. Ed. 3). WW Norton & Company, Inc.

147. William P. Cunningham, Mary Ann Cunningham (2012), *Environmental Science: a Global Concern*, publishing company McGraw – Hill, United States.

148. Panayotou T. (2001), *Environmental Sustainability and Services in Developing Global City- Regions in Scott*, Oxford University Press, London.

149. OECD (2013), *Putting Green Growth at the Heart of Development*, OECD Green Growth Studies, By OECD, 189 pages.

150. P.Thangavel, G.Sridevi (2015), *Environmental Sustainability: Role of Green Technologies*, publishing company Springer, India.

151. *The American Heritage Dictionary* (1992), Published by Houghton Mifflin Harcourt, Boston.

152. World Commission on Environment and Development (1987), *Our Common Future*, Oxford University Press.

Trang Web

153. <http://baobacgiang.com.vn/bg/xa-hoi/415778/phu-nu-bac-giang-nhieu-cach-lam-sang-tao-bao-ve-moi-truong.html>

154. <https://baodantoc.vn/phat-trien-nong-nghiep-cong-nghe-cao-o-vung-dtts-va-mien-nui-nhieu-tin-hieu-vui-1583680422868.htm>

155. <https://baolaocai.vn/xu-phat-350-trieu-dong-cong-ty-co-phan-dap-so-2-do-vi-pham-ve-linh-vuc-moi-truong-post357711.html>

156. <https://baophutho.vn/xay-dung-he-thong-xu-ly-nuoc-thai-tap-trung-tai-cac-khu-cum-cong-nghiep-213955.htm>

157. <https://baotainguyenmoitruong.vn/phat-huy-tiem-nang-the-manh-khoang-san-vung-tay-bac-khoang-san-tru-cot-kinh-te-cua-cac-tinh-tay-bac-335453.html>

158. <https://baothainguyen.vn/kinh-te/201701/nang-cao-loi-the-canh-tranh-cho-san-pham-che-36752C9>.

159. <https://baothainguyen.vn/tai-nguyen-moi-truong/202304/xu-ly-nuoc-thai-tai-caccum-cong-nghiep-thieu-va-yeu-3ea6d35/>

160. <https://baoyenbai.com.vn/12/286380/Yen-Bai-xu-ly-9-to-chuc-vi-pham-phap-luat-linh-vuc-tai-nguyen-moi-truong.aspx>

161. <https://daidoanket.vn/phu-tho-cong-ty-xa-khi-doc-ra-moi-truong-bi-xu-phat-854-trieu-dong-10288298.html>

162. <http://dwrn.gov.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=Tin-thanh-tra/Xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-ve-bao-ve-moi-truong-doi-voi-3-co-so-tren-dia-ban-xa-Tan-My-huyen-Lac-Son-tinh-Hoa-Binh-4999>

163. <http://dwrn.gov.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=Tin-thanh-tra/Tong-cuc-Moi-truong-Bat-qua-tang-Hapaco-Dong-Bac-xa-thai-truc-tiep-ra-m>

164. <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/den-2030-trung-du-va-mien-nui-phia-bac-la-vung-phat-trien-xanh-ben-vung-toan-dien.html>.

165. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-nang-luong/danh-thuc-tiem-nang-dien-gio-tay-bac.html>

166. <https://moitruong.net.vn/thai-nguyen-he-thong-xu-ly-nuoc-thai-tap-trung-tai-cac-cum-cong-nghiep-con-thieu-va-yeu-60727.html>
167. <https://laocai.gov.vn/tin-thoi-su/thao-go-kho-khan-vuong-mac-trong-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-vung-trung-du-va-m-1143183>
168. <http://laocaitv.vn/tin-tuc/vo-cua-xa-day-ho-thai-nha-may-tuyen-bac-nhac-son-nhieu-ho-dan-gong-minh-chong-lu>
169. <https://laodong.vn/kinh-doanh/trung-du-mien-nui-phia-bac-toc-do-tang-gdp-binh-quan-tang-10-moi-nam-772543.laod>
170. <https://nld.com.vn/thoi-su/su-co-nguon-nuoc-sach-song-da-nhiem-dau-khoi-to-vu-an-gay-o-nhiem-moi-truong-20191017225745895.htm>
171. <https://nongnghiep.vn/nhung-con-so-biet-noi-trai-nguoc-voi-loi-khang-dinh-tu-phia-du-an-nui-phao-d171229.html>
172. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-Bao-ve-moi-truong-1993-29-L-CTN-38694.aspx>
173. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-quyet-06-NQ-CP-2021-thuc-hien-Nghi-quyet-24-NQ-TW-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-463257.aspx>
174. <https://tuoitre.vn/mot-nui-vi-pham-o-nui-phao-thai-nguyen-1352875.htm>
175. <https://suckhoedoisong.vn/su-co-vo-be-chua-chi-thai-o-cau-bang-no-luc-chan-nguy-co-o-nhiem-169110959.htm>
176. <https://vneconomy.vn/he-sinh-thai-ho-tro-phu-nu-thanh-nien-dan-toc-thieu-so-khoi-nghiep.htm>
177. <https://vietnamplus.vn/vo-tran-quy-hoach-thuy-dien-nho-o-cac-tinh-mien-nui-phia-bac-post446287.vnp>
178. <https://vov.vn/xa-hoi/nui-phao-bao-cao-bo-tai-nguyen-va-moi-truong-ket-qua-khac-phuc-thanh-tra-post1106520.vov>

PHỤ LỤC**Phụ lục 1**

**Tình hình xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng
các địa phương khu vực Trung du và miền núi phía Bắc**

Stt	Địa phương	Quyết định số 1788 ¹			Quyết định số 64/2003/QĐ- TTg ²		
		Tổng số cơ sở gây ÔNMT	Cơ sở đã hoàn thành biện pháp XLTD	Tỷ lệ %	Tổng số cơ sở gây ÔNMT	Cơ sở đã hoàn thành biện pháp XLTD	Tỷ lệ %
1	Bắc Giang	8	8	100%	11	7	64%
2	Bắc Kạn	-	-		4	4	100%
3	Cao Bằng	8	8	100%	4	4	100%
4	Điện Biên	-	-	-	4	2	50%
5	Hà Giang	22	16	72,7%	1	1	100%
6	Hòa Bình	-	-	-	6	5	83%
7	Lai Châu	-	-	-	-	-	-
8	Lạng Sơn	-	-	-	9	9	100%
9	Lào Cai	5	3	60 %	3	3	100%
10	Phú Thọ	-	-	-	7	7	100%
11	Sơn La	24	24	100%	5	5	100%
12	Thái Nguyên	4	4	100%	8	8	100%
13	Tuyên Quang	-	-	-	7	7	100%
14	Yên Bái	6	5	83,3%	2	1	50%
	Tổng	77	68	88,3%	71	63	

Nguồn: [120]

Ghi chú: ÔNMT: Ô nhiễm môi trường; XLTD: Xử lý triệt để.

¹ Tính đến 12/2021

² Tính đến 12/2019

Phụ lục 2**Chỉ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị và nông thôn theo vùng năm 2019**

TT	Vùng	Khối lượng phát sinh (tấn/ngày)		Dân số (người)		Chỉ số phát sinh (kg/người/ngày)	
		Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn
1	Đồng bằng Sông Hồng	8.466	7.629	7.904.784	14.638.823	1,07	0,52
2	Trung du và miền núi phía Bắc	2.740	2.949	2.282.809	10.250.057	1,20	0,29
3	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	6.717	7.371	5.720.313	14.466.980	1,17	0,51
4	Tây Nguyên	1.485	1.443	1.676.030	4.166.651	0,89	0,35
5	Đông Nam Bộ	12.639	3.150	11.196.480	6.632.427	1,13	0,48
6	Đồng bằng Sông Cửu Long	3.577	5.852	4.342.132	12.931.498	0,82	0,45
	Cả nước	35.624	28.394	33.122.548	63.086.436	1,08	0,45

Nguồn: [17]

Phụ lục 3

**Tổng lượng chất thải rắn thông thường được thu gom và được xử lý
đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Vùng giai đoạn 2015-2020**

	2015		2016		2017		2018		2019		2020	
	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)
TD&MNPB	2.277	1.034	2.457	1.386	2.515	1.423	2.658	1.833	2.964	2.298	5.228	3.665
Hà Giang	147	70	139	107	152	138	148	100	147	131	272	198
Cao Bằng		40	52	4663	55	51	18	14	133	7	...	...
Bắc Kạn	68	33	68	..	68	0	12	8	66	8	178	94
Tuyên Quang	134	91	103	88	138	101	138	101	138	101	377	133
Lào Cai	182	..	166	120	166	120	203	200	214	200	443	382
Yên Bái	196	98	167	129	184	145	204	182	149	133	416	132
Thái Nguyên	237	177	452	210	442	210	442	210	649	345	817	595
Lạng Sơn	200	100	251	..	253	0	253	34	224	216	427	330
Bắc Giang	231	134	200	135	183	135	183	135	183	135	820	726
Phú Thọ	257	152	294	281	310	273	294	267	300	273	700	602
Điện Biên	93	50	98	32	98	27	109	109	109	109	253	116
Lai Châu	68	..	102	102	105	105	297	297	301	301	145	134
Sơn La	277	80	277	80	235	80	235	80	219	219	...	...
Hòa Bình	123	9	89	56	126	38	123	95	131	120	380	224

Nguồn: [121]

Chú thích: (1): Tổng lượng chất thải rắn thông thường được thu gom

(2): Tổng lượng chất thải rắn thông thường thu gom được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng

Phụ lục 4

**Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có nhà máy
xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường**

	2020			2021			2022		
	(1)	(2)	Tỷ lệ (%)	(1)	(2)	Tỷ lệ (%)	(1)	(2)	Tỷ lệ (%)
TD&MNPB	20	17	86	24	18	82	24	18	74
Hà Giang	1	1	100	1	1	100	1	1	100
Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bắc Kạn	1	1	100	1	1	100	1	1	100
Tuyên Quang	1	1	100	1	1	100	1	1	50
Lào Cai	3	2	67	4	2	50	4	2	50
Yên Bái	1	0	0	2	0	0	2	0	0
Thái Nguyên	4	3	75	4	3	75	4	3	75
Lạng Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bắc Giang	4	4	100	5	5	100	5	5	100
Phú Thọ	3	3	100	3	3	100	3	3	100
Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoà Bình	2	2	100	3	2	67	3	2	67

Nguồn: [21]

Ghi chú (1): Tổng số KCN, KCX đã đi vào hoạt động (khu)

(2): Số lượng các KCN, KCX đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (khu)

Phụ lục 5**Các địa phương đã phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh**

TT	Tỉnh	Đã thông qua theo quyết định của UBND/nghị quyết của HĐND
1.	Bắc Cạn	Số 630/QĐ-UBND ngày 10/5/2017
2.	Cao Bằng	Số 2223/QĐ-UBND ngày 30/12/2014
3.	Điện Biên	Số 303/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2013
4.	Hà Giang	Số 1589/QĐ-UBND Ngày 27/8/2015
5.	Lạng Sơn	Số 77/QĐ-UBND Ngày 17/01/2014
6	Quảng Ninh	Số 199/QĐ-UBND Ngày 23/01/2018
7.	Sơn La	Số: 79/NQ-HĐND Ngày 16 tháng 7 năm 2014
8.	Tuyên Quang	Số: 314/QĐ-UBND Ngày 06/9/2013

Nguồn: [17]

Phụ lục 6**Tổng hợp các tài nguyên khoáng sản trên địa bàn vùng**

ST T	Loại khoáng sản	Trữ lượng (tấn)	Tài nguyên + tài nguyên dự báo (tấn)	Cộng (tấn)	Phân bố
1	Quặng Bôxít	21.337.000	53.465.000	74.802.000	Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn
2	Quặng Titan	4.649.000	3.874.000	8.523.000	Thái Nguyên
3	Quặng Chì - kẽm	857.071	4.739.792	5.596.863	Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Điện Biên, Lạng Sơn, Yên Bái, Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình
4	Quặng sắt	254.028.045	313.816.972	567.845.017	Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Điện Biên, Lạng Sơn, Yên Bái, Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình
5	Quặng Mangan	3.774.825	4.234.968	8.009.793	Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang
6	Quặng Thiếc	7.818	73.832	81.650	Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên
7	Quặng Vonfram	168.384	129.215	297.599	Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên
8	Quặng Antimon	53.866	81.152	135.018	Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hòa Bình

9	Quặng Đồng	432.107	935.542	1.367.649	Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hoà Bình, Bắc Giang, Điện Biên, Thái Nguyên
10	Quặng Niken	144.000	415.600	559.600	Cao Bằng, Hoà Bình, Sơn La
11	Quặng Molipden	7.000	21.000	28.000	Lào Cai
12	Quặng Vàng	63	48	112	Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hòa Bình, Bắc Giang
13	Quặng Đất hiếm	3.472.347	16.349.207	19.821.554	Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái
14	Quặng Apatit	126.247.000	1.854.257.000	1.960.126.000	Lào Cai
15	Đá vôi trắng (Đá hoa trắng)	960.671.000	2.453.892.000	3.414.563.000	Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Kạn
16	Serpentin	17.182.611	4.739.000	21.921.611	Lào Cai, Phú Thọ
17	Barit	17.011.455	5.639.135	22.650.590	Cao Bằng, Lai Châu, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Lạng Sơn, Bắc Giang
18	Grafit	9.497.829	15.528.178	25.026.007	Lào Cai, Yên Bái
19	Fluorit	15.999.637	3.988.645	19.988.282	Lào Cai, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên
20	Talc	1.061.306	8.377.635	9.438.941	Sơn La, Phú Thọ, Hòa Bình
21	Mica	70.552	349.842	420.394	Hà Giang, Lào Cai, Phú Thọ

22	Pyrit	1.172.000	29.263.000	30.435.000	Hà Giang, Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Phú Thọ
23	Thạch anh	32.500	9.806.280	9.838.780	Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Sơn La, Yên Bái
24	Quarzit	3.944.000	97.800.000	101.744.000	Lào Cai, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên
25	Sericit	1.601.133	669.385	2.270.518	Sơn La
26	Vermiculit	0	108.275.665	113.853.298	Lào Cai, Phú Thọ, Yên Bái
27	Nước khoáng, nước nóng thiên nhiên	2.059	33.282	35.341	Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Điện Biên, Yên Bái, Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ, Hòa Bình

Nguồn: [14]

Phụ lục 7**Tăng trưởng GRDP bình quân vùng Trung du và miền núi phía Bắc so với các vùng trong cả nước**

	2011-2015	2016-2020	2011-2020
Cả nước	6,17	6,25	6,21
Trung du miền núi phía Bắc	7,90	8,95	8,42
Đồng bằng sông Hồng	7,66	8,23	7,95
Bắc Trung Bộ Duyên hải miền Trung	7,53	6,54	7,03
Tây Nguyên	6,50	5,97	6,23
Đông Nam Bộ	6,87	5,40	6,13
Đồng bằng sông Cửu Long	6,46	5,82	6,14

Nguồn: Tổng hợp từ NGTK cả nước và NGTK các địa phương năm 2022

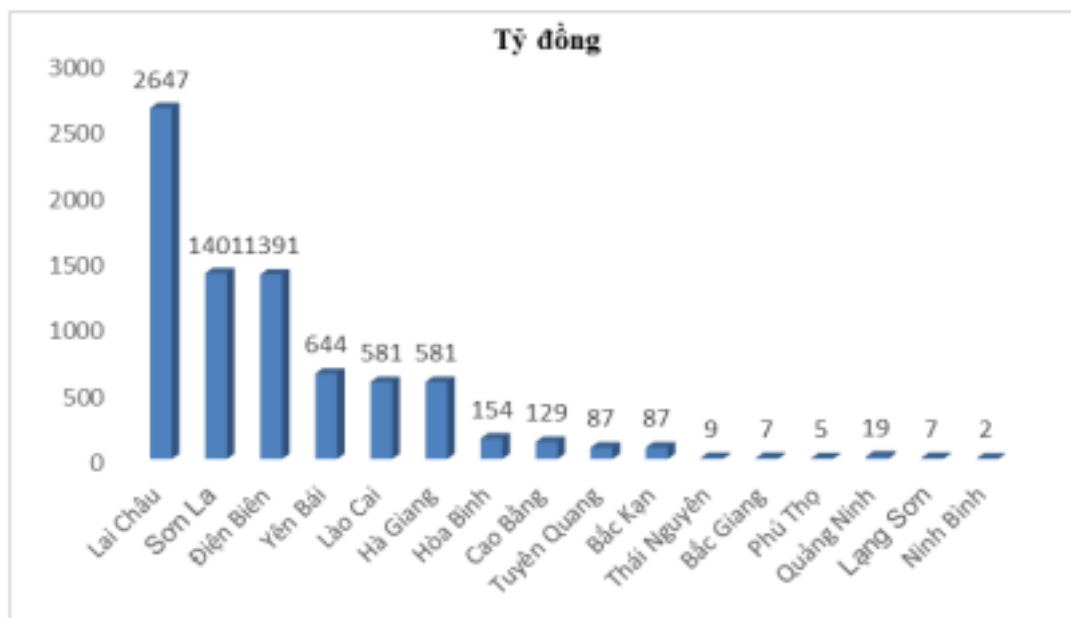
Phụ lục 8**Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 - 2021**

		2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
	Tổng	237	319	449	662	617	408	442
1	Hà Giang	63	57	74	62	90	113	105
2	Cao Bằng	63	74	69	90	148	101	122
3	Bắc Cạn	34	27	53	32	36	43	59
4	Tuyên Quang	60,5	59,7	81,8	89,9	126,3	111,2	115,7
5	Lào Cai	104,9	102,3	95	128,2	146,5	129,2	146,6
6	Yên Bái	69	67,3	73,4	90,2	110,5	123,8	123,3
7	Thái Nguyên	226,9	220,4	337,2	329,7	442,4	332,8	315,2
8	Lạng Sơn	80,4	96	141	119	164	110	115
9	Bắc Giang	73,7	81,2	110,9	137	106,8	115,8	152,9
10	Phú Thọ	76,3	108,4	121,3	147,7	129	144,9	160,3
11	Điện Biên	49,2	61	83,9	74	81,5	103,7	104,3
12	Lai Châu	8	4	17	45	50	41	41
13	Sơn La	84,9	71,3	116,8	103	41,7	69,7	80,1
14	Hòa Bình	82,3	87,4	103,5	111,9	101,8	112,9	105,4

Nguồn: [121]

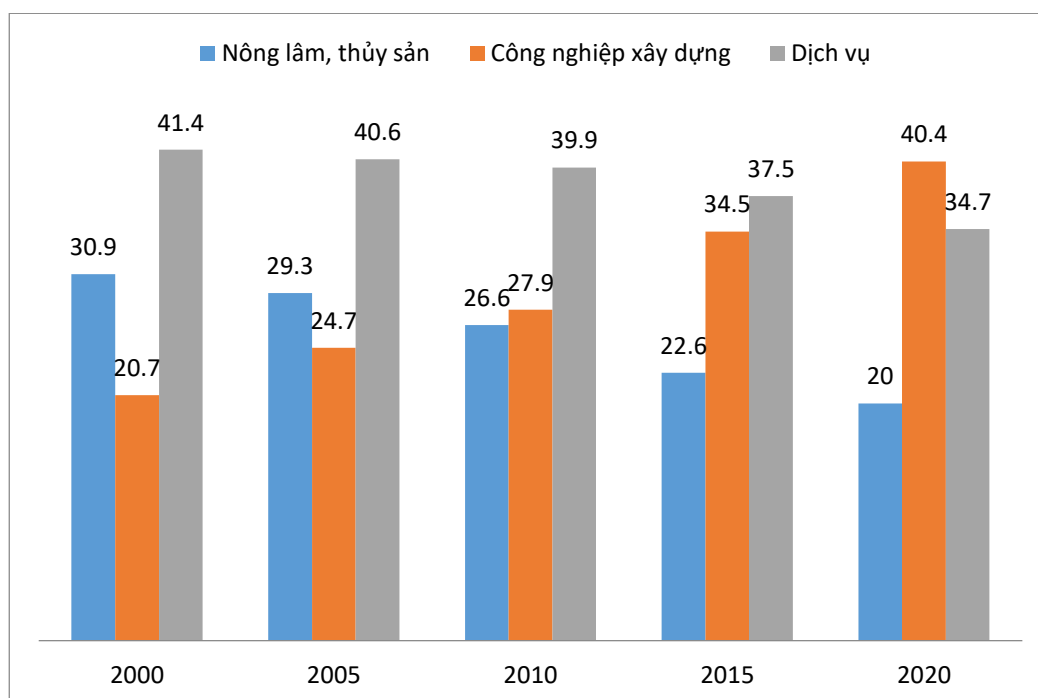
Phụ lục 9

9.1. Tổng kinh phí thu từ dịch vụ môi trường của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2011-2020



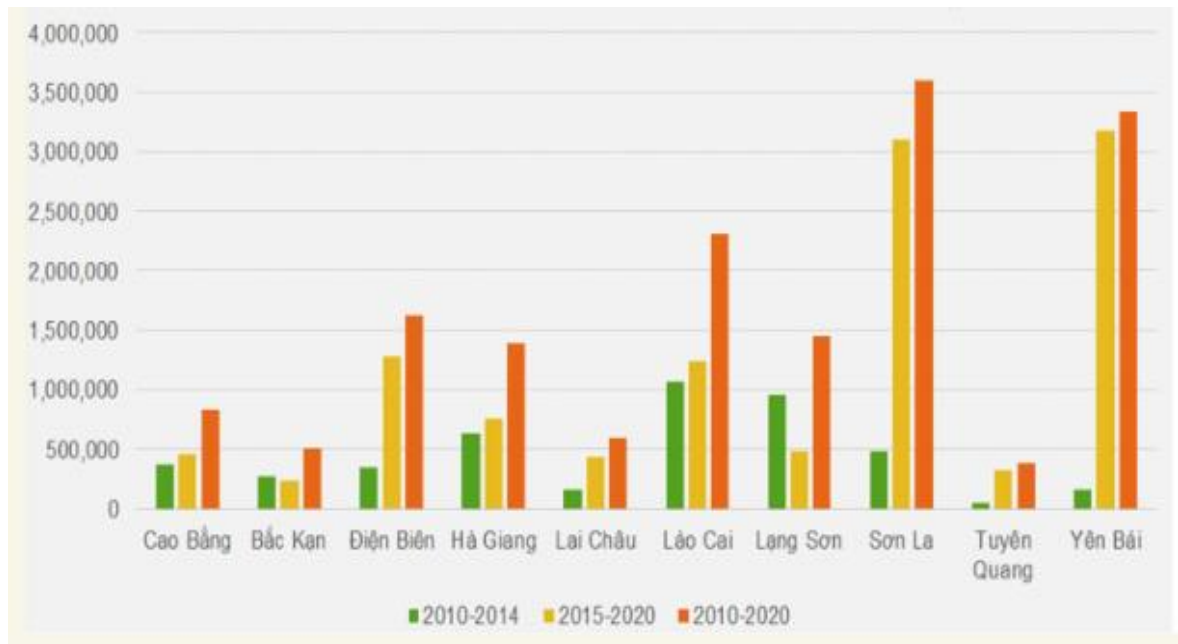
Nguồn: Tổng hợp NGTK các địa phương

9.2. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2010 – 2020



Nguồn: Tổng hợp NGTK các địa phương

9.3 Ước tính thiệt hại do thiên tai giai đoạn 2010-2020 các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc



Nguồn: Tổng hợp NGTK các địa phương